

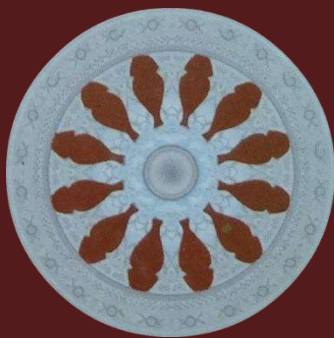
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA
PHẬT LỊCH 2546

GƯƠNG

BÁC XUẤT GIA

ANĀGĀRIYUDĀHARAṆA

DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
TỲ KHUU HỘ PHÁP



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

GUỜNG BẬC XUẤT GIA

Dhammarakkhita Bhikkhu

Tỳ khưu Hộ Pháp

GUỜNG
BẬC XUẤT GIA

ANĀGĀRIYUDĀHARAṆA

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO – HÀ NỘI

2002

Lời Giới Thiệu

Phận sự hoàng pháp là trách nhiệm chung của bậc xuất gia và hàng tại gia cư sĩ, nhưng không phải ai cũng có khả năng, nhất là về phương diện dịch thuật và soạn thảo.

Dhammarakkhita bhikkhu (Tỳ khưu Hộ Pháp), sau khi tốt nghiệp cử nhân khoa Phật học và triết học Đông phương tại viện Đại học Vạn Hạnh khoá đầu tiên năm 1967, đã được giáo hội Phật giáo Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam đề cử sang du học tại hai nước Phật giáo chân truyền Thái Lan và Miến Điện. Sau gần 29 năm xuất dương học đạo, Tỳ khưu Hộ Pháp đã hồi hương để lo phận sự hoàng pháp ở quê nhà.

Tác phẩm này là một trong những soạn phẩm mà Tỳ khưu Hộ Pháp vừa hoàn thành xong. Nay tôi xin giới thiệu soạn phẩm này đến với quý độc giả.

Thiền Lâm Tự, Huế ngày 22-4-2000

Hoà Thượng Hộ Nhân

*Phó chủ tịch HĐTSTW GHPGVN,
Tăng trưởng Hệ phái Phật Giáo Nam Tông, Viện chủ
Thiền Lâm Tự, Tp-Huế.*

MỤC LỤC

<i>Lời Giới Thiệu</i>	1
<i>Mục lục</i>	3
<i>Lời Bạt</i>	15
<i>Lời Nói Đầu</i>	21

PHẦN 1: GUỜNG BẬC XUẤT GIA

<i>Suy tư thế nào xuất gia trở thành Tỳ khuru</i>	29
Tích Đại Đức Ratthapāla	30
<i>Công tử Ratthapāla xin xuất gia</i>	32
<i>Tỳ khuru Ratthapāla trở thành bậc Thánh A-ra-hán</i>	37
<i>Đại Đức Ratthapāla xin phép về thăm cha mẹ</i>	38
<i>Đức vua đến thăm Đại Đức Ratthapāla</i>	44
Bốn điều suy thoái	45
Bốn pháp tóm tắt	48
<i>Sơ Lược Tích Tiền Thân Đại Đức Ratthapāla</i>	59
Phân Ratthapālattheragāthā.....	62
<i>Tiền Kiếp Của Đại Đức Ratthapāla</i>	64
Tích Đại Đức Tỳ Khuru Ni Sumedhā	67
<i>Sơ lược tiền thân Tỳ khuru ni Sumedhā</i>	67
<i>Kiếp hiện tại của Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā</i>	69
Bậc Thánh Thanh Văn (Ariyasāvaka)	87
<i>Bậc Thánh nam Thanh văn</i>	88

Bậc Thánh tối thượng Thanh văn như thế nào?.....	88
Bậc Thánh đại Thanh văn như thế nào?.....	90
Bậc Thánh Thanh văn hạng thường như thế nào? ..	91
<i>Bậc Thánh nữ Thanh văn</i>	92

PHẦN 2: TĂNG BẢO

Thời Điểm Bắt Đầu Của Tỳ Khuru	93
Thời Điểm Bắt Đầu của Tỳ Khuru Ni	94
<i>Tám trọng pháp</i>	98
Thời Điểm Cuối Cùng Của Tỳ Khuru Ni	101
Tám Cách Thọ Upasampadā	102
<i>Thọ Tỳ khuru (bhikkhu upasampadā)</i>	103
<i>Thọ Tỳ khuru ni (bhikkhunī upasampadā)</i>	109
Ý Nghĩa Bhikkhu: Tỳ Khuru	112
Chi Pháp Trở Thành Tỳ Khuru.....	113
<i>5 chi pháp thành tựu Tỳ khuru</i>	114
<i>5 chi pháp không thành tựu Tỳ khuru</i>	114
1. Vatthu: Người Cận Sự Nam.....	115
<i>Vatthusampatti như thế nào?</i>	115
<i>Vatthuvippatti như thế nào?</i>	115
2. Natti: Tuyên Ngôn	117
<i>Nattisampatti như thế nào?</i>	117
<i>Nattivippatti như thế nào?</i>	117
3. Anussāsana: Thành Sự Ngôn	117
<i>Anussāsanasampatti như thế nào?</i>	117

<i>Anussāsanavippatti như thế nào?</i>	118
6 thāna, 6 karaṇa	119
4 payatana	120
10 byañjanabuddhi	121
<i>Giải thích</i>	121
Trạng thái Tăng bị hư	124
4. Sīmā	126
<i>Sīmāsampatti như thế nào?</i>	128
<i>Sīmāvipatti như thế nào?</i>	129
5. Purisa: Tỳ Khuru Tăng	131
<i>Purisasampatti như thế nào?</i>	131
<i>Purisavipatti như thế nào?</i>	131
Dalhikamma: Tăng Sự Vững Chắc	132
<i>Cách hành Tăng sự Dalhikamma?</i>	134
Chuyện Hoàng Tử Rāhula Thọ Sa Di	137
<i>Hoàng Tử Rāhula thọ Sa Di</i>	140
<i>Đức vua Suddhodana xin đặc ân</i>	142

PHẦN 3: NGHI THỨC XUẤT GIA

<i>11 hạng người không được phép thọ Sa di</i>	145
NGHI THỨC LỄ THỌ SA DI	146
<i>Định nghĩa Sa di</i>	146
Nghi thức cạo tóc (râu)	148
Vị Đại Đức Thầy Tế độ cho mặc y cà-sa	151
<i>Cách thức đánh lễ</i>	151

<i>Nghi thức dâng y cà sa</i>	151
<i>Nghi thức xin y cà sa</i>	152
Vị Đại Đức Thầy Tế độ cho thọ Tam quy	153
<i>Nghi thức sám hối</i>	153
<i>Nghi thức xin thọ Sa di</i>	154
<i>Nghi thức xin thọ Tam quy và Sa di thập giới</i>	155
Truyền Tam quy bằng Niggahitanta (m).....	156
Truyền Tam quy bằng Ma-karanta (m)	157
Sa di thập giới	159
<i>Nghi thức xin Thầy Tế độ</i>	162
<i>Thầy tế độ</i>	162
Điểm hệ trọng trong lễ thọ Sa di	165
Bảng chỉ dẫn cách phát âm Tam quy	166
10 Pháp Hoại Của Sa Di	168
10 Pháp Hành Phật.....	170
75 Điều Học Tập (Sekkhiya)	171
<i>Nghĩa: 75 điều học tập</i>	177
14 pháp hành.....	184
<i>Giải thích</i>	185
BỐN THỨ VẬT DỤNG	197
<i>Bốn pháp quán tưởng</i>	200
Quán tưởng 4 thứ vật dụng là tứ đại đáng nhàm.....	202
Quán tưởng lại tứ vật dụng đã dùng trong ngày.....	205
<i>Kinh Aggikhandhopamāsutta (kinh ví đồng lửa)</i>	208
Sự lợi ích của bài kinh aggikhandhopamāsutta	219

NGHI THỨC LỄ THỌ TỖ KHUU	223
Giai Đoạn Đầu Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khuu.....	224
<i>Xin Đại Đức làm Thầy Tế độ</i>	224
<i>Đặt tên Sa di, tên thầy tế độ</i>	225
<i>Xét hỏi y bát của Sa di</i>	225
<i>Sa di giới tử đi ra ngoài phạm vi chư Tăng</i>	226
<i>Vị Đại Đức luật sư đảm nhận phận sự dạy bảo...</i>	228
<i>Vị luật sư trình chư Tăng, gọi giới tử vào</i>	233
<i>Sa di giới tử xin nâng lên bậc Tỳ khuu</i>	234
<i>Luật sư xét hỏi Sa di giới tử giữa chư Tăng</i>	235
Giai Đoạn Giữa Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khuu	237
<i>Tụng natti (tuyên ngôn)</i>	237
<i>Tụng kammavācā (thành sự ngôn)</i>	237
Ý nghĩa lời tuyên ngôn.....	240
Ý nghĩa lời thành sự ngôn	240
Giai Đoạn Cuối Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khuu	241
<i>Dạy bảo 4 pháp nương nhờ</i>	241
<i>Dạy bảo 4 pháp không nên hành</i>	242
<i>Nghĩa giai đoạn cuối nghi thức lễ thọ Tỳ khuu</i> ..	244
 NGHI THỨC LỄ THỌ TỖ KHUU 2-3 VỊ	249
Nghi thức lễ thọ Tỳ khuu 2-3 vị cùng một lúc	249
<i>Lễ Thọ 3 Tỳ Khuu (cách 1)</i>	250
Vị Đại Đức Luật sư vào trình chư Tăng.....	252
<i>Tụng ñatti</i>	255
<i>Tụng kamavācā</i>	255

<i>Lễ thọ 3 Tỳ khuru (cách 2)</i>	257
Vị Đại Đức Luật sư vào trình chư Tăng.....	259
<i>Tụng ñatti</i>	261
<i>Tụng kamavācā</i>	262
Vị Thầy Tế Độ Dạy Các Tân Tỳ Khuru	263
<i>Dạy bảo 4 pháp nương nhờ</i>	264
<i>Dạy bảo 4 pháp không nên hành</i>	264
ĀPATTI VỚI TỖ KHUU	268
<i>Pārājika āpatti: sự phạm giới bất cộng trụ</i>	269
<i>Samghadisesa āpatti: sự phạm giới tăng tàn</i>	269
Xin thọ parivāsakamma	270
Xin thọ mñnattakamma	270
Xin thọ abbhāna	271
<i>Thullacaya āpatti: sự phạm giới thullacaya</i>	272
<i>Pācittiya āpatti: sự phạm giới pācittiya</i>	272
<i>Pātidetanīya āpatti: sự phạm giới pātidetanīya</i>	273
<i>Dukkata āpatti: sự phạm giới tác ác</i>	274
<i>Dubbhāsita āpatti: sự phạm giới ác khẩu</i>	274
PĀTIMOKKHA	276
<i>Thỉnh Đức Phật Thuyết Patimokkha</i>	276
<i>Tám điều kỳ lạ trong đại dương</i>	278
<i>Tám điều kỳ lạ trong Phật giáo</i>	281
<i>Tỳ khuru không nên vắng mặt trong ngày uposatha</i> ..	286

PHẦN 4: PHẬN SỰ CỦA TỖ KHU

Lễ Sám Hối Āpatti	289
<i>Nghi thức sám hối āpatti</i>	290
<i>Dịch nghĩa lễ sám hối āpatti</i>	293
Hành uposathakamma	295
<i>Samgha uposatha</i>	297
Nghi thức trước khi tụng đọc bhikkhupātimokkha....	297
<i>Lời thỉnh mời</i>	298
Bốn công việc phải làm.....	299
Chanda, pārisuddhi	300
<i>Cách gọi chanda, pārisuddhi</i>	300
<i>Cách trình chanda, pārisuddhi</i>	300
Năm phận sự trước khi tụng đọc pātimokkha.....	301
Bốn chi pháp hợp lệ	302
Tụng đọc pātimokkha	305
Tụng đọc uddesa tóm tắt	306
<i>Trường hợp có tai họa</i>	306
Cách tụng uddesa tóm tắt	308
Trường hợp đặc biệt theo khả năng.....	309
Nghi lễ hành samgha uposatha đơn giản	311
<i>Gaṇa uposatha</i>	313
Hành pārisuddhi uposatha.....	313
<i>Trường hợp có 3 vị Tỳ khưu</i>	313
<i>Trường hợp có 2 vị Tỳ khưu</i>	315
Puggala uposatha	315
Adhiṭṭhāna uposatha.....	316

An Cư Tháng Hạ	317
<i>Lời sám hối</i>	<i>318</i>
<i>Hành lễ an cư tháng hạ</i>	<i>319</i>
<i>Lễ dâng y kathina.....</i>	<i>321</i>
Nghỉ thức dâng y kathina	322
Nghỉ thức thọ y kathina.....	323
<i>Apalokanakamma: việc tường trình</i>	<i>324</i>
<i>Giới thiệu vị Tỳ khuru xứng đáng thọ y kathina</i>	<i>325</i>
<i>Làm dấu y mới.....</i>	<i>327</i>
<i>Cách làm lễ thọ y kathina.....</i>	<i>327</i>
<i>Cách anumodanā: hoan hỷ</i>	<i>329</i>
Hành Pavāraṇākamma	331
<i>Samghapavāraṇā</i>	<i>333</i>
Nghỉ thức trước khi tụng đọc samghapavāraṇā	333
Lời thỉnh mời.....	334
Chanda, Pavāraṇā.....	335
Cách gọi chanda, pavāraṇā.....	336
Cách trình chanda, pavāraṇā.....	336
Năm phận sự trình lên chư Tỳ khuru Tăng	336
Bốn chi pháp hợp lệ để hành tăng sự pavāraṇā ...	337
<i>Gaṇapavāraṇā</i>	<i>341</i>
Trường hợp 4 vị Tỳ khuru.....	342
Trường hợp chỉ có 3 vị Tỳ khuru	343
Trường hợp chỉ có 2 vị Tỳ khuru	345
<i>Puggalapavāraṇā</i>	<i>346</i>
Lợi ích Pavāraṇā	346

PHẨM VỊ TRONG PHẬT GIÁO	348
<i>Ý nghĩa Thera</i>	<i>349</i>
<i>Kinh Therasutta</i>	<i>350</i>
<i>Thế nào là bậc Thera thật?</i>	<i>351</i>
TỨ THANH TỊNH GIỚI	354
<i>Giới thu thúc giải thoát khổ như thế nào?</i>	<i>354</i>
<i>Giới thu thúc lục căn như thế nào?</i>	<i>355</i>
<i>Giới nuôi mạng chân chánh thanh tịnh như thế nào? ..</i>	<i>356</i>
<i>Giới nương nhờ tứ vật dụng như thế nào?</i>	<i>357</i>
10 Pháp Quán Xét Của Bậc Xuất Gia	359
<i>Nghĩa: kinh “Bậc xuất gia thường quán xét”</i>	<i>360</i>
Xả Giới Tỳ Khuru (Hoàn Tục).	363
<i>Quả nghiệp Tỳ khuru.....</i>	<i>368</i>
XUẤT GIA TU NỮ’	371
Nghi Thức Lễ Thọ Giới Tu Nữ	372
<i>Nghi lễ cạo tóc</i>	<i>373</i>
<i>Mặc y phục tu nữ.....</i>	<i>374</i>
<i>Xin thọ Tam quy cùng bát giới, hoặc thập giới.....</i>	<i>374</i>
Lễ sám hối Tam bảo	374
Lễ xin thọ giới tu nữ.....	375
<i>Lễ xin thọ Tam quy và bát giới</i>	<i>376</i>
Phép thọ Tam quy	377
Truyền bát giới.....	377

<i>Nghĩa nghi lễ thọ Tam quy và bát giới.....</i>	378
<i>Lễ xin thọ Tam quy và thập giới</i>	379
Phép thọ Tam quy	380
Truyền thập giới	380
<i>Cách xưng hô tu nữ.....</i>	382
QUẢ BÁU CỦA BẠC XUẤT GIA.....	383
<i>Khổ tâm do bởi 10 loại phiền não</i>	383
ĐỊA VỊ CHA MẸ CÓ CON XUẤT GIA	386
<i>Đức vua Asoka là thân quyến kế thừa của Phật giáo</i>	386
Đức vua Asoka xây cất chùa tháp.....	387
Lễ khánh thành 84.000 ngôi chùa và bảo tháp.....	388
Thân quyến kế thừa Phật giáo.....	391
Đức vua Asoka hộ độ Tam bảo.....	393
Đức vua Asoka thanh lọc Tỳ khưu	394
Kết tập Tam tạng lần thứ ba.....	395
Đức vua Asoka hộ độ truyền bá Phật giáo.....	396
Phái đoàn chư Đại Đức Tăng đi sang vùng Suvannabhūmī.....	397
 ĐOẠN KẾT	
<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Nhất</i>	399
<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Nhì</i>	404
<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Ba</i>	406

<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Tư</i>	408
<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Năm</i>	409
<i>Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Sáu</i>	411
<i>Phật Giáo Là Gì?</i>	412

PHẦN PHỤ LỤC:

CHÚ THÍCH NHỮNG TỪ NGỮ CÓ NGHĨA RỘNG TRONG TÍCH CÔNG CHÚA SUMEDHĀ

<i>Đức Vua Mandhātūrājā</i>	415
<i>Câu Chuyện Nước Mắt</i>	417
<i>Câu Chuyện Sữa</i>	418
<i>Bộ Xương</i>	419
<i>Mẹ Và Mẹ Của Mẹ (Bà Ngoại)</i>	419
<i>Cha Và Cha Của Cha (Ông Nội)</i>	420
<i>Con Rùa Mù</i>	421

TÀI LIỆU THAM KHẢO	423
---------------------------------	-----

LỜI BẠT

Thuở Đức Phật còn tại thế, những tấm gương xuất gia cao cả thật khó mà kể cho hết được. Tuy Tăng chúng gồm đủ mọi giai cấp và rất bình đẳng, nhưng thời bấy giờ phần lớn vẫn xuất thân từ giai cấp Bà la môn và vua chúa. Chính Đức Phật đã quyết chí từ bỏ ngôi vua cùng cung vàng điện ngọc để xuất gia tìm đạo.

Cho đến thời vua Asoka và nhiều triều đại ở Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Trung Hoa, Nhật Bản v.v... đều có những bậc xuất gia xuất thân từ những thành phần ưu tú trong xã hội. Đời Lý, Trần ở nước ta cũng đã không thiếu các bậc vua quan, danh sĩ xuất gia đầu Phật, nêu những tấm gương ngời sáng trong sử mạng tự giác và đem lại lợi lạc cho đời.

Nói thế không có nghĩa không có những thành phần xuất gia bị quan yếm thế, cho nên trong nhân gian mới phát sanh quan niệm xuất gia là thất vọng chán đời. Tuy nhiên vấn đề không phải ở những lời phán đoán thị phi, mà chính là người xuất gia phải hiểu được giá trị đích thực con đường mà mình đã chọn và nhất là làm sao xứng đáng là người xuất gia chân chính đúng với mục đích giác ngộ giải thoát, tự độ độ tha mà Đức Phật đã từ bi khai thị.

Trong thời kỳ đầu của giáo pháp, việc xuất gia rất đơn giản, hầu như không có một hình thức nghi lễ nào. Đức Phật chỉ gọi “Này Tỳ khuru, hãy lại đây!” (Ehi bhikkhu!) là vị Tỳ khuru ấy mặc nhiên trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật. Đơn giản chỉ vì các vị ấy là bậc thượng căn thượng trí, đã hội đủ túc duyên, đã có sẵn phẩm chất của một bậc xuất gia phạm hạnh.

Về sau, ngày càng có nhiều người xuất gia với đủ mọi căn cơ trình độ, nên dĩ nhiên đời sống tập thể cũng có phần phức tạp hơn, do đó Đức Phật tùy căn duyên mà thi thiết giới luật và nghi lễ cho hàng xuất gia. Như vậy, chư vị Thánh Tăng hoặc các vị đệ tử Trưởng lão có thể thay Đức Phật làm Thầy Tế độ hay yết-ma cho giới tử và việc giáo giới Tăng đoàn cũng trở nên dễ dàng, đồng nhất hơn.

Hơn nữa để tránh những trường hợp xuất gia bất chính, giới tử cần phải được xét xem có hội đủ một số điều kiện cơ bản thích ứng với đời sống phạm hạnh và phù hợp với giới luật thanh tịnh giải thoát hay không? Do đó, giới tử cần được các vị yết-ma, giáo thọ tuyển chọn một cách kỹ càng trước khi hòa nhập vào Tăng chúng.

Tuy nhiên những giới luật và nghi lễ xuất gia này thật ra vẫn vô cùng giản dị, hoàn toàn không đặt nặng hình thức hay cưỡng chế áp đặt, mà chỉ

cốt tạo điều kiện cho người xuất gia dễ dàng thể hiện mục đích giác ngộ giải thoát mà thôi. Cho nên, tuy nói là nghi lễ nhưng không nặng phần trình diễn như những lễ đàn ngoại đạo đầy vẻ cầu kỳ huyền hoặc, ngược lại, nó chỉ biểu hiện lòng từ ái của những vị thầy và tâm kính thành của người đệ tử trong không khí vừa trang nghiêm vừa thân thiết chân tình. Chính vì vậy mà thuở đó nhiều giới tử đã đắc Thánh Đạo Thánh Quả khi đang được thầy xuống tóc, khi được trao truyền y bát hoặc đang hành Tăng sự ngay trong buổi lễ xuất gia đầy xúc động của họ.

Trong cuốn sách biên soạn công phu này, Sư Hộ Pháp đã kể lại một vài tấm gương xuất gia tiêu biểu đáng để cho chúng ta chiêm ngưỡng và noi theo, đồng thời sưu tập đầy đủ những nghi thức xuất gia nguyên thủy nhất mà Đức Phật đã chế định cho Tăng chúng hơn 2500 năm về trước.

Sư Hộ Pháp đã tốt nghiệp cử nhân Phật Học tại Viện Đại Học Vạn Hạnh khóa đầu tiên năm 1967, vốn là đệ tử của Sư Tổ Hộ Tông, xuất gia năm 1967, sau đó xuất dương du học tại Thái Lan và Myanmar gần 29 năm để học Abhidhamma, cổ ngữ Pāli, Dhammavinaya và Thiền, ... Cuối năm 1996, Sư đã hồi hương chuyên tâm biên soạn, dịch thuật và viết về những sở tu, sở học mà Sư đã tiếp thụ được từ các nước Phật giáo chân truyền.

Hy vọng quyển sách này, sẽ là cầm nang quý báu cho những ai muốn cống hiến đời mình cho lý tưởng giác ngộ giải thoát, vô ngã vị tha.

Tổ Đình Bửu Long, mùa Vesak 2544

Tỳ khưu Viên Minh

(Trụ trì Tổ Đình Bửu Long,
Q.9, T.p. Hồ Chí Minh)

***Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammāsambuddhassa***

*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn,
Bậc A-ra-hán, Bậc Chánh Đẳng Giác.*

*Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Ratanattayasaraṇaṃ gato.*

*Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.
Con đã quy y Tam bảo với lòng thành kính.*

GUỒNG BẠC XUẤT GIA

*Soạn giả: Dhammarakkhita bhikkhu
(Tỳ khuru Hộ Pháp)*

LỜI NÓI ĐẦU

Trong tất cả mọi bài pháp của Đức Phật, có một bài Ngài hằng ngày thường thuyết giảng nhắc nhở, khuyên dạy chư Tỳ khuru chớ nên dễ dãi¹ là:

***“Appamādena bhikkhave sampādettha.
Buddhuppādo dullabho lokasmim.
Manussattabhāvo dullabho,
Dullabhā saddhā sampatti,
Pabbajitabhāvo dullabho,
Saddhammassavanam dullabham.
Evaṃ divase divase ovadati”.***

“Này chư Tỳ khuru, các con hãy nên cố gắng hoàn thành mọi phận sự Tứ thánh đế bằng pháp không dễ dãi, tiến hành Tứ niệm xứ.

Bởi vì có 5 điều khó được là:

- Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó.
- Được sanh làm người là một điều khó.

¹ Dễ dãi: Trạng thái quên mình, không có chánh niệm.

- Có đức tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam bảo là một điều khó.

- Được xuất gia trở thành Tỳ khưu là một điều khó.

- Được lắng nghe chánh pháp là một điều khó.

Năm điều khó được này, Đức Phật hằng ngày thường thuyết giảng nhắc nhở, khuyên dạy chư Tỳ khưu”.

Trong năm điều khó được này, xin đề cập đến điều: “Xuất gia trở thành Tỳ khưu là một điều khó”.

Thật vậy, người nam có ý nguyện xuất gia trở thành Tỳ khưu, chỉ thành tựu được khi nào gặp thời kỳ Đức Phật xuất hiện trên thế gian, hoặc giáo pháp của Ngài đang còn lưu truyền. Nhưng gặp được Đức Phật hoặc giáo pháp của Ngài không phải là một điều dễ có được. Bởi vì, trong quá khứ, vô số đại kiếp trái đất trải qua 4 thời kỳ thành-trụ-hoại-không, trong suốt một a tăng kỳ, thời gian không thể tính bằng số, vẫn không có một Đức Phật nào xuất hiện trên thế gian, thời kỳ đó gọi là “suññakappa”. (Như từ khi Đức Phật Dīpaṅkara tịch diệt Niết Bàn và giáo pháp của Ngài hoàn toàn bị tiêu hoại, cho đến Đức Phật Koṇaṇṇa xuất hiện trên thế gian, trải qua một thời gian lâu dài suốt 1 a tăng kỳ đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không).

Lại nữa, có khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, nhưng chúng sinh không có duyên lành với Đức Phật và giáo pháp của Ngài, nên không thể xuất gia hành

phạm hạnh được. Như trong kinh *Akkhaṇasutta*⁽¹⁾, Đức Phật dạy những trường hợp không thể hành phạm hạnh, tóm lược như sau:

1- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền; nhưng chúng sinh ấy tái sinh cõi địa ngục.

2- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền; nhưng chúng sinh ấy tái sinh làm súc sanh.

3- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền; nhưng chúng sinh ấy tái sinh làm ngựa quỳ.

4- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền; nhưng chúng sinh ấy tái sinh cõi sắc giới Vô tướng thiên, có tuổi thọ 500 đại kiếp.

5- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền, chúng sinh ấy tái sinh làm người; nhưng ở nơi biên địa, trong gia đình hạ tiện, ngu dốt, không có cơ hội nhìn thấy Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ.

6- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền, chúng sinh ấy tái sinh làm người ở trung Ấn Độ; nhưng trong gia đình ngoại đạo tà kiến.

¹ *Anguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, kinh Akkhaṇasutta.*

7- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền, chúng sinh ấy tái sanh làm người ở trung Ấn Độ; nhưng là người câm điếc không thể nghe, hiểu được chánh pháp của Đức Phật.

8- Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền, chúng sinh ấy tái sanh làm người ở trung Ấn Độ, là người có trí tuệ, có khả năng hiểu được chánh pháp của Đức Phật; nhưng không có cơ hội gặp Ngài hoặc gặp bậc Thanh văn đệ tử của Ngài để lắng nghe chánh pháp.

Đó là 8 trường hợp không thể xuất gia trở thành Tỳ khưu hành phạm hạnh.

Trên đây là 8 trường hợp đối với chúng sinh không có duyên lành với Đức Phật và giáo pháp của Ngài. Chỉ có một trường hợp duy nhất là: **Khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian và giáo pháp của Ngài đang lưu truyền, đồng thời chúng sinh ấy được tái sanh làm người ở trung Ấn Độ, là người có trí tuệ, có duyên lành gặp được Đức Phật hoặc các bậc Thanh văn đệ tử Đức Phật đang truyền bá chánh pháp; người ấy biết lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, phát sanh đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có ý nguyện xuất gia trở thành Tỳ khưu.**

Trong vòng tử sanh luân hồi của mỗi chúng sinh, kiếp được tái sanh làm người nam, có duyên lành gặp được Đức Phật hoặc giáo pháp của Ngài,

biết lắng nghe chánh pháp là một điểm phúc lớn lao vô cùng hy hữu. Cho nên, **xuất gia trở thành Tỳ khuru hành phạm hạnh** là điều vô cùng cao quý, vì có nhiều cơ hội tốt thuận lợi cho việc tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, ngõ hầu mong chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, thì thật là điều quý báu biết dường nào; hoặc kiếp hiện tại chưa chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, thì âu cũng là cơ hội tốt để tạo duyên lành, bồi bổ pháp hạnh ba la mật cho chóng được đầy đủ, để mong chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả trong vị lai.

Được xuất gia trở thành Tỳ khuru hành phạm hạnh, là một phẩm vị cao quý; là con cháu dòng dõi Sakyaputta; được hân hạnh gia nhập đoàn thể Tỳ khuru Tăng, là bậc kế thừa giữ gìn, duy trì Phật giáo được trường tồn, cho đến trọn tuổi thọ 5.000 năm trên thế gian, hầu mong đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh, nhất là chư thiên và nhân loại.

Chúng ta nên học tập hai tám gương tiêu biểu, là Ngài Đại Đức Ratthapāla và Ngài Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā.

Về phần người cha, người mẹ có người con là Tỳ khuru trong Phật giáo, là một sự đóng góp lớn lao cho sự trường tồn của Phật giáo. Cho nên, những người cha, người mẹ ấy xứng đáng ở địa vị **“Thân quyến thừa kế của Phật giáo” (Dāyādo**

sāsanassa), thật là phước báu vô lượng mà chư bậc Thiện trí, chư thiên đều tán dương ca tụng, hoan hỷ phước thiện thanh cao của những người cha, người mẹ ấy.

Như vậy, những người cha, người mẹ nào biết thương yêu con mình, muốn cho con trở nên con người cao quý, giảm bớt nhiều nỗi khổ trong đời sống tại gia, có nhiều cơ hội, thời gian tiến hành thiện tuệ để mong chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, trở thành bậc Thánh nhân cao quý, thì hãy nên khuyến khích, cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khưu trong Phật giáo. Chư quý vị hãy nên xem gương đức vua Dhammāsoka (A Dục), Đức Vua đã biết thương yêu thái tử Mahinda, thay vì nhường ngôi cho thái tử lên làm vua, thì Đức Vua lại khuyến khích thái tử xuất gia trở thành Tỳ khưu, và cho phép công chúa Saṃghamittā xuất gia trở thành Tỳ khưu ni trong Phật giáo, và chính Đức Vua đã trở thành “thân quyến thừa kế của Phật giáo”.

Tài liệu này được trích dịch từ Kinh tạng, Luật tạng và các bộ sách khác để giảng dạy chư Tỳ khưu, Sa di và Tu nữ Tổ Đình Bửu Long. Vì khả năng có hạn nên không thể tránh khỏi những sai sót, kính mong chư bậc Thiện trí từ bi chỉ giáo. Bản sư kính cảm đón nhận lời chỉ giáo ấy với tấm lòng thành kính và tri ân.

Quyển sách **“Gương Bậc Xuất Gia”** này đã thành hình, nhưng chưa có thể gọi là hoàn thành, vì có nhiều chỗ cần phải sửa chữa lại cho đúng chữ, đúng nghĩa và cần phải bổ sung thêm. Bởi vậy, nếu phải chờ cho nó hoàn thành như ý thì biết bao giờ mới có được! Cho nên, bản sư xin mạo muội in thành cuốn sách dùng làm tài liệu học tập, thực hành; trong quá trình ấy, có thể sửa chữa và bổ sung thêm cho những lần in lại sau này được hoàn chỉnh hơn.

Quyển sách này ra mắt nhờ sự đóng góp của nhiều người như:

- Pháp huynh Viên Minh đã tận tâm xem xét bản thảo sửa chữa ngữ pháp.

- Rakkhitasīla antevāsika đánh máy, trình bày và in ấn.

- Gia đình Trần Văn Cảnh - Trần Kim Duyên, Cô Năm Lò Ven, gia đình Hoàng Quang Chung, gia đình Nguyễn Huyền Trang, cô Dhammanandā, cùng chư thí chủ có đức tin trong sạch hùn phước tài chánh để phát hành quyển sách này.

Bản sư thành tâm hoan hỉ cùng với tất cả quý vị. Cầu nguyện ân đức Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cùng phước thiện thanh cao này hộ trì cho tất cả chúng con thân tâm thường được an lạc.

Do nhờ năng lực pháp thí thanh cao này, làm duyên lành cho chúng con trên con đường tu hành để giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Cầu mong giáo pháp của Đức Phật Gotama được trường tồn đúng 5.000 năm trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh, nhất là chư thiên và nhân loại.

Tổ Đình Bửu Long

Mùa hạ Phật lịch 2544.

Dhammarakkhita bhikkhu

(Tỳ khưu Hộ Pháp)

Phần 1

GUỜNG BẠC XUẤT GIA

(ANAGĀRIYŪDĀHARAṆA)

Bậc xuất gia tiếng Pāli gọi là *anagāriya*.
Anagāriya: người không nhà, bậc xuất gia.

Trong kinh thường dạy:

“Agārasmā anagāriyaṃ pabbajati”.

“Bỏ nhà xuất gia gọi là anagāriya: bậc xuất gia, người không nhà”.

Suy tư thế nào xuất gia trở thành Tỳ khưu?

Những người lắng nghe giáo pháp của Đức Phật, phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, mong muốn thực hành theo phạm hạnh cao thượng, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Những người ấy, đều có chung một ý nghĩ: *“Ta làm thế nào để có thể thấu hiểu, thông suốt, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế mà Đức Phật đã giáo huấn? Đời sống tại gia có nhiều điều phiền não, không dễ gì thực hành phạm hạnh cao thượng cho được đầy đủ, trong sáng thanh tịnh”.*

Hầu hết những bậc xuất gia trong Phật giáo, đều có chung một suy tư giống nhau như vậy.

Sau đây trích dẫn hai tích truyện xuất gia của Đại Đức Tỳ khuru Raṭṭhapāla và Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā, để làm tấm gương tiêu biểu cho hàng Phật tử.

I-TÍCH ĐẠI ĐỨC RAṬṬHAPĀLA

Trong bài kinh Raṭṭhapāla⁽¹⁾ lược dịch như sau:

Tôi là Ānanda được nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng với số đông chư Tỳ khuru Tăng du hành đến vùng Kuru, tỉnh Thullakoṭṭhita. Dân chúng tỉnh ấy gồm những người dòng Bà la môn, cư sĩ được nghe tin rằng: “*Sa môn **Gotama** trước đây là Thái tử dòng dõi **Sakya** đã xuất gia; nay Ngài cùng với số đông chư Tỳ khuru Tăng du hành đến vùng **Kuru**, tỉnh **Thullakoṭṭhita**, tiếng tăm của Ngài vang lừng và mọi người ca tụng Sa môn **Gotama**:*

- Là bậc Thánh A-ra-hán, xứng đáng lễ bái cúng dường (**Arahant**).

- Là bậc Chánh Đẳng Giác, tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế (**Sammāsambuddha**).

- Là bậc có đầy đủ Tam Minh, 15 Đức Hạnh Cao Thượng (**Vijjācaraṇasampanno**).

- Là bậc Thiện Ngôn, thuyết giảng pháp chân thật, đem lại sự lợi ích cho chúng sinh (**Sugato**).

- Là bậc Thông Suốt Tam Giới, pháp hành thế giới, chúng sinh thế giới, cảnh giới thế giới (**Lokavidū**).

¹ Bộ Majjhimanikāya, Majjhimaṇṇāsa, kinh Raṭṭhapālasutta

- Là bậc Vô Thượng tế độ chúng sinh có duyên lành (*Anuttaro purisadammasārathi*).

- Là bậc Tôn Sư của chư thiên, Phạm thiên, nhân loại (*Satthādevamanussānam*).

- Là Đức Phật, tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, rồi giáo huấn cho chúng sinh cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế như Ngài (*Buddho*).

- Đức Thế Tôn là danh hiệu cao thượng nhất trong toàn thể thế giới chúng sinh (*Bhagavā*)”.

Và họ cũng được nghe rằng:

- Đức Thế Tôn đã tự Ngài chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế bằng trí tuệ siêu tam giới, rồi thuyết pháp tế độ chúng sinh: nhân loại, Vua chúa, Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Phạm thiên cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế ấy.

- Đức Thế Tôn thuyết pháp hoàn hảo phần đầu, hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối; đầy đủ về ý nghĩa, trong sáng về văn chương, truyền bá pháp học, pháp hành phạm hạnh cao thượng hoàn toàn thanh tịnh”.

- Thật lành thay! cho những ai được đến chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, bậc Thánh A-ra-hán như vậy!

Khi ấy dân chúng trong tỉnh Thullakoṭṭhiya gồm những người dòng dõi Bà la môn, cư sĩ..., tất cả đều đến hầu Đức Thế Tôn. Một số người đánh lễ Đức Thế Tôn; một số người vãn an Đức Thế Tôn; một số người chấp tay lễ bái Đức Thế Tôn; một số người tự giới thiệu tên, dòng dõi; một số người làm thỉnh; rồi tất cả đều ngồi một nơi hợp lễ và lắng yên nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp.

CÔNG TỬ RATṬHAPĀLA XIN XUẤT GIA

Trong hội chúng ấy có công tử Ratṭhapāla là người con duy nhất của một gia đình quý tộc, giàu sang phú quý trong tỉnh Thullakoṭṭhita.

Công tử Ratṭhapāla suy tư rằng: *“Ta làm thế nào để chứng ngộ được chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng? Sự thật đời sống tại gia cư sĩ có nhiều phiền não, không dễ dàng thực hành phạm hạnh cao thượng cho được hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng như vỏ ốc xà cừ đã đánh bóng. Điều tốt hơn hết, ta nên cạo râu tóc, mặc y cà sa màu lông mừi, bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu”*.

Dân chúng tỉnh Thullakoṭṭhita gồm có những người dòng dõi Bà la môn, cư sĩ, được lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, hành theo chánh pháp, tất cả đều vô cùng hoan hỷ nơi lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, họ đánh lễ Ngài rồi xin phép trở về nhà.

Sau khi dân chúng tỉnh Thullakoṭṭhita ra về hết, công tử Ratṭhapāla đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con suy tư rằng: *“Con làm thế nào để chứng ngộ được chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng? Sự thật đời sống tại gia cư sĩ có nhiều phiền não, không dễ gì thực hành phạm hạnh cao thượng cho được hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng như vỏ ốc xà cừ đã đánh bóng. Điều tốt hơn hết, con nên cạo râu tóc, mặc y cà sa màu lông mừi, bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu”*.

Kính bạch Đức Thế Tôn, con có ý nguyện muốn xuất gia trở thành Tỳ khưu nơi Đức Thế Tôn. Kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khưu.

Đức Thế Tôn bèn hỏi công tử Raṭṭhapāla rằng:

- Nay Raṭṭhapāla, cha mẹ con đã cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru hay chưa?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, cha mẹ của con chưa cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru.

- Nay Raṭṭhapāla, Như Lai không thể cho phép những người con xuất gia, mà cha mẹ chưa cho phép.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, như vậy, bằng mọi cách con sẽ xin cha mẹ cho phép con được xuất gia.

Sau đó, công tử Raṭṭhapāla cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn rồi xin phép trở về nhà.

Công tử đến hầu cha mẹ và thưa:

- Kính thưa cha mẹ, con suy tư rằng: *“Làm thế nào để chứng ngộ được chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng? Sự thật đời sống tại gia cư sĩ có nhiều phiền não, không dễ gì thực hành phạm hạnh cao thượng cho được hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng như vỏ ốc xà cừ đã đánh bóng. Điều tốt hơn hết, con nên cạo râu tóc, mặc y cà sa màu lõi mít, bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru”*.

Kính xin cha mẹ cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Cha mẹ công tử Raṭṭhapāla nghe con thưa như vậy, liền bảo rằng:

- Nay Raṭṭhapāla con, con là đứa con duy nhất của cha mẹ, đứa con yêu quý, hài lòng, yêu thương nhất của cha mẹ. Con được nuôi dưỡng trong sự an lạc, con trưởng thành trong sự an lạc.

Này Raṭṭhapāla con yêu quý, con chưa từng biết khổ là thế nào, dầu con có chết, cha mẹ cũng không muốn xa lìa con, huống hồ con còn sống như thế này, làm sao cha mẹ lại có thể cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được!

Công tử Raṭṭhapāla cố khấn khoản xin phép cha mẹ đến lần thứ ba rằng:

- Kính thưa cha mẹ, con suy tư rằng: *“Làm thế nào để chứng ngộ được chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng?...”*.

Kính xin cha mẹ cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khuru. Cha mẹ công tử cũng khuyên bảo đến lần thứ ba rằng:

- Này Raṭṭhapāla con, con là đứa con duy nhất của cha mẹ,... làm sao cha mẹ lại có thể cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được!

Công tử Raṭṭhapāla thất vọng biết rằng cha mẹ không cho phép mình bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru, nên lúc đó công tử phát nguyện: *“Chính tại nơi đây, ta sẽ chết hoặc được phép xuất gia trở thành Tỳ khuru”*, rồi nằm xuống nền nhà không cần đồ trải lót. Sau đó, công tử không chịu ăn uống gì liên tục từ ngày thứ nhất,... cho đến ngày thứ bảy.

Ngày nào cha mẹ của công tử cũng khuyên răn, năn nỉ rằng:

- Này Raṭṭhapāla con, con là đứa con duy nhất của cha mẹ, đứa con yêu quý, hài lòng, yêu thương nhất của cha mẹ. Con được nuôi dưỡng trong sự an lạc, con trưởng thành trong sự an lạc.

Này Ratṭhapāla con yêu quý, con chưa từng biết khổ là thế nào, dầu con có chết, cha mẹ cũng không muốn xa lìa con, hướng hồ con còn sống như thế này, làm sao cha mẹ lại có thể cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được!

Này Ratṭhapāla con yêu quý, con hãy dậy, con nên ăn uống, con nên vui chơi, thọ hưởng sự an lạc trong ngũ trần, rồi con hoan hỷ làm phước bố thí....

Còn cha mẹ không thể nào cho phép con bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được đâu!

Dầu cha mẹ công tử khuyên răn, năn nỉ thế nào đi nữa, công tử vẫn nằm yên làm thỉnh, không nói lời nào.

Cha mẹ của công tử khuyên răn, năn nỉ đến lần thứ ba như thế. Công tử Ratṭhapāla vẫn nằm yên làm thỉnh, không nói lời nào.

Những bạn bè thân thiết của công tử Ratṭhapāla đến thăm và thuyết phục công tử với lời lẽ tha thiết rằng:

- Này Ratṭhapāla bạn thân mến, bạn là người con duy nhất của cha mẹ, người con yêu quý, hài lòng, yêu thương nhất của cha mẹ. Bạn được nuôi dưỡng trong sự an lạc, bạn trưởng thành trong sự an lạc.

Này Ratṭhapāla bạn yêu quý, bạn chưa từng biết khổ là thế nào, dầu bạn có chết, cha mẹ của bạn cũng không muốn xa lìa bạn, hướng hồ bạn còn sống như thế này, làm sao cha mẹ của bạn lại có thể cho phép bạn bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được!

Này Ratṭhapāla bạn thân mến, bạn hãy dậy, bạn nên ăn uống, bạn nên vui chơi, thọ hưởng sự an lạc trong

ngũ trần, rồi bạn hoan hỉ làm phước bố thí.... Còn cha mẹ của bạn không thể nào cho phép bạn bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru được đâu!

Những người bạn thân của công tử Rattṭhapāla thuyết phục, khẩn khoản 3 lần như thế, công tử vẫn nằm yên làm thinh, không nói lời nào.

Thấy vậy, họ bèn dẫn nhau đến gặp cha mẹ của công tử Rattṭhapāla thưa:

- Kính thưa cha mẹ, công tử đã phát nguyện *rằng: “Chính tại nơi đây, ta sẽ chết hoặc được phép xuất gia trở thành Tỳ khuru”*.

Kính thưa cha mẹ, nếu cha mẹ không chịu cho phép công tử Rattṭhapāla xuất gia, công tử sẽ chết. Nếu cha mẹ cho phép công tử Rattṭhapāla xuất gia, thì công tử còn sống, cha mẹ còn nhìn thấy mặt. Công tử Rattṭhapāla được phép xuất gia trở thành Tỳ khuru rồi, nếu công tử không thỏa thích, chán nản đời sống phạm hạnh của Tỳ khuru, xin hoàn tục trở về nhà; thì ngoài gia đình cha mẹ ra, công tử còn đi ở nơi nào nữa? Chắc chắn công tử sẽ trở về nhà của cha mẹ mà thôi!

Vậy, kính xin cha mẹ suy nghĩ lại mà nên cho phép công tử Rattṭhapāla được xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Cha mẹ công tử Rattṭhapāla nghe cũng phải, nên bằng lòng, rồi bảo nhóm bạn thân của Rattṭhapāla:

- Nay các con, bây giờ cha mẹ đồng ý cho phép Rattṭhapāla xuất gia; nhưng sau khi trở thành Tỳ khuru rồi, bảo nó phải nên về thăm viếng cha mẹ.

Nghe cha mẹ công tử bảo vậy, những người bạn thân của công tử vui mừng đến báo tin rằng:

- Nay Ratṭhapāla bạn thân mến, cha mẹ của bạn đã cho phép bạn được bỏ nhà xuất gia, nhưng sau khi bạn đã xuất gia trở thành Tỳ khuru rồi, bạn phải nên về thăm viếng cha mẹ.

Bây giờ bạn hãy nên ngồi dậy, ăn uống để phục hồi sức khoẻ được rồi.

TỠ KHUU RATṬHAPĀLA TRỞ THÀNH BẠC THÁNH A-RA-HÁN

Khi hay tin mừng ấy, công tử Ratṭhapāla biết mình đã đạt được ý nguyện, nên vô cùng hoan hỷ, ngồi dậy ăn uống để phục hồi sức khoẻ.

Một hôm, công tử Ratṭhapāla vào lạy từ giả cha mẹ cùng thân bằng quyến thuộc, đi đến hầu Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài xong, công tử ngồi một nơi hợp lễ, rồi bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, cha mẹ của con đã cho phép con được bỏ nhà xuất gia rồi.

Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài từ bi cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn mới chấp thuận cho công tử Ratṭhapāla thọ Sa di rồi thọ Tỳ khuru nơi Ngài. Qua thời gian không lâu, độ nửa tháng sau, vừa phải lúc du hoá, Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ khuru Tăng, có Tỳ khuru Ratṭhapāla, du hành đến kinh thành Sāvattthi và ngụ tại chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh thành ấy.

Khi ấy, Đại Đức Ratṭhapāla ở một mình nơi thanh vắng không dễ duôi, tinh tấn không ngừng tiến hành thiền tuệ, bằng trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới, đã chứng

ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, là mục đích tốt cùng của phạm hạnh ngay kiếp hiện tại.

Đại Đức Ratthapāla biết rõ rằng: *“Mọi phận sự Tứ thánh đế đã hoàn thành, không còn phận sự nào khác nên hành nữa, phạm hạnh đã hoàn thành, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này không còn tái sinh kiếp nào nữa”*.

Đại Đức Ratthapāla trở thành một bậc Thánh A-ra-hán trong số chư bậc Thánh A-ra-hán.

ĐẠI ĐỨC RATTHAPĀLA XIN PHÉP VỀ THĂM CHA MẸ

Sau đó, Đại Đức Ratthapāla đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lễ và bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được về thăm viếng cha mẹ của con.

Đức Thế Tôn quán xét biết rõ Đại Đức Ratthapāla đã chứng đắc A-ra-hán Thánh Quả rồi, thì không một ai có thể làm cho Đại Đức hoàn tục được nữa, nên Ngài truyền dạy rằng:

- Nay Ratthapāla, bây giờ hợp thời, đúng lúc, con nên về thăm cha mẹ của con.

Đại Đức Ratthapāla đánh lễ Đức Thế Tôn, cung kính xin phép về chỗ ở, sắp xếp đồ đạc gọn gàng. Ngài mặc y, mang bát lên đường trở về tỉnh Thullakotthit. Khi đến nơi, Ngài đến nghỉ trong khu vườn Thượng uyển Migacīra của Đức vua Korabya gần thành ấy.

Vào buổi sáng, Đại Đức Ratthapāla mặc y, mang

bát vào thành khất thực theo tuần tự từng nhà, rồi đến ngôi nhà cha mẹ của Ngài. Lúc ấy, thân phụ của Ngài đang ngồi bên cửa cho người thợ cắt tóc chải tóc, sửa râu. Thân phụ của Ngài nhìn thấy Ngài từ xa đi đến (*nhưng không nhận ra được Ngài*) ông quả trách:

- Nhóm Sa môn đầu trọc này, đã dụ dỗ đưa con yêu quý duy nhất của ta xuất gia rồi!

Khi ấy, Đại Đức Raṭṭhapāla đến đứng đợi trước nhà cha mẹ của Ngài, nhưng không ai bố thí thứ vật thực nào cả, thậm chí không có lời thỉnh mời đi sang nhà khác. Sự thật, chỉ được nghe lời trách móc mà thôi.

Ngay khi Ngài định bỏ đi, liền thấy cô tớ gái từ trong nhà bước ra tay bưng đĩa bánh cách đêm đã thiu, định đem đi đổ bỏ. Ngài bèn bảo cô tớ gái rằng:

- Này cô em gái, nếu định đổ bỏ bánh thiu ấy, xin cô hãy bỏ vào bát của bản đạo đây!

Nghe nói vậy, cô tớ gái đổ bánh thiu cách đêm vào bát, cô chợt nhận ra giọng nói quen thuộc và tay chân của Đại Đức Raṭṭhapāla, cô vội quay vào nhà báo tin cho thân mẫu của Ngài rằng:

- Thưa bà chủ, con xin báo tin cho bà biết, công tử Raṭṭhapāla đã trở về đến đây rồi!

Bà mẹ của Đại Đức Raṭṭhapāla bảo:

- Thật vậy sao! Này con, nếu đúng sự thật như vậy, ta sẽ ban ơn cho con, kể từ nay con được thoát khỏi phận tôi đòi.

Bà vội tìm ông phú hộ thưa:

- Thưa phu quân, xin báo cho ông biết Raṭṭhapāla, đưa con yêu quý của chúng ta đã về đến đây rồi!

Hai ông bà mừng rỡ vô cùng.

Khi Đại Đức Ratthapāla đang ngồi nhờ dưới mái hiên nhà thọ thực bánh thiêu, thì thân phụ của Ngài tìm đến gặp và nói với Ngài:

- Nay Ratthapāla, con yêu quý, sao con có thể dùng bánh thiêu cách đêm như thế này được! Thật ra, con đã về đến nhà của mình rồi, không phải hay sao?

Đại Đức Ratthapāla thưa với cha:

- Thưa thân phụ, bản đạo đã là người xuất gia, đâu còn có nhà nữa!

Thưa thân phụ, bậc xuất gia là bậc không có nhà (Anagāriya).

Thưa thân phụ, bản đạo đã đến trước nhà của thân phụ rồi, nhưng bản đạo không thọ nhận được một thứ vật thực nào cả, thậm chí không có một lời thỉnh mời đi sang nhà khác, chỉ được nghe lời trách móc mà thôi.

Thân phụ của Ngài nói:

- Nay Ratthapāla con yêu quý, con hãy cùng cha về nhà của mình.

- Thưa thân phụ, hôm nay bản đạo đã thọ thực đủ rồi.

- Nay Ratthapāla con yêu quý, như vậy, ngày mai cha mời con thọ nhận vật thực tại nhà mình.

Đại Đức Ratthapāla làm thỉnh nhận lời.

Thân phụ Đại Đức Ratthapāla biết Ratthapāla con yêu quý của mình đã nhận lời thỉnh mời, nên ông yên tâm trở về.

Sau khi ông trở về nhà, ông sai gia nhân khuôn vàng, bạc chất thành 2 đồng cao giữa nhà, rồi lấy vải

che đây lại. Ông còn bảo những người con dâu là vợ cũ của Đại Đức Ratṭhapāla rằng:

- Nay các con dâu, các con hãy lại đây! Ngày trước chồng của các con thường ưa thích những món đồ nữ trang nào nhất, nay các con hãy trang điểm cho thật đẹp, thật quyến rũ các con nhé!

Đêm đã trôi qua, thân phụ của Đại Đức Ratṭhapāla cho người nấu nướng đồ ăn ngon lành xong, ông đến báo tin cho Đại Đức rằng:

- Nay Ratṭhapāla con yêu quý, đã đến giờ, xin mời con về nhà mình để thọ thực.

Sáng hôm ấy, Đại Đức Ratṭhapāla mặc y, mang bát đi đến nhà thân phụ, thân mẫu của Ngài, ngồi trên chỗ đã trải sẵn.

Khi ấy, thân phụ của Ngài giở tám vải che 2 đồng vàng, bạc ra, bảo với Đại Đức Ratṭhapāla:

- Nay Ratṭhapāla con yêu quý, đồng vàng bạc này là của cải thừa kế từ bên mẹ của con, đồng vàng bạc kia là của cải thừa kế từ bên cha của con, còn vàng bạc của cải khác từ ông nội, bà nội, ông cố, bà cố của con để lại, và còn bao nhiêu của cải khác nữa.

Ratṭhapāla con yêu quý, con nên hoàn tục trở lại đời sống tại gia để thừa hưởng tất cả vàng bạc của cải mà ông bà, cha mẹ dành để cho riêng con, con sử dụng của cải ấy làm phước bố thí theo ý muốn của con.

Ratṭhapāla con yêu quý, con nên hoàn tục, để thừa hưởng tất cả vàng bạc của cải này.

Đại Đức Ratṭhapāla thưa với thân phụ rằng:

- Thừa thân phụ, nếu thân phụ có thể nghe lời khuyên của bần đạo, thì thân phụ nên khuân tất cả vàng bạc của cải này bỏ trên một chiếc xe, rồi chở đi ném xuống dòng sông Gaṅga. Tại sao làm như vậy? Bởi vì chính do vàng bạc của cải này là nguyên nhân làm cho thân phụ phải khổ tâm.

Khi ấy, tất cả những người vợ cũ của Đại Đức Ratṭhapāla đều bước đến ôm chân Ngài thưa rằng:

- Thừa phu quân, do sự mong muốn các thiên nữ nào, mà phu quân thực hành phạm hạnh như thế này? Những thiên nữ ấy xinh đẹp như thế nào?

Đại Đức Ratṭhapāla dạy bảo:

- Nay các cô em gái, bần đạo hành phạm hạnh cao thượng này hoàn toàn không phải do mong muốn được thiên nữ nào cả!

Những người vợ cũ của Ngài nghe Ngài gọi “**các cô em gái**” (*bhaginī*) họ tối tăm, xây xẩm mặt mày, ngất xỉu nằm xuống nền nhà.

Đại Đức Ratṭhapāla thưa với thân phụ:

- Thừa thân phụ, thân phụ muốn bố thí vật thực thì xin hãy bố thí cho bần đạo. Chớ nên dùng vàng bạc của cải, đàn bà, những thứ ấy, bây giờ đối với bần đạo chúng chẳng còn nghĩa lý gì nữa.

Thân phụ của Đại Đức Ratṭhapāla bảo:

- Nay Ratṭhapāla con yêu quý, mọi vật thực ngon lành đã sẵn sàng, xin mời con thọ dụng.

Thân phụ của Đại Đức Ratṭhapāla tự tay mình bố thí cúng dường những vật thực ngon lành đến cho Ngài.

Sau khi Đại Đức Ratṭhapāla thọ thực xong rồi,
Ngài đứng dậy thuyết bài kệ rằng:

*“Hãy nhìn rõ sắc thân, có chín ung lở loét⁽¹⁾,
Chảy ra đồ hôi thối, thường bệnh hoạn ốm đau,
Vô thường không bền vững, phải chịu khổ triền miên.
Mà có người tưởng lầm, cho là thân xinh đẹp.*

*Hãy nhìn rõ sắc thân, da bọc lấy bộ xương,
Điểm trang đôi bông tai, có nạm ngọc ma-ni,
Vớ y phục lộng lẫy, thoạt nhìn tưởng là đẹp,
Đôi chân nhuộm thuốc màu, mặt thoa hương dồi
phấn,*

*Là chỉ để đánh lừa, kẻ si mê trần tục,
Không thể lừa bậc trí, mong chứng ngộ Niết Bàn.*

*Vành mắt tô vẽ màu, lông mày kẻ thật sắc,
Mái tóc uốn cong cong, thả dài trên vàng trán,
Là chỉ để đánh lừa, kẻ si mê trần tục,
Không thể lừa bậc trí, mong chứng ngộ Niết Bàn.*

*Thân hôi thối trang điểm, y phục che bên ngoài,
Vòng vàng trông lộng lẫy, mắt nhỏ thuốc long lanh,
Là chỉ để đánh lừa, kẻ si mê trần tục,
Không thể lừa bậc trí, mong chứng ngộ Niết Bàn.*

*Người thợ săn đặt bẫy⁽²⁾, Nai⁽³⁾ chỉ dùng đồ ăn,
Rồi bỏ đi không dính, người thợ săn ngồi buồn,
Nhìn theo bóng hình Nai, than thở chẳng được chi.*

¹ 9 ung nhọt ám chỉ: 2 mắt, 2 tai, 2 lỗ mũi, miệng, đường đại tiện và đường tiểu tiện.

² Người thợ săn: ám chỉ cha mẹ.

³ Nai: ám chỉ Đại Đức Ratṭhapāla.

Đại Đức Ratthapāla thuyết bài kệ xong, liền bay lên hư không rồi đáp xuống vườn Thượng uyển Migacīra của Đức vua Korabya rồi ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây.

Cũng ngày hôm ấy, Đức vua Korabya truyền lệnh cho người giữ vườn Thượng uyển rằng:

- Này Migava, ngươi hãy dọn dẹp làm sạch sẽ vườn Migacīra, Trẫm sẽ đến du lãm nơi ấy.

- Thần xin tuân chỉ. - Migava tâu.

Migava, người giữ vườn Thượng uyển Migacīra, đang dọn dẹp sạch sẽ khu vườn, chợt nhìn thấy Đại Đức Ratthapāla ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, nên liền trở về hầu Đức vua Korabya, tâu rằng:

- Tâu Hoàng Thượng, khu vườn Thượng uyển Migacīra, hạ thần đã làm sạch sẽ xong. Trong khu vườn ấy, hiện có Đại Đức Ratthapāla, trước đây là một công tử thuộc dòng Bà la môn cao quý trong tỉnh Thullakotṭhita này, mà Hoàng thượng không ngớt nhắc đến. Bây giờ Đại Đức đang ngồi nghỉ trưa dưới cội cây trong vườn Thượng uyển của Hoàng thượng.

- Này Migava, vậy Trẫm không muốn đi du lãm vườn Thượng uyển, mà Trẫm muốn đến hầu thăm Đại Đức Ratthapāla.

ĐỨC VUA ĐẾN THĂM ĐẠI ĐỨC RATTHAPĀLA

Khi ấy, đức vua Korabya truyền lệnh sửa soạn vật thực ngon lành để dùng, trang hoàng những cỗ xe sang trọng, Đức vua ngự trên cỗ xa giá lộng lẫy nhất đi ra khỏi thành Thullakotṭhita, với đoàn xe hộ tống đông đảo, biểu dương oai lực của bậc Đế vương, đến

hầu thăm Đại Đức Ratṭhapāla. Xa giá đến gần chỗ nghỉ của Đại Đức, nhà Vua xuống xe, đi bộ đến chỗ Ngài đang nghỉ.

Đức vua Korabya cùng với Đại Đức Ratṭhapāla gặp nhau vô cùng hoan hỷ, ân cần thăm hỏi lẫn nhau. Đức vua đứng một nơi hợp lễ, bèn bạch với Đại Đức Ratṭhapāla rằng:

- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, kính thỉnh Ngài ngồi trên lưng voi cao quý này.

Đại Đức Ratṭhapāla thưa rằng:

- Thưa Đại vương, xin Đại vương an tọa, còn bản đạo đang ngồi nơi này hợp lễ rồi.

BỐN ĐIỀU SUY THOÁI

Đức vua Korabya ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, bèn bạch với Đại Đức Ratṭhapāla rằng:

- Bạch Đại Đức Ratṭhapāla kính mến! Trong đời này có 4 điều suy thoái. Có số người gặp phải những điều suy thoái ấy, nên cạo râu tóc, mặc y cà sa màu lõi mít, bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu. Bốn điều suy thoái ấy là:

- *Suy thoái do tuổi già sức yếu.*
- *Suy thoái do bệnh hoạn, ốm đau.*
- *Suy thoái do của cải, tài sản khánh kiệt.*
- *Suy thoái do không còn họ hàng thân quyến.*

1- Suy thoái do tuổi già sức yếu như thế nào?

- Bạch Đại Đức Ratṭhapāla kính mến! Trong đời này, có một số người là người tuổi cao sức yếu, đã đến thời lão niên, giai đoạn cuối cùng của cuộc đời, họ

suy xét rằng: ***“Bây giờ ta đã là người tuổi cao, sức yếu, ta không dễ gì làm ra được của cải mà ta chưa có, hoặc của cải mà ta đã có rồi, thì cũng không dễ gì làm cho phát triển lên được. Vậy tốt hơn hết, ta nên xuất gia trở thành Tỳ khuru”***. Bởi vì người ấy bị suy thoái do tuổi già sức yếu, nên mới xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Bạch Đại Đức Raṭṭhapāla, đó gọi là ***điều suy thoái do tuổi già sức yếu***. Còn như Ngài bây giờ nhỏ tuổi, trẻ trung, tóc đen nhánh, đang thời thanh niên, sức khoẻ dồi dào. Ngài hoàn toàn chưa bị suy thoái do tuổi già sức yếu. Vậy, Ngài đã được thấy, được nghe, được biết sự lợi ích như thế nào, mà xuất gia trở thành Tỳ khuru như thế này?

2- Suy thoái do bệnh hoạn ốm đau như thế nào?

- Bạch Đại Đức Raṭṭhapāla kính mến! Trong đời này, có một số người thường bệnh hoạn hay ốm đau, họ suy xét rằng: ***“Bây giờ, ta là người thường bệnh hoạn ốm đau, ta không dễ gì làm ra được của cải mà ta chưa có, hoặc của cải mà ta đã có rồi thì cũng không dễ gì làm cho phát triển lên được. Vậy tốt hơn hết, ta nên xuất gia trở thành Tỳ khuru”***. Bởi vì, người ấy suy thoái do thường bệnh hoạn ốm đau, nên mới xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Bạch Đại Đức Raṭṭhapāla, đó gọi là ***điều suy thoái do bệnh hoạn ốm đau***. Còn như Ngài bây giờ không bệnh hoạn, ốm đau, có tứ đại rất điều hòa, không nóng không lạnh. Ngài hoàn toàn chưa bị suy thoái do bệnh hoạn ốm đau. Vậy, Ngài đã được thấy, được nghe, được biết sự lợi ích như thế nào, mà xuất gia trở thành Tỳ khuru như thế này?

3- Suy thoái do của cải tài sản khánh kiệt như thế nào?

- Bạch Đại Đức Ratṭhapāla kính mến! Trong đời này, có một số người, trước kia là người giàu sang phú quý, có nhiều tài sản, của cải. Nhưng bây giờ, của cải tài sản đều khánh kiệt, họ suy xét rằng: **“Trước kia, ta là người giàu sang phú quý, có nhiều tài sản của cải, nhưng bây giờ, của cải tài sản ấy nay đã dần dần khánh kiệt, ta không dễ gì làm ra được của cải mà ta chưa có, hoặc của cải mà ta đã có rồi thì cũng không dễ gì làm cho phát triển lên được. Vậy tốt hơn hết, ta nên xuất gia trở thành Tỳ khưu”**. Bởi vì, người ấy suy thoái do của cải tài sản khánh kiệt, nên mới xuất gia trở thành Tỳ khưu.

Bạch Đại Đức Ratṭhapāla, đó gọi là **điều suy thoái do của cải tài sản khánh kiệt**. Còn như Ngài bây giờ là một công tử duy nhất của một gia đình giàu sang cao quý trong tỉnh Thullakotṭhita này. Ngài hoàn toàn chưa bị suy thoái do của cải tài sản bị khánh kiệt. Vậy, Ngài đã được thấy, được nghe, được biết sự lợi ích như thế nào, mà xuất gia trở thành Tỳ khưu như thế này?

4- Suy thoái do không còn họ hàng thân quyến như thế nào?

- Bạch Đại Đức Ratṭhapāla kính mến! Trong đời này, có một số người, trước đây có nhiều bà con, thân bằng quyến thuộc đông đảo. Nhưng bây giờ, những người bà con thân bằng quyến thuộc của người ấy không còn ai nữa, họ suy xét rằng: **“Trước đây, ta có nhiều bà con, thân bằng quyến thuộc đông đảo. Nhưng bây giờ, tất cả họ hàng thân quyến không còn ai nữa,**

ta không dễ gì làm ra được của cải mà ta chưa có, hoặc của cải mà ta đã có rồi thì cũng không dễ gì làm cho phát triển lên được. Vậy tốt hơn hết, ta nên xuất gia trở thành Tỳ khuru". Bởi vì, người ấy suy thoái do không còn họ hàng thân quyến, nên mới xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Bạch Đại Đức Raṭṭhapāla, đó gọi là **điều suy thoái do không còn họ hàng thân quyến**. Còn như Ngài bây giờ có nhiều bà con, thân bằng quyến thuộc đông đảo trong tỉnh Thullakoṭṭhita này. Ngài hoàn toàn chưa bị suy thoái do không còn họ hàng thân quyến. Vậy, Ngài đã được thấy, được nghe, được biết sự lợi ích như thế nào, mà xuất gia trở thành Tỳ khuru như thế này?

- Bạch Đại Đức Raṭṭhapāla, đó gọi là 4 điều suy thoái. Khi người nào gặp phải những điều suy thoái ấy thường có ý nghĩ, nên cạo râu tóc, mặc y cà sa màu lồi mít xuất gia trở thành Tỳ khuru. Trong 4 điều suy thoái này, đối với Ngài hoàn toàn chưa có một điều nào. Như vậy, Ngài đã được thấy, được nghe, được biết sự lợi ích như thế nào, mà Ngài xuất gia trở thành Tỳ khuru như thế này? Bạch Ngài.

BỐN PHÁP TÓM TẮT

Đại Đức Raṭṭhapāla đáp lời đức vua Korabya rằng:

- Thừa Đại vương, Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đăng Giác đã tự chính mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, là Đức Phật đã thuyết giảng bốn pháp tóm tắt, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu rõ bốn pháp tóm tắt ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Thưa Đại vương, bốn pháp tóm tắt là:

1- Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhất rằng: ***“Sự già, sự chết dẫn dắt tất cả mọi người, vô thường, không bền vững”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

2- Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhì rằng: ***“Tất cả mọi người, không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

3- Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ ba rằng: ***“Người đời không có gì là của ta, từ bỏ thân xác và tất cả của cải tài sản, tái sanh kiếp sau”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

4- Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ tư rằng: ***“Mọi người có tâm tham muốn, không bao giờ biết đủ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, đều làm nô lệ của tham ái”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

Đức vua bạch rằng:

1- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, Ngài dạy rằng: ***“Sự già, sự chết dẫn dắt tất cả mọi người, vô thường, không bền vững”***. Về ý nghĩa lời dạy của

Ngài, con muốn hiểu rõ bằng cách nào? Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, Đại vương hiểu thế nào về điều này? Khi Đại vương còn trẻ tuổi độ 20, 25, có tài thiện nghệ về voi, ngựa, xe; thiện nghệ về cung tên, đao kiếm. Có thân mình khoẻ mạnh, có đôi chân vững vàng, đôi tay rắn chắc, đã từng xông pha nơi trận địa có phải không?

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, khi con còn trẻ tuổi độ 20, 25, có tài thiện nghệ về voi, ngựa, xe; thiện nghệ về cung tên, đao kiếm. Có thân mình khoẻ mạnh, có đôi chân vững vàng, đôi tay rắn chắc, đã từng xông pha nơi trận địa. Đôi khi con tưởng chừng như mình có thần thông, vì không có một ai có thể địch với con được!

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Bây giờ, Đại vương còn có đôi chân vững vàng, đôi tay rắn chắc, có sức mạnh phi thường xông pha nơi trận địa như trước được không?

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, không thể nào như trước được. Bạch Ngài. Bây giờ con tuổi già sức yếu, đã quá thời, đến tuổi lão niên, ở giai đoạn cuối cùng của cuộc đời, con đã 80 tuổi rồi, đôi khi con nghĩ bước chân đến chỗ này, bàn chân lại xê dịch sang chỗ khác, không sao tự chủ được.

- Thừa Đại vương, Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhất rằng: **“Sự già, sự chết dẫn dắt tất cả mọi người, vô thường, không bền vững”**, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, thật phi thường!

Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, thật chưa từng nghe như vậy bao giờ!

Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhất rằng: ***“Sự già, sự chết dẫn dắt tất cả mọi người, vô thường, không bền vững”***.

Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, sự thật đúng là ***“Sự già, sự chết dẫn dắt tất cả mọi người, vô thường, không bền vững”***.

2- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, trong hoàng cung có đoàn tượng binh, mã binh, bộ binh, quân xa mỗi khi có tai họa xảy ra, các loại binh chủng này bảo vệ cho con được an toàn. Thế mà Ngài thuyết dạy rằng: ***“Mọi người không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu”***. Về ý nghĩa lời dạy của Ngài, con muốn hiểu rõ bằng cách nào? Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Đại vương đã từng lâm bệnh nặng hay chưa?

- Kính bạch Đại Đức, có một lần con đã từng lâm bệnh nặng tưởng chừng như không thể thoát khỏi chết. Các Vương gia hoàng tộc, các quan cận thân đứng quanh con nghĩ rằng: ***“Đức vua Korabya sẽ băng hà! Đức vua Korabya sắp băng hà bây giờ!”***.

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Đại vương cho truyền gọi Hoàng hậu, các Hoàng tử, Công chúa, các Vương gia, quan cận thân đến rồi truyền rằng: ***“Này các khanh hãy lại đây với Trẫm, các khanh là Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa, Vương gia, các quan cận thân... các khanh hãy***

chia xẻ bớt nỗi thọ khổ của Trẫm, tất cả các khanh chia xẻ, làm nhẹ nỗi khổ của Trẫm...”

Đại vương truyền lệnh như vậy có được không? Hay chỉ có một mình Đại vương thọ khổ mà thôi?

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, con không thể truyền lệnh: *“Này các khanh hãy lại đây với Trẫm, các khanh là Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa, Vương gia, các quan cận thần... các khanh hãy chia xẻ bớt thọ khổ của Trẫm, tất cả các khanh chia xẻ, làm nhẹ nỗi khổ của Trẫm...”*. Sự thật, chỉ có một mình con thọ khổ mà thôi. Bạch Ngài!

- Thừa Đại vương, Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đăng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhì rằng: ***“Mọi người không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, thật phi thường!

Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, thật chưa từng nghe như vậy bao giờ!

Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đăng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ nhì rằng: ***“Mọi người không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu”***.

Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, sự thật đúng là ***“Mọi người không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu”***.

3- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, trong triều đình có nhiều vàng bạc, châu báu của cải, trên mặt đất cũng có, chìm trong lòng đất cũng có. Thế mà Ngài dạy rằng:

“Mọi người không có gì là của ta, từ bỏ thân xác và tất cả của cải tài sản, tái sinh kiếp sau”. Về ý nghĩa lời dạy của Ngài con muốn hiểu rõ bằng cách nào? Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Kiếp hiện tại này, Đại vương đã thọ hưởng đầy đủ ngũ trần như thế này; kiếp sau, Đại vương cũng sẽ thọ hưởng đầy đủ ngũ trần như kiếp hiện tại này có thể được không? Hay những người khác sẽ kế ngôi thọ hưởng sự nghiệp đế vương này, còn Đại vương sau khi băng hà sẽ tái sinh tùy theo nghiệp đã tạo, có phải không?

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, kiếp hiện tại, con đang thừa hưởng sự nghiệp đế vương sung túc đầy đủ ngũ trần như thế này; kiếp sau, con đâu còn có thể thừa hưởng sự nghiệp đế vương sung túc đầy đủ ngũ trần như kiếp hiện tại này được nữa. Sự thật, người khác sẽ kế ngôi, thọ hưởng di sản sự nghiệp đế vương này, còn con sau khi băng hà sẽ tái sinh kiếp sau tùy theo thiện nghiệp ác nghiệp, mà con đã tạo.

- Thừa Đại vương, Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ ba rằng: ***“Người đời không có gì là của ta, từ bỏ thân xác và tất cả của cải tài sản, tái sinh kiếp sau”***, mà bản đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỷ kheu.

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, thật phi thường!

Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, thật chưa từng nghe như vậy bao giờ!

Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đẳng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều

thứ ba rằng: ***“Người đời không có gì là của ta, từ bỏ tất cả của cải tài sản, ra tái sinh kiếp sau”***.

Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, sự thật đúng là ***“Người đời không có gì là của ta, từ bỏ tất cả của cải tài sản ra tái sinh kiếp sau”***.

4- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, Ngài dạy rằng: ***“Mọi người có tâm tham muốn, không bao giờ biết đủ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, đều làm nô lệ của tham ái”***. Về ý nghĩa lời dạy của Ngài con muốn hiểu rõ bằng cách nào? Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Đại vương đang trị vì xứ Kuru phồn thịnh có phải không?

- Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, vâng, đúng như vậy, con đang trị vì xứ Kuru phồn thịnh. Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Một vị quan thân tín, có lời nói chân thật đáng tin cậy ở xứ Kuru này, đi từ phía Đông đến yết kiến Đại vương và tâu rằng: ***“Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng anh minh, hạ thần từ hướng Đông đến. Ở tại hướng ấy, hạ thần được thấy, được biết có một vùng đất rộng lớn, dân chúng hiền lành đông đúc, sự sống trong vùng ấy rất trù phú và phát triển, có nhiều lúa gạo, mỏ vàng, mỏ bạc đã và đang khai thác hoặc chưa khai thác, có đàn voi ngựa, bộ binh đã được luyện tập thành thực, do phụ nữ cai trị. Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng chỉ cần đem một số ít quân đến đánh chiếm, chắc chắn sẽ chiến thắng dễ dàng”***.

Khi nghe vị quan tâu như vậy, Đại vương nghĩ sẽ làm gì về vùng đất phía Đông ấy?

- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, con sẽ đem quân đánh chiếm vùng đất phía Đông ấy.

- Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào về điều này? Một vị quan thân tín, có lời nói chân thật đáng tin cậy ở xứ Kuru này, đi từ phía Tây đến..., ...đi từ phía Nam đến..., ...đi từ phía Bắc đến yết kiến Đức vua và tâu tương tự như trên rằng: *“Tâu Hoàng thượng, xin Hoàng thượng sáng suốt, hạ thân từ hướng Tây..., hướng Nam..., hướng Bắc đến.... Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng chỉ cần đem một số ít quân đến đánh chiếm, chắc chắn sẽ chiến thắng dễ dàng”*.

Khi nghe các vị quan tâu như vậy, Đại vương nghĩ sẽ làm gì về những vùng đất ấy?

- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, con sẽ đem quân đánh chiếm những vùng đất ấy.

- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đăng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ tư rằng: *“Mọi người có tâm tham muốn, không bao giờ biết đủ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, đều làm nô lệ của tham ái”*, mà bần đạo đã được nghe, được hiểu biết rõ pháp ấy, nên mới bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu.

- Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, thật phi thường!

Kính bạch Đại Đức Ratṭhapāla, thật chưa từng nghe như vậy bao giờ!

Đức Thế Tôn là Bạc A-ra-hán cao thượng nhất, là Bạc Chánh Đăng Giác, là Đức Phật đã thuyết dạy điều thứ tư rằng: *“Mọi người có tâm tham muốn, không bao giờ biết đủ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, đều làm nô lệ của tham ái”*.

Kính bạch Đại Đức Ratthapāla, sự thật đúng là **“Mọi người có tâm tham muốn, không bao giờ biết đủ, luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, đều làm nô lệ của tham ái”**.

Sau khi Đại Đức Ratthapāla giảng giải 4 pháp tóm tắt xong, tiếp theo Ngài thuyết bài kệ rằng:

*Thưa Đại vương, bản đạo, nhìn thấy người giàu có,
Vì tâm tham ngăn cản, si mê không bố thí.
Tham muốn gom góp nhiều, của cải và châu báu.
Dục vọng trong ngũ trần, càng tham càng muốn nhiều.
Đức vua dùng quyền lực, chiến thắng mọi kẻ thù,
Chiếm đất đến đại dương, để làm biên giới mình.
Đất bên này đại dương, cai trị chưa biết đủ,
Còn tham muốn miền đất, ở bên kia đại dương,
Tâm tham của Đức vua, như tâm tham mọi người.
Lòng tham muốn chưa thỏa, thì sự chết đến gần.
Dục vọng trong ngũ trần, chẳng bao giờ đủ cả!
Lòng khao khát càng nhiều, sự thiếu thốn càng sâu.
No đủ trong ngũ trần, đời này không thể có!
Đành từ bỏ thân này, tái sanh qua kiếp khác.
Thân nhân đầu tóc xõa, khóc than người đã chết.
Ôi! người thân của tôi, đã chết thật rồi sao?
Thân nhân quần người chết, bằng một tấm vải liệm,
Rồi đem ra khỏi nhà, đặt trên giàn hỏa thiêu.
Người chết từ bỏ hết, tất cả của cải mình,
Chỉ quần theo tấm vải, rồi cũng cháy mất tiêu,
Trên giàn thiêu tử thi, bị đâm bằng cây sắt.
Tất cả những bà con, thân quyến cùng bạn bè,*

Không phải nơi nương nhờ, của con người đã chết.
 Khi những người thừa kế, đem chia hết tài sản,
 Người chết chỉ đem theo, nghiệp của mình đã tạo.
 Tất cả những tài sản, vợ con và xứ sở...,
 Không có một thứ nào, trong đời theo người chết.
Của cải không ngăn được, tuổi già đến với mình
Của cải không đổi được, sự sống lâu của mình.

Bậc Thiện trí thường dạy, cho mọi người biết rằng:
 Mạng sống người ngắn ngủi, vô thường, hay đổi thay.
 Người giàu cùng kẻ nghèo, đều giáp mặt tử thần,
 Bậc trí với kẻ ngu, đều chạm trán thân chết:
 Bậc trí sắp lâm chung, tâm bình tĩnh sáng suốt,
 Vì thấy sanh cảnh thiện, hưởng an lạc trọn đời.
 Còn người ngu sắp chết, tâm ô nhiễm, kinh sợ,
 Vì thấy sanh cõi ác, phải chịu khổ trọn kiếp.

Sự thật là như thế, nhận thức đúng đắn rằng:
Trí tuệ cao quý hơn, của cải ở trên đời.
 Bằng trí tuệ thiên tuệ, có thể chứng đắc được,
 A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả.
 Phận sự Tứ thánh đế, được hoàn thành tất cả.
 Mà những người si mê, không thể nào biết được,
 Nên tạo nghiệp thiện – ác, phải chịu cảnh luân hồi,
 Trong ba giới bốn loài, sanh làm kiếp lớn – nhỏ,
 Khi tái sanh lòng mẹ, khi sanh cảnh giới khác.
 Vòng tử sanh luân hồi, biết khi nào cùng tận.
 Người không có trí tuệ, tin theo người không trí,
 Phải luân hồi tử sanh⁽¹⁾, noãn – thai và thấp – hóa.

¹ Tứ sanh: 4 loại chúng sinh: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh.

*Chúng sinh tạo ác nghiệp, cho quả sanh cõi ác,
Chịu quả khổ ác nghiệp, do chính mình đã tạo.
Cũng như kẻ trộm cắp, có tang chứng rõ ràng,
Phải chịu những cực hình, do chính mình đã tạo.
Thưa Đại vương, ngũ trần⁽¹⁾, muôn loại, muôn màu sắc,
Thật vô cùng hấp dẫn, lôi cuốn thấy muôn loài,
Làm say mê chìm đắm, bằng rất nhiều hình thức,
Bần đạo đã thấy rõ, tội lỗi của ngũ trần,
Nên quyết tâm bỏ nhà, xuất gia thành Tỳ khưu.*

*Thưa Đại vương! tất cả, trái cây dầu lớn – nhỏ,
Đều có thể rơi rụng, cũng như vậy, mọi người,
Tuổi dầu còn ấu niên, thanh niên hoặc lão niên,
Cũng đều có thể chết. Bần đạo hiểu như vậy,
Nên quyết tâm bỏ nhà, xuất gia thành Tỳ khưu.
Xét thấy rõ phạm hạnh, Tỳ khưu là cao quý,
Chắc chắn sẽ giải thoát, khỏi mọi cảnh khổ não,
Vòng tử sanh luân hồi, trong ba giới bốn loài.*

¹ Ngũ trần: 5 đối tượng: sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc êm ái.

Sơ Lược Tích Tiền Thân Đại Đức Ratṭhapāla

Trong bộ Chú giải Theragāthā, phần kệ của Đại Đức Ratṭhapāla dạy rằng:

Trước thời kỳ Đức Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian, tiền thân Đại Đức Ratṭhapāla sanh trong một gia đình giàu sang phú quý trong thành Hamsavatī. Khi Ngài trưởng thành, cha mẹ của Ngài đã qua đời, Ngài trở thành người thừa kế tất mọi tài sản của cải lớn lao của dòng họ không sao kể được. Những người quản gia chỉ cho Ngài thấy những kho của cải, và thưa rằng:

- Đây là phần của cải của tổ tiên để lại.
- Đây là phần của cải của ông bà, cha mẹ để lại.

Ngài suy xét rằng: *“Những tài sản của cải to lớn này từ nhiều đời để lại, không một ai đem theo được món nào. Đến đời ta, ta nên sử dụng tất cả tài sản của cải này đem lại sự lợi ích, sự an lạc thật sự”*.

Do đó, Ngài đem tất cả tài sản của cải bố thí đến những người nghèo khổ thiếu thốn, người khách qua đường... Ngài hộ độ một vị đạo sĩ chứng đắc thiên và thần thông. Suốt cuộc đời, Ngài làm mọi phước thiện cho đến hết tuổi thọ. Sau khi chết, do thiện nghiệp ấy cho quả, Ngài được tái sanh làm chư thiên cõi trời dục giới. Ngài thọ hưởng sự an lạc cõi trời cho đến hết tuổi thọ.

Vào thời kỳ Đức Phật Padumuttara⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100.000 năm. Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh,

¹ Đức Phật Padumuttara xuất hiện trên kiếp trái đất trong quá khứ, cách kiếp trái đất của chúng ta ngày nay 100.000 kiếp trái đất.

giải thoát cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới. Thời ấy, tiền thân của Ngài Ratṭhapāla từ cõi trời tái sanh làm công tử duy nhất, trong một gia đình thuộc dòng dõi quý tộc giàu sang.

Khi trưởng thành, một hôm công tử cùng nhóm cận sự nam, cận sự nữ đến chùa nghe Đức Phật Padumuttara thuyết pháp, công tử phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Lúc ấy, Đức Phật Padumuttara tuyên dương một vị Tỳ khuru có phẩm hạnh cao quý nhất trong hàng Thanh văn đệ tử về ***đức hạnh xuất gia bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo***. Công tử nhìn thấy vị Tỳ khuru ấy liền phát sanh đức tin trong sạch, có ước nguyện sẽ trở thành vị ***Tỳ khuru xuất gia bằng đức tin trong sạch***, như vị Tỳ khuru ấy.

Do ước nguyện ấy, công tử kính thỉnh Đức Phật Padumuttara cùng 100 ngàn chư Tỳ khuru Tăng làm phước đại thí suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, công tử làm đại lễ cúng dường đến Đức Phật Padumuttara cùng 100 ngàn chư Tỳ khuru Tăng, và phát nguyện muốn trở thành địa vị Tỳ khuru cao quý nhất trong hàng Thanh văn đệ tử của Đức Phật trong vị lai, về ***đức hạnh xuất gia trở thành Tỳ khuru bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo***, như vị Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật Padumuttara.

Đức Phật Padumuttara dùng Phật nhãn thấy rõ, biết rõ ước nguyện của người cận sự nam ấy không có gì trở ngại, nên đã thọ ký rằng:

- Trong vị lai, người cận sự nam này sẽ đạt được địa vị Tỳ khuru cao quý nhất trong hàng Thanh văn đệ tử của Đức Phật Gotama, về đức hạnh xuất gia trở

thành Tỳ khuru bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo.

Khi công tử nghe Đức Phật Padumuttara thọ ký như vậy, vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Đức Phật Padumuttara cùng chư Tỳ khuru Tăng, rồi từ đó tinh tấn kiên trì tạo mọi thiện pháp cho đến hết tuổi thọ.

Do phước thiện ấy, Ngài tái sanh làm người và làm chư thiên cõi trời dục giới, (*không hề sa vào 4 cõi ác giới: địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh*) mãi cho đến kiếp trái đất thứ 92 trong quá khứ, cách kiếp trái đất hiện tại, mà chúng ta đang sống này.

Vào thời kỳ Đức Phật Phussa⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90.000 năm, tiền thân Ngài Đại Đức Ratṭhapāla là một cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, lo hộ độ Đức Phật cùng chư Tỳ khuru cho đến trọn đời. Do phước thiện ấy, Ngài chỉ có tái sanh nơi cõi thiện giới, không hề sa vào 4 cõi ác giới.

Đến thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu thân Ngài sanh trưởng trong gia đình phú hộ tại tỉnh Thullakotṭhita thuộc xứ Kuru. Ngài mang tên của dòng họ là Ratṭhapāla. Công tử Ratṭhapāla là đứa con duy nhất, được sanh ra và trưởng thành trong cảnh giàu sang phú quý, đời sống của công tử hưởng mọi sự an lạc trong đời.

Một thuở nọ, Đức Phật cùng số đông chư Tỳ khuru Tăng du hành đến xứ Kuru, công tử Ratṭhapāla nghe Đức Phật thuyết pháp phát sanh đức tin trong

¹ Đức Phật Phussa xuất hiện trên kiếp trái đất trong quá khứ cách kiếp trái đất của chúng ta ngày nay 92 kiếp trái đất.

sạch nơi Tam bảo, quyết chí xuất gia trở thành Tỳ khuru. Ban đầu, song thân từ chối không cho phép công tử xuất gia, nhưng về sau thấy thái độ cương quyết của con mình, và nghe theo lời khuyên của những người bạn công tử, nên song thân ưng thuận cho phép.

Công tử Raṭṭhapāla được xuất gia trở thành Tỳ khuru nơi Đức Thế Tôn, không lâu sau, Tỳ khuru Raṭṭhapāla tinh tấn tiến hành thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng cùng với **Tứ tuệ phân tích** và **Lục thông**, trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Một hôm, chư Tỳ khuru Tăng hội họp, Đức Thế Tôn tuyên dương địa vị của Đại Đức Raṭṭhapāla rằng:

- *Etadaggaṃ bhikkhave mama Sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ saddhā pabbajitānaṃ yadidaṃ Raṭṭhapāla.*

“Này chư Tỳ khuru, trong hàng Tỳ khuru Thanh văn đệ tử của Như Lai, Raṭṭhapāla là Tỳ khuru cao quý nhất về đức hạnh xuất gia bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo”.

Phản Raṭṭhapālattheragāthā

Kệ Đại Đức Raṭṭhapāla có đoạn Ngài dạy rằng:

*Thừa Đại vương thân mến,
Trái cây chín hoặc non, đều có thể rơi rụng.
Cũng như vậy, chúng sinh, già trẻ cũng đều chết.
Bần đạo thấy trạng thái, vô thường của ngũ uẩn.*

Nên bỏ nhà xuất gia, để trở thành Tỳ khuru,
Trong giáo pháp Đức Phật, Go-ta-ma cao thượng,
Bằng đức tin trong sạch, nơi Tam bảo cao thượng.
Xuất gia thành Tỳ khuru, quả thật không vô ích,
Bàn đạo đã chứng đắc, 4 Thánh Đạo – Thánh Quả,
Và Niết Bàn cao thượng, đã diệt đoạn tuyệt được,
Mọi tham ái, vô minh, cùng phiền não ác pháp.
Bàn đạo thọ vật thực, không mang nợ thí chủ.
Bàn đạo đã thấy rõ, vật dục và phiền não,
Là hầm than hồng cháy, thiêu đốt người đắm say.
Thấy rõ tội ngũ trần, vui ít, khổ thì nhiều.
Thấy rõ những bạc vàng, là vũ khí nguy hiểm!
Thấy rõ khổ tái sanh, bắt đầu mọi cảnh khổ.
Thấy rõ họa kinh khủng, trong những cảnh địa ngục.
Bàn đạo từ bỏ nhà, xuất gia thành Tỳ khuru,
Đến hầu Đức Thế Tôn, lắng tâm nghe chánh pháp,
Bồ đề phát sanh động tâm, nhớ khi còn tại gia,
Bị những mũi tên độc, tham sân si đâm thủng.
Bây giờ, bàn đạo là, bậc Thánh A-ra-hán.
Diệt đoạn tuyệt tham ái, là nhân dẫn tái sanh,
Diệt tất cả phiền não, cùng với mọi ác pháp.
Và ngũ uẩn chấp thủ, gánh nặng đã buông bỏ.
Bàn đạo đã trở thành, bậc Thánh A-ra-hán,
Do nương nhờ Đức Phật, Đức Pháp cùng Đức Tăng.

Tiền Thân Của Đại Đức Rattṭhapāla

Trong Bộ Therāpadāna, phần Rattṭhapālatherāpādāna, Đại Đức Rattṭhapāla cho biết về những tiền thân của Ngài đã từng tạo phước thiện có đoạn dạy rằng:

“Bần đạo, người nài voi, đã dâng voi chúa quý,
 Có đôi ngà lớn đẹp, trang hoàng bằng lông trắng,
 Đến Đức Phật, Thế Tôn, Pa-du-mut-ta-ra,
 Cao thượng nhất chúng sinh, trong ba giới bốn loài.
 Bần đạo xuất số tiền, 54.000 ka-hā-pa-na,
 Xây cất ngôi chùa lớn, gồm có nhiều cốc nhỏ,
 Cùng bốn thứ vật dụng, đầy đủ và cao quý,
 Cúng dường đến Đức Phật, Pa-du-mut-ta-ra,
 Cùng chư Tỳ khưu Tăng, đủ một trăm ngàn vị.
 Đức Phật thuyết Niết Bàn, pháp bất sanh bất tử.
 Làm cả thầy đại chúng, đều vô cùng hoan hỉ.
 Giữa chư Tăng Đức Phật, Pa-du-mut-ta-ra,
 Tuyên bố lời thọ ký, đến bần đạo như vậy:
 “Người thí chủ này đây, đã thành tâm xuất ra,
 Số tiền năm mươi bốn ngàn ka-hā-pa-na,
 Xây cất một ngôi chùa, gồm nhiều cốc lớn nhỏ,
 Như Lai tuyên bố rằng: quả báu của người này,
 Sẽ tái sanh cõi trời, trong lâu đài tráng lệ,
 Thành tựu bằng vàng ròng, sáng rực khắp một vùng.
 Làm vua ở cõi trời, suốt tròn 50 kiếp.
 Tái sanh ở cõi người, làm Chuyển luân thánh vương
 Suốt tròn 58 kiếp, hưởng an lạc cao quý.
 Từ kiếp trái đất này, đến trăm ngàn kiếp nữa,
 Có Phật Go-ta-ma, xuất hiện trên thế gian.
 Chính người thí chủ này, từ cõi trời hạ sanh,

Vào dòng Bà la môn, giàu sang phú quý nhất,
 Thành Thul-la-koṭ-ṭhi-ta, tên Raṭ-ṭha-pā-la,
 Do phước thiện làm duyên, nên được nghe chánh pháp,
 Của Phật Go-ta-ma, sanh đức tin trong sạch.
 Nên quyết chí bỏ nhà, xuất gia thành Tỳ khuru.
 Tỳ khuru Raṭ-ṭha-pā-la, luôn chuyên cần tinh tấn,
 Thích ở nơi thanh vắng, để tiến hành thiền tuệ,
 Để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả A-ra-hán.
 Diệt đoạn tuyệt tất cả, tham ái và phiền não,
 Sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sanh tử khổ”.

* Đại Đức Ratṭhapāla thuật lại rằng:

Bản đạo đã quyết chí, từ bỏ nhà xuất gia,
 Để trở thành Tỳ khuru, hành phạm hạnh cao thượng.
 Bỏ tất cả của cải, mà không hề luyến tiếc.
 Như nhỏ bãi nước miếng, thật dễ dàng như vậy.
 Bản đạo thường tinh tấn, chuyên tiến hành thiền tuệ,
 Chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, Niết Bàn,
 Diệt đoạn tuyệt tất cả, tham ái và phiền não.
 Đã chứng đắc Tam minh, Tuệ phân tích, Lục thông.
 Bản đạo đã hoàn thành, phận sự bậc Sa môn.
 Hoàn thành lời giáo huấn, tối thượng của Đức Phật.
 Bản đạo biết rõ rằng, kiếp này là kiếp chót.
 Khi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tái sanh,
 Trong ba giới bốn loài, thật an lạc tuyệt đối.

Ngài Đại Đức Ratṭhapāla, là một bậc Thánh A-ra-hán xuất sắc nhất về đức hạnh xuất gia bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo, đó là quả của thiện nghiệp mà Ngài đã tạo từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ cho đến kiếp hiện tại.

Những tiền thân của Ngài từ sự tư duy đứng đắn về cuộc đời con người, Ngài đã sử dụng của cải đem ra làm phước bố thí, có duyên lành gặp Đức Phật Padumuttara, được nhìn thấy vị Thánh A-ra-hán xuất sắc nhất về đức hạnh xuất gia bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo, trong giáo pháp Đức Phật Padumuttara, nên mới ước nguyện trở thành vị Thánh A-ra-hán như vị Thánh ấy trong thời vị lai. Ngài thỉnh Đức Phật cùng trăm ngàn chư Đại Đức Tăng làm phước cúng dường suốt bảy ngày rồi phát nguyện ra bằng lời, được Đức Phật Padumuttara thọ ký trong vị lai chắc chắn sẽ thành tựu điều ước nguyện ấy.

Cuộc đời của Ngài có mục đích cứu cánh cuối cùng, cho nên kiếp nào Ngài cũng cố gắng bồi bổ pháp hạnh ba la mật cho đầy đủ chỉ vì mục đích cao cả ấy; đến kiếp hiện tại, Ngài hạ sanh trong gia đình giàu sang phú quý, hưởng mọi sự an lạc ngũ trần, song Ngài vẫn bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu, chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán xuất sắc nhất về đức hạnh xuất gia bằng đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có địa vị cao cả đúng như lời thọ ký của Đức Phật Padumuttara trong quá khứ.

Sự tích cuộc đời Ngài là gương mẫu cho các hàng Phật tử chúng ta học tập noi theo.

II-TÍCH ĐẠI ĐỨC TỖ KHƯU NI SUMEDHĀ

Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā, kiếp hiện tại là Công chúa Sumedhā, con bà chánh cung hoàng hậu của đức vua Koṇca, trị vì kinh thành Mantavatī.

Sơ Lược Tiền Thân Tỳ Khuru Ni Sumedhā

Trong bộ Chú giải Therīgāthā, Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā dạy rằng:

Những tiền thân của Ngài đã từng tạo pháp hạnh ba la mật, với ý nguyện mong giải thoát khỏi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

- Trong kiếp trái đất này, vào thời kỳ tuổi thọ con người khoảng 30.000 năm, *Đức Phật Koṇāgamana* xuất hiện trên thế gian, tiền thân *Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā*, sanh làm con trong một gia đình phú hộ có nhiều của cải. Cô là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, cùng với hai người bạn gái tên là *Dhanañjānī* và *Khemā* xây cất một ngôi chùa lớn, nguy nga tráng lệ, dâng cúng đến chư Tỳ khuru Tăng có Đức Phật Koṇāgamana chủ trì, và hộ độ bốn thứ vật dụng đến Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng cho đến trọn đời.

Do phước thiện ấy cho quả, cô được tái sanh làm chư thiên cõi trời dục giới và làm người suốt nhiều kiếp, không hề sa vào 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh). Cô tái sanh cõi trời nào, cũng là một thiên nữ cao quý nhất, là Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua trời cõi ấy, và được hưởng sự an lạc cao

quý trong cõi trời ấy. Nếu cô sanh làm người vào thời đại có Đức Chuyển luân thánh vương, cô sẽ là Chánh cung Hoàng hậu của Đức Chuyển luân thánh vương, và vào thời đại không có Đức Chuyển luân thánh vương, cô sẽ là Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua một nước lớn.

* Vào thời kỳ tuổi thọ con người khoảng 20.000, có *Đức Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian. Cô tái sanh trong một gia đình quý phái, là bạn thân với 6 công chúa của đức vua Kīkī trị vì kinh thành Baraṇasī, họ đều là cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Tam bảo, hoan hỷ trong sự bố thí cúng dường, giữ giới, tiến hành thiện định, tiến hành thiện tuệ cho đến trọn đời.

- Cô tái sanh làm thiên nữ cõi ***Tam thập tam thiên***, hưởng sự an lạc trong cõi trời này cho đến hết tuổi thọ 1.000 năm. *(So với cõi người là 36 triệu năm, bởi 1 ngày 1 đêm của cõi trời này bằng 100 năm cõi người).*

- Cô tái sanh làm thiên nữ cõi trời cao hơn 1 bậc là cõi ***Dạ ma thiên***, hưởng sự an lạc trong cõi trời này cho đến hết tuổi thọ 2.000 năm. *(So với cõi người là 144 triệu năm, bởi 1 ngày 1 đêm của cõi trời này bằng 200 năm cõi người).*

- Cô tái sanh làm thiên nữ cõi trời cao hơn 1 bậc là cõi ***Đâu suất đà thiên***, hưởng sự an lạc trong cõi trời này cho đến hết tuổi thọ 4.000 năm. *(So với cõi người là 576 triệu năm, bởi 1 ngày 1 đêm của cõi trời này bằng 400 năm cõi người).*

- Cô tái sanh làm thiên nữ cõi trời cao hơn 1 bậc là cõi Hóa lạc thiên, hưởng sự an lạc trong cõi trời này cho đến hết tuổi thọ 8.000 năm. (So với cõi người là 2.304 triệu năm, bởi 1 ngày 1 đêm của cõi trời này bằng 800 năm cõi người).

- Cô tái sanh làm thiên nữ cõi trời cao hơn 1 bậc là cõi Tha hóa tự tại thiên, hưởng sự an lạc trong cõi trời này cho đến hết tuổi thọ 16.000 năm. (So với cõi người là 9.216 triệu năm, bởi 1 ngày 1 đêm của cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người).

Do năng lực phước thiện, cô sanh làm thiên nữ cõi trời nào, cũng đều làm Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua trời cõi ấy và hưởng sự an lạc cao quý trong cõi trời ấy.

Kiếp Hiện Tại Của Đại Đức Tỳ Khưu Ni Sumedhā

Vào thời kỳ tuổi thọ con người 100 năm, *Đức Phật Gotama* hiện tại xuất hiện trên thế gian. Cô từ cõi Tha hóa tự tại thiên, tái sanh làm người, là Công chúa Sumedhā của Đức vua Koṇḍā trị vì kinh thành Mantavatī. Do năng lực phước thiện ba la mật đã tạo nhiều kiếp trong quá khứ, đến kiếp này là kiếp chót của cô. Vì vậy, dầu khi còn nhỏ, công chúa thường đến chùa Tỳ khưu ni để nghe pháp. Công chúa thường phát sanh động tâm (*saṃvega*), kinh sợ cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, phát sanh tâm nhàm chán sắc thân ô trược này; trí tuệ thấy rõ tội lỗi của ngũ trần, phát sanh tâm nhàm chán ngũ trần, không muốn đời sống người tại gia, có chí hướng bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu ni.

Khi Công chúa Sumedhā trưởng thành, Đức vua và Hoàng hậu có ý định tác hợp Công chúa kết hôn cùng với đức vua Anikaratta trị vì kinh thành Vāraṇavati. Đức vua và Hoàng hậu khuyên bảo Công chúa không nên xuất gia trở thành Tỳ khuru ni, nên thành hôn với đức vua Anikaratta, sẽ trở thành Chánh cung Hoàng hậu của đức vua Anikaratta, có nhiều quyền thế, có đầy đủ sự an lạc trong ngũ trần không một ai sánh được. Song công chúa Sumedhā nhất quyết không ưng thuận, quyết chí từ bỏ cung điện xuất gia trở thành Tỳ khuru ni.

Trong bộ Therīgāthā, phần Sumedhāgāthā, Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā dạy rằng:

*Nguyên trước kia bản đạo, công chúa Su-me-dhā,
Con Chánh cung Hoàng hậu, của Đức vua Koṇ-ca.
Trị vì nơi kinh thành, Man-ta-va-tī ấy.
Tôi có đủ đức tin, trong sạch nơi Tam bảo.
Do nhờ lắng nghe pháp, của bậc Thánh nhân dạy.
Là Bậc đã thực hành, theo lời của Đức Phật.
Tôi là Su-me-dhā, có giới đức trong sạch,
Bậc đa văn túc trí, nghe nhiều và hiểu rộng,
Có khả năng thuyết pháp, rất hay bằng nhiều cách.
Được thực hành đúng theo, giáo pháp của Đức Phật.
Cho nên thân khẩu ý, và lục căn thanh tịnh.*

Công chúa Sumedhā đến gặp Đức vua và Hoàng hậu tâu rằng:

*“Con có lời kính tâu, phụ hoàng cùng mẫu hậu.
Con nhàm chán ngũ uẩn. Con nhàm chán ngũ trần⁽¹⁾*

¹ Ngũ trần: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc êm ấm.

Con chỉ mong chứng ngộ, Niết Bàn giải thoát khổ.
Ngũ trần dầu cõi trời, vẫn vô thường tạm bợ.
Ngũ trần trong cõi người, có gì đáng nói đâu!
Những gì trong tam giới, đều là pháp vô ngã,
Vô chủ và vô dụng, chỉ có khổ mà thôi.
Ngũ trần vui thì ít, thống khổ cùng cực nhiều.
Như một ít mật ong, dính trên lưỡi dao bén.
Thèm liếm chút mật kia, bị đứt lưỡi chảy máu.
Ngũ trần toàn cay đắng, không gì đáng mong ước,
Ngũ trần như rắn hổ, nhiều nọc độc chết người,
Thật vô cùng nguy hiểm, tai hại đến sanh mạng.
Kẻ si mê tham đắm, trong dục lạc ngũ trần,
Làm bao điều tội lỗi, tạo ác nghiệp, bắt lương.
Phải chịu khổ thân – tâm, cực hình trong địa ngục.
Những hạng người si mê, không hề biết thu thúc,
Giữ gìn thân – khẩu – ý, trong sạch trong thiện pháp,
Thường tạo mọi ác nghiệp, chịu khổ cõi ác giới.
Người không có trí tuệ, không biết tạo thiện nghiệp,
Không đem lại cho mình, sự lợi ích, tiến hóa,
Không có sự an lạc, chỉ có khổ mà thôi.
Người si có tham ái, nhân sanh khổ tái sanh,
Dắt dẫn vòng luân hồi, tử sanh không cùng tận.
Người si mê không hiểu, chân lý Tứ thánh đế,
Mà Đức Phật thuyết giảng, nên không chứng ngộ
được.

Tâu phụ hoàng mẫu hậu!

Những người si mê ấy, mong ước sanh cõi trời,

Sao thoát khỏi cảnh khổ, vòng tử sanh luân hồi,
 Trong ba giới bốn loài, vô thủy đến vô chung.
 Hạng người si mê ấy, có rất nhiều trong đời.
 Tất cả mọi cảnh giới, đều vô thường mà thôi.
 Dầu tái sanh cõi trời, cũng phải chịu cảnh khổ.
 Những hạng người si mê, không kinh sợ tái sanh.
 Cho nên sanh rồi tử, tử rồi sanh liên tục,
 Đường tử sanh luân hồi, biết bao giờ cùng tận.
 Chúng sinh sa đọa vào, trong bốn cõi ác giới,
 Do ác nghiệp đã tạo, phải chịu khổ trọn đời.
 Chịu cực hình đọa đầy, không có chút an lạc.
 Hai cảnh giới: người – trời, do nhờ nơi thiện nghiệp,
 Biết tạo nên thiện nghiệp, không phải việc dễ dàng.
 Ngoài sanh làm người ra, còn các cảnh giới khác,
 Thì không thể xuất gia, thành Tỳ khuru ni được!

Tâu phụ hoàng mẫu hậu!
 Xin song thân bằng lòng, cho phép con xuất gia,
 Trở thành Tỳ khuru ni, hành phạm hạnh cao quý,
 Trong giáo pháp cao thượng, của Phật Go-ta-ma.
 Con hết sức cố gắng, sẽ tiến hành thiện tuệ,
 Chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, Niết Bàn.
 Diệt khổ sanh – lão – tử, trong ba giới bốn loài.

Xin phụ hoàng mẫu hậu!
 Cho phép con xuất gia, trở thành Tỳ khuru ni,
 Hầu mong diệt đoạn tuyệt, tham ái nhân sanh khổ.
 Lợi ích gì sắc thân, ô trược đầy bệnh hoạn,
 Vô thường luôn biến đổi, khổ đau và vô dụng!
 Người si mê say đắm, để chịu mọi cảnh khổ.

Con được nhiều diễm phúc, sanh làm người, gặp thời Đức Thế Tôn xuất hiện, trên cõi thế gian này.

Con đã rất may mắn, tránh được cảnh phi thời (akhaṇa).

Không rơi vào địa ngục, ngã quỷ hoặc súc sanh.

Khi con được xuất gia, trở thành Tỳ khuru ni,

Trong giáo pháp Đức Phật, con cố gắng giữ gìn,

Tròn Tứ thanh tịnh giới, hành phạm hạnh cao thượng,

Cho đến trọn đời này, con sẽ không dễ đuổi!

Tuy nghe Công chúa tâu xin như vậy, nhưng Đức vua và Hoàng hậu vẫn không bằng lòng cho phép công chúa xuất gia.

Biết phụ hoàng và mẫu hậu chưa bằng lòng cho phép, công chúa Sumedhā nói quả quyết rằng: **“Ngày nào con còn sống tại gia, ngày ấy, con sẽ không dùng vật thực, thà chịu chết mà thôi”**, rồi nằm lăn xuống nền lâu đài tại nơi ấy than khóc. Hoàng hậu thương con cũng khóc theo, còn Đức vua thấy vậy cũng sầu não.

Đức vua và Hoàng hậu khuyên bảo công chúa Sumedhā rằng:

- Sumedhā con yêu quý, hãy dậy đi con! Con nên sống để tận hưởng sự an lạc trong đời. Con làm như vậy có ích lợi gì đâu? Phụ hoàng đã tác hợp con với đức vua Anikaratta, người có uy danh lừng lẫy, đang trị vì kinh thành Vāraṇavati, con sẽ trở thành Chánh cung Hoàng hậu của đức vua Anikaratta.

Sumedhā con yêu quý, xuất gia trở thành Tỳ khuru ni, giữ gìn Tứ thanh tịnh giới, hành phạm hạnh khó lắm con à! Còn địa vị cao quý, quyền lực, giang sơn sự nghiệp của đức vua Anikaratta tất cả sẽ thuộc về con

dễ dàng. Tuổi còn trẻ, con nên thụ hưởng ngũ trần. Vì vậy, phụ hoàng, mẫu hậu khuyên con nên thành hôn với đức vua Anikaratta.

Công chúa Sumedhā vẫn cương quyết tâu với phụ hoàng và mẫu hậu rằng:

Tâu phụ hoàng, mẫu hậu!

Địa vị và quyền lực, giang sơn của đức vua,

A-ni-ka-rat-ta, không có đối với con.

Bởi tất cả những gì, có trong tam giới này,

Với con đều vô dụng, chẳng có ích lợi gì !

Vì vậy đối với con: “hoặc được phép xuất gia,

Trở thành Tỳ khưu ni, hoặc là con sẽ chết”.

Thành hôn với đức vua, A-ni-ka-rat-ta,

Sẽ không bao giờ có, chắc chắn là như vậy!

Thân này là ô trược, rất dơ bẩn hôi thối.

Đáng nhòm gớm biết bao! Con nhàm chán thân này,

Ví như một bao da, chứa đầy thứ ô uế.

Những thứ như bản ấy, thường chảy ra không ngớt.

Con thấy rõ thân này, giống tử thi ô trược.

Người si mê say đắm, chấp thủ lấy thân này.

Nó trát bằng thịt, máu, bao bọc bởi làn da,

Là môi trường sinh sản, của các loài sán lãi,

Rồi sẽ là vật thực, của côn trùng, điều quạ....

Sao phụ hoàng mẫu hậu, lại đem con tác hợp,

Thành hôn với Đức vua, A-ni-ka-rat-ta?

Thân này chẳng bao lâu, khi tâm thức rời khỏi,

Gọi mạng chung hoặc “chết”, thành tử thi bất động,

Dù thân bằng quyến thuộc, cũng đều thấy ghê tởm,

Dem bỏ ngoài nghĩa địa, như cây mục vô ích.

Cha mẹ cũng ghê tởm, không muốn nhìn thấy nữa,
 Dem bỏ tử thi ấy, nơi nghĩa địa hoang vắng,
 Để trở thành vật thực, cho các loài chim, thú.
 Khi cha mẹ trở về, liền tắm gội sạch sẽ,
 Lại còn nói gì đến, những người xa lạ khác!
 Người si mê say đắm, do năng lực tham dục.
 Trong thân ô trược này, thực chất chỉ bộ xương,
 Được ràng rịt bởi gân, tô bồi thêm máu thịt.
 Trong khối sắc thân này, chứa đầy vật ô trược,
 Máu, mủ, phân, tiểu, đàm..., thường chảy ra
 không ngớt.

Người có trí giải phẫu, sắc thân bằng trí tuệ,
Nếu lộn ngược sắc thân, bên trong trở ra ngoài,
Người ấy không thể nào, chịu nổi mùi hôi tanh,
Ô trược đáng nhèm gớm, của sắc thân này được!
 Dầu chính mình cũng thấy, sắc thân ô trược này,
 Quả thật đáng nhàm chán, đáng ghê tởm dường nào!
 Huống chi bậc Thiện trí, có trí tuệ thiên tuệ,
 Thấy rõ biết rõ rằng: sắc thân này chỉ là:
 Sắc uẩn hoặc thân xứ, thân giới hoặc sắc thân,
 Do 4 nhân duyên là: **nghiệp, tâm, với thời tiết,**
 Và **vật thực** tạo nên, sắc thân ô trược này.
 Chỉ thuộc về **khổ đế**, do **tham ái** là nhân.
 Con cũng thường quán xét, thấy đúng sự thật này,
 Thì làm sao có thể, thành hôn với Đức vua,
 A-ni-ka-rat-ta, thành Chánh cung Hoàng hậu!

Tâu phụ hoàng, mẫu hậu:

Con có thể chấp nhận, mỗi ngày dầu có đến,
 Ba trăm mũi giáo bén, đâm vào sắc thân con,
 Con phải chịu đựng suốt, một trăm năm như vậy,

Nếu con được giải thoát, khổ tử sanh luân hồi,
 Sự chịu đựng như thế, cao thượng biết dường nào!
 Người nào khi đã hiểu, lời dạy của Đức Phật,
 Vòng tử sanh luân hồi, vô thủy không biết được,
 Người ấy phải chịu đựng, ba trăm mũi giáo đâm;
 Nếu họ được giải thoát, khổ tử sanh luân hồi,
 Sự chịu đựng thống khổ, bởi những mũi giáo ấy,
 Cũng vẫn xứng đáng hơn, người si mê phải chịu,
 Khổ sanh-lão-bệnh-tử, luân hồi không cùng tận.
 Khổ trong 4 ác giới, không sao kể xiết được!
 Chúng sinh đọa địa ngục, chịu hành hạ cực hình,
 Như đâm chém, đánh đập, chết đi rồi sống lại.
 Chư thiên ở cõi trời, cũng còn phải chịu khổ,
 Bởi tham ái, vô minh, lửa phiền não thiêu đốt.
 Cả tam giới đều khổ, không có nơi an toàn,
 Không có an lạc nào, hơn an lạc Niết Bàn.
 Chư bậc Thiện trí nào, thường có sự tinh tấn,
 Hành theo Đức Phật dạy, mà tiến hành thiền tuệ.
 Tinh tấn không ngừng nghỉ, thì bậc Thiện trí ấy,
 Có thể chứng ngộ được, chân lý Tứ thánh đế,
 Chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, Niết Bàn.
 Đó là pháp diệt tận, khổ sanh-lão-bệnh-tử.

Tâu phụ hoàng, mẫu hậu.

Ngay hôm nay con nguyện, tha thiết chỉ một điều,
 Nhất định sẽ xuất gia, trở thành Tỳ khưu ni.
 Chẳng có lợi ích gì, ngôi Chánh cung Hoàng hậu.
 Những của cải tài sản, ngũ trần vô dụng ấy.
 Con thật sự nhàm chán, không còn chút tham muốn,
 Ngũ trần đáng ghê tởm, nên tránh xa mà thôi!

*Con sẽ làm như cây, thốt nốt đã đứt ngọn,
Không bao giờ có thể, đâm chồi lên được nữa.*

Nghe Công chúa tường trình những sự thật, và cho biết ý nguyện tha thiết cùng với sự quyết tâm của mình; Đức vua và Hoàng hậu đang phân vân, vì hai Người chỉ muốn Công chúa thành hôn cùng đức vua Anikaratta, để trở thành Chánh cung Hoàng hậu, thì được tin báo đức vua Anikaratta dẫn đầu một đoàn tùy tùng sắp đến để cử hành hôn lễ với công chúa Sumedhā.

Khi nghe tin ấy, Công chúa biết rằng không thể dùng lời nói khẩn khoản để năn nỉ suông được, nên tỏ ý chí cương quyết bằng hành động. Nghĩ xong, cô vội vã đứng dậy, chạy lên lầu đài, vào phòng đóng cửa cẩn thận, lấy thanh gươm cắt ngang mái tóc đen nhánh mềm mại, rồi ngồi yên tĩnh ***tiến hành thiền định, với đề mục niệm thân bất tịnh***, chẳng bao lâu, Công chúa chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới, nhập định đệ nhất thiền.

Trong lúc ấy, Đức vua Anikaratta với oai phong凛冽, trang phục bằng những viên ngọc mani quý giá, ngự vào đến kinh thành Mantavatī, hay tin Công chúa cự tuyệt việc kết hôn, nên vội vã đến tận lầu đài nơi Công chúa đang ở, đứng bên ngoài nói vọng vào, khẩn khoản năn nỉ nàng rằng:

*Này công chúa Su-me-dhā yêu quý của Trẫm!
Địa vị và quyền lực, giang sơn cùng sự nghiệp,
Trẫm xin đem tất cả, hiến dâng đến ái khanh.
Ái khanh một giai nhân, rất xinh đẹp, trẻ trung,
Nên thụ hưởng ngũ trần, chớ nên làm khổ mình.
An lạc trong ngũ trần, đời này khó có được.*

*Trẫm hiển dân vương quốc, rộng lớn 3 do tuần,
 Cho ái khanh thụ hưởng, sự an lạc đế vương.
 Trẫm chỉ xin một điều: ái khanh hãy từ bỏ,
 Ý định đi xuất gia, trở thành Tỳ khưu ni.
 Ái khanh nên thụ hưởng, sự an lạc ngũ trần,
 Nên làm mọi phước thiện, an lạc mình và người,
 Bồ thí, cúng dường đến, Sa môn, Bà la môn.
 Xin ái khanh chớ nên, làm khổ thân – tâm mình,
 Lại làm cho phụ hoàng, và mẫu hậu buồn khổ”.*

Nghe Đức vua Anikaratta khuyên như vậy, Công chúa Sumedhā tái lại rằng:

*Thiếp xin tâu Hoàng thượng,
 Thần thiếp không còn muốn, thụ hưởng ngũ trần nữa.
 Cũng không còn si mê, say đắm trong ngũ trần.
 Xin Hoàng thượng chớ nên, say đắm trong ngũ trần.
 Nên sáng suốt thấy rõ, tội lỗi của ngũ trần.
 Quá khứ đã từng có, Đức Chuyển luân thánh vương
 Man-dhā-tu¹ trị vì, khắp bốn châu thiên hạ,
 Là người hưởng ngũ trần, bậc nhất trong cõi người,
 Cõi Tam thập tam thiên, suốt ba sáu đời vua (Sakka).
 Đức vua Man-dhā-tu, vẫn chưa hề biết đủ,
 Trong dục lạc ngũ trần, thì Người đã băng hà,
 Mà lòng còn khao khát, chưa thỏa mãn ngũ trần,
 Nếu có trận mưa lớn, bằng ngọc ngà thất bảo,
 Rải đầy trên mặt đất, khắp tất cả mười phương,
 Biết đủ trong ngũ trần, chẳng bao giờ có được.
 Người tham đắm ngũ trần, chưa đủ thì đã chết,*

¹ Xin xem phần phụ lục cuối sách.

Tội lỗi của ngũ trần, ví dụ bằng nhiều cách:
 Ngũ trần như đao kiếm, để chém giết, chặt đầu.
 Như dầu rẩn hổ mang, vì nọc độc chết người.
 Như bó đuốc ngược gió, làm bỏng người cầm nó.
 Như đồng xương khô khan, chẳng còn chút hương vị.
 Như những trái cây ngon, làm cho cây tàn hại.
 Như miếng thịt thơm tho, có nhiều người chiếm đoạt.
 Như là giấc mộng mị, chỉ chớp lát rồi tan.
 Như là trò ảo thuật, vì không gì có thật.
 Như đồ mượn để dùng, vì chỉ được chớp lát.
 Như hầm lửa than hồng, thiêu đốt người tham đắm.
 Như cục sắt cháy đỏ, nóng bỏng người chạm vào,
 Tất cả ngũ trần ấy, là nguồn gốc khổ đau...
 Tội lỗi của ngũ trần, kể không sao xiết được.
 Ngũ trần vui rất ít, mà đau khổ nhiều hơn,
 Thống khổ đến cùng cực. Tội ngũ trần như vậy!
 Nên Đức Phật dạy rằng: “Người tham đắm ngũ trần,
 Cản trở hành thiền định, khó tiến hành thiền tuệ.
 Cản trở sự chứng đắc, bậc thiền, hoặc Thánh Đạo,
 Thánh Quả và Niết Bàn, không giải thoát khỏi khổ”.

Thần thiếp tâu Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hồi giá.

Nay đối với thần thiếp, tâm không còn tham muốn,
 Trong ngũ trần này nữa, không muốn sống tại gia.
 Vì không còn tham muốn, trong tam giới khổ này.
 Khi mười một thứ lửa⁽¹⁾, đang cháy trên đầu thiếp,
 Sự già và sự chết, đang đuổi theo thần thiếp,
 Ngoài chính thần thiếp ra, không một người nào khác,

¹ 11 thứ lửa: lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh, lửa già, lửa chết, lửa sâu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ.

*Giúp thân thiếp thoát khỏi, sự già và sự chết.
Chỉ chính thân thiếp thôi, mới tinh tấn dập tắt,
Lửa đang cháy trong thân, phiền não đốt trong tâm,
Diệt được sự tái sanh, thân thiếp giải thoát khổ.*

Công chúa Sumedhā mở cánh cửa, nhìn thấy đức vua Anikaratta và phụ hoàng, mẫu hậu ngồi phía dưới sào nã khóc than, nằng tâu với lời lẽ rằng:

*“Vòng tử sanh luân hồi, vô thủy không biết được,
Người si mê than khóc, khi gặp phải cảnh khổ,
Cha, mẹ chết, con chết..., cảnh trái ý nghịch lòng,
Suốt trong vòng luân hồi, từ vô thủy đến nay.*

Đức Phật đã dạy rằng:

*Nếu gom lượng **nước mắt**⁽¹⁾, của mỗi chúng sinh lại,
Nhiều hơn số lượng nước, trong bốn biển đại dương.
Và cũng y như vậy, số lượng máu đã chảy,
Số lượng **sữa**⁽²⁾ đã bú, của mỗi một chúng sinh,
Nếu gom cả lại được, nhiều hơn nước bốn biển.
Số **xương**⁽³⁾ nơi nghĩa địa, bộ xương chồng bộ xương,
Của mỗi một chúng sinh, chỉ trong một đại kiếp,
Nếu chồng chất lại được, cao bằng (núi) Vi-pu-la.
Đức Phật dùng trái đất, để so sánh như vậy:
Lấy đất trên địa cầu, viên thành từng viên nhỏ,
Chỉ bằng đầu ngón tay, đếm rằng: viên này mẹ,
Viên kia mẹ của mẹ⁽⁴⁾, viên khác mẹ của bà,...
Và cứ đếm như vậy, suốt trong vòng luân hồi,
Sự sanh tử, tử sanh, từ vô thủy đến nay,
Đất địa cầu đã hết, mẹ của mẹ chưa cùng.*

^{1,2,3,4} Xin xem phần phụ lục cuối sách.

Đức Phật dùng cây cối, để so sánh như vậy:
 Lấy **cây** trên địa cầu, chặt thành lóng ngắn ngắn,
 Dài bằng bốn lóng tay, đếm: đoạn này là cha,
 Đoạn kia cha của **cha**⁽¹⁾, đoạn khác cha của ông,...
 Và cứ đếm như vậy, suốt trong vòng luân hồi,
 Sự sanh tử, tử sanh, từ vô thủy đến nay,
 Cây trên địa cầu hết, cha của cha chưa cùng.
 Đức Phật dạy: sự khó, được tái sanh làm người.

Đức Phật lấy ví dụ, như một **tấm ván nhỏ**,
 Có lỗ vừa đầu rùa, thả trôi trong đại dương.
 Tấm ván trôi theo gió, Đông, Tây, Nam và Bắc....
 Có một **con rùa mù**⁽²⁾, ở dưới đáy đại dương,
 Cứ trăm năm một lần, nổi lên trên mặt nước,
 Chui đầu lọt vào lỗ, của tấm ván nhỏ kia,
 Còn dễ hơn chúng sinh, trong bốn cõi ác giới,
 Được tái sanh làm người, thật vô cùng khó hơn!

Đức Phật thường dạy bảo: sắc thân ô trược này,
 Sanh diệt như bóng nước, không có gì bền vững.
 Nếu có trí thiên tuệ, thấy ngũ uẩn sanh diệt,
 Có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, vô ngã.
 Cũng nên hiểu biết rõ, tám hàm cõi địa ngục,
 Chỉ có sự thống khổ, rất cùng cực mà thôi.
 Chúng sinh vì sự sống, nên phải tranh giành nhau,
 Từ miếng ăn, miếng uống, đã tạo bao ác nghiệp.
 Sau khi bỏ sanh mạng, sa vào cõi ác giới,
 Đức Phật có tâm bi, quảng đại và vô lượng,
 Thuyết pháp độ chúng sinh, giải thoát khổ tử sanh.

^{1,2} Xin xem phần phụ lục cuối sách.

*Khi Đức Phật thuyết dạy, chỉ rõ pháp Niết Bàn,
 Có vị giải thoát khổ⁽¹⁾, vòng tử sanh luân hồi.
 Nào có lợi ích gì! Ngũ trần của Hoàng thượng,
 Chỉ có vị đắng cay⁽²⁾, làm khổ thân, khổ tâm.*

*Khi Đức Phật thuyết dạy, chỉ rõ pháp Niết Bàn,
 Pháp diệt đoạn tuyệt được, những phiền não nóng
 nảy.*

*Nào có lợi ích gì! Ngũ trần của Hoàng thượng,
 Nơi phiền não phát sanh, gây nên bao nóng nảy.
 Kiếp hiện tại, vị lai, người say mê ngũ trần,
 Như rơi vào hầm lửa, bị thiêu đốt nóng nảy,
 Có mười một loại lửa, luôn thiêu đốt ngày đêm.*

*Theo con đường xuất gia, tránh khỏi năm kẻ thù.
 Nào có lợi ích gì! Ngũ trần của Hoàng thượng,
 Cận kề năm kẻ thù, rất nguy hiểm không ngờ.
 Người say mê ngũ trần, hẳn phải liên quan đến,
 Năm kẻ thù nguy hiểm: là vua chúa, trộm cướp,
 Cùng lửa cháy, nước cuốn, và người ghét chiếm đoạt.
 Khi Đức Phật thuyết dạy, A-ra-hán Thánh Đạo,
 Thánh Quả và Niết Bàn, là pháp giải thoát khổ.
 Nào có lợi ích gì! Ngũ trần của Hoàng thượng,
 Chỉ là nơi giam hãm, sát hại và chém giết,
 Do tranh giành lẫn nhau, gây bao nỗi khổ đau.*

*Người say mê ngũ trần, muốn chiếm đoạt cho được,
 Là nhân giết lẫn nhau, cảnh tù đầy giam hãm....
 Ngũ trần là tệ hại, nguy hiểm nhất trên đời!*

¹ Vị giải thoát khổ: Vimuttirasa.

² Vị đắng cay, có 5: tìm của cải, cất giữ của cải, trông nom của cải, sử dụng của cải, hậu quả của cải.

Vậy chớ nên say đắm! Ngũ trần độc được ấy.
 Đuốc cỏ khô cháy đỏ, có thể thiêu hủy người.
 Ngũ trần chẳng khác nào, ngọn đuốc cháy đỏ ấy,
 Người không chịu từ bỏ, sẽ bị nó thiêu hủy,
 Nóng nảy kiếp hiện tại, và nhiều kiếp vị lai.
 Xin Hoàng thượng đừng bỏ, sự an lạc Niết Bàn,
 Chỉ vì sự an lạc, của ngũ trần chút ít.
 Như con cá tham ăn, thấy mồi ngon không bỏ,
 Mà nuốt phải lưỡi câu, chịu khổ đau đến chết.
 Hoàng thượng bị ràng buộc, bởi tham ái ngũ trần.
 Như súc vật bị cột, bằng sợi dây vào cọc,
 Chỉ quanh quẩn, quẩn quanh, không sao thoát khỏi
 được.

Hoàng thượng bị ràng buộc, trong ngũ trần cũng vậy,
 Ngũ trần sẽ đem lại, tai hại cho Hoàng thượng.
 Sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm không cùng tận.
 Xin Hoàng thượng thấy rõ, tội lỗi của ngũ trần,
 Nên từ bỏ chúng đi, để thoát khỏi cảnh khổ.
 Tất cả mọi kiếp sống, cao quý hay thấp hèn,
 Sự già và sự chết, gắn liền với kiếp sanh,
 Sự già, sự chết ấy, không sao tránh khỏi được.
 Nên Đức Phật đã dạy:

“Niết Bàn, pháp giải thoát, khỏi tử sanh hiện có”.

Nào có lợi ích gì! Ngũ trần của Hoàng thượng,
 Không tránh khỏi tử sanh, chịu đau khổ triền miên.
 Niết Bàn pháp giải thoát, khỏi sanh, lão, bệnh, tử.
 Là pháp diệt đoạn tuyệt, được tất cả phiền não.
 Là pháp thật an toàn, không hề có tai họa.
 Là pháp diệt đoạn tuyệt, hoàn toàn mọi cảnh khổ.
 Niết Bàn, pháp diệt khổ, pháp an lạc tuyệt đối.
 Đức Phật đã chứng ngộ, Niết Bàn, giải thoát khổ.

*Đức Phật đã thuyết dạy, pháp hành Bát chánh đạo,
Con đường để chứng ngộ, Niết Bàn, giải thoát khổ.
Những hành giả tiến hành, đúng theo Bát chánh đạo,
Chứng ngộ được Niết Bàn, ngay kiếp hiện tại này.
Những người không tiến hành, đúng theo Bát
chánh đạo,*

Thì không thể chứng ngộ, được Niết Bàn bất tử.

Công chúa Sumedhā giảng pháp bằng nhiều cách vô cùng phong phú như vậy, khiến cho đức vua Anikaratta đổi ý, vì nghe và hiểu rõ tâm trạng của Công chúa không còn tham muốn những gì trong thế gian này nữa.

Khi ấy, công chúa Sumedhā từ trên lầu đài ném nắm tóc huyền xuống mặt nền trước lầu đài, thấy vậy, đức vua Anikaratta đứng dậy chấp tay tâu với đức vua Koṇca, phụ hoàng của Công chúa rằng:

- Tâu Đại vương và Hoàng hậu, xin hai Người cho phép công chúa Sumedhā xuất gia; khi Công chúa xuất gia trở thành Tỳ khưu ni rồi, nàng sẽ chứng ngộ Niết Bàn như ý nguyện.

Đức vua Anikaratta tâu xin như vậy, nên phụ hoàng và mẫu hậu của Công chúa chấp thuận cho phép nàng xuất gia trở thành Tỳ khưu ni theo ý nguyện.

Được song thân chấp nhận theo ý nguyện của mình, công chúa Sumedhā vô cùng hoan hỷ, bởi do kinh sợ cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới, nên nàng vội lạy từ giả phụ hoàng và mẫu hậu, cùng thân quyến trong hoàng tộc, rời bỏ cung điện lên đường đi thẳng đến ngôi chùa Tỳ khưu ni xin làm lễ thọ giới Sikkhamānā (trước khi thọ Tỳ khưu ni). Nàng tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4

Thánh Quả, và Niết Bàn, cùng với Lục thông, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cao thượng trong giáo pháp của Đức Phật.

Trong kiếp hiện tại, Đại Đức Tỳ khưu ni Sumedhā trở thành bậc Thánh A-ra-hán, đó là quả của những pháp hạnh ba la mật đã từng tạo nhiều kiếp trong quá khứ.

Nguyên nhân như thế nào?

Trong bộ Apāḍāna, phần Sumedhātherī apāḍāna, Đại Đức Tỳ khưu ni Sumedhā cho biết rằng:

Trong quá khứ, thời kỳ Đức Phật Koṇāgamana xuất hiện trên thế gian, thời ấy có 3 người bạn gái là: cô Dhanañjānī, cô Khemā và tiền thân của bản đạo (Sumedhā), cả ba người cùng chung nhau xây cất một ngôi chùa lớn nguy nga. Sau khi hoàn thành xong, cả ba người cùng làm lễ dâng cúng ngôi chùa ấy đến chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật Koṇāgamana chủ trì.

Do năng lực phước thiện bố thí ngôi chùa ấy, cho quả tái sanh lên cõi trời hằng trăm kiếp, hằng ngàn kiếp, hằng vạn kiếp,... tái sanh làm thiên nữ cõi trời nào, tiền thân của bản đạo cũng là thiên nữ ở địa vị cao cả nhất, Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua cõi trời ấy, có nhiều oai lực, hưởng sự an lạc cao quý. Hoặc tái sanh làm người, tiền thân của bản đạo cũng là người nữ ở địa vị cao cả nhất, Chánh cung Hoàng hậu của Đức Chuyển luân thánh vương, hoặc của Đức vua một xứ lớn (*thời kỳ không có Đức Chuyển luân thánh vương*).

Phước thiện dâng cúng ngôi chùa ấy, đến chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật Koṇāgamana chủ trì, đó là nguyên nhân đầu tiên, là thiện nghiệp cho quả được

thành tựu cõi người (*manussasampatti*), được thành tựu cõi trời (*devasampatti*), và cuối cùng được thành tựu Niết Bàn (*Nibbānasampatti*).

Do nhờ phước thiện dâng cúng ngôi chùa ấy làm nhân duyên hỗ trợ cho tiền thân của bản đạo hoan hỷ trong mọi thiện pháp, đặc biệt kiếp hiện tại của bản đạo nguyên là công chúa Sumedhā, từ khi còn nhỏ đã có tâm hoan hỷ gần gũi thân cận với bậc Thiện trí, bậc Thánh Tăng, được lắng nghe lời giáo huấn của Đức Phật, đã phát sanh đức tin trong sạch nơi Tam bảo, đã thấy rõ tội lỗi của ngũ trần, nhàm chán sắc thân ô trược, kinh sợ cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài; đến khi trưởng thành, bản đạo không thích sống trong cung điện, mà chỉ có ý nguyện xuất gia trở thành Tỳ khuru ni.

Bản đạo đã xuất gia trở thành Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Đức Phật Gotama là điều cao thượng thật sự. Bởi vì, bản đạo đã chứng đắc đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả cùng *Tam minh*, *Tứ tuệ phân tích*, *Lục thông*. Bản đạo là một bậc Thánh A-ra-hán, đã hoàn thành xong phạm hạnh, đã thực hành xong lời giáo huấn của Đức Phật, trí tuệ thấy rõ biết rõ kiếp này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Qua hai sự tích, Đại Đức Ratthapāla và Đại Đức Tỳ khuru ni Sumedhā, là hai tấm gương tiêu biểu cho các hàng Phật tử học hỏi nghiên cứu kỹ rồi cố gắng noi gương theo quý Ngài, chắc chắn sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài ngay trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

BẠC THÁNH THANH VĂN (Ariyasāvaka)

Trong Phật giáo, bậc Thánh Thanh văn là bậc được nghe lời giáo huấn của Đức Phật, thực hành theo pháp hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh nhân, gọi là bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật.

** Nếu kể đôi Thánh Đạo - Thánh Quả chung, thì có 4 bậc như sau:*

- 1- Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả.
- 2- Bậc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả.
- 3- Bậc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả.
- 4- Bậc A-ra-hán Thánh Đạo - A-ra-hán Thánh Quả.

** Nếu kể đơn Thánh Đạo – Thánh Quả riêng, thì có 8 bậc như sau:*

- 1- Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo.
- 2- Bậc Nhập Lưu Thánh Quả.
- 3- Bậc Nhất Lai Thánh Đạo.
- 4- Bậc Nhất Lai Thánh Quả.
- 5- Bậc Bất Lai Thánh Đạo.
- 6- Bậc Bất Lai Thánh Quả.
- 7- Bậc A-ra-hán Thánh Đạo.
- 8- Bậc A-ra-hán Thánh Quả.

** Nếu kể bậc Thánh, thì có 4 bậc như sau:*

- 1- Bậc Thánh Nhập Lưu.
- 2- Bậc Thánh Nhất Lai.
- 3- Bậc Thánh Bất Lai.
- 4- Bậc Thánh A-ra-hán.

Những bậc Thánh Thanh văn này được chứng đắc tùy theo khả năng ba la mật đã tạo nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ cho đến kiếp hiện tại, gặp được Đức Phật hoặc giáo pháp của Ngài.

Bậc Thánh Nam Thanh Văn

Trong Phật giáo, bậc Thánh nam Thanh văn đệ tử của Đức Phật, có 3 bậc như sau:

- *Aggasāvaka*: bậc Thánh tối thượng Thanh văn.
- *Mahāsāvaka*: bậc Thánh đại Thanh văn.
- *Pakatisāvaka*: bậc Thánh Thanh văn (hạng thường).

Ba bậc Thánh Thanh văn này được thành tựu do ba la mật và lời phát nguyện của mình.

1. Bậc Thánh tối thượng Thanh văn như thế nào?

Bậc Thánh tối thượng Thanh văn là bậc Thánh A-ra-hán cao cả nhất trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật, do phát nguyện ra lời và đã được Đức Phật trong quá khứ thọ ký rõ ràng.

Đối với vị **Bồ Tát tối thượng Thanh văn** (*Aggasāvakabodhisatta*) ấy, sau khi đã được Đức Phật trong quá khứ thọ ký xong, cần phải tạo 10 pháp ba la mật:

- **Bố thí ba la mật** (*Dānapāramī*).
- **Giữ giới ba la mật** (*Sīlapāramī*).
- **Xuất gia ba la mật** (*Nekkhammapāramī*).
- **Tinh tấn ba la mật** (*Vīriyapāramī*).
- **Trí tuệ ba la mật** (*Paññāpāramī*).

- **Chân thật ba la mật** (*Saccapāramī*).
- **Chí nguyện ba la mật** (*Adhiṭṭhānapāramī*).
- **Nhẫn nại ba la mật** (*Khantipāramī*).
- **Tâm từ ba la mật** (*Mettāpāramī*).
- **Tâm xả ba la mật** (*Upekkhāpāramī*).

Trong suốt thời gian 1 a tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất. Khi vị Bồ Tát tối thượng Thanh văn đã tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba la mật rồi, trong kiếp hiện tại chắc chắn phải **gặp Đức Phật**, đúng theo lời thọ ký của Đức Phật trong quá khứ. Vị Bồ Tát ấy đến hầu Đức Phật, xin thọ Tỳ khuru, và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách gọi **“Ehi Bhikkhu”**. Sau khi trở thành Tỳ khuru, vị Tỳ khuru ấy, tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán có Tứ tuệ phân tích, Lục thông...

Trong cuộc lễ đại hội Thánh Tăng, Đức Phật tuyên dương bậc Thánh A-ra-hán ấy, là bậc Thánh tối thượng Thanh văn cao cả nhất trong hàng Thanh văn đệ tử của Đức Phật.

Đức Phật Gotama có 2 vị Thánh tối thượng Thanh văn đệ tử là:

- Ngài Đại Đức Sāriputta, là bậc Thánh tối thượng Thanh văn cao cả nhất, xuất sắc nhất về **trí tuệ**, trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử.

- Ngài Đại Đức Moggallāna, là bậc Thánh tối thượng Thanh văn cao cả nhất, xuất sắc nhất về **thần thông**, trong hàng Thánh Thanh văn đệ tử.

2. *Bậc Thánh đại Thanh văn như thế nào?*

Bậc Thánh đại Thanh văn là bậc Thánh A-ra-hán do phát nguyện, và đã được Đức Phật trong quá khứ thọ ký chắc chắn rồi.

Đối với vị Bồ Tát đại Thanh văn (Mahāsāvaka-bodhisatta) ấy, sau khi đã được Đức Phật trong quá khứ thọ ký, cần phải tạo 10 pháp hạnh ba la mật thêm thời gian suốt 100 ngàn đại kiếp trái đất. Khi vị Bồ Tát đại Thanh văn đã tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba la mật xong, chắc chắn trong kiếp hiện tại phải **gặp Đức Phật**, đúng theo lời thọ ký của Đức Phật trong quá khứ. Vị Bồ Tát ấy đến hầu Đức Phật, xin thọ Tỳ khuru, và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách gọi **“Ehi Bhikkhu”**. Sau khi trở thành Tỳ khuru, vị Tỳ khuru ấy, tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán có Tứ tuệ phân tích, Lục thông...

Trong số các bậc Thánh đại Thanh văn ấy, có số vị đặc biệt xuất sắc nhất về một hay nhiều đức hạnh nào đó, trong hàng Thanh văn đệ tử của Đức Phật. Nhân dịp chư Tăng hội họp, Đức Phật tuyên dương bậc Thánh đại Thanh văn về đức hạnh ấy.

Đức Phật Gotama có 80 vị Thánh đại Thanh văn, trong số ấy có 41 vị etadagga, mỗi vị có một đức hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thanh văn đệ tử của Đức Phật.

3. Bậc Thánh Thanh văn hạng thường như thế nào?

Bậc Thánh Thanh văn hạng thường là bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật không có đức tính xuất sắc đặc biệt nào, và cũng không có sự thọ ký của Đức Phật quá khứ.

Đối với vị **Bồ Tát Thanh văn hạng thường** (*Pakatisāvaka bodhisatta*), có ý nguyện mong giải thoát khỏi tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, không có Đức Phật nào thọ ký, vị này cần phải tạo 10 pháp hạnh ba la mật, suốt thời gian không nhất định rõ ràng, khoảng dưới 100 ngàn đại kiếp trái đất.

Trong kiếp hiện tại, vị Bồ Tát Thanh văn hạng thường này ***gặp Đức Phật hoặc gặp giáo pháp của Ngài còn đang lưu truyền trên thế gian***. Vị Bồ Tát này, thọ Tỳ khưu hoặc tại gia cư sĩ là cận sự nam, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, hoặc Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, hoặc Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, hoặc A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả, tùy theo năng lực ba la mật, nhất là trí tuệ ba la mật của mình đã tạo trong kiếp quá khứ và kiếp hiện tại này.

Đức Phật Gotama có vô số bậc Thánh Thanh văn hạng thường.

Bậc Thánh Nữ Thanh Văn

Trong Phật giáo, bậc Thánh nữ Thanh văn đệ tử của Đức Phật, cũng có 3 bậc như sau:

- *Aggasāvikā*: bậc Thánh nữ tối thượng Thanh văn.
- *Mahāsāvikā*: bậc Thánh nữ đại Thanh văn.
- *Pakatisāvikā*: bậc Thánh nữ Thanh văn hạng thường.

Người cận sự nữ phát nguyện trở thành một trong ba bậc Thánh nữ Thanh văn này, cách tạo 10 pháp hạnh ba la mật, và sự phát nguyện cũng giống như bậc Thánh nam Thanh văn.

Đức Phật Gotama có 2 bậc Thánh nữ tối thượng Thanh văn là:

- Ngài Đại Đức Tỳ khưu ni Khemā, là bậc Thánh nữ A-ra-hán tối thượng Thanh văn đặc biệt xuất sắc về **trí tuệ**, trong hàng Thánh nữ Thanh văn.

- Ngài Đại Đức Tỳ khưu ni Uppalavannā, là bậc Thánh nữ A-ra-hán tối thượng Thanh văn đặc biệt xuất sắc về **thần thông**, trong hàng Thánh nữ Thanh văn.

Đức Phật Gotama có số bậc Thánh nữ A-ra-hán đại Thanh văn không rõ⁽¹⁾, nhưng điều chắc chắn là trong số chư bậc Thánh nữ A-ra-hán đại Thanh văn ấy có 13 vị etadagga, mỗi vị có một đức hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ Thanh văn đệ tử của Đức Phật.

Đức Phật Gotama có vô số bậc Thánh nữ Thanh văn hạng thường.

¹ “Không rõ” vì chưa tìm thấy tài liệu.

Phần 2

TĂNG BẢO

1-Thời Điểm Bắt Đầu Của Tỳ Khuru

Đức Bồ Tát Siddhattha chứng đắc thành Bạc Chánh Đẳng Giác vào ngày rằm tháng tư, đồng thời **Phật bảo** và **Pháp bảo** bắt đầu xuất hiện trên thế gian; đến ngày rằm tháng sáu, Đức Phật thuyết pháp chuyển pháp luân đầu tiên tại khu rừng phóng sinh nai, gọi là “Isipatana”, để tế độ nhóm 5 đạo sĩ, có Ngài Koṇḍañña trưởng nhóm.

Sau khi Đức Phật thuyết bài kinh **Chuyển pháp luân (Dhammacakkappavattanasutta)** xong, trong nhóm 5 đạo sĩ, chỉ có **Đại Đức Koṇḍañña** là vị đầu tiên chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc **Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả**, trở thành **bậc Thánh Nhập Lưu** đầu tiên trong giáo pháp của **Đức Phật Gotama**. Sau khi Đại Đức Koṇḍañña đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, Ngài kính xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru.

Đức Phật quán xét biết rõ phước thiện ba la mật đầy đủ của Đại Đức Koṇḍañña, nên Ngài cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách **“Ehi Bhikkhu”**, đây là thời điểm bắt đầu **Tăng bảo xuất hiện trên thế gian**.

Đại Đức Koṇḍañña là vị **Tỳ khuru đầu tiên** trong giáo pháp của Đức Phật Gotama, đồng thời ngôi **Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo** xuất hiện đầy đủ trên thế gian bắt đầu kể từ ngày ấy.

Và tiếp theo ngày 16 tháng sáu, Đại Đức Vappa chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, được phép thọ Tỳ khuru cũng bằng cách **“Ehi Bhikkhu”**.

- Ngày 17 tháng sáu, cũng như vậy, Đại Đức Bhaddiya trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, được phép thọ Tỳ khuru bằng cách **“Ehi Bhikkhu”**.

- Ngày 18 tháng sáu, Đại Đức Mahānāma trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, được phép thọ Tỳ khuru bằng cách **“Ehi Bhikkhu”**.

- Ngày 19 tháng sáu, Đại Đức Assaji trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, được phép thọ Tỳ khuru bằng cách **“Ehi Bhikkhu”**.

Từ đó về sau, việc thọ Tỳ khuru được lưu truyền cho đến ngày nay, đã trải qua 2.591 năm, và hy vọng việc thọ Tỳ khuru sẽ tiếp tục duy trì trong giáo pháp của Đức Phật Gotama cho đến khi gần mãn tuổi thọ Phật giáo 5.000 năm.

2- Thời Điểm Bắt Đầu Của Tỳ Khuru Ni⁽¹⁾

Lúc Đức Phật ngự tại chùa Nigrodhārama, gần kinh thành Kapilavatthu, khi ấy bà Mahāpajāpatigotamī vào hầu Đức Phật xong, ngồi một bên hợp lễ, bèn bạch với Đức Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài.

¹ Vinaya, Bộ Cūlavagga, phần Bhikkhunīkhuddaka.

Đức Thế Tôn ngăn cản rằng:

- Nay Mahāpajāpatigotamī, không nên xin như vậy, không nên khẩn khoản van xin cho người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Như Lai.

Bà Mahāpajāpatigotamī kính xin lần thứ nhì, lần thứ ba rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ nhì, lần thứ ba rằng:

- Nay Mahāpajāpatigotamī, không nên xin như vậy, không nên khẩn khoản van xin cho người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Như Lai.

Lúc ấy bà Mahāpajāpatigotamī thất vọng nghĩ rằng: *“Đức Thế Tôn không cho phép người nữ được thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài”*, nên bà khổ tâm, tủi phận khóc, cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn ra về.

Đó là lần đầu tiên bà Mahāpajāpatigotamī xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài, nhưng Đức Phật khuyên bà không nên xin như vậy.

Vào hạ thứ năm của Đức Phật, Ngài an cư nhập hạ tại tịnh xá trong khu rừng lớn thuộc xứ Vesālī, cũng trong thời gian ấy, Đức vua Suddhodana, phụ vương của Đức Phật, còn tại vị trên ngai vàng, tiến hành thiêu tuệ chứng đắc A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán xong, tịch diệt Niết Bàn ngay trong ngày hôm ấy.

Sau khi Đức vua là bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết Bàn, một lần nữa, bà Mahāpajāpatigotamī cùng nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya đều cạo tóc, mặc y cà sa màu lõi mít, chân không, đi bộ từ kinh thành Kapilavatthu dẫn nhau đến xứ Vesālī, làm cho đôi chân của Bà Mahāpajāpatigotamī sưng phồng lên, thân mình dính đầy bụi đường, khổ thân, khổ tâm, buồn tủi đứng khóc bên ngoài cổng tịnh xá, nơi Đức Phật đang an cư nhập hạ.

Đại Đức Ānanda nhìn thấy cảnh thật đáng thương như vậy, bèn hỏi rằng:

- Thưa bá mẫu Mahāpajāpatigotamī, tại sao đôi chân bá mẫu sưng phồng lên, thân mình dính đầy bụi đường, khổ thân, khổ tâm, gương mặt ướm đầm nước mắt, buồn tủi đứng khóc bên ngoài cổng tịnh xá như thế này?

Bà Mahāpajāpatigotamī thưa rằng:

- Thưa Đại Đức Ānanda, bởi vì Đức Thế Tôn không cho phép người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài.

Đại Đức Ānanda thưa rằng:

- Thưa bá mẫu Mahāpajāpatigotamī, nếu như vậy, xin bá mẫu chờ ở đây một lát, đợi bản đạo vào xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ được thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài.

Khi ấy Đại Đức Ānanda vào đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi một nơi hợp lễ, rồi bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī đôi bàn chân sưng phồng, thân mình dính đầy bụi đường, khổ thân, khổ tâm, gương mặt ướm đầm nước mắt, đứng khóc bên ngoài cổng tịnh xá, do thất vọng

rằng: “Đức Thế Tôn không cho phép người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài”.

Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ được thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài.

Đức Phật dạy rằng:

- Này Ānanda, con chớ nên xin như vậy! Con chớ nên chiều ý mà xin cho người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Như Lai.

Đại Đức Ānanda kính xin lần thứ nhì, lần thứ ba rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ được thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài.

Đức Phật dạy lần thứ nhì, lần thứ ba rằng:

- Này Ānanda, con chớ nên xin như vậy! Con chớ nên chiều ý mà xin cho người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Như Lai.

Đại Đức Ānanda nghe Đức Thế Tôn không hài lòng cho người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài. Vì vậy, Đại Đức nghĩ cách gián tiếp xin Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài, có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả được hay không? Bạch Ngài.

Đức Phật dạy rằng:

- Này Ānanda, người nữ thọ Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Như Lai, có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất

Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả được.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu người nữ thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài, thì có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả được. Kính bạch Đức Thế Tôn, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī là dì mẫu của Ngài, đã từng chăm nom săn sóc, ban cho bầu sữa ngon lành của bá mẫu để nuôi dưỡng Ngài kể từ khi Phật mẫu quy thiên.

Kính bạch Đức Thế Tôn, vậy xin Đức Thế Tôn cho phép bá mẫu Mahāpajāpatigotamī được thọ Tỳ khuru ni, trong giáo pháp của Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda, nếu dì mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp này, thì đó là sự thọ Tỳ khuru ni của dì mẫu.

TÁM TRỌNG PHÁP (Garudhamma)

Tám trọng pháp là:

1- Dầu Tỳ khuru ni có 100 hạ, cũng phải đứng dậy đón tiếp, chấp tay cung kính dành lễ Tỳ khuru vừa mới thọ Tỳ khuru trong ngày hôm ấy.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

2- Tỳ khuru ni không nên an cư nhập hạ nơi chùa chiền không có Tỳ khuru.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

3- Tỳ khuru ni luôn luôn quan tâm 2 điều:

- Hồi ngày Uposatha: ngày lễ tụng giới bốn.

- Nghe lời giáo huấn của Tỳ khuru hằng nửa tháng 1 lần.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

4- Tỳ khuru ni sau khi an cư nhập hạ xong, phải làm lễ Pavāraṇā: thỉnh mời giữa chư Tăng 2 phái: Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

5- Tỳ khuru ni phạm tội nặng (saṃghādisesa), phải bị hành phạt mānatta suốt 15 ngày giữa chư Tăng 2 phái: Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

6- Giới tử là Sikkhāmānā⁽¹⁾ đã thực tập 6 giới trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm rồi mới được làm lễ thọ Tỳ khuru ni giữa chư Tăng 2 phái: Tỳ khuru ni Tăng trước và Tỳ khuru Tăng sau.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

7-Tỳ khuru ni không được chỉ rửa mắng nhiếc Tỳ khuru trong bất cứ trường hợp nào.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

¹ Sikkhāmānā thực tập 6 giới: ngũ giới + giới không ăn phi thời trong sạch suốt 2 năm. Trong thời gian thực tập, nếu phạm một giới nào vị Sikkhāmānā phải bắt đầu kể lại từ đầu.

8- Sau khi thọ Tỳ khuru ni rồi cấm dạy Tỳ khuru, chỉ có Tỳ khuru dạy Tỳ khuru ni mà thôi.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

Này Ānanda, nếu di mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp này, thì đó là sự thọ Tỳ khuru ni của di mẫu.

Đại Đức Ānanda ghi nhớ rõ 8 trọng pháp của Đức Phật dạy xong, Ngài đi gặp bà Mahāpajāpatigotamī dạy lại 8 trọng pháp của Đức Phật cho bà.

Bà Mahāpajāpatigotamī bạch rằng:

- Kính bạch Đại Đức Ānanda, con xin chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp, cung kính thực hành đầy đủ cho đến trọn đời. Ví như cô gái, cậu trai thích ăn mặc đẹp đẽ, khi đã tắm rửa sạch sẽ rồi, trân trọng đón nhận được đóa hoa thơm, vòng hoa cài bằng hai bàn tay đặt lên trên đầu.

(Trích dịch từ luật Tạng Cūlavagga).

Sau khi bà Mahāpajāpatigotamī chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp xong, Bà trở thành Tỳ khuru ni đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Như vậy, sự bắt đầu của Tỳ khuru ni là vào thời kỳ hạ thứ 5 của Đức Phật, khi Ngài đang an cư nhập hạ tại tịnh xá trong khu rừng lớn thuộc xứ Vesālī.

Và nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya, được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru ni bằng cách tụng ñatticatutthakammvācā: 1 lần tụng tuyên ngôn và tiếp theo tụng 3 lần thành sự ngôn giữa Tỳ khuru Tăng, vì khi ấy chưa có Tỳ khuru ni Tăng.

Kể từ đó về sau, mỗi khi thọ Tỳ khuru ni, mới có đủ chư Tăng 2 phái: Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng, mỗi phái tụng ñatticatutthakammavācā, gồm đủ 8 lần (aṭṭhavācika).

Tỳ khuru ni Tăng dần dần phát triển, trải qua thời gian khá lâu, mãi cho đến kỳ kết tập tam tạng lần thứ tư tại Tích Lan vào 450 năm, sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, Tỳ khuru ni Tăng vẫn còn thịnh hành trên xứ Srilankā ấy.

3-Thời Điểm Cuối Cùng Của Tỳ Khuru Ni

Thời kỳ bắt đầu của Tỳ khuru ni, thời gian được xác định rõ ràng, đó là vào hạ thứ 5 của Đức Phật tại xứ Vesālī, khi bà Mahāpajāpatigotamī được phép thọ Tỳ khuru ni đầu tiên, trong giáo pháp của Đức Phật Gotama. Nhưng thời gian cuối cùng của Tỳ khuru ni không được xác định rõ ràng.

Thời kỳ Đức Vua Asoka, Tỳ khuru ni Tăng còn rất đông, được gọi sang truyền bá xứ Srilankā. Những người cận sự nữ tại bản xứ thọ Tỳ khuru ni cũng nhiều.

Theo lịch sử của Srilankā, thời Đức vua Vattaga-manī trị vì, Đức vua có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, đứng ra hộ độ chư Tỳ khuru Tăng kết tập Tam tạng lần thứ tư, vào thời gian 450 năm sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn. Trong thời kỳ kết tập Tam tạng lần thứ tư này, Tỳ khuru ni Tăng vẫn còn tồn tại, mãi cho đến khoảng 500 năm sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, do không có người nữ kế tục thọ Tỳ khuru ni nên Tỳ khuru ni mất hẳn.

Đó là thời kỳ chấm dứt Tỳ khuru ni trên thế gian.

(Dựa theo lời nói đầu của bộ Therīgāthā).

4-Tám Cách Thọ Upasampadā

Trong Phật giáo, Đức Phật đã chế định ban hành 8 cách thọ upasampadā.

* Đối với Tỳ khuru có 5 cách như sau:

1- *Ehi Bhikkhūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách Đức Phật gọi “Ehi Bhikkhu”.

2- *Saraṇagamanūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách thọ Tam quy.

3- *Ovādaṭṭiggahaṇūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức Phật.

4- *Pañhābyākaraṇūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức Phật.

5- *Ñatticatutthakammūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách tụng 1 lần ñatti (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành sự ngôn).

* Đối với Tỳ khuru ni có 3 cách như sau:

6- *Garudhammaṭṭiggahaṇūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách thọ nhận 8 trọng pháp.

7- *Dūtenūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ người đại diện.

8- *Aṭṭhavācikūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách giữa 2 Tăng phái: Tỳ khuru ni Tăng trước, Tỳ khuru Tăng sau, mỗi phái tụng một lần ñatti và 3 lần kammavācā, trở thành 8 lần tụng (aṭṭhavācika).

Giải Thích:*** Thọ Tỳ khuru (*Bhikkhu upasampadā*)**

Đức Phật chế định ban hành phép thọ Tỳ khuru bằng 5 cách.

1- Ehi Bhikkhūpasampadā như thế nào?

Người cận sự nam (hoặc đạo sĩ, tu sĩ ngoại đạo) sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng có ý nguyện muốn thọ Tỳ khuru, người cận sự nam ấy đến hầu Đức Phật, đánh lễ xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru. Đức Phật dùng Phật nhãn quán xét đến tiền kiếp người cận sự nam ấy thấy rõ rằng: “*Người cận sự nam ấy là người có ba la mật đầy đủ, nhất là hạnh bố thí ba la mật, đã từng bố thí 8 món vật dụng của Sa môn (tam y, bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước), và đã phát nguyện trở thành Ehi Bhikkhu*”.

Do đó, khi Đức Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ truyền dạy rằng:

“Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ”.

“*Con hãy lại đây! Con trở thành Tỳ khuru theo ý nguyện! Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối. Con hãy thực hành phạm hạnh đúng đắn dẫn đến sự chứng đắc tận cùng của khổ đế*”.

Khi Đức Phật truyền dạy vừa dứt lời, ngay tức thì, người cận sự nam ấy (hoặc đạo sĩ, tu sĩ ngoại đạo) trở thành Tỳ khuru, có đầy đủ 8 món vật dụng của Sa môn, được thành tựu là do quả của phước thiện (*chư thiên*

đem đến dâng cúng), vị Tỳ khuru có Tăng tướng trang nghiêm, ngũ căn thanh tịnh, như một vị Tỳ khuru 60 hạ.

Như vậy gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách gọi ***Ehi Bhikkhūpasampadā***.

Đại Đức ***Aññasi Koṇḍañña*** là vị đầu tiên thọ Tỳ khuru bằng cách gọi ***“Ehi Bhikkhu”***, cũng là vị Tỳ khuru đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật Gotama, và tiếp theo tuần tự các Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, và Ngài Assaji cũng đều thọ Tỳ khuru bằng cách gọi ***“Ehi Bhikkhu”***.

Chỉ có ***Đức Phật*** mới có khả năng cho phép giới tử thọ Tỳ khuru bằng cách gọi ***“Ehi Bhikkhu”*** mà thôi. Ngoài ra, chư bậc Thánh Thanh văn không có oai lực cho thọ Tỳ khuru theo cách ấy. Đức Phật Gotama cho phép giới tử thọ Tỳ khuru bằng cách gọi ***“Ehi Bhikkhu”*** tất cả gồm có 28.647 vị Tỳ khuru.

- ***Trong Luật tạng*** có 1.344 Vị như sau:

Nhóm Pañcavaggī có	5 vị.
Đại Đức Yasa và bạn hữu có	56 vị.
Nhóm Bhaddavaggī anh em và bạn hữu có	1.030 vị.
Nhị vị Aggasāvaka và nhóm đệ tử có	252 vị.
Đại Đức Aṅgulimāla	1 vị.

- ***Trong Kinh Tạng*** có 27.303 Vị như sau:

Bà la môn Sela và nhóm đệ tử có	301 vị.
Đức vua Mahākappina và cận thần có	1.001 vị.
Dân thành Kapilavatthu có	10.000 vị.
Bà la môn Pārāyanika và nhóm đệ tử có	16.001 vị.

Gồm có tất cả 28.647 Vị Tỳ khuru Ehi Bhikkhu.

2- *Saraṇagamanūpasampadā như thế nào?*

Về sau, chư bậc Thánh Tăng đi khắp nơi thuyết pháp để tế độ chúng sinh, nếu có người cận sự nam nào có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, có ý nguyện muốn thọ Tỳ khuru, Đức Phật cho phép chư bậc Thánh Tăng rằng:

“Anujānāmi bhikkhave, imehi tīhi saraṇa-gamanehi pabbajjaṃ upasampadam”.⁽¹⁾

“Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép thọ Sa di, Tỳ khuru bằng cách cho thọ Tam quy”.

Giới tử thọ Sa di, Tỳ khuru trước tiên phải cạo tóc râu, mặc y cà sa màu lõi mít, để chừa vai bên phải, ngồi chồm hỏm, chắp 2 tay để trên trán xin thọ Tam quy: ***“Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng”***, bằng tiếng Pāli, đọc theo vị Thầy Tế Độ như sau:

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi, Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi, Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi, Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi, Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Khi người giới tử nào thọ Tam quy xong, người giới tử ấy trở thành Tỳ khuru.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách thọ Tam quy.

¹ Vinayapiṭaka, Mahāvagga, phần Pabbajjūpasampadākathā.

3- *Ovādapāṭiggahaṇūpasampadā* như thế nào?

Đức Phật giáo huấn Đại Đức Mahākassapa 3 điều rằng:

1- “Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: trước tiên con nên có tâm hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi đối với bậc cao hạ, bậc bằng hạ, bậc nhỏ hạ.

2- Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: con nên lắng nghe chánh pháp, nên cung kính mọi chánh pháp ấy, ghi nhớ đầy đủ mọi chánh pháp ấy.

3- Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: con nên tiến hành đề mục niệm thân”.

Khi Đại Đức Mahākassapa thọ nhận 3 điều giáo huấn của Đức Phật, chính là sự thành tựu thọ Tỳ khuru của Ngài.

Đó gọi là trường hợp thọ Tỳ khuru bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức Phật.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho Đại Đức Mahākassapa mà thôi.

4- *Pañhābyākaraṇūpasampadā* như thế nào?

Tại chùa Pubbārāma, Đức Phật đang ngự đi kinh hành, khi ấy Sa di tên là “Sopāka” đến hầu Đức Phật. Đức Phật bèn hỏi Sa di Sopāka câu hỏi liên quan đến đề mục asubha: bất tịnh rằng:

- *Uddhamātakasaññā’ti vā Sopāka, rūpasaññā’ti vā ime dhammā nānatthā nānā byañjanā, udahu ekatthā byañjanameva nānā...*

“Này Sa di Sopāka, niệm tưởng tử thi 2-3 ngày sinh lên hoặc niệm tưởng sắc pháp, hai pháp này nghĩa khác nhau, danh từ gọi khác nhau? Hay nghĩa giống nhau, danh từ gọi khác nhau?”.

Sa di Sopāka mới lên 7 tuổi bạch với Đức Phật rằng:

- “*Uddhamātakasaññā’ti vā Bhagavā rūpasaññā’ti vā ime dhammā ekatthā byañjanameva nānā...*”

“Kính bạch Đức Thế Tôn, niệm tưởng tử thi 2-3 ngày sinh lên hoặc niệm tưởng sắc pháp, nghĩa giống nhau, chỉ có danh từ gọi khác nhau. Bạch Ngài”.

Đức Phật hài lòng câu trả lời của Sa di Sopāka, nên Ngài cho phép Sa di Sopāka trở thành Tỳ khuru. Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức Phật. Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho vị Sa di Sopāka mà thôi.

5- *Ñatticatutthakammūpasampadā như thế nào?*

Giáo pháp của Đức Phật ngày càng phát triển, Tỳ khuru càng ngày càng đông. Cho nên Đức Phật bỏ cách thọ Tỳ khuru bằng cách thọ Tam quy rằng:

“*Yā sā bhikkhave, mayā tīhi saraṇagamanehi upasampadā anuññatā, tam ajjatagge patikkhipāmi.*

Anujānāmi bhikkhave, ñatticatutthena kammena upasampādetum”⁽¹⁾.

¹ Vinayapiṭaka, Bộ Mahāvagga, phần Paṇāmitakathā.

“*Này chư Tỳ khuru, Như Lai đã cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách thọ Tam quy; kể từ nay về sau, Như Lai bỏ cách thọ Tỳ khuru ấy.*

Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép thọ Tỳ Khuru bằng cách tụng một lần ñatti (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành sự ngôn), gọi là ñatticatutthakammavācā”.

Cách thọ Tỳ khuru này bắt đầu từ Đại Đức Rādhā và được lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

Hiện nay, trong các nước Phật giáo theo truyền thống hệ phái Theravāda (Nam Tông), từ phía nam Ấn Độ, truyền qua các nước Tích Lan (Srilankā), Miến Điện (Myanmar), Thái Lan, Cam-puchia, Lào cho đến nước Việt Nam; mặc dầu mỗi nước có ngôn ngữ tiếng nói khác nhau, song tất cả đều căn cứ theo *Luật tạng* Pāli làm căn bản, cho nên vẫn cố gắng giữ gìn, duy trì y nguyên theo truyền thống **thọ Sa di theo cách thọ Tam quy bằng ngôn ngữ Pāli**, vị Thầy Tế Độ truyền Tam quy, giới tử thọ Tam quy, cả hai bên đều phải phát âm từng chữ, từng câu, đúng theo văn phạm Pāli gọi là **“Ubhato suddhi”**.

Và nghi thức **thọ Tỳ khuru**, chư Tỳ khuru Tăng từ 5 vị trở lên hội họp tại nơi *sīmā*. Có 2 hoặc 3 vị Tỳ khuru luật sư hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā*: tụng một lần *ñatti* (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn), phải phát âm từng chữ, từng câu đúng theo văn phạm Pāli.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách tụng *ñatticatutthakammavācā*.

Ngoài cách thọ Tỳ khuru này ra, còn lại tất cả mọi cách *hành Tăng sự* (*Samghakamma*) khác, chứ Tỳ khuru Tăng hội họp tại *sīmā* cũng tụng *ñattikammavācā* bằng ngôn ngữ Pāli, hầu như giống hết nhau, kể cả tụng những bài kinh *Parittapāli* nữa.

Đây là tính đặc thù của các nước Phật giáo theo truyền thống **Hệ Phái THERAVĀDA**, bởi vì các nước này đều căn cứ y theo Tam tạng Pāli làm nền tảng căn bản chính.

* Thọ Tỳ khuru ni (*Bhikkhunī upasampadā*)

Đức Phật chế định ban hành phép thọ Tỳ khuru ni bằng 3 cách.

1- *Garudhammapaṭiggahanūpasampadā* như thế nào?

Thời kỳ Đức Phật ngự tại tịnh xá trong khu rừng lớn thuộc xứ Vesālī, bà Mahāpajāpatigotamī cùng nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya đứng trước cổng tịnh xá buồn tủi khóc than, vì Đức Phật không cho phép phái nữ thọ Tỳ khuru ni.

Đại Đức Ānanda nhìn thấy tình cảnh thật đáng thương như vậy, nên vào xin với Đức Phật cho phép phái nữ được thọ Tỳ khuru ni. Đức Phật truyền dạy: Nếu dì mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận thọ nhận 8 trọng pháp (*garudhamma*), thì đó là sự thọ Tỳ khuru ni của dì mẫu (*Xem phần “8 trọng pháp” trang 98*).

Bà Mahāpajāpatigotamī cung kính chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp mà Đức Phật đã chế định ban hành.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru ni bằng cách thọ nhận 8 trọng pháp.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho bà **Mahāpajāpatigotamī** mà thôi. Đại Đức Tỳ khuru ni Mahāpajāpatigotamī là vị Tỳ khuru ni đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

2- *Dūtenūpasampadā như thế nào?*

Trường hợp cô **Āṇḍhakāsī**, trước khi thọ Tỳ khuru ni, cô là một kỹ nữ nổi tiếng. Nay cô Āṇḍhakāsī đã thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru ni Tăng rồi, cô Āṇḍhakāsī chuẩn bị lên đường đi đến kinh thành Sāvatti để hầu Đức Phật và xin phép thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru Tăng. Cô hay tin có một nhóm trai trẻ ăn chơi sẽ đón đường bắt cô, do đó cô không dám đi đến hầu Đức Phật, cô nhờ một người đại diện đến bạch với Đức Phật về sự khó khăn cản trở của cô trong việc đến xin phép thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru Tăng. Đức Phật biết như vậy, nên đặc biệt cho phép cô rằng:

“Anujānāmi bhikkhave, dūtena pi upasampadetum”.

“Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép cô Āṇḍhakāsī thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ người đại diện”.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ người đại diện.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho cô **Āṇḍhakāsī** mà thôi.

3- *Aṭṭhavācīkūpasampadā* như thế nào?

Trước khi thọ Tỳ khuru ni, giới tử là Sikkhāmānā được tu tập giữ gìn 6 giới hoàn toàn trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm (nếu phạm giới nào, phải bắt đầu trở lại). Khi giới tử Sikkhāmānā đủ 2 năm rồi, được phép thọ giới Tỳ khuru ni, gồm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn thứ nhất:** chư Tỳ khuru ni Tăng hội họp tại nơi sīmā (ranh giới sīmā), vị Tỳ khuru ni luật sư hành Tăng sự tụng một lần ñatti (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn), gọi là *ñatticatutthakammavācā*.

- **Giai đoạn thứ hai:** Giới tử Tỳ khuru ni ấy đến trình chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại nơi sīmā, vị Tỳ khuru luật sư hành Tăng sự tụng 1 lần ñatti và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā*, gọi là *ñatticatutthakammavācā*.

Như vậy, sự thọ Tỳ khuru ni phải hành Tăng sự giữa chư Tăng 2 phái, mỗi phái đều hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā*, gồm đủ 8 lần, gọi là *Aṭṭhavācīkūpasampadā*.

Cách thọ Tỳ khuru ni này áp dụng chung cho tất cả Tỳ khuru ni.

Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, bà Mahā-pajāpatigotamī cùng nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya đến xin Đức Phật thọ Tỳ khuru ni. Đặc biệt bà Mahā-pajāpatigotamī cung kính chấp thuận thọ nhận 8 trọng pháp của Đức Phật đã ban hành, đó là sự thọ Tỳ khuru ni của bà Mahāpajāpatigotamī. Còn nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru ni chỉ có Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự tụng 1

lần *ñatti* và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā*, gọi là *ñatticatutthakammavācā*, vì khi ấy chưa có Tỳ khuru ni Tăng. Tất cả nhóm 500 cận sự nữ dòng Sakya trở thành Tỳ khuru ni.

Kể từ đó về sau, nghi thức thọ Tỳ khuru ni giữa chư Tăng 2 phái: Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng, mỗi phái hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā*, gồm đủ 8 lần. Do đó, gọi là *Aṭṭhavācīkūpasampadā*.

5- Ý Nghĩa Bhikkhu: Tỳ Khuru

Bhikkhu có nhiều ý nghĩa.

5.1- Nghĩa Bhikkhu theo văn phạm Pāli

- *Bhikkhati sīlenā'ti Bhikkhu*: Bậc có thói quen thường đi khát thực để nuôi mạng gọi là *Bhikkhu*: Tỳ khuru.

- *Saṃsāre bhayaṃ ikkhatī'ti Bhikkhu*: Bậc thấy rõ sự tai họa trong vòng tử sanh luân hồi gọi là *Bhikkhu*: Tỳ khuru.

5.2- Nghĩa Bhikkhu theo Kinh tạng

Trong Chú giải kinh Đại Tứ niệm xứ dạy:

- *Yo ca imaṃ paṭipattiṃ paṭipajjati, so Bhikkhu nāma hotī'ti paṭipattiyā Bhikkhubhāvadassanato pi "Bhikkhu" ⁽¹⁾*.

“Hành giả nào thực tập, tiến hành Tứ niệm xứ này, người ấy gọi là Tỳ khuru. Tỳ khuru chứng tỏ là hành giả tiến hành Tứ niệm xứ”.

¹ Chú giải bộ Mahāvagga, kinh Mahāsatipatṭhānasuttavaṇṇanā.

- “*Paṭipannako hi devo vā hotu manusso vā Bhikkhū’ti saṅkhyam gacchatiyeva*”.⁽¹⁾

“Hành giả tiến hành Tứ niệm xứ, dầu là chư thiên hoặc nhân loại đều xem là Tỳ khuru cả thấy”.

Như vậy, **Tỳ khuru** theo ý nghĩa kinh tạng chính là **hành giả tiến hành Tứ niệm xứ**, hay **tiến hành thiền tuệ**.

5.3- Nghĩa Bhikkhu theo Luật tạng

Bhikkhu: Tỳ khuru được thành tựu do chư Tỳ khuru Tăng hội họp nâng đỡ lên bậc cao bằng cách hành Tăng sự, do vị Đại Đức luật sư tụng *ñatticatutthakammavācā*: tụng 1 lần *ñatti* (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn). Khi hành Tăng sự tụng xong *ñatticatutthakammavācā*, giới tử Sa di trở thành Tỳ khuru theo luật. Thọ Tỳ khuru có 2 hạng người:

1- Người cận sự nam đủ tuổi thọ Tỳ khuru gọi là: **Bhikkhu: Tỳ khuru**.

2- Người cận sự nữ đủ tuổi thọ Tỳ khuru gọi là: **Bhikkhunī: Tỳ khuru**.

6- Chi Pháp Trở Thành Tỳ Khuru

Theo **Luật tạng**, bộ Chú giải **Cūlavagga** dạy:

Tỳ khuru được thành tựu cần phải hội đủ 5 chi pháp.

¹ Chú giải bộ Mahāvagga, kinh Mahāsatipatṭhānasuttavaṇṇanā.

6.1- Năm Chi Pháp Thành Tỳ khuru

1- *Vatthusampatti*: Người cận sự nam hoàn toàn không phạm lỗi.

2- *Ñattisampatti*: Tụng ñatti: tuyên ngôn hoàn toàn đúng theo văn phạm Pāli.

3- *Anusāsanasampatti*: Tụng *kammavācā*: thành sự ngôn hoàn toàn đúng theo văn phạm Pāli.

4- *Sīmāsampatti*: Chỗ ranh giới *sīmā* hoàn toàn đúng theo luật.

5- *Purisasampatti*: Tỳ khuru Tăng hội đầy đủ để hành Tăng sự.

Người giới tử nào hội đầy đủ hoàn toàn 5 chi pháp này, không thiếu một chi pháp nào, sau khi chư Tỳ khuru Tăng hội hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā*: tụng 1 lần ñatti (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn) chấm dứt xong, người giới tử ấy **trở thành vị Bhikkhu: Tỳ khuru**.

Nếu trường hợp người giới tử thiếu một chi pháp nào, dầu là một chi tiết nhỏ, buổi lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử ấy **không trở thành Tỳ khuru**, nếu tự nhận là Tỳ khuru thì chỉ là giả danh Tỳ khuru.

6.2- Năm Chi Pháp Không Thành Tỳ khuru

1- *Vatthuvippatti*: Người cận sự nam không đủ tuổi hoặc phạm lỗi.

2- *Ñattivippatti*: Tụng ñatti: tuyên ngôn không đúng theo văn phạm Pāli.

3- *Anusāsanavippatti*: Tụng *kammavācā*: thành sự ngôn không đúng theo văn phạm Pāli.

4- *Sīmāvippatti*: Chỗ ranh giới *sīmā* không đúng theo luật.

5- *Purisavippatti*: Tỳ khuru Tăng hội không đầy đủ để hành Tăng sự.

Nếu giới tử gặp phải một trong 5 chi pháp này, thì buổi lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử ấy không trở thành *Bhikkhu* (Tỳ khuru).

Giải Thích:

1- Vatthu: Người Cận Sự Nam

1.1- Vatthusampatti như thế nào?

Vatthusampatti nghĩa là người cận sự nam đầy đủ 20 tuổi, kể từ khi đầu thai vào lòng mẹ, đồng thời người cận sự nam ấy hoàn toàn không thuộc vào 13 hạng người có lỗi, cấm thọ Tỳ khuru.

Đó gọi là vatthusampatti, người cận sự nam có thể làm lễ thọ Tỳ khuru.

1.2- Vatthuvippatti như thế nào?

Vatthuvippatti nghĩa là người cận sự nam thuộc vào một trong 13 hạng người, không thể thọ Tỳ khuru.

13 hạng người có lỗi không thể sửa chữa

1-Trộm tăng tướng Tỳ khuru: giả Tỳ khuru sống chung với Tỳ khuru thật (*theyyasaṃvāsaka*).

2- Người từ ngoại đạo qua Phật giáo, song chưa bỏ tà kiến của ngoại đạo (*diṭṭhiyapakkantaka*).

3- Người ái nam (*paṇṇaka*: bán nam bán nữ).

4- Long vương hóa thành người nam (*tiracchāna*).

5- Người cận sự nam giết mẹ (*mātughātaka*).

6- Người cận sự nam giết cha (*pitughātaka*).

7- Người cận sự nam giết bậc Thánh A-ra-hán (*Arahantaghātaka*).

8- Người cận sự nam làm cho kim thân của Đức Phật bị vết bầm (máu) (*lohituppādaka*).

9- Người cận sự nam làm chia rẽ chư Tỳ khuru Tăng (*Samghabhedaka*).

10- Người cận sự nam hãm hại Tỳ khuru ni (*Bhikkhunīdūsaka*).

11- Người có lưỡng tính (*ubhatobyañjana*: nam tính và nữ tính).

12- Người cận sự nam trước đây đã từng thọ Tỳ khuru, phạm tội bất cộng trụ (*pārājika*) đã bị hoàn tục.

13- Người cận sự nam chưa đầy đủ 20 tuổi.

Tất cả 13 hạng người nam này, gọi là vatthu-vippatti, không cho phép làm lễ thọ Tỳ khuru. Dầu làm lễ thọ Tỳ khuru rồi, cũng không thành tựu Tỳ khuru, nếu tự nhận mình là Tỳ khuru thì chỉ là giả danh Tỳ khuru mà thôi.

2- Ñatti: Tuyên Ngôn

2.1- Ñattisampatti như thế nào?

Ñattisampatti nghĩa là vị Đại Đức luật sư thông thạo về văn phạm Pāli, rành rẽ về cách hành Tăng sự. Tụng 1 lần *ñatti* (tuyên ngôn) đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo *thāna*, *karaṇa*, *payatana* và đúng theo 10 *byañjanabuddhi*. Đó gọi là *ñattisampatti*: tụng tuyên ngôn hoàn toàn đúng theo văn phạm Pāli và cách hành Tăng sự.

2.2- Ñattivippatti như thế nào?

Ñattivippatti nghĩa là vị Đại Đức luật sư không thông thạo về văn phạm Pāli, không rành rẽ về cách hành Tăng sự. Tụng 1 lần *ñatti* (tuyên ngôn) không đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *thāna*, *karaṇa*, *payatana* và không đúng theo 10 *byañjanabuddhi*.

Đó gọi là *ñattivippatti*: tụng tuyên ngôn không đúng theo văn phạm Pāli và cách hành Tăng sự.

Như vậy, cuộc lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử không trở thành Tỳ khuru, nếu tự nhận mình là Tỳ khuru thì chỉ là giả danh Tỳ khuru mà thôi.

3- Anussāsana: Thành Sự Ngôn

3.1- Anussāsanasampatti như thế nào?

Anussāsanasampatti nghĩa là vị Đại Đức luật sư thông thạo về văn phạm Pāli, rành rẽ về cách hành Tăng sự. Tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn) đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng

theo *ṭhāna*, *karāṇa*, *payatana* và đúng theo 10 *byañjanabuddhi*.

Đó gọi là *Anussāsanasampatti*: tụng thành sự ngôn hoàn toàn đúng theo văn phạm Pāli và cách hành Tăng sự.

3.2- *Anussāsanavippatti* như thế nào?

Anussāsanavippatti nghĩa là vị Đại Đức luật sư không thông thạo về văn phạm Pāli, không rành rẽ về cách hành Tăng sự. Tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn) không đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *ṭhāna*, *karāṇa*, *payatana* và không đúng theo 10 *byañjanabuddhi*.

Đó gọi là *Anussāsanavippatti*: tụng thành sự ngôn không đúng theo văn phạm Pāli và cách hành Tăng sự.

Như vậy, cuộc lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử không trở thành Tỳ khuru thật. Nếu tự nhận mình là Tỳ khuru thì chỉ là giả danh Tỳ khuru mà thôi.

Vị Đại Đức tụng *ñatticatutthakammavācā*: tụng 1 lần *ñatti* (tuyên ngôn), tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn), đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo:

- *Ṭhāna*: nơi phát sanh của nguyên âm, phụ âm.
- *Karāṇa*: nhân phát sanh của nguyên âm, phụ âm.
- *Payatana*: sự cố gắng phát âm đúng theo *ṭhāna* và *karāṇa*.

Trong ngôn ngữ Pāli gồm có 41 âm:

- **Nguyên âm** có 8 âm, đó là: *a, ā, i, ī, u, ū, e, o*.

- **Phụ âm** có 33:

Ka kha ga gha ñ
Ca cha ja jha ña
Ṭa ṭha ḍa ḍha ṇa
Ta tha da dha na
Pa pha ba bha ma
Ya ra la va sa ha ḷa ṃ.

Đó là 41 âm gồm cả nguyên âm và phụ âm. Chia thành 6 ṭhāna, 6 karaṇa và 4 payatana.

Ṭhāna và 6 Karaṇa

1- **Kaṇṭhaṭṭhāna**: Nơi phát âm ở cổ, gồm có 8 âm: 2 nguyên âm và 6 phụ âm là: *a, ā, ka, kha, ga, gha, ñ, ha.*

- Và cũng là *kaṇṭhakaraṇa*: nhân phát âm ở cổ.

2- **Tālutaṭṭhāna**: Nơi phát âm ở đốc họng, gồm có 8 âm: 2 nguyên âm và 6 phụ âm là: *i, ī, ca, cha, ja, jha, ña, ya.*

- Và *jivhāmajjhakaraṇa*: nhân phát âm ở giữa lưỡi.

3- **Muddhaṭṭhāna**: Nơi phát âm ở hàm ếch, gồm có 7 phụ âm là: *ṭa, ṭha, ḍa, ḍha, ṇa, ra, ḷa.*

- Và *jivhopaggakaraṇa*: nhân phát âm ở gần đầu lưỡi.

4- **Dantaṭṭhāna**: Nơi phát âm ở 2 đầu răng, gồm có 7 phụ âm là: *ta, tha, da, dha, na, la, sa.*

- Và *jivhaggakaraṇa*: nhân phát âm ở đầu lưỡi.

5- **Oṭṭhaṭṭhāna**: Nơi phát âm ở 2 đầu môi, gồm có 7 âm: 2 nguyên âm và 5 phụ âm là: *u, ū, pa, pha, ba, bha, ma.*

- Và cũng là *oṭṭhakaraṇa*: nhân phát âm ở 2 đầu môi.

6- *Nāsikaṭṭhāna*: Nơi phát âm nơi lỗ mũi, có 1 phụ âm là: *niggahita*: *ṇ*, phụ âm *m* có dấu chấm ở bên dưới, như *aṇ*, *iṇ*, *uṇ*.

- Và cũng là *nāsikakaraṇa*: nhân phát âm nơi lỗ mũi.

Những nguyên âm phụ âm phát sanh 2 *thāna*:

- Nguyên âm *e*: phát âm nơi 2 *thāna*: *kaṇṭhatālutaṭṭhāna*: nơi cổ và đóc họng.

- Nguyên âm *o*: phát âm nơi 2 *thāna*: *kaṇṭhotṭhatṭhāna*: nơi cổ và môi.

- Phụ âm *va*: phát âm nơi 2 *thāna*: *dantoṭṭhatṭhāna*: nơi răng và môi.

- Những phụ âm *ṇ*, *ñā*, *ṇa*, *na*, *ma*: phát âm nơi 2 *thāna*: là *thāna* riêng của mỗi nhóm và **lỗ mũi**.

4 Payatana: sự cố gắng phát âm đúng theo *thāna* và *karaṇa*, có 4 cách:

1- *Samvata*: sự cố gắng đóng *thāna* và *karaṇa*.

2- *Vivata*: sự cố gắng mở *thāna* và *karaṇa*.

3- *Phuṭṭha*: sự cố gắng tiếp xúc mạnh *thāna* và *karaṇa*.

4- *Isamphuṭṭha*: sự cố gắng tiếp xúc nhẹ *thāna* và *karaṇa*.

Đó là 4 cách cố gắng phát ra âm thanh cho đúng *thāna* và *karaṇa*.

Vấn đề này nêu ra ở đây để hiểu tổng quát về *thāna*, *karaṇa* và *payatana*. Sự hiểu rõ ràng về văn phạm Pāli là phận sự của vị Đại Đức luật sư tụng *ñatti* (tuyên ngôn) và *kammavācā* (thành sự ngôn) trong lúc hành Tăng sự.

10 byañjanabuddhi

Trong bộ Chú giải Luật tạng *Parivāra* dạy rằng:

Vị Đại Đức luật sư tụng *ñatti* và *kammavācā* cần phải thông thạo, rành rẽ 10 *byañjanabuddhi*, như sau:

“*Sithilaṃ dhanitañca dīgharassam
Garukaṃ lahukañceva niggahitaṃ
Sambandhaṃ vavatthitaṃ vimuttaṃ
Dasadhā byañjanabuddhiyā pabhedo*”.

Nghĩa:

Vị Đại Đức luật sư tụng *ñatti* và *kammavācā* nên hiểu biết rõ 10 loại *byañjanabuddhi* là: *sithila*, *dhanita*, *dīgha*, *rassa*, *garuka*, *lahuka*, *niggahita*, *sambandha*, *vavatthita* và *vimutta*.

Giải Thích:

Trong ngôn ngữ Pāli có 41 âm.

- Nguyên âm có 8 âm đó là: *a*, *ā*, *i*, *ī*, *u*, *ū*, *e*, *o*.
- Phụ âm có 33 âm chia ra làm 6 nhóm:

Nhóm mẫu tự Pāli

- 1- Nhóm *ka* đầu có 5 phụ âm
- 2- Nhóm *ca* đầu có 5 phụ âm
- 3- Nhóm *ṭa* đầu có 5 phụ âm
- 4- Nhóm *ta* đầu có 5 phụ âm
- 5- Nhóm *pa* đầu có 5 phụ âm

1	2	3	4	5
ka	kha	ga	gha	ṇ
ca	cha	ja	jha	ṇa
ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa
ta	tha	da	dha	na
pa	pha	ba	bha	ma

- 6- Không nhóm có 8 phụ âm: *ya*, *ra*, *la*, *va*, *sa*, *ḷa*, *ha*, *m*.

1- *Sithila* là những phụ âm ở vị trí **thứ nhất** và **thứ ba** của mỗi nhóm gồm có 10 phụ âm: *ka, ga, ca, ja, ɟa, ɟa, ta, da, pa, ba*. Mười phụ âm này khi phát âm cố gắng đưng *ṭhāna* và *karāṇa* phát âm **giọng yếu**.

2- *Dhanita* là những phụ âm ở vị trí **thứ nhì** và **thứ tư** của mỗi nhóm gồm có 10 phụ âm: *kha, gha, cha, jha, ɟha, ɟha, tha, dha, pha, bha*. Mười phụ âm này khi phát âm, cố gắng đưng *ṭhāna* và *karāṇa* phát âm **giọng mạnh**.

3- *Dīgha* là những nguyên âm đọc **giọng dài** gồm có: *ā, ī, ū, e, o*, 5 nguyên âm đơn này, đứng trước phụ âm hoặc ghép sau phụ âm. Khi tụng đọc **giọng dài** gấp đôi nguyên âm giọng ngắn. Thời gian tụng đọc **giọng dài** khoảng chừng 2 lần nháy mắt liên tục (*không nên kéo dài như giọng ca hát ngân nga*).

4- *Rassa* là những nguyên âm đọc **giọng ngắn** gồm có: *a, i, u*. Ba nguyên âm đơn này, đứng trước phụ âm hoặc ghép sau phụ âm. Khi tụng đọc **giọng ngắn** bằng một nửa nguyên âm tụng đọc giọng dài. Thời gian tụng đọc **giọng ngắn** khoảng chừng 1 lần nháy mắt liên tục (*không nên kéo dài như giọng ca hát ngân nga*).

Dầu nguyên âm tụng đọc **giọng dài** như *e, o*, nhưng khi ghép chung với một phụ âm (*byaṇjanasamyoga*) trở thành tụng đọc giọng ngắn.

Ví dụ: Seyyo, sotthi, ettha, nguyên âm ghép với *ey, ot, et*. Khi tụng đọc trở thành **giọng ngắn**. Sey-yo, sot-thi, et-tha....

5- *Garuka* là những nguyên âm đọc **giọng nặng** gồm có: *ā, ī, ū, e, o*.

- Năm nguyên đơn, đứng trước phụ âm hoặc ghép sau phụ âm đọc giọng nặng. Ví dụ: ***Yā, so...***

- Nguyên âm ghép với phụ âm (*byañjanasamyoga*).

Ví dụ: *Na+k-khamati = nakkhamati*, “*nak*” tụng đọc giọng nặng và chậm...

6- ***Lahuka*** là những nguyên âm đọc **giọng nhẹ** gồm có: *a, i, u*.

- Và những nguyên âm không ghép dính vào phụ âm khác.

Ví dụ: *Na-khamati*, “*na*” tụng đọc giọng nhẹ và mau.

7- ***Sambandha*** là những phụ âm trước ghép với nguyên âm sau, khi tụng đọc dính theo nguyên âm sau.

Ví dụ: *Yassāyasmato* do 2 danh từ ghép *yassa + āyasmato*. Xóa nguyên âm “*a*” sau phụ âm “*s*”, rồi ghép phụ âm “*s*” với nguyên âm “*ā*” thành *yassāyasmato*.

8- ***Vavatthita*** là những chữ trước đọc tách rời với chữ sau.

Ví dụ: *Yassa āyasmato, yassa* chữ trước, *āyasmato* chữ sau tụng đọc tách rời nhau.

9- ***Niggahita*** là những phụ âm m có chấm dưới (m). Ví dụ: *am, im, um*.

Khi tụng đọc *niggahitanta* theo 2 *ṭhāna*:

- *Sakatṭhāna* phát âm tùy theo *ṭhāna* của phụ âm.

- *Nāsikatṭhāna* phát âm ở lỗ mũi, cũng là nhân phát sanh ở lỗ mũi.

Khi tụng đọc *niggahitanta* này, đặc biệt đóng hơi cổ, bằng cách ngậm miệng lại để cho hơi đi lên theo đường ra lỗ mũi.

Ví dụ: *Buddham, Dhammam, Saṃgham...*

* Tụng *makaranta*: chữ m không có chấm dưới, khi tụng đọc phụ âm m theo *oṭṭhaṭṭhāna* phát âm nơi 2 đầu môi, phải ngậm miệng.

Ví dụ: *Buddham, Dhammam, Saṃgham...*

10- ***Vimutta*** là những phụ âm tụng phải mở miệng đọc rõ, không ngậm miệng, không để cho hơi lên lỗ mũi.

Ví dụ: *Su-ṇā-tu, e-sā ñatti...*

Vị Đại Đức luật sư tụng *ñatti-kammavācā* luôn luôn ở tư thế ***ngôi chồm hõm*** hai tay cầm bảng *ñatti-kammavācā*, tụng đọc từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ rõ ràng đúng theo văn phạm Pāli, theo mỗi cách thức hành Tăng sự.

Trong 10 byañjanabuddhi này xác định kết quả thành tựu hoặc không thành tựu buổi lễ hành Tăng sự của chư Tỳ khuru Tăng.

Theo bộ luật *Kaṅkhāvitaranīṭikā* dạy rằng:

“Kammavipattilakkhaṇa:

Sithile kattabbe dhanitaṃ, dhanite kattabbe sithilaṃ, vimute kattabbe niggahitaṃ, niggahite kattabbe vimuttaṃ’ti. “*Imāni cattāri byañjanāni anto kammavācāya kammaṃ dūsentī*”.

“Trạng thái Tăng sự bị hư:

Khi vị Đại Đức luật sư tụng phụ âm sithila trở thành phụ âm dhanita; khi tụng phụ âm dhanita trở thành phụ âm sithila; và khi tụng phụ âm, nguyên âm vimutta trở thành phụ âm, nguyên âm niggahita; khi tụng phụ âm, nguyên âm niggahita trở thành phụ âm,

nguyên âm *vimutta*.

Trong khi tụng đọc *ñatti-kammavācā*, có sự nhâm lẫn trong 4 phụ âm, nguyên âm này, thì buổi lễ hành Tăng sự ấy bị hư, không thành tựu”.

Ngoài những phụ âm thuộc 4 loại: *sithila*, *dhanita*, *niggahita*, *vimutta* ra, còn lại những phụ âm, nguyên âm thuộc 6 loại: *dīgha*, *rassa*, *garuka*, *lahuka*, *sambandha*, *vavatthita* nếu tụng đọc không đúng, thì việc hành Tăng sự (*Samghakamma*) ấy không bị hư, Tăng sự ấy vẫn thành tựu. Song gọi là “**tụng không hay**” (*duruttam karoti*).

Lễ thọ Tỳ khuru, khi vị Đại Đức luật sư tụng *ñatticatutthakammavācā* đúng theo văn phạm Pāli, đúng theo 10 *byañjanabuddhi* hành đúng theo Tăng sự, gọi là *ñattisampatti* và *anussāsanasampatti* hay *kammavācāsampatti*, thì buổi lễ thọ Tỳ khuru được thành tựu, giới tử trở thành vị **Tỳ khuru** (*Bhikkhu*) thật. Nếu trường hợp vị Đại Đức luật sư tụng *ñatticatutthakammavācā* không đúng theo văn phạm Pāli, và không đúng theo 10 *byañjanabuddhi* trong đó có *sithila*, *dhanita*, *niggahita*, *vimutta* thì hành Tăng sự ấy bị hư, gọi là *ñattivippatti* và *anussāsanavippatti* hay *kammavācāvippatti*, buổi lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử không trở thành vị Tỳ khuru, nếu tự nhận mình là Tỳ khuru, thì chỉ là giả danh Tỳ khuru mà thôi.

4- Sīmā

Sīmā là một chỗ có diện tích không lớn quá cũng không nhỏ quá, có chu vi làm ranh giới rõ ràng, được chư Tỳ khuru Tăng đã quy định, để làm nơi chư Tỳ khuru Tăng hội họp hành mọi Tăng sự Samghakamma như: uposatha, pavāraṇā, upasampadā, kathina, parivāsa, mānatta abbhāna... đúng theo luật của Đức Phật đã ban hành.

Sīmā có 2 loại:

4.1- *Baddhasīmā*: là chỗ *sīmā* đã được chư Tỳ khuru Tăng hội họp quy định có diện tích không lớn quá, cũng không nhỏ quá, tối thiểu đủ cho 21 vị Tỳ khuru Tăng ngồi hành Tăng sự, có chu vi rõ ràng, được làm dấu bằng 1 trong 8 loại nimitta mà Đức Phật đã ban hành cho phép theo luật, và được chư Tỳ khuru Tăng đã hành Tăng sự tụng *sīmāsammuti-kammavācā* để trở thành *sīmā* làm ranh giới chu vi, để hành mọi Tăng sự của chư Tỳ khuru Tăng.

Baddhasīmā này có 2 loại:

4.1.1- *Samānasamvāsasīmā*: là *sīmā* được thành tựu do chư Tỳ khuru Tăng hội họp lại một nơi nhất định rồi hành Tăng sự tụng *Samānasamvāsasīmāsammuti-kammavācā* để trở thành *sīmā*.

4.1.2- *Avippavāsasīmā*: là *sīmā* được thành tựu do chư Tỳ khuru Tăng tụng *Avippavāsasīmāsammuti-kammavācā* liền sau khi đã thành tựu *samānasamvāsasīmā*, vì sự lợi ích xa rời tam y mà không bị phạm tội.

Tương tự cũng có 2 loại sĪmā:

4.1.3- **MahāsĪmā**: là sĪmā rộng lớn tối đa 3 do tuần, do chư Tỷ khuru Tăng thống nhất quy định hành Tăng sự tụng *ñatti-kammavācā*, để trở thành *mahāsĪmā*. Khi hành Tăng sự, tất cả chư Tỷ khuru ở trong phạm vi *mahāsĪmā* đều phải đến hội họp một nơi, ngồi trong *hatthapāsa* (2 cùi tay+1 gang). Trường hợp vị Tỷ khuru nào bị bệnh không thể đến hội họp được, vị Tỷ khuru ấy phải gởi *chanda pārisuddhi* (sự hài lòng, tâm trong sạch) của mình cho một vị Tỷ khuru khác và nhờ vị Tỷ khuru ấy đến trình giữa chư Tăng.

4.1.4- **KhaṇḍasĪmā**: là sĪmā nhỏ nằm trong *mahāsĪmā*, do tất cả chư Tỷ khuru Tăng quy định bằng cách hành Tăng sự tụng *ñatti-kammavācā* để trở thành *khaṇḍasĪmā*. Chư Tỷ khuru Tăng có thể hội họp trong *khaṇḍasĪmā* này tối thiểu 21 vị hành Tăng sự, mà không liên quan đến chư Tỷ khuru Tăng hiện đang ở trong *mahāsĪmā*. *KhaṇḍasĪmā* cần phải có một đường ranh nhỏ xung quanh bao bọc, để phân chia khoảng cách *khaṇḍasĪmā* và *mahāsĪmā*, gọi là *sĪmantarika*. Vì *khaṇḍasĪmā* có thể giáp ranh với *gāmasĪmā*, mà không thể giáp ranh với *mahāsĪmā*, cho nên phải có đường *sĪmantarika*.

4.2- **AbhaddhasĪmā**: là sĪmā thành tựu một cách tự nhiên, không do chư Tỷ khuru Tăng hội họp tụng *ñatti-kammavācā* như *bhaddhasĪmā*.

AbhaddhasĪmā có 3 loại:

4.2.1- *GāmasĪmā*: là sĪmā được chư Tỷ khuru Tăng quy định một chu vi quanh một làng, một xã, một khu phố... làm ranh giới. Tất cả chư Tỷ khuru Tăng hiện

đang ở tại nơi quy định ấy, đều phải đến hội họp, ngồi trong hatthapāsa, để hành Tăng sự. Nếu vị Tỷ khuru nào không đến hội họp được, thì vị Tỷ khuru ấy phải gọi chanda và pārisuddhi cho một vị Tỷ khuru khác nhờ đến trình lên giữa chư Tỷ khuru Tăng đang hội họp.

Nếu trường hợp trong gāma ấy, **Đức vua** hay **vị đại diện chính phủ** dâng cúng đến chư Tỷ khuru Tăng một phần đất đủ làm nơi sīmā để hành Tăng sự, thì khoảng chu vi đất ấy trở thành *visumgāmasīmā* (phần đất riêng biệt trong gāma), chư Tỷ khuru Tăng có thể hội họp hành Tăng sự trong phạm vi *visumgāmasīmā* ấy một cách tự nhiên, mà không liên quan đến Tỷ khuru hiện đang ở trong gāma lớn ấy.

4.2.2- *Sattabbhantarasīmā*: là sīmā trong khu rừng lớn, không có nhà ở, chu vi khoảng 392 cùi tay. Trong khoảng chu vi này chư Tỷ khuru Tăng có thể hội họp hành Tăng sự ở một nơi nào đó nhất định.

4.2.3- *Udakukkhepasīmā*: là sīmā dưới nước, như **sông, biển, hồ** lớn thiên nhiên. Chư Tỷ khuru Tăng có thể ngồi trên **bè** thả ra giữa dòng sông, biển, hồ thiên nhiên, thả neo xuống nước giữ cho bè không di chuyển, rồi có thể hành Tăng sự.

4.3- *Sīmāsampatti* như thế nào?

Sīmāsampatti nghĩa là sīmā có đầy đủ 3 chi pháp:

4.3.1- *Nimittasampatti*: dấu “*nimitta*” chu vi sīmā đầy đủ không thiếu một dấu nào.

Nimitta: dấu có 8 loại: **núi, đá, rừng, cây cối, con đường, con sông, ổ mối** và **nước**. Trong 8 loại *nimitta* này có thể dùng loại nào cũng được, hoặc dùng xen lẫn

nhau. Khi hành lễ thông báo chính xác nimitta phải giáp mí chông lên nhau, gọi là *nimittasampatti*.

4.3.2- *Purisasampatti*: chư Tỷ khuru Tăng hội đầy đủ. Chư Tỷ khuru Tăng hội từ 4 vị Tỷ khuru Tăng thật trở lên để làm lễ hành Tăng sự qui định ranh giới sīmā. Nếu trong một khu vực xã, quận (gāma) có chư Tỷ khuru hiện diện bao nhiêu, thì tất cả chư Tỷ khuru ấy đều phải được mời đến tham dự. Nếu vị Tỷ khuru nào không đi được, vị Tỷ khuru ấy phải cho *chanda*: sự hài lòng của mình, đến một vị Tỷ khuru khác và nhờ vị Tỷ khuru ấy đến trình giữa chư Tỷ khuru Tăng, tất cả chư Tỷ khuru Tăng phải ngồi trong *hatthapāsa*: khoảng 2 cùi tay với 1 gang, để làm lễ hành Tăng sự tụng *sīmāsammutikammavācā* quy định ranh giới sīmā, gọi là *purisasampatti*.

4.3.3- *Ñatti-kammavācāsampatti*: Tụng một lần ñatti (tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 1 lần kammavācā (thành sự ngôn), gọi là ñattidutiyakammavācā, đúng theo văn phạm Pāli và luật hành Tăng sự.

Sīmā là một công việc rất khó hiểu trong Luật tạng. Ở đây chỉ nêu 3 chi pháp chính để thành tựu sīmā mà thôi.

Khi hội đầy đủ 3 chi pháp trên gọi là sīmāsampatti, làm chỗ để cho chư Tỷ khuru Tăng dễ dàng hành mọi Tăng sự đúng theo luật mà Đức Phật đã chế định.

4.4- *Sīmāvippatti như thế nào?*

Sīmāvippatti nghĩa là chỗ ranh giới sīmā không thành tựu, thì không thể làm nơi để chư Tỷ khuru Tăng hội họp hành Tăng sự đúng theo luật mà Đức Phật đã ban hành.

Trong bộ Chú giải *Kankhāvitaraṇa* dạy có 11

trường hợp sīmā hư như sau:

1- Sīmā quá nhỏ, không đủ chỗ cho 21 vị Tỳ khuru Tăng ngồi hội họp hành Tăng sự (*atikhuddakā sīmā*).

2- Sīmā quá lớn, lớn hơn 3 do tuần (*atimahātī sīmā*).

3- Sīmā có nimitta bị hư, không đúng (*khaṇḍanimittā sīmā*).

4- Sīmā lấy bóng làm nimitta, không cố định (*chāyānimittā sīmā*).

5- Sīmā không có nimitta (*animittā sīmā*).

6- Tụng ñatti-kammavācā bên ngoài vòng chu vi sīmā (*bahisīme ṭhitasammatā sīmā*).

7- Lấy con sông làm sīmā (*nadiyā sammatā sīmā*).

8- Lấy biển làm sīmā (*sumudde sammatā sīmā*).

9- Lấy hồ thiên nhiên làm sīmā (*jātassare sammatā sīmā*).

10- Làm ranh giới sīmā mới dính với sīmā cũ (*sīmāya sīmaṃ sambhindantena sammatā sīmā*)⁽¹⁾.

11- Làm ranh giới sīmā mới chồng lên sīmā cũ (*sīmāya sīmaṃ ajjhottharantena sammatā sīmā*).

Đó là 11 loại sīmāvipatti, sīmā bị hư, không đúng theo luật mà Đức Phật đã chế định, cho nên chư Tỳ khuru Tăng không thể làm nơi hội họp hành Tăng sự.

Nếu chư Tỳ khuru Tăng hội họp hành Tăng sự tại sīmā hư, thì lễ thọ Tỳ khuru sẽ không thành tựu, giới tử không trở thành Tỳ khuru thật.

¹ Trong một vùng có nhiều Sīmā, có đường dây điện nối liền với nhau, chư Tỳ khuru Tăng khi hành Tăng sự, nếu không tách rời đường dây điện ra khỏi Sīmā, thì cũng gọi Sīmāvipatti.

5- Purisa: Tỳ khuru Tăng

5.1- Purisasampatti như thế nào?

Purisasampatti: nghĩa là chư Tỳ khuru Tăng hội đủ số để hành Tăng sự. Đức Phật chế định làm lễ thọ Tỳ khuru tại **trung Ấn Độ** (*majjhimapadesa*) phải có ít nhất **10 vị Tỳ khuru thật**, hay nhiều hơn càng tốt. Còn ngoài trung Ấn Độ ra, các tỉnh nơi biên địa, các nước khác, làm lễ thọ Tỳ khuru có ít nhất **5 vị Tỳ khuru thật**, hay nhiều hơn càng tốt. Chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā* xong, giới tử Sa di trở thành Tỳ khuru đúng theo luật của Đức Phật đã chế định.

Đó gọi là *purisasampatti*: chư Tỳ khuru Tăng hội đầy đủ để hành Tăng sự.

5.2- Purisavippatti như thế nào?

Purisavippatti: nghĩa là chư Tỳ khuru Tăng hội họp không đủ số **10 vị Tỳ khuru thật**, để hành Tăng sự làm lễ **thọ Tỳ khuru** tại trung Ấn Độ, hoặc không đủ **5 vị Tỳ khuru thật**, để hành Tăng sự làm lễ **thọ Tỳ khuru** tại các tỉnh nơi biên địa, hoặc các nước khác. Dầu có đông Tỳ khuru, trên 5 vị, nhưng trong số đông ấy có nhiều Tỳ khuru giả, không đủ 5 vị Tỳ khuru thật. Như vậy, cũng gọi là *purisavippatti*: chư Tỳ khuru Tăng hội họp không đầy đủ số lượng tối thiểu để hành Tăng sự làm lễ thọ Tỳ khuru.

Nếu làm lễ thọ Tỳ khuru, dầu tụng *ñatticatutthakammavācā* xong, cuộc lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử Sa di cũng không trở thành Tỳ khuru thật.

Do đó cho nên, giới tử muốn trở thành **Tỳ khuru thật**, cần phải hội đầy đủ 5 chi pháp: *vatthusampatti*, *ñattisampatti*, *anussāvanasampatti*, *sīmāsampatti* và *purisasampatti*. Nếu thiếu một chi pháp nào, hay một chi tiết nào, thì buổi lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử chắc chắn sẽ không trở thành Tỳ khuru đúng theo luật của Đức Phật ban hành, nếu tự nhận là Tỳ khuru thì chỉ là giả danh.

DAḬHĪKAMMA: Tăng sự vững chắc

Sau khi lễ thọ Tỳ khuru xong, nếu Tỳ khuru phát sanh tâm hoài nghi không biết việc hành Tăng sự tụng *ñatticatutthakammavācā* của mình thành tựu hay không thành tựu? Như vậy, muốn được chắc chắn, vị Tỳ khuru ấy có thể thỉnh chư Tỳ khuru tụng *ñatticatutthakammavācā* lại một lần nữa, hoặc nhiều lần vì sự lợi ích như sau:

- Nếu trước kia việc tụng *ñatticatutthakammavācā* đã thành tựu, thì việc tụng lần này càng thêm vững chắc.

- Nếu trước kia việc tụng *ñatticatutthakammavācā* không thành tựu, thì việc tụng lần này Tăng sự được thành tựu, chắc chắn trở thành Tỳ khuru thật.

Như trong Chú giải Luật tạng, bộ Parivāra aṭṭhakathā dạy:

“Sace pana akkharaparihīnaṃ vā padaparihīnaṃ vā duruttapadaṃ vā hoti, tassa sodhanatthaṃ punappunaṃ vattuṃ vaṭṭati. Idaṃ akuppakammasa

dalhīkammaṃ hoti, kuppakamme kammaṃ hutvā tiṭṭhati.

Ñatticatutthakammavācā ñattiñca tisso ca kammavācāyo sāvetvāva kātabbamaṃ, apalokana-kammādivasena na kātabbamaṃ”⁽¹⁾.

“Nếu Tăng sự bị hư do bởi đọc sai nguyên âm, phụ âm, hoặc bị hư do bởi đọc sai chữ, hoặc hư do tụng không rõ; để làm cho trong sạch Tăng sự ấy, thì nên tụng đi, tụng lại nhiều lần. Sự tụng nhiều lần này, Tăng sự thêm vững chắc đối với Tăng sự trước kia không bị hư; hoặc thành tựu Tăng sự, mà trước kia bị hư.

Việc hành Tăng sự lần này, chỉ cần tụng một lần tuyên ngôn và 3 lần thành sự ngôn, không nên hành các Tăng sự khác như xét hỏi y bát v.v...”.

Hành Tăng Sự Dalhīkamma

Dalhīkamma: Tăng sự vững chắc, Tăng sự này thường hành sau khi đã làm lễ thọ Tỳ khuru.

Nước Myanmar, giới tử làm lễ thọ Tỳ khuru (*upasampadā*) tại sīmā, chư Tỳ khuru Tăng đặt tầm quan trọng của việc hành Tăng sự tụng ñatticatutthakammavācā (tụng 1 lần tuyên ngôn, liền tiếp theo tụng 3 lần thành sự ngôn); cho nên lễ thọ Tỳ khuru cho một giới tử, hoặc 2-3 giới tử cùng một lúc; khi hành Tăng sự tụng ñatticatutthakammavācā thường tụng 3 lần, mỗi lần ba vị.

¹ Vinayapiṭaka Parivāra aṭṭhakathā - Kammavaggavaṇṇanā.

- Lần thứ nhất có 3 vị Đại Đức luật sư đồng tụng.
- Lần thứ nhì có 3 vị Đại Đức luật sư khác đồng tụng.
- Lần thứ ba có 3 vị Đại Đức luật sư khác nữa đồng tụng.

Như vậy, buổi lễ thọ Tỳ khuru của giới tử, gồm tất cả 9 vị Đại Đức luật sư hành Tăng sự tụng ñatticatutthakammavācā. Thật ra, trong 9 vị Đại Đức luật sư, chỉ cần một vị Đại Đức luật sư hành Tăng sự tụng ñatticatuttha- kammavācā đúng theo cách hành Tăng sự; nghĩa là tụng từng mỗi âm, mỗi chữ, mỗi câu đúng theo văn phạm Pāli và 10 byañjanabuddhi là buổi thọ Tỳ khuru của giới tử thành tựu, giới tử trở thành vị **Tỳ khuru thật**; còn 8 vị Đại Đức luật sư kia hành Tăng sự tụng ñatticatutthakammavācā đúng nữa, thì làm cho Tăng sự càng thêm vững chắc, vị tân Tỳ khuru càng vững tâm, có đức tin vững chắc nơi Tam bảo.

Về sau, các vị Tỳ khuru có duyên lành, có cơ hội gặp được những bậc Đại Trưởng lão, đức độ lớn muốn nương nhờ nơi quý Ngài, bằng cách xin hành dalhīkamma. Các vị Tỳ khuru cung thỉnh quý Ngài từ bi hành Tăng sự dalhīkamma một lần nữa, (hoặc có thể hành Tăng sự dalhīkamma nhiều lần trong cuộc đời Tỳ khuru của mình thì càng tốt).

Cách Hành Tăng Sự Dalhīkamma

Hành Tăng sự dalhīkamma không phải là lễ thọ Tỳ khuru. Cho nên, giai đoạn đầu không có phần xét hỏi về y bát, 13 pháp tai hại trong thân thể, cuộc đời; và giai đoạn cuối không có ghi nhận thời gian: giờ, ngày, tháng, năm, thời tiết. Vị Thầy Tế độ không dạy

4 pháp nương nhờ và 4 pháp không nên hành.

Nghi Thức xin Hành Tăng Sự Dalhīkamma

Vị Tỳ khuru xin vị Đại Trưởng lão làm Thầy Tế độ, đề tụng trong khi hành Tăng sự ñatticatutthakammavācā như sau:

1- *Upajjhāyo me (no) Bhante hohi. (3 lần)*

Vị Thầy Tế độ dạy:

Pāsādikena sampādehi (sampādetha).

2- Gọi tên vị Thầy Tế độ.

Gọi tên các vị Tỳ khuru (nhiều nhất 3 vị Tỳ khuru).

3- Hai – ba vị Đại Đức luật sư cùng nhau hành Tăng sự tụng Ñatticatutthakammavācā xong, là lễ hành Tăng sự Dalhīkamma xong.

Sự lợi ích của lễ hành Tăng sự dalhīkamma như thế nào? Hành Tăng sự dalhīkamma có hai điều lợi ích như trong Chú giải bộ Parivāra, phần Kammavaggavaṇṇanā.

- Trước kia **hành Tăng sự ñatticatutthakammavācā** đã thành tựu, nay hành Tăng sự dalhīkamma thêm vững chắc, thêm đức tin vững vàng nơi Tam bảo....

- Trước kia **hành Tăng sự ñatticatutthakammavācā** không thành tựu, do đọc sai nguyên âm, phụ âm, hoặc đọc sai chữ..., nay hành Tăng sự dalhīkamma để làm cho Tăng sự thành tựu. Trước kia không thành Tỳ khuru đúng theo luật, nay sau khi hành dalhīkamma Tăng sự xong, trở thành Tỳ khuru thật.

Thật ra, tụng ñatticatutthakammavācā có một ***oai đức*** rất phi thường, và chư Tỳ khưu Tăng hội đủ hành Tăng sự cũng có một ***oai đức*** phi thường. Do đó, nước Myanmar, có một số Tỳ khưu thường hành Tăng sự dāḥīkamma để hỗ trợ cho mình được thêm vững đức tin trong sạch nơi Tam bảo. Cho nên, trong cuộc đời Tỳ khưu, nếu có cơ hội, thì nên hành Tăng sự dāḥīkamma nhiều lần càng tốt.

TÍCH HOÀNG TỬ RĀHULA THỌ SA DI

Hoàng tử Rāhula hạ sanh nhằm ngày rằm tháng 6, ngay đêm Đức Bồ Tát Siddhattha trốn đi xuất gia năm 29 tuổi. Đức Bồ Tát nghe tin báo hoàng hậu Yasodhara vừa mới hạ sanh Hoàng tử, tình thương con phát sanh, trước khi xuất gia, Ngài muốn nhìn thấy mặt Hoàng tử. Đức Bồ Tát lên đứng ở cửa nhìn vào, hoàng hậu Yasodhara đang mằn nghiêng ngủ ngon giấc, tay choàng ngang qua đầu Hoàng tử, nên Ngài không nhìn thấy rõ mặt hoàng nhi, Ngài nghĩ: *“Nếu ta bước vào đỡ cánh tay, Hoàng hậu sẽ tỉnh giấc, có thể làm trở ngại sự xuất gia của ta. Không sao! Bây giờ ta chưa thấy rõ mặt hoàng nhi, sau khi ta đã chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác rồi, ta sẽ trở về nhìn thấy hoàng nhi sau vậy!”*.

Đức Bồ Tát lặng lẽ lui ra, lên ngựa Kaṇḍaka cùng với Channa, nô bộc thân tín, trốn ra khỏi thành xuất gia mà không một ai hay biết cả.

Đến năm 35 tuổi Đức Bồ Tát chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác, thuyết pháp tế độ chúng sinh. Đức vua Suddhodana hay tin thái tử Siddhattha đã trở thành Đức Phật, Đức vua truyền cho các quan cận thân đi thỉnh Đức Phật ngự trở về kinh thành Kapilavatthu để Đức vua được chiêm ngưỡng. Mỗi đến một năm sau Đức Phật mới ngự về đến kinh thành Kapilavatthu, vào ngày 16 tháng 4, sau khi đã thành Phật được 1 năm lẻ 1 ngày, gần 7 năm xa cách kể từ khi rời bỏ kinh thành Kapilavatthu, Đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn 20.000 chư Thánh A-ra-hán ngự về kinh thành Kapilavatthu.

Đức vua Suddhodana, hoàng tộc cùng toàn thể dân chúng đón rước Đức Phật cùng chư Thánh Tăng rất trọng thể. Đức Phật dẫn đầu Tăng đoàn 20.000 chư Thánh A-ra-hán ngự đến vườn Nigrodhā. Tại đây Đức Phật đã hóa thân thông *yamaka pāṭihāriya*: thân thông lửa và nước song song phát xuất từ kim thân của Ngài, và một con đường bằng thất bảo trên hư không, rồi Ngài ngự đi kinh hành trên con đường ấy. Đức vua Suddhodana vô cùng kính phục, cúi đầu đánh lễ Đức Phật, làm cho toàn thể hoàng tộc bất kỳ lớn nhỏ cũng đều cúi đầu đánh lễ theo. Đức Phật bèn thuyết pháp tế độ đức phụ vương cùng dòng họ Sakya. Tất cả đều hoan hỉ lời dạy của Ngài, nhưng chỉ đánh lễ ra về, mà không có lời thỉnh mời Đức Phật và chư Thánh Tăng độ ngộ vào ngày mai.

Sáng ngày hôm sau, Đức Phật dẫn đầu Tăng đoàn 20.000 bậc Thánh A-ra-hán mặc y mang bát vào kinh thành Kapilavatthu đi bát theo từng nhà. Đức vua Suddhodana hay tin, vội vàng đến hầu Đức Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con cảm thấy vô cùng xấu hổ khi nhìn cảnh Đức Thế Tôn cùng 20.000 Thánh Tăng ôm bát đi khát thực từng nhà như thế này! Con là vua một nước, không lo đủ vật thực dâng cúng đến Đức Thế Tôn cùng chư Thánh Tăng được sao!

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

- Thưa phụ vương, sự đi khát thực từng nhà, đó là truyền thống dòng dõi của Như Lai.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, dòng dõi của chúng ta là vua chúa cao quý, truyền thống từ đời vua này sang đời vua khác, chưa bao giờ có việc đi khát thực từng nhà.

- Thừa phụ vương, dòng dõi vua chúa là dòng dõi của phụ vương. Còn Như Lai thuộc dòng dõi theo truyền thống của chư Phật, từ Đức Phật Dīpaṅkara, Đức Phật Koṇḍañña, Đức Phật Maṅgala... cho đến Đức Phật Kassapa hay vô số chư Phật trong quá khứ, đều theo truyền thống đi khát thực từng nhà để nuôi mạng.

Đức Phật thuyết pháp tế độ Đức vua chứng ngộ Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Lúc đó, Đức vua Suddhodana đưa 2 tay nhận bình bát của Đức Phật, và thỉnh Đức Phật cùng 20.000 chư Thánh A-ra-hán ngự đến cung điện Đức vua. Tại cung đình, Đức Phật thuyết pháp tế độ Đức vua chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhất Lai. Và di mẫu Mahāpajāpatigotamī chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Đức vua Suddhodana cúng dường vật thực ngon lành đến Đức Phật cùng chư Thánh A-ra-hán. Đức vua kính thỉnh Đức Phật cùng chư Thánh A-ra-hán mỗi ngày đến cung điện để cúng dường vật thực.

Đến ngày thứ ba, Đức Phật cùng chư Thánh A-ra-hán đến cung điện đức vua Suddhodana. Hôm ấy, nhằm ngày cử hành lễ đăng quang lên ngôi báu và hôn lễ Hoàng tử Nanda⁽¹⁾ cùng công chúa Janapadakalyāṇī⁽²⁾. Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn trao bát cho hoàng tử Nanda đi theo Ngài về chùa Nigrodhā. Hoàng tử

¹ Hoàng tử Nanda là hoàng đệ cùng cha khác mẹ với Đức Phật.

² Công chúa Janapadakalyāṇī chính là công chúa Rūpananda, hoàng muội của hoàng tử Nanda.

Nanda đi theo nhưng vẫn còn nghe văng vẳng tiếng công chúa Janapadakalyānī căn dặn “Hoàng huynh hãy mau trở về”.

Khi đến chùa Nigrodhā Đức Phật truyền dạy rằng:

- Này Nanda, con muốn thọ Tỳ khuru hay không?

Hoàng tử Nanda vì quá kính trọng Đức Phật, nên không dám từ chối, bèn bạch với Đức Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ vâng, con muốn thọ Tỳ khuru.

Đức Thế Tôn truyền dạy chư Tỳ khuru Tăng làm lễ thọ Tỳ khuru cho hoàng tử Nanda. Hoàng tử Nanda đã thọ Tỳ khuru theo lời cho phép của Đức Phật.

Hoàng tử Rāhula thọ Sa di

Đức Thế Tôn ngự tại chùa Nigrodhā gần kinh thành Kapilavatthu đã đến ngày thứ bảy, buổi sáng Đức Phật cùng chư Thánh A-ra-hán ngự đến cung điện của đức phụ vương để độ ngộ. Đang lúc Đức Phật ngự tại cung điện, khi ấy, hoàng hậu Yasodhara gọi hoàng tử Rāhula mới lên 7 mà dạy rằng:

- *Eso te Rāhula pitā, gacchassu dāyajjam yācāhi.*

“Này Rāhula con yêu quý, Đức Phật cao thượng đang ngự kia, chính là phụ vương của con. Con hãy đến xin thừa hưởng 4 kho báu đã biến mất từ khi phụ vương của con xuất gia”.

Hoàng tử Rāhula đến hầu gần Đức Phật, nhận thấy có cảm giác lạ thường bèn quỳ xuống bạch rằng:

- *Sukho vata samaṇa chāyā.*

“Bạch Đại Sa môn phụ vương. Ôi! Sự an lạc mát

mẽ huyền diệu, trong bóng mát đại từ bi của Ngài”.

Khi Đức Phật độ ngộ xong bèn trở về chùa, hoàng tử Rāhula theo sát bên Ngài xin được thừa hưởng của báu rằng:

- Dāyajjaṃ me samaṇa dehi!

Dāyajjaṃ me samaṇa dehi!

“Đại Sa môn phụ vương, truyền lại cho con thừa hưởng kho của báu.

Đại Sa môn phụ vương, truyền lại cho con thừa hưởng kho của báu”.

Thay vì truyền của báu thế gian, Đức Thế Tôn truyền của báu siêu tam giới cho hoàng tử Rāhula. Vì thế Ngài truyền dạy Đại Đức Sāriputta cho hoàng tử Rāhula thọ Sa di.

Dựa theo nguyên nhân đầu tiên này, nên Đức Phật cho phép rằng:

- Anujānāmi bhikkhave tīhi saraṇagamanehi sāmaṇerapabbajjaṃ, “evaṃca pana bhikkhave pabbajetabbo...”

“Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép thọ Sa di bằng cách truyền, thọ Tam quy.

Này chư Tỳ khuru, như vậy gọi là thọ Sa di...”.

Hoàng tử Rāhula thọ Sa di có:

- Đại Đức Sāriputta là đức Thầy Tế độ (ācariyupajjhāya).

- Đại Đức Moggallāna là đức Thầy lo lễ thọ Sa di cạo tóc, dạy mặc y cà sa, truyền Tam quy, dạy Sa di giới (pabbajjācariya).

- Đại Đức Mahākassapa là Đức Thầy giảng dạy các pháp (ovādācariya).

Hoàng tử Rāhula là vị thọ Sa di đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật Gotama, tại chùa Nigrodhā gần kinh thành Kapilavatthu, vào thời điểm một năm lẻ 8 ngày sau khi Ngài đã chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác.

Đức vua Suddhodana xin đặc ân 4

Đức vua Suddhodana cảm thấy vô cùng khổ tâm khi nghe tin hoàng tôn Rāhula xuất gia thọ Sa di. Đức vua nhớ lại khi thái tử Siddhattha bỏ cung điện trốn đi xuất gia, làm cho Ông thất vọng khổ tâm. Song, Ông nghĩ còn hoàng tử Nanda và hoàng tôn Rāhula là nguồn an ủi của Ông.

Lần này, Đức vua thỉnh Đức Phật về thăm quê hương. Đức Phật cho phép hoàng tử Nanda xuất gia thọ Tỳ khuru, cũng làm cho Ông thất vọng khổ tâm, nhưng không dám nói nên lời, vì Ông hy vọng còn người cháu đích tôn Rāhula sẽ kế ngôi vua sau này. Nay, Đức Thế Tôn lại cho phép hoàng tôn Rāhula xuất gia thọ Sa di, nỗi thất vọng khổ tâm của Đức vua không sao chịu đựng được nữa, nên Ông bèn đến hầu Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, khi Ngài trốn đi xuất gia, đã làm cho con khổ tâm vô cùng. Rồi Ngài lại cho hoàng tử Nanda xuất gia thọ Tỳ khuru cũng làm cho con khổ tâm không kém. Nay Ngài lại cho hoàng tôn Rāhula xuất gia thọ Sa di, nỗi thất vọng khổ tâm làm cho con không sao chịu đựng được nữa.

Kính bạch Đức Thế Tôn, tình thương con như cắt da, cắt thịt, cắt gân, cắt đến xương, tủy.

Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin Ngài ban cho một đặc ân: “Con xin Ngài chế định cho chư Đại Đức không nên cho phép làm lễ xuất gia cho người con nào mà chưa được cha mẹ cho phép”.

Đức Thế Tôn chấp thuận, rồi khuyên giải cho Đức vua hiểu rõ sự lợi ích cao thượng của sự xuất gia thọ Sa di, thọ Tỳ khuru. Đức vua vô cùng hoan hỷ lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, rồi đánh lễ Ngài xin phép ngự trở về.

Do nguyên nhân ấy, nên Đức Phật chế định rằng:

“Na bhikkhave ananuññāto mātāpitūhi putto pabbajetabbo, yo pabbajeyya, āpatti dukkaṭassa”.⁽¹⁾

“Này chư Tỳ khuru, người con nào mà cha mẹ chưa cho phép, Tỳ khuru không nên cho phép xuất gia, Tỳ khuru nào cho phép xuất gia, Tỳ khuru ấy phạm āpatti dukkaṭa (phạm tác ác)”.

Trường hợp cha mẹ qua đời rồi, thì người con ấy phải được người thân, thay thế cha mẹ cho phép.

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Mahākhandhaka.

Phần 3

NGHI THỨC XUẤT GIA

Xuất gia nghĩa là từ bỏ nhà, sống đời sống không nhà (*anagāriya*). Nghi thức xuất gia cần phải theo tuần tự nghi lễ để trở thành bậc xuất gia.

Bậc xuất gia (*pabbajja*) có 3 hạng.

1- *Isipabbajja*: Bậc xuất gia đạo sĩ.

2- *Sāmaṇerapabbajja*: Bậc thọ Sa di trong Phật giáo. Hạng tuổi từ 7 tuổi đến 19 tuổi.

3- *Bhikkhupabbajja*: Bậc thọ Tỳ khuru trong Phật giáo. Hạng tuổi từ 20 tuổi trở lên.

Trong quyển sách này, chỉ đề cập đến nghi thức thọ Sa di và Tỳ khuru trong Phật giáo mà thôi.

11 hạng người không được phép thọ Sa di

1- *Trộm Tăng tướng Tỳ khuru*: giả Tỳ khuru sống chung với Tỳ khuru thật (*theyyasamvāsaka*).

2- *Người từ ngoại đạo qua Phật giáo, song chưa bỏ tà kiến của ngoại đạo* (*diṭṭhiyapakkantaka*).

3- *Người ái nam* (*paṇṇaka*: bán nam bán nữ).

4- *Long vương hóa thành người nam* (*tiracchāna*).

5- *Người cận sự nam giết mẹ* (*mātughātaka*).

6- *Người cận sự nam giết cha* (*pitughātaka*).

7- *Người cận sự nam giết bậc Thánh A-ra-hán* (*Arahantaghātaka*).

8- Người cận sự nam làm cho kim thân của Đức Phật bị vết bầm (máu) (*lohituppādaka*).

9- Người cận sự nam làm chia rẽ chư Tỳ khuru Tăng (*Saṃghabhedaka*).

10- Người cận sự nam hãm hại phạm hạnh Tỳ khuru ni (*bhikkhunīdūsaka*).

11- Người có lưỡng tính (*ubhatobyañjana*: nam tính và nữ tính).

I- NGHI THỨC LỄ THỌ SA DI (*Sāmaṇera*)

Bất cứ hạng tuổi nào có ý nguyện muốn từ bỏ nhà xuất gia trong Phật giáo, điều trước tiên xin thọ Sa di, sau mới thọ Tỳ khuru. Như Đại Đức Koṇḍañña sau khi nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh Chuyển pháp luân xong, Ngài chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, Ngài đánh lễ Đức Phật, kính bạch xin rằng:

- “*Labheyyāhaṃ Bhante, Bhagavato santike pabbajjaṃ, labheyyaṃ upasampadaṃ*”.

“Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin Đức Thế Tôn cho phép con thọ Sa di, thọ Tỳ khuru. Kính bạch Ngài”.

Định nghĩa *Sāmaṇera* (Sa di)

“*Samaṇassa apaccamaṃ sāmaṇero*”.

“*Sāmaṇera*: Sa di thuộc về dòng dõi con cái của Sa môn nói chung, và cũng là con của vị Đại Đức Thầy Tế độ nói riêng, để kế thừa truyền thống dòng

dối của Sa môn, để giữ gìn và duy trì giáo pháp của Đức Phật”.

Một người cận sự nam có ý nguyện thọ Sa di, Tỳ khuru, điều quan trọng đầu tiên, là người cận sự nam ấy phải được cha mẹ cho phép xuất gia. Nếu cha mẹ chưa cho phép, thì người cận sự nam ấy không nên tự tiện xuất gia.

Nếu vị Tỳ khuru nào cho phép người cận sự nam thọ Sa di, thọ Tỳ khuru, mà chưa được cha mẹ cho phép xuất gia, vị Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác (dukkata).

Khi người cận sự nam được cha mẹ cho phép xuất gia rồi, người cận sự nam ấy đến hầu đánh lễ vị Đại Đức xin thọ Sāmaṇera: Sa di.

Trong tập sách này sẽ trình bày nghi thức thọ Sa di, Tỳ khuru phổ thông, đang được hiện hành tại Myanmar (Miến Điện) từ trước cho đến nay.

Nghi Thức Lễ Thọ Sa Di (Sāmaṇera)

Nghi thức lễ thọ Sa di có 3 chi:

1-Kesacchedana: vị Tỳ khuru cạo tóc (cạo râu) cho giới tử.

2- Kāsāyacchādana: vị Đại Đức Thầy Tế độ cho giới tử mặc y cà sa.

3- Saraṇadāna: vị Đại Đức Thầy Tế độ cho giới tử thọ Tam quy.

1- Nghi Thức Cạo Tóc (râu)

Trước khi cạo tóc (râu) cho người giới tử thọ Sa di, vị Đại Đức Thầy Tế độ phải thông báo cho toàn thể chư Tỳ khưu Tăng trong chùa được rõ.

Vị Đại Đức luật sư bạch rằng:

- Saṃghaṃ Bhante imassa dāraḥassa bhaṇḍu-kammaṃ āpucchāmi.

*“Kính bạch chư Đại Đức Tăng, tôi xin kính trình chư Tăng được rõ việc cạo tóc cho giới tử này”.
(Trình 3 lần).*

*Khi vị Đại Đức đang cạo tóc cho giới tử, đồng thời truyền dạy đề mục “**tacapañcaka kammaṭṭhāna**”: Đề mục quán tưởng thân ô trước có taca (da) là thứ 5, theo chiều thuận và chiều nghịch như sau:*

A- Theo chiều thuận:

1- *Kesā: Tóc*: tóc là vật ô trước, đáng nhòm.

2- *Lomā: Lông*: lông là vật ô trước, đáng nhòm.

3- *Nakhā: Móng*: móng tay, móng chân là vật ô trước, đáng nhòm.

4- *Dantā: Răng*: răng là vật ô trước, đáng nhòm.

5- *Taco: Da*: da là vật ô trước, đáng nhòm.

B- Theo chiều nghịch:

1- *Taco: Da*: da là vật ô trước, đáng nhòm.

2- *Dantā: Răng*: răng là vật ô trước, đáng nhòm.

3- *Nakhā: Móng*: móng tay, móng chân là vật ô trước, đáng nhòm.

4- *Lomā*: **Lông**: lông là vật ô trước, đáng nhờm.

5- *Kesā*: **Tóc**: tóc là vật ô trước, đáng nhờm.

Đề mục “*tacapañcaka kammaṭṭhānā*” này, giới tử Sa di nên quán tưởng phân biệt mỗi vật ô trước bằng 5 pháp:

- **Màu sắc** (*vaṇṇa*).
- **Hình dạng** (*saṇṭhāna*).
- **Mùi** (*gandha*).
- **Chỗ sanh** (*āsaya*).
- **Nơi chốn sanh** (*okāsa*).

Ví dụ: Quán tưởng về “**tóc**” như sau:

- **Màu sắc của tóc**: màu đen, màu trắng,....
- **Hình dạng của tóc**: sợi dài và nhỏ.
- **Mùi của tóc**: hôi, khét....
- **Chỗ sanh của tóc**: trên da đầu.
- **Nơi chốn sanh của tóc**: toàn thể da bao bọc trên đầu. **Tóc** thuộc về địa đại.

Trong sắc thân có **32 thể trước** đều quán tưởng theo phương pháp như trên.

Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, có những vị giới tử mới lên 7 tuổi làm lễ thọ Sa di, khi đang cạo tóc, vị giới tử ấy **tiến hành thiền định** và **tiến hành thiền tuệ** bằng đề mục “*Tacapañcakammaṭṭhānā*” này, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong khi cạo tóc vừa xong.

Ví dụ:

Tích giới tử Sankicca mới lên 7 tuổi, đệ tử của Đại Đức Sāriputta. Khi làm lễ xuất gia Đại Đức truyền dạy giới tử đề mục “*Tacapañcaka*”, trong khi cạo tóc, giới

tử Sankicca tiến hành thiền định và tiếp theo tiến hành thiền tuệ với đề mục “Tacapañcaka” này, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành trở thành bậc Thánh A-ra-hán có Tứ tuệ phân tích, cùng một lúc vừa cạo tóc xong.

Và tích giới tử Sīvali là Công tử con của bà hoàng Suppavasā và ông hoàng Koliya. Ngài đầu thai trong lòng mẹ suốt 7 năm 7 ngày mới chào đời. Sau khi Ngài sanh ra, mẹ của Ngài thỉnh Đức Phật cùng chư Đại Đức Tăng làm phước suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, Ngài hầu chuyện với Đại Đức Sāriputta về nỗi khổ trong lòng mẹ.

Đại Đức Sāriputta hỏi:

- Này Sīvali, vậy con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?

- Kính bạch Đại Đức, hạnh phúc biết dường nào! Nếu cha mẹ con cho phép, thì con sẽ xuất gia. Công tử Sīvali bạch.

Bà hoàng nghe thấy con mình hầu chuyện cùng Đại Đức Sāriputta như vậy, tâm vô cùng hoan hỷ, liền cho phép được xuất gia trở thành Sa di trong Phật giáo.

Đại Đức Sāriputta truyền dạy giới tử Sīvali đề mục “Tacapañcaka” để tiến hành thiền định và tiếp theo tiến hành thiền tuệ trong khi cạo tóc. Bắt đầu cạo tóc, giới tử Sīvali chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả và tiếp theo chứng Đắc Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả. Đến khi cạo tóc vừa xong, đồng thời giới tử Sīvali cũng vừa chứng đắc A-ra-hán Thánh Đạo – A-ra-hán Thánh Quả không trước không sau, khi ấy, Ngài vừa tròn đúng 7 tuổi lẻ 14 ngày.

2- Vị Đại Đức Thầy Tế Độ Cho Mặc Y Cà Sa

2.1- Cách thức đánh lễ

Đánh lễ (lạy) là một cử chỉ, thái độ biểu hiện ra bằng thân để tỏ lòng tôn kính của mình đối với ngôi Tam bảo, thầy Tổ, cha mẹ và những bậc đáng kính trọng.

Theo Phật giáo, cách thức đánh lễ (lạy) có đủ 5 chi: cúi đầu, 2 cùi tay, 2 đầu gối đụng sát trên mặt phẳng.

Người đánh lễ (lạy) làm các động tác theo tuần tự:

A. Cúi xuống lạy

- Ngồi tư thế chòm hỏm, chắp 2 bàn tay đặt lên trán.
- Đặt 2 bàn tay xuống đụng mặt phẳng, khoảng cách quá đầu gối một chút.
- Đặt 2 đầu gối xuống đụng mặt phẳng.
- Đưa 2 bàn tay ra phía trước khoảng cách để vừa cúi trán đụng 2 bàn tay; 2 cùi tay, cánh tay đụng sát trên mặt phẳng.
- Cúi trán xuống đụng mặt phẳng, đặt giữa 2 bàn tay.

B. Trở lại tư thế ngồi chòm hỏm

- Ngẩng đầu lên.
- Kéo 2 tay lại sát 2 đầu gối.
- Đưa 2 đầu gối lên trở lại tư thế ngồi chòm hỏm.
- Chắp 2 tay đặt lên trán.

Đánh lễ lần thứ nhì, lần thứ ba cũng lặp lại như trên.

2.2- Nghi thức dâng y cà sa

Giới tử sau khi cạo tóc xong, đến hầu đánh lễ cha mẹ ruột, hay cha mẹ đỡ đầu, để xin những tấm y cà sa.

Giới tử chấp 2 tay, để tám y cà sa nằm ngang trên 2 cánh tay, đi bằng 2 đầu gối đến hầu vị Đại Đức Thầy Tế độ, để tám y cà sa trước mặt, đánh lễ vị Đại Đức Thầy Tế độ 3 lần, ngồi chồm hóm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chấp 2 tay, để tám y cà sa gác ngang qua 2 cánh tay, đọc câu Pāli dâng tám y cà sa đến vị Đại Đức Thầy Tế độ như sau:

- Sakala-vaṭṭadukkha-nissaraṇa-nibbānassa sacchikaraṇatthāya, imaṃ kāsāvaṃ gahetvā, pabbajetha maṃ Bhante, anukampaṃ upādāya.

“Kính bạch Đại Đức, xin Ngài nhận tám y cà sa này, trên tay con. Xin Ngài thương con, cho con thọ Sa di, hầu mong chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi. Bạch Ngài”.

Vị Đại Đức Thầy Tế độ nhận tám y của giới tử dâng đến Ngài.

2.3- Nghi thức xin y cà sa

Giới tử sau khi đã dâng tám y cà sa đến cho vị Đại Đức Thầy Tế độ, đánh lễ 3 lần xong, ngồi chồm hóm, chấp 2 tay ngang trán đọc câu Pāli xin lại tám y cà sa như sau:

- Sakala-vaṭṭadukkha-nissaraṇa-nibbānassa sacchikaraṇatthāya, etaṃ kāsāvaṃ datvā, pabbajetha maṃ Bhante, anukampaṃ upādāya.

“Kính bạch Đại Đức, xin Ngài cho con tám y cà sa kia. Xin Ngài thương con, cho con thọ Sa di, hầu để mong chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi. Bạch Ngài”.

Vị Đại Đức Thầy Tế độ trao tám y cà sa cho giới

tử. Giới tử đưa 2 tay cung kính đón nhận tấm y cà sa từ trên tay của vị Đại Đức Thầy Tế độ. Giới tử để tấm y cà sa trước mặt, đánh lễ vị Đại Đức Thầy Tế độ 3 lần xong, đỡ tấm y cà sa bằng 2 tay, chắp 2 tay, đi bằng 2 đầu gối lui ra. Thay y phục đời, khoác những tấm y cà sa vào, như sau:

- ***Y nội (antaravāsaka)*** phần trên mặc che lỗ rún, phần dưới phủ đầu gối xuống 8 lòng tay, trước sau và xung quanh bằng nhau, không cao, không thấp.

- ***Y vai trái (uttarasamṅgham)*** mặc chừa vai bên phải, phần dưới phủ đầu gối xuống 4 lòng tay, trước sau các chéo y và xung quanh bằng nhau, không cao, không thấp.

3- Vị Đại Đức Thầy Tế Độ Cho Thọ Tam quy

3.1- Nghi thức sám hối

Giới tử sau khi mặc y chỉnh tề, chắp 2 tay ngang ngực, đi bằng 2 đầu gối đến vị Đại Đức Thầy Tế độ, đánh lễ 3 lần xong, ngồi chồm hóm chắp 2 tay ngang trán, tự mình thành tâm sám hối Tam bảo và các bậc Thầy Tổ, trước khi xin thọ Tam quy và Sa di giới. Giới tử thành tâm sám hối rằng:

- ***Kính bạch Đại Đức, xin phép Ngài, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do sự cố ý hay vô ý phạm đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng Tam bảo cùng các bậc Thầy Tổ từ trước cho đến hiện tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng thu thúc không để tái phạm. Kính xin Ngài chứng minh cho con, và nhận biết những lỗi lầm mà con đã sám hối. Bạch Ngài.***

Do tác ý thiện tâm này, khiến cho tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, ý nguyện xuất gia giải thoát khổ tử sanh luân hồi của con sớm được thành tựu. (Đánh lễ 3 lần).

Vị Đại Đức Thầy Tế độ khuyên dạy rằng:

- Nay giới tử con! Con đã nhận biết lỗi lầm của mình, do sự cố ý hay vô ý phạm đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng Tam bảo cùng các bậc Thầy Tổ, từ trước cho đến nay, Sư chứng minh và chấp nhận sự thành tâm sám hối, sửa chữa của con. Vậy kể từ nay về sau, con phải nên cố gắng thu thúc, tránh không nên để tái phạm. Người nào nhận biết được lỗi lầm của mình, biết sám hối sửa chữa đúng theo pháp luật của Đức Phật, thì người ấy chắc chắn sẽ tiến hóa mọi thiện pháp trong giáo pháp của Đức Phật.

Giới tử bạch: *Sādhū! Bhante! Sādhū! Lành thay! Lành thay! Bạch Ngài.*

3.2- Nghi thức xin thọ Sa di

Giới tử sau khi đã sám hối xong, đánh lễ vị Đại Đức Thầy Tế độ 3 lần, ngồi chồm hóm chắp 2 tay ngang trán đọc câu Pāli xin thọ phép thọ *Sāmaṇera: Sa di* như sau:

- Bhante saṃsāraṇṇaḍḍakkhato mocanattāya pabbajjaṃ yācāmi.

- Dutiyampi, Bhante saṃsāraṇṇaḍḍakkhato mocanattāya pabbajjaṃ yācāmi.

- Tatiyampi, Bhante saṃsāraṇṇaḍḍakkhato mocanattāya pabbajjaṃ yācāmi.

Kính bạch Đại Đức, con xin phép thọ Sa di, hầu mong giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới. Bạch Ngài.

Kính bạch Đại Đức, con xin phép thọ Sa di, hầu mong giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

Kính bạch Đại Đức, con xin phép thọ Sa di, hầu mong giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới, lần thứ ba. Bạch Ngài.

3.3- Nghi thức xin thọ Tam quy và Sa di thập giới

Giới tử ngồi chồm hóm, chấp 2 tay ngang trán hướng về vị Đại Đức Thầy Tế độ, xin thọ Tam quy và Sa di thập giới, đọc như sau:

- *Aham⁽¹⁾ Bhante, tisaṇaṇa saha dasasāmaṇerapabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

- *Dutiyampi, aham Bhante, tisaṇaṇa saha dasasāmaṇerapabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

- *Tatīyampi, aham Bhante, tisaṇaṇa saha dasasāmaṇerapabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

Kính bạch Đại Đức, con xin thọ trì Tam quy cùng Sa di thập giới; kính xin Đại Đức từ bi truyền Tam quy cùng Sa di thập giới cho con. Bạch Ngài.

Kính bạch Đại Đức, con xin thọ trì Tam quy cùng Sa di thập giới; kính xin Đại Đức từ bi truyền Tam quy cùng Sa di thập giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

¹ Nếu có nhiều giới tử thì thay: “aham = mayam”, “me = no”.

Kính bạch Đại Đức, con xin thọ trì Tam quy cùng Sa di thập giới; kính xin Đại Đức từ bi truyền Tam quy cùng Sa di thập giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Giới tử đánh lễ vị Đại Đức Thầy Tế độ 3 lần.

Vị Đại Đức hướng dẫn giới tử rằng:

ĐĐ:- *Yamaham vadāmi, tam vadehi.*

Sư đọc đúng chữ, đúng câu nào, con hãy nên đọc theo đúng chữ, đúng câu ấy.

Nếu có nhiều giới tử thì:

ĐĐ:- *Yamaham vadāmi, tam vadetha.*

Sư đọc đúng chữ, đúng câu nào, các con hãy nên đọc theo đúng chữ, đúng câu ấy.

Gt:- *Āma, Bhante. Dạ, xin vâng. Bạch Ngài.*

ĐĐ:- *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsam buddhassa. (3 lần).*

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-ra-hán, bậc Chánh Đẳng Giác.

Gt:- *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsam buddhassa. (3 lần).*

3.3.1- Truyền Tam quy bằng Niggahitanta (ṃ)

Truyền và thọ Tam quy vẫn chót bằng Niggahitanta, chữ “m” có chấm ở dưới (ṃ). Vị Đại Đức truyền đúng từng chữ, từng câu chấm dứt, giới tử đọc lặp theo đúng từng chữ, từng câu như sau:

- *Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

ĐĐ:- *Tisaraṇagamanam paripunṇam.*

Nghi thức quy y Tam bảo đầy đủ chỉ có bấy nhiêu!

Gt:- *Āma, Bhante. Dạ, xin vâng. Bạch Ngài.*

3.3.2- Truyền Tam quy bằng Ma-karanta (m)

Truyền và thọ Tam quy vẫn chót bằng ma-karanta, chữ “m” không có chấm ở dưới (m). Vị Đại Đức truyền và giới tử thọ như sau:

- *Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Samgham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Samgham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Samgham saraṇaṃ gacchāmi.*

ĐĐ:- *Tisaraṇagamanam paripunnam.*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Nghi thức lễ thọ Sa di được thành tựu với điều kiện “*Ubhato suddhi*”. Nghĩa là vị Đại Đức truyền Tam quy từng chữ, từng câu phải đúng theo *thāna*, *kaṇa*, *payatana* của văn phạm Pāli, đúng theo 10 *byañjanabuddhi*; và giới tử đọc lặp theo đúng như vị Đại Đức, gọi là cả hai bên đều đúng (*ubhato suddhi*). Như vậy, khi giới tử đọc lặp theo đến lần thứ ba “*Tatiyampi Samgham saraṇaṃ gacchāmi*” chấm dứt chữ cuối cùng “*gacchāmi*” thì giới tử ấy trở thành vị Sa di thật, có đầy đủ **10 giới Sa di, 10 pháp hoại, 10 pháp hành phật, 75 điều học, 14 pháp hành** cùng lúc trở thành Sa di không trước không sau.

Trường hợp không thành tựu Sa di:

Vị Đại Đức truyền Tam quy đúng, còn giới tử thọ Tam quy không đúng; hoặc vị Đại Đức truyền Tam quy không đúng, còn giới tử thọ Tam quy đúng; hoặc

vị Đại Đức truyền Tam quy không đúng và giới tử thọ Tam quy cũng không đúng. Nếu bị một trong ba trường hợp này, thì cuộc lễ thọ Sa di không thành tựu, giới tử không trở thành vị Sa di thật trong Phật giáo. (Nếu không trở thành Sa di, tự nhận là Sa di, thì chỉ là giả danh).

3.4- Sa di thập giới

Sau khi giới tử trở thành vị Sa di (Sāmaṇera) thật, phải thực hành theo 10 giới Sa di. Trong Luật tạng, bộ Mahāvagga, Đức Phật truyền dạy như sau:

“Anujānāmi bhikkhave sāmaṇerānaṃ dasa sikkhāpadāni. Tesu ca sāmaṇerehi sikkhituṃ. Pānātipātā veramaṇī; adinnadānā veramaṇī; abrahmacariyā veramaṇī; musāvādā veramaṇī; surā - meraya - majja - pamādaṭṭhānā veramaṇī; vikālabhojanā veramaṇī; nacca-gīta-vāḍita- visūka- dassanā veramaṇī; mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa- maṇḍana- vibhūsanatṭhānā veramaṇī; uccāsayaṇa- mahāsayanā veramaṇī; jātarūpa- rajata-paṭiggahanā veramaṇī.

Anujānāmi bhikkhave sāmaṇerānaṃ imāni dasa sikkhāpadāni, imesu ca sāmaṇerehi sikkhituṃ’ti”⁽¹⁾.

- “Này chư Tỳ khuru, đối với những Sa di, Như Lai cho phép thực hành theo 10 điều học. Sa di phải nên thực hành theo trong những điều học ấy là:

¹ Vinayapiṭaka, Bộ Mahāvagga, Phần Sikkhāpadakathā.

- 1- Tránh xa sự sát sanh.
- 2- Tránh xa sự trộm cắp.
- 3- Tránh xa sự hành dâm
- 4- Tránh xa sự nói dối.
- 5- Tránh xa sự uống rượu, các chất say là nhân sanh sự dễ duôi.
- 6- Tránh xa sự thọ thực phi thời (quá 12 giờ trưa).
- 7- Tránh xa sự xem nhảy múa, nghe ca hát, thổi kèn, đánh đàn làm chướng ngại cho việc hành phạm hạnh cao thượng.
- 8- Tránh xa sự trang điểm thoa vật thơm, dôi phần, đeo tràng hoa, làm cho phát sanh phiền não.
- 9- Tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
- 10- Tránh xa sự thọ nhận vàng bạc.

Này chư Tỳ khuru, đối với những Sa di, Như Lai cho phép thực hành theo 10 điều học. Sa di phải nên thực hành những điều học này cho được trong sạch”.

Có số sách khác viết về phần cuối mỗi điều học đều có thêm “sikkhāpadaṃ samādiyāmi”.

Vị Đại Đức truyền Sa di thập giới, và Sa di thọ 10 giới như sau:

- 1- *Pānātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 2- *Adinnadānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 3- *Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

5- *Surā-meraya-majja-pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

6- *Vikāla-bhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

7- *Nacca-gīta-vāḍita-visūka-dassanā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

8- *Mālā - gandha - vilepana - dhāraṇa - maṇḍana - vibhūsanatṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

9- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

10- *Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

- Con xin thọ trì điều học, là tác ý tránh xa sự sát sanh.

- Các giới khác chỉ thêm vào đầu câu “Con xin thọ trì điều học, là tác ý tránh xa...”....

ĐĐ:- *Tisaraṇena saha dasa sāmaṇerapabbajasīlaṃ dhammaṃ sādhuṃ katvā, appamādena sampādehi.*

(Nếu nhiều Sa di thay sampādehi bằng sampādetha).

- Con đã thọ trì Tam quy cùng Sa di thập giới, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch làm nền tảng, để hoàn thành mọi phận sự Tứ thánh đế, bằng pháp không để duôi, tiến hành Tứ niệm xứ.

Sd:- *Āma, Bhante. Dạ xin vâng! Bạch Ngài.*

3.5- Nghi thức xin Thầy Tế độ

Vị Sa di đánh lễ vị Đại Đức 3 lạy xong, ngồi chồm hóm, chắp 2 tay đọc câu xin vị Đại Đức làm Thầy Tế độ như sau:

Sd:- Upajjhāyo me Bhante hohi. (3 lần).

Kính bạch Đại Đức, xin Ngài là Thầy Tế độ của con.

Vị Đại Đức chấp thuận làm Thầy Tế Độ dạy rằng:

ĐĐ:- Pāsādikena sampādehi.

Con hãy nên thực hành đầy đủ giới, định, tuệ, được thể hiện qua thân, khẩu và ý xứng đáng để làm tăng trưởng đức tin. (Nếu có nhiều vị Sa di thì thay chữ “sampādehi” bằng “sampādettha”).

Sd:- Āma, Bhante. Dạ xin vâng! Bạch Ngài.

Ajjatagge thero mayham bhāro, ahampi therassa bhāro.

Kể từ nay về sau, xin Đại Đức có phận sự dạy dỗ con, và con cũng có phận sự lo hầu hạ Đại Đức.

Thầy Tế độ (Ācariyupajjhāya)

Upajjhāya: Thầy Tế độ là vị mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài đến cho người đệ tử.

- Theo Luật tạng, vị Đại Đức làm Thầy Tế độ cần phải có đủ 5 chi pháp như sau:

1- Có 10 hạ trở lên.

2- Thông thuộc Tỳ khưu giới bốn và Tỳ khưu ni giới.

3- Thông thạo mọi cách hành Tăng sự lớn nhỏ.

4- Hiểu rõ những điều học từ trong bộ *Mahāvagga* và *Cūlavagga*.

5- Có khả năng giảng dạy về danh pháp, sắc pháp.

Vị Đại Đức có đầy đủ 5 chi pháp này, mới có khả năng làm Thầy Tế độ (*ācariyupajjhāya*) cho giới tử thọ Sa di, Tỳ khuru.

- Theo Kinh tạng, bài kinh *Upasampadāsutta*⁽¹⁾, Đại Đức Upāli bạch hỏi Đức Phật những chi pháp nào để trở thành Thầy Tế độ rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru có những pháp nào, mới có thể làm Thầy Tế độ, cho giới tử thọ Sa di, Tỳ khuru. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Upāli, Tỳ khuru hợp đủ 10 pháp, mới có thể làm Thầy Tế độ, cho giới tử thọ Sa di, Tỳ khuru.

Mười pháp ấy là:

1- Trong Phật giáo này, Tỳ khuru là bậc có giới đức trong sạch, thu thúc trong giới *pātimokkha*, có hành vi cử chỉ tốt đẹp, thường nhìn thấy rõ điều tai họa lớn trong lỗi nhỏ, thọ trì giới luật nghiêm khắc.

2- Tỳ khuru là bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, thông thuộc Tam tạng, Chú giải, có chánh kiến, thuyết pháp hoàn hảo phần đầu, hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối, đầy đủ văn chương và ý nghĩa, hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh.

¹ *Anguttaranikāya*, phần *Dasakanipāta*, kinh *Upasampadāsutta*.

3- Tỳ khuru là bậc thông thuộc Tỳ khuru giới (Bhikkhu-pātimokkha) và Chú giải rành rẽ, phân minh rõ ràng.

4- Tỳ khuru là bậc tự mình có khả năng hộ độ, hoặc nhờ người khác hộ độ đệ tử khi bệnh hoạn ốm đau.

5- Tỳ khuru là bậc tự mình có khả năng giúp khuyên giải, hoặc nhờ người khác khuyên giải được nỗi buồn chán, sự thoái chuyển hành phạm hạnh của đệ tử.

6- Tỳ khuru là bậc có khả năng giúp làm vắng lặng những phiền não nóng nảy khó chịu phát sanh nơi đệ tử bằng chánh pháp.

7- Tỳ khuru là bậc có khả năng giúp làm tiêu tan tà kiến phát sanh nơi đệ tử bằng chánh kiến.

8- Tỳ khuru là bậc có khả năng dạy đệ tử thọ trì giới cao hơn (adhisīla).

9- Tỳ khuru là bậc có khả năng dạy đệ tử tiến hành thiền định cao hơn (adhicitta).

10- Tỳ khuru là bậc có khả năng dạy đệ tử tiến hành thiền tuệ cao hơn (adhipaññā).

Này Upāli, Tỳ khuru có đầy đủ 10 chi pháp này mới có khả năng làm Thầy Tế độ cho phép giới tử thọ Sa di, Tỳ khuru.

Tâm của Thầy Tế độ và tâm của đệ tử

Tâm Thầy Tế độ và đệ tử Đức Phật dạy rằng.

- Upajjhāya bhikkhave siddhivihārikamhi puttacittam upaṭṭhapessati, saddhivihāriko upajjhāyaṃpi pitucittam upaṭṭhapessati. Evaṃ te

aññamaññaṃ sagāraṃ sappatissā sabhāgavuttino viharantā, imasmiṃ dhammavinaye vundhiṃ viruḥhiṃ vepullam āpajjissanti.⁽¹⁾

“Này chư Tỳ khuru, Thầy Tế độ quan tâm thương yêu người đệ tử như người cha thương yêu con; và người đệ tử cũng quan tâm kính yêu vị Thầy Tế độ như người con kính yêu cha. Như vậy, giữa Thầy Tế độ và đệ tử thương yêu kính trọng lẫn nhau, gần gũi thân cận nương nhờ nhau, cùng nhau sống trong chánh mạng, sẽ tăng trưởng, phát triển, thịnh hành trong Phật giáo này”.

Điểm Hệ Trọng Trong Lễ Thọ Sa di

Lễ thọ Sa di được thành tựu, trở thành vị Sa di thật, điểm hệ trọng ở chỗ, **“vị Đại Đức truyền Tam quy và giới tử thọ Tam quy”**, cả hai bên đều phải phát âm từng chữ từng câu đúng *thāna*, *kaṇa*, *payatana* theo văn phạm Pāli và đúng theo 10 *byañjanabuddhi*.

* Văn phạm Pāli.

- 6 *thāna*: 6 nơi phát âm.
- 6 *kaṇa*: 6 nhân phát âm.
- 4 *payatana*: 4 sự cố gắng phát ra âm thanh.

Và đúng theo 10 *byañjanabuddhi*: sự thông thạo rành rẽ 10 cách phát âm của nguyên âm và phụ âm.

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Upajjhāyavattakathā.

Bảng chỉ dẫn cách phát âm Tam quy

	Ṭhāna	Karaṇa	La - Ga	Sit -Dha
Bud	Oṭ	Oṭ	Garuka	Sithila
dhaṃ	Dan+Nā	Ji-a+Nā	Garuka	Dhanita
sa	Dan	Ji-a	Lahuka	
ra	Mud	Ji-u	Lahuka	
ṇaṃ	Mud+Nā	Ji-u+Nā	Garuka	
gac	Kaṇ	Kaṇ	Garuka	Sithila
chā	Tā	Ji-m	Garuka	Dhanita
mi	Oṭ	Oṭ	Lahuka	
Dham	Dan+Oṭ	Ji-a+Oṭ	Garuka	Dhanita
maṃ	Oṭ+Nā	Oṭ+Nā	Garuka	
Saṃ	Dan+Nā	Ji-a+Nā	Garuka	
ghaṃ	Kaṇ+Nā	Kaṇ+Nā	Garuka	Dhanita
Du	Dan	Ji-a	Lahuka	Sithila
ti	Dan	Ji-a	Lahuka	Sithila
yam	Tā+Oṭ	Ji-m+Oṭ	Garuka	
pi	Oṭ	Oṭ	Lahuka	Sithila
Ta	Dan	Ji-a	Lahuka	Sithila

Ghi chú: Kaṇ : Kaṇthaṭṭhāna – & : Kaṇthakaraṇa.
Tā : Tālutaṭṭhāna – Ji-m: Jivhāmajjhakaraṇa.
Mud : Muddhaṭṭhāna – Ji-u : Jivhopaggakaraṇa.
Dan : Dantaṭṭhāna. – ji-a : Jivhaggakaraṇa.
Oṭ : Oṭṭhaṭṭhāna. – & : Oṭṭhakaraṇa.
Nā : Nāsikaṭṭhāna. – & : Nāsikakaraṇa.

Do đó, giới tử có ý nguyện thọ Sa di, điều trước tiên, cần phải gần gũi thân cận với một vị thầy để học cách thọ Tam quy, cách phát âm từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna*, *kaṛaṇa*, *payatana* của văn phạm Pāli. Điều này rất hệ trọng cho việc thành tựu lễ thọ Sa di, để trở thành vị Sa di thật trong Phật giáo.

Trong Chú giải Luật tạng dạy:

- “*Sāmaṇerapabbajjā pana ubhato suddhiyā vaṭṭati, no ekato suddhiyā*”⁽¹⁾.

Vị Đại Đức truyền Tam quy và giới tử thọ Tam quy, cả hai đều đúng theo *ṭhāna*, *kaṛaṇa*, *payatana* của văn phạm Pāli và đúng theo 10 *byañjanabuddhi* (*ubhato suddhi*), thì cuộc lễ thọ Sa di thành tựu, giới tử trở thành vị Sa di thật trong Phật giáo.

Nếu vị Đại Đức truyền Tam quy đúng, còn giới tử thọ Tam quy không đúng; hoặc vị Đại Đức truyền Tam quy không đúng, còn giới tử thọ Tam quy đúng; hoặc vị Đại Đức truyền Tam quy không đúng và giới tử thọ Tam quy cũng không đúng; cả ba trường hợp này, thì cuộc lễ thọ Sa di không thành tựu, giới tử không trở thành vị Sa di thật trong Phật giáo. (Nếu không trở thành Sa di, tự nhận là Sa di thì chỉ là giả danh).

¹ Vinayapiṭaka, Mahāvagga aṭṭhakathā, phần Pabbajjākathā.

3.6- 10 Pháp Hoại Của Sa di

Trong Luật tạng, bộ Mahāvagga:

- *Dasahaṅgehi samannāgato sāmaṇero nāsetabbo. Pāṇātipātī hoti; adinnādāyi hoti; abrahmacārī hoti; musāvādī hoti; surāmeraya-majjapāyī hoti; Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati; Dhammassa avaṇṇaṃ bhāsati; Saṃghaṃssa avaṇṇaṃ bhāsati; micchādīṭṭhiko hoti; Bhikkhunī dūsako hoti.*

Imehi kho dasahaṅgehi samannāgato sāmaṇero nāsetabbo.

- Sa di phạm đến 1 trong 10 chi pháp, bị hư hoại phẩm hạnh Sa di.

1- Cố ý sát hại chúng sinh dẫu nhỏ dẫu lớn.

2- Cố ý trộm cắp của cải người khác.

3- Cố ý hành dâm người hoặc con vật.

4- Cố ý nói dối, không đúng sự thật.

5- Cố ý uống rượu, các chất say.

6- Nói xấu, chê trách Đức Phật.

7- Nói xấu, chê trách Pháp bảo.

8- Nói xấu, chê trách chư Tăng.

9- Có tà kiến thấy sai hiểu lầm.

10- Hãm hại phạm hạnh Tỳ khuru ni.

Sa di phạm đến 1 trong 10 chi pháp này, thì bị hư hoại phẩm hạnh Sa di.

Nếu Sa di cố ý phạm phải 1 trong 10 chi pháp này:

Ví dụ: “sát sanh”.

Sa di nào cố ý sát sanh, dẫu giết một con vật nhỏ như con kiến, con muỗi, thậm chí đến các trứng kiến, trứng mối... cũng gọi là phạm giới sát sanh. Vì Sa di ấy bị hư hoại phẩm hạnh Sa di, không còn là Sa di thật trong giáo pháp của Đức Phật nữa.

Dẫu trước đây, vị Sa di ấy được thành tựu do thọ đúng Tam quy, nay sau khi phạm 1 trong 10 chi pháp hoại, vị Sa di ấy bị đứt Tam quy và vị Thầy Tế độ. Bây giờ bên ngoài, thân chỉ có mặc bộ y còn sót lại mà thôi, bên trong tâm không còn phẩm hạnh Sa di nữa.

Vì vậy, phẩm hạnh Sa di rất mỏng manh, nên cần phải có **đức tin** trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Nhờ đức tin trong sạch ấy, mới có **tâm hổ thẹn tội lỗi, tâm ghê sợ tội lỗi**, làm nhân duyên hỗ trợ cho việc **giữ gìn giới được trong sạch**; nếu không đủ đức tin, thì khó mà giữ gìn giới cho được trong sạch hoàn toàn.

Nếu vị Sa di nào, biết mình đã phạm 1 trong 10 pháp hư hoại phẩm hạnh trên, vị Sa di ấy biết mình không còn là Sa di thật trong Phật giáo, thì nên đến đánh lễ vị Đại Đức Thầy Tế độ sám hối và xin thọ phép Tam quy trở lại. Sau khi vị Đại Đức Thầy Tế độ hoặc một vị Đại Đức nào khác truyền Tam quy đúng và đệ tử thọ Tam quy đúng, cả hai bên đều đúng. Sau khi thọ Tam quy xong, người đệ tử trở thành Sa di mới trở lại.

3.7- 10 Pháp Hành Phạt

Trong Luật tạng, bộ Mahāvagga:

- “*Dasahaṅgehi samannāgatassa sāmaṇerassa daṇḍakammaṃ kātabbam. Vikālabhojanā hoti; nacca - gīta - vādita - visūka - dassanā hoti; mālā - gandha - vilepana - dharaṇa - maṇḍana vibhusanā hoti; uccāsayana - mahāsayanā hoti; jātarūpa - rajata - paṭiggahanā hoti; Bhikkhūnaṃ alābhāya parisakkati, Bhikkhūnaṃ anattthāya parisakkati, Bhikkhūnaṃ avāsāya parisakkati, Bhikkhū akkosati, paribhāsati, Bhikkhū Bhikkhūhi bhedeti.*

Imehi kho dasahaṅgehi samannāgatassa samaṇerassa daṇḍakammaṃ kātabbam”.

- Đối với Sa di phạm phải 1 trong 10 pháp, phải bị hành phạt là:

- 1- Thọ thực sai giờ (quá 12 giờ trưa).
- 2- Sự xem nhảy múa, nghe ca hát, thổi kèn, đánh đàn làm chướng ngại cho việc hành phạm hạnh cao thượng.
- 3- Sự trang điểm thoa vật thơm, bôi phấn son, đeo tràng hoa làm cho phát sanh phiền não.
- 4- Nằm ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp.
- 5- Sự thọ nhận vàng bạc (tiền).
- 6- Cố gắng làm mất lợi lộc đến các Tỷ khuru.
- 7- Cố gắng làm mất lợi ích đến các Tỷ khuru.
- 8- Cố gắng làm mất chỗ ở đến các Tỷ khuru.
- 9- Mắng nhiếc, hăm dọa các Tỷ khuru.
- 10- Nói lời đâm thọc, chia rẽ các Tỷ khuru này với các Tỷ khuru khác.

Đối với Sa di phạm 1 trong 10 pháp này phải bị hành phạt.

Sa di nào phạm phải 1 trong 10 pháp này, Sa di ấy sẽ bị hành phạt. Sự hành phạt chỉ là sự răn dạy để Sa di trở thành người thiện. Cho nên, mỗi khi Sa di phạm phải 1 trong 10 pháp hành phạt, thì vị thầy nên có tâm từ bi đối với Sa di, mà hành phạt. Cách hành phạt như múc nước, quét dọn xung quanh chùa....

3.8- 75 Điều Học Tập (Sekkhiya)

75 điều học tập, Sa di cũng như Tỳ khuru phải thực hành theo. Gồm 7 nhóm như sau:

I- 10 Điều Nhóm Parimaṇṇala

- 1- *Parimaṇḍalaṃ nivāsessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 2- *Parimaṇḍalaṃ pārupissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 3- *Suppaṭicchanno antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 4- *Suppaṭicchanno antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 5- *Susaṃvuto antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 6- *Susaṃvuto antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 7- *Okkhittacakkhu antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 8- *Okkhittacakkhu antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

- 9- *Na ukkhittakāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 10- *Na ukkhittakāya antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Parimaṇḍalavaggo paṭhamo.

II-10 Điều Nhóm Ujjagghika

- 11- *Na ujjagghikāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 12- *Na ujjagghikāya antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 13- *Appasaddo antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 14- *Appasaddo antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 15- *Na kāyappacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 16- *Na kāyappacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 17- *Na bāhuppacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 18- *Na bāhuppacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 19- *Na sīsappacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 20- *Na sīsappacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Ujjagghikavaggo dutiyo.

III- 10 Điều Nhóm Khambhakata

- 21- *Na khambhakato antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 22- *Na khambhakato antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 23- *Na oḡuṇṭhito antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 24- *Na oḡuṇṭhito antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 25- *Na ukkuṭikāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 26- *Na pallatthikāya antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 27- *Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 28- *Pattasaññī piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 29- *Samasūpakāṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 30- *Samatittikāṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Khambhakatavaggo tatiyo.

IV- 10 Điều Nhóm Sakkacca

- 31- *Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 32- *Pattasaññī piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

- 33- *Sapadānaṃ piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 34- *Samasūpakāṃ piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 35- *Na thūpakato omadditvā piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 36- *Na sūpaṃ vā byañjanaṃ vā odanena paṭicchādessāmi bhiyyokamyataṃ upādāyā'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 37- *Na sūpaṃ vā odanaṃ vā agilāno attano atthāya viññāpetvā bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 38- *Na ujjhānasaññī paresaṃ pattaṃ olokessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 39- *Nātimahantaṃ kabaḷaṃ karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 40- *Parimaṇḍalaṃ ālopaṃ karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Sakkaccavaggo catuttho.

V- 10 Điều Nhóm Kabaḷa

- 41- *Na anāhaṭe kabaḷe mukhadvāraṃ vivarissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 42- *Na bhuñjamāno sabbahatthaṃ mukhe pakkhipissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 43- *Na sakabaḷena mukhena byāharissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 44- *Na piṇḍukkhepakāṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

- 45- *Na kabaḷāvacchedakaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 46- *Na avagaṇḍakāraṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 47- *Na hatthaniddhunakaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 48- *Na sitthāvakāraṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 49- *Na jivhānicchāraṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 50- *Na capucapukāraṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Kabaḷavaggo pañcamo.

VI- 10 Điều Nhóm Surusuru

- 51- *Na surusurukāraṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 52- *Na hatthanillehakaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 53- *Na pattanillehakaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 54- *Na oṭṭhanillehakaṃ bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 55- *Na sāmisenā hatthena pānīyathālakāṃ paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 56- *Na sasitthakaṃ pattadhovanaṃ antaraghare chaḍḍessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

57- *Na chattapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

58- *Na daṇḍapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

59- *Na satthapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

60- *Na āvudhapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Surusuruvaggo chaṭṭho.

VII- 15 Điều Nhóm Pāduka

61- *Na pādukāruḥassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

62- *Na upāhanāruḥassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

63- *Na yānagatassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

64- *Na sayanagatassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

65- *Na pallatthikāya nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

66- *Na veḥitasīsassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

67- *Na oguṇṭhitasīsassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

68- *Na chamāyaṃ nisīditvā āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

- 69- *Na nīce āsane nisīditvā ucce āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 70- *Na ṭhito nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 71- *Na pacchato gacchanto purato gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 72- *Na uppathena gacchanto pathena gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 73- *Na ṭhito agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 74- *Na harite agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā kheḷaṃ vā karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*
- 75- *Na udake agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā kheḷaṃ vā karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.*

Pādukavaggo sattamo.

Nghĩa: 75 điều học tập

- 1- 10 điều nhóm Parimaṇḍala.
- 2- 10 điều nhóm Ujjagghika.
- 3- 10 điều nhóm Khambhakata.
- 4- 10 điều nhóm Sakkacca.
- 5- 10 điều nhóm Kabaḷa.
- 6- 10 điều nhóm Surusuru.
- 7- 15 điều nhóm Pāduka.

I- 10 Điều Nhóm Parimaṇḍala: vòng quanh trước sau đều đặn

- 1- Nên học tập rằng: “Ta nên mặc y nội vòng quanh trước sau đều đặn”. (Phần trên che kín lỗ rún, phần dưới phủ đầu gối 8 lóng tay).
- 2- Nên học tập rằng: “Ta nên mặc y vai trái vòng quanh trước sau đều đặn”. (Phần trên trùm kín cổ hoặc chừa vai phải, phần dưới phủ đầu gối 4 lóng tay).
- 3- Nên học tập rằng: “Ta nên trùm y kín thân mình, khi đi vào trong xóm làng”.
- 4- Nên học tập rằng: “Ta nên trùm y kín thân mình, khi ngồi trong nhà”.
- 5- Nên học tập rằng: “Ta nên thu thúc tay chân đàng hoàng, khi đi vào trong xóm làng”.
- 6- Nên học tập rằng: “Ta nên thu thúc tay chân đàng hoàng, khi ngồi trong nhà”.
- 7- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, mắt nên nhìn xuống”.
- 8- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, mắt nên nhìn xuống”.
- 9- Nên học tập rằng: “Ta không nên dõ y, khi đi vào trong xóm làng”.
- 10- Nên học tập rằng: “Ta không nên dõ y, khi ngồi trong nhà”.

II-10 Điều Ujjagghika: cười lớn

- 11- Nên học tập rằng: “Ta không nên cười lớn tiếng, khi đi vào trong xóm làng”.
- 12- Nên học tập rằng: “Ta không nên cười lớn tiếng, khi ngồi trong nhà”.

- 13- Nên học tập rằng: “Ta nên nói nhỏ nhẹ, khi đi vào trong xóm làng”.
- 14- Nên học tập rằng: “Ta nên nói nhỏ nhẹ, khi ngồi trong nhà”.
- 15- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, thân không nên lắc lư” (đi nghiêm chỉnh).
- 16- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, thân không nên lắc lư” (ngồi nghiêm chỉnh).
- 17- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, tay không nên chuyển động, đánh đàn xa” (đi nghiêm chỉnh).
- 18- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, tay không nên chuyển động” (ngồi nghiêm chỉnh).
- 19- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, đầu không nên lắc lư” (đi nghiêm chỉnh).
- 20- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, đầu không nên lắc lư” (ngồi nghiêm chỉnh).

III- 10 Điều Nhóm Khambhaka: tay chống nạnh

- 21- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, tay không nên chống nạnh”.
- 22- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, tay không nên chống nạnh”.
- 23- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, không nên trùm đầu”.
- 24- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, không nên trùm đầu”.
- 25- Nên học tập rằng: “Ta đi vào trong xóm làng, không nên đi nhón gót”.

- 26- Nên học tập rằng: “Ta ngồi trong nhà, tay không nên choàng khoanh vòng 2 đầu gối”.
- 27- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ nhận vật thực một cách cung kính”.
- 28- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ nhận vật thực chỉ nhìn trong bát”.
- 29- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ nhận vật thực canh vừa với cơm”.
- 30- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ nhận vật thực chỉ vừa miệng bát”.

IV- 10 Điều Nhóm Sakkacca: đàng hoàng

- 31- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ thực một cách đàng hoàng”.
- 32- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ thực chỉ nhìn trong bát”.
- 33- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ thực từ trên xuống dưới”.
- 34- Nên học tập rằng: “Ta nên thọ thực canh vừa với cơm”.
- 35- Nên học tập rằng: “Ta không nên thọ thực từ đỉnh giữa bát”.
- 36- Nên học tập rằng: “Ta không nên che đậy canh, đồ ăn bằng cơm, vì tham muốn nhiều”.
- 37- Nên học tập rằng: “Không có bệnh, ta không nên xin cơm, canh để dành cho ta dùng”.
- 38- Nên học tập rằng: “Ta không nên nhìn bát người khác có ý chê trách”.
- 39- Nên học tập rằng: “Ta không nên dùng miếng cơm lớn quá”.
- 40- Nên học tập rằng: “Ta nên vắt miếng cơm tròn”.

V- 10 Điều Nhóm Kabaļa: miếng cơm

- 41- Nên học tập rằng: “Khi miếng cơm chưa đến miệng, ta không nên há miệng”.
- 42- Nên học tập rằng: “Khi đang dùng vật thực, ta không nên bỏ trộn các ngón tay vào miệng”.
- 43- Nên học tập rằng: “Ta không nên nói chuyện, lúc vật thực còn trong miệng”.
- 44- Nên học tập rằng: “Ta không nên ném vật thực vào trong miệng”.
- 45- Nên học tập rằng: “Ta không nên cắn vắt cơm từng miếng”.
- 46- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên độn cơm bên má như con khỉ”.
- 47- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên búng rảy ngón tay”.
- 48- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên để rơi rải rác”.
- 49- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên le lưỡi ra khỏi miệng”.
- 50- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực không nên có tiếng chấp miệng”.

VI- 10 Điều Nhóm Surusuru: tiếng rột rột

- 51- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên có tiếng rột rột”.
- 52- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên liếm ngón tay”.
- 53- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên vét, nạo bình bát”.

- 54- Nên học tập rằng: “Ta dùng vật thực, không nên liếm môi”.
- 55- Nên học tập rằng: “Ta không nên thọ nhận ly nước, bằng tay dính vật thực”.
- 56- Nên học tập rằng: “Ta không nên đổ nước rửa bát, có hạt cơm, khi ở trong xóm làng”.
- 57- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm dù trong tay”.
- 58- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm gậy trong tay”.
- 59- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm dao trong tay”.
- 60- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm khí giới trong tay”.

VII- 15 Điều Nhóm Pāduka: mang guốc

- 61- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh mang guốc”.
- 62- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh mang giày da”.
- 63- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi trên xe”.
- 64- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi hay nằm trên giường”.
- 65- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi khoanh tay choàng 2 đầu gối”.
- 66- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh đầu quấn (bịt) khăn”.

- 67- Nên học tập rằng: “Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh đầu trùm khăn”.
- 68- Nên học tập rằng: “Ta ngồi dưới nền đất, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi trên chiếu, nệm”.
- 69- Nên học tập rằng: “Ta ngồi chỗ thấp, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi chỗ cao”.
- 70- Nên học tập rằng: “Ta đứng, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi”.
- 71- Nên học tập rằng: “Ta đang đi đằng sau, không nên thuyết pháp cho người đi đằng trước”.
- 72- Nên học tập rằng: “Ta đang đi bên lề đường, không nên thuyết pháp đến người đi giữa đường”.
- 73- Nên học tập rằng: “Ta không có bệnh, không nên đứng tiểu tiện, đại tiện”.
- 74- Nên học tập rằng: “Ta không có bệnh, không nên tiểu tiện, đại tiện hoặc khạc nhổ nước miếng trên cỏ cây xanh”.
- 75- Nên học tập rằng: “Ta không có bệnh, không nên tiểu tiện, đại tiện hoặc khạc nhổ nước miếng trong nước”.

Đó là 75 điều học tập, mà Sa di và Tỳ khưu phải nên thực hành theo.

3.8- 14 Pháp Hành

Trong Luật tạng, bộ Cūlavagga:

“Cuddasa khandhakavattāni nāma kandhake vattāni, katham? Āgantukavattam, āvasikavattam, gamikavattam, anumodanāvattam, bhattacha-vattam, piṇḍacārikavattam, āraññakavattam, senāsanavattam, jhantāgharavattam, vaccakuṭi-vattam, upajjhāyavattam, siddhivihārikavattam, ācariyavattam, antevāsika-vattañcā’ti.

Iminā cuddasa khandhakavattāni, etāni ca sabbesaṃ sabbadā ca yathārahaṃ caritabbāni.

- Đức Thế Tôn truyền dạy 14 pháp hành trong Luật tạng, bộ Cūlavagga, phần Vattakhandhaka rằng:

14 pháp hành như thế nào?

- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru khách.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru chủ.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru sắp đi xa.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru thuyết pháp làm cho thí chủ hoan hỷ.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru ở trai đường.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đi khát thực.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru sống ở trong rừng.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru nơi chỗ ở.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru trong nhà tắm hơi nóng.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru nơi phòng vệ sinh.
- Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đối với Thầy Tế độ.
- Pháp hành của Thầy Tế độ đối với đệ tử.

- *Pháp hành của Sa di, Tỳ khưu đối với Thầy dạy.*

- *Pháp hành của Thầy dạy đối với đệ tử.*

Đó là 14 pháp hành mà Đức Phật đã truyền dạy, tất cả Sa di, Tỳ khưu nên luôn luôn thực hành nghiêm chỉnh tùy theo mỗi trường hợp.

Giải Thích:

1- Āgantukavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khưu khách.

Sa di, Tỳ khưu khách đến một ngôi chùa, có phận sự phải hành như sau:

- Khi vào đến cổng chùa, nếu mang dép, phải cởi dép, xếp dù, trên đầu trùm y phải đỡ xuống, xả y, mặc chừa vai phải nghiêm chỉnh, xung quanh trước sau đều đặn xong, mới bước vào địa phận chùa.

- Khi vào chùa, rửa chân, lau chùi sạch sẽ, trước tiên nên đến trình vị Tỳ khưu trụ trì chùa, nếu vị trụ trì cao hạ hơn mình, vị Tỳ khưu khách phải đánh lễ vị trụ trì và vấn an sức khỏe, nếu Tỳ khưu chủ chùa thấp hạ hơn mình, thì không đánh lễ, chỉ cần vấn an sức khỏe.

- Hỏi nhà tắm, nhà vệ sinh (chỗ đại tiện, tiểu tiện) chỗ ở nghỉ ngơi, để bát ở chỗ thấp có vật mềm lót dưới bát, đồ đạc cần dùng, dây phơi y,....

- Hỏi để biết xóm làng đi khát thực,....

2- Āvāsikavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khưu chủ chùa.

Sa di, Tỳ khưu chủ chùa đối với Tỳ khưu, Sa di khách đến chùa, có phận sự phải hành như sau:

- Trường hợp Tỳ khuru chủ chùa tuổi hạ nhỏ hơn vị Tỳ khuru khách, khi Tỳ khuru chủ nhìn thấy vị Tỳ khuru khách đến liền ra đón rước tử tế, nhận y bát đồ dùng... dâng nước rửa mặt, rửa chân, khăn lau mặt, lau chân, dâng dầu thoa chân... xong, thỉnh mời vào phòng khách ngồi chỗ cao quý, vị Sa di, Tỳ khuru chủ đánh lễ vị Tỳ khuru khách và vấn an sức khỏe.

- Dâng nước uống, hoặc gọi học trò dâng nước uống, thuốc trị bệnh cho vị Tỳ khuru.

- Thỉnh vị Tỳ khuru đến chỉ nhà tắm, phòng vệ sinh.

- Sắp đặt phòng nghỉ ngơi, vật thực, thuốc trị bệnh, đồ dùng cần thiết dâng cho vị Tỳ khuru một cách cung kính.

- Trường hợp Tỳ khuru chủ chùa tuổi hạ lớn hơn vị Tỳ khuru khách, khi Tỳ khuru chủ nhìn thấy vị Tỳ khuru khách đến đón rước tử tế, chỉ nước rửa mặt, rửa chân, khăn lau mặt, lau chân, cho dầu thoa chân... xong, mời vào phòng khách, vị Sa di, Tỳ khuru khách đánh lễ vị Tỳ khuru chủ chùa và vấn an sức khỏe.

- Tỳ khuru chủ chỉ dẫn chỗ nhà tắm, phòng vệ sinh, phòng nghỉ ngơi, vật thực, thuốc trị bệnh, những đồ dùng cần thiết như giường chiếu, mùng gối,...

- Nếu vị Sa di, Tỳ khuru khách ở lâu ngày, Tỳ khuru chủ phải chỉ dẫn xóm làng đi khát thực, trình bày nội quy trong chùa, phong tục tập quán địa phương,...

3- *Gāmikavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đi xa.*

Sa di, Tỳ khuru có ý định sắp đi xa có phận sự phải hành như sau:

- Những đồ đạc của chư Tăng mà mình dùng như chiếu, mũ, gối và đồ dùng..., phải giặt, rửa sạch phơi khô cất giữ cẩn thận.

- Chỗ ở riêng một mình phải đóng cửa sổ, cửa ra vào cẩn thận, rồi giao lại cho một Tỷ khuru, hoặc Sa di khác.

- Đến bạch cho vị Tỷ khuru trụ trì cùng bạn đồng phạm hạnh biết rõ sẽ đi đến nơi nào. Nếu có phận sự trong chùa thì phải bàn giao cho vị Tỷ khuru khác thay thế,...

4- Anumodanāvatta: Pháp hành của Sa di, Tỷ khuru thuyết pháp làm cho thí chủ hoan hỷ.

Trong chùa hoặc ngoài chùa (nhà thí chủ), những thí chủ làm phước thiện bố thí,... đến chư Tỷ khuru, Sa di xong, Tỷ khuru, Sa di nên thuyết pháp, hoặc nói đạo, để làm cho thí chủ phát sanh tâm hoan hỷ đềun phước thiện mà họ đã làm.

Sa di, Tỷ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Việc thuyết pháp là phận sự của vị Đại Trưởng lão cao hạ nhất, nếu Ngài không muốn thuyết pháp, nhường lại cho vị Tỷ khuru nhỏ hạ nào thì do Ngài chỉ định.

- Tỷ khuru, Sa di chưa được phép của Đại Trưởng lão, không được phép tự tiện thuyết pháp.

- Nếu thí chủ có đức tin trong sạch nơi vị Tỷ khuru, hoặc Sa di nào thuyết pháp, người thí chủ bạch xin phép với vị Đại Trưởng lão cho phép, mới được thuyết pháp.

- Khi vị Pháp sư thuyết pháp, nên có đôi ba vị Tỷ khuru cùng ở lại với vị Đại Đức Pháp sư...

5- Bhattaggavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru nơi trai đường.

Trong trai đường (nhà ăn), Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Sa di, Tỳ khuru mặc y chỉnh tề đúng theo sekhiya-sikkhāpada dạy về điều học tập mặc y.

- Khi đi vào trai đường, Vị Đại Trưởng lão cao hạ nhất đi trước, vị Tỳ khuru nhỏ hạ tuần tự theo sau cho đến Sa di cuối cùng một cách nghiêm chỉnh.

- Khi thọ thực nghiêm chỉnh đúng theo sekhiya-sikkhāpada dạy về điều học tập thọ thực.

- Khi thọ thực xong, vị Đại Trưởng lão cao hạ nhất ra trước, vị Tỳ khuru nhỏ hạ tuần tự ra sau cho đến Sa di cuối cùng một cách nghiêm chỉnh đi về chỗ ở của mình, ...

6- Piṇḍacārikavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đi khát thực.

Sa di, Tỳ khuru đi khát thực có phận sự phải hành như sau:

- Trước khi đi khát thực, Tỳ khuru, Sa di phải dọn dẹp đồ đạc trong cốc gọn gàng, mặc y nội và y vai trái nghiêm chỉnh đúng theo sekhiyasikkhāpada dạy về điều học tập đi khát thực.

- Tỳ khuru, Sa di khi đang đi khát thực, không nên đi mau quá, chậm quá, đứng trước mỗi nhà không nên đứng lâu, nếu không có thí chủ thỉnh mời.

- Khi thí chủ để vật thực vào bát, Tỳ khuru, Sa di phải thu thúc lục căn, mắt nhìn xuống bát, cung kính

thọ nhận vật thực, không nên nhìn mặt thí chủ, khi nhận xong, từ từ đẩy nắp bát, quay người bước đi nhà khác.

- Khi trở về chùa trước, phải sắp đặt chỗ ngồi sẵn, chuẩn bị nước rửa chân, khăn lau chân, nước uống đầy đủ... để Tỳ khuru, Sa di về sau có dùng.

7- Āraññikavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru sống ở trong rừng.

Trong rừng là nơi có người xấu thường chạy đến trốn tránh, ẩn náu. Cho nên Sa di, Tỳ khuru ở chùa, cốc trong rừng, có phận sự phải hành như sau:

- Phải lo nước dùng, nước uống để sẵn, khi có người xấu đang khát chạy đến có nước uống, nước dùng, họ sẽ không gây tai hại, nguy hiểm đến tánh mạng của Tỳ khuru, Sa di.

- Phải chuẩn bị sẵn dụng cụ đá đánh lửa, hoặc hộp quẹt, khi cần lửa để nấu nước sôi, hoặc đốt sưởi thân mình khi bệnh hoạn ốm đau.

- Phải có cây gậy để đi đường.

- Phải biết xem sao để nhận biết phương hướng, mà không lạc đường và có thể hướng dẫn người khác đi không lạc đường...

8- Senāsanavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru nơi chỗ ở.

Chỗ ở trong chùa Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Hằng ngày, Sa di, Tỳ khuru cần phải quét dọn, lau chùi bên trong chỗ ở của mình, các đồ dùng giường,

chiếu, gối, y... luôn luôn giữ gìn sạch sẽ gọn gàng, và bên ngoài quét dọn cho sạch sẽ, có chỗ đổ rác, không để có mùi hôi hám.

- Chánh điện, giảng đường, trai đường (nhà ăn), nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh (chỗ đại tiện, tiểu tiện), quét dọn lau chùi sạch sẽ.

- Chỗ ở của vị Đại Trưởng lão, Sa di, Tỳ khuru phải có phận sự quét dọn lau chùi sạch sẽ.

- Nước dùng, nước uống luôn luôn đầy đủ.

- Nếu Sa di ở chung với vị Tỳ khuru, thì nên xin phép vị Tỳ khuru trước khi quét dọn lau chùi, hoặc muốn học thuộc lòng bài kinh, v.v...

9- Jantāgharavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru trong nhà tắm hơi nóng.

Vào thời tiết có không khí lạnh, nếu Tỳ khuru, Sa di bị cảm lạnh, phải vào nhà kín đốt củi sưởi ấm để trị bệnh cảm lạnh, thì Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Sa di, Tỳ khuru vào nhà tắm hơi nóng trước, thấy tro nhiều, nên hốt tro đổ ra ngoài, quét dọn lau chùi sạch sẽ xong, mới đốt lửa.

- Nhiều Sa di, Tỳ khuru có thể vào nhà tắm hơi nóng cùng một lần, nhưng không nên ngồi gần chen lấn vị Tỳ khuru cao hạ và cũng không nên bắt nạt Sa di, Tỳ khuru nhỏ hạ.

- Khi tắm hơi nóng xong, cần phải dập tắt lửa, hốt tro đổ ra ngoài, quét dọn sạch sẽ, đóng cửa sổ, cửa ra vào,...

10- Vaccakuṭivatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru nơi nhà vệ sinh.

Nhà vệ sinh là chỗ đại tiện, tiểu tiện, Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Trước khi vào nhà vệ sinh, phải lên tiếng, hay gõ cửa xem có người trong phòng vệ sinh hay không?

- Sa di, Tỳ khuru, vị nào đến trước, thì được vào trước, không theo tuần tự cao hạ, thấp hạ.

- Phải cởi y vai trái vắt bên ngoài, trước khi vào phòng vệ sinh, cài chốt cửa lại cẩn thận; khi đại tiện, tiểu tiện không nên rặn lên tiếng; đại tiện, tiểu tiện xong, cần phải dội nước rửa cho sạch sẽ, trước khi ra,...

- Phòng vệ sinh, luôn luôn có nước đầy đủ và sạch sẽ.

11- Upajjhāyavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đối với Thầy Tế độ.

Sau khi thọ Sa di, và trước khi làm lễ thọ Tỳ khuru, giới tử đều đọc xin Vị Đại Đức rằng:

- *Upajjhāyo me Bhante hohi.*

Kính bạch Đại Đức, xin Ngài làm Thầy Tế độ của con.

Bậc xuất gia trong Phật giáo, vị Đại Đức Thầy Tế độ ở địa vị một người cha, và người đệ tử ở địa vị một người con. Cho nên Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành như sau:

- Buổi sáng sớm sau khi thức dậy, Sa di, Tỳ khuru phải đến hầu Thầy Tế độ, đem nước rửa mặt, khăn lau, trải chỗ ngồi, dâng cháo đến Thầy Tế độ, khi Ngài thọ thực xong, dâng nước uống, tắm xĩa răng,... phục vụ hộ độ những gì cần thiết.

- Xếp đặt gọn gàng chỗ nằm, quét dọn sạch sẽ căn

phòng, có y dơ đem đi giặt.

- Đến giờ Thầy Tế độ đi khát thực, đem y bát dâng cho Thầy, nếu Thầy Tế độ muốn đệ tử theo sau, đệ tử mặc y nghiêm chỉnh, mang bát đi theo sau,

- Khi khát thực trở về, đệ tử nên trở về trước, chuẩn bị nước rửa chân, khăn lau chân, sắp đặt chỗ ngồi sẵn. Khi Thầy Tế độ về đến chùa, đệ tử ra đón nhận bát, đem nước rửa chân, lau chân, đem y sạch dâng cho Thầy thay, lấy y dơ đem đi giặt.

- Khi Thầy Tế độ thọ thực xong, dâng nước uống, tắm xĩa răng, đem bát rửa sạch, phơi nắng một lát, đem cất bát ở chỗ thấp, có vật mềm lót dưới bát.

- Khi Thầy Tế độ muốn tắm nước lạnh, đệ tử lo nước lạnh cho thầy tắm, hoặc muốn tắm nước ấm, đệ tử nấu nước ấm cho thầy tắm.

- Khi Thầy Tế độ muốn đi vào nhà tắm hơi nóng, đệ tử vào trước đốt lửa, đem ghế đặt sẵn, thỉnh Thầy vào ngồi, khi Thầy ra khỏi nhà tắm hơi, lấy khăn lau mình Thầy sạch sẽ, dâng y sạch Thầy thay, lấy y dơ đem đi giặt.

- Khi Thầy Tế độ bị bệnh, người đệ tử có phận sự hộ độ, nuôi Thầy cho đến khi khỏi hẳn bệnh. Người đệ tử luôn luôn cung kính Thầy Tế độ như người con đối với cha.

- Khi Thầy Tế độ phát sanh tâm dể dôi, đệ tử tìm cách thỉnh Đại Trưởng lão đến thuyết pháp, để cho Thầy Tế độ phát sanh đức tin tiếp tục thực hành phạm hạnh cao thượng.

- Khi Thầy Tế độ phạm giới nặng, đệ tử tìm cách thỉnh xin chư Tỳ khưu Tăng cho Thầy thọ parivāsa, mānatta, abbhāna để cho giới của Thầy trở nên trong sạch,...

12- Siddhivihārikavatta: Pháp hành của Thầy Tế độ đối với đệ tử.

Trong Phật giáo, vị Thầy Tế độ đối với người đệ tử của mình như người con kế thừa truyền thống, giữ gìn duy trì giáo pháp của Đức Phật. Do đó, vị Thầy Tế độ có phận sự tế độ người đệ tử như sau:

- Tận tâm lo dạy pháp học: Tipiṭaka, Aṭṭhakathā, .tīkā,... và pháp hành: Giới, Định, Tuệ....

- Có tâm từ bi cung cấp 4 thứ vật dụng: y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh....

- Khi đệ tử bị bệnh, vị Thầy Tế độ có tâm từ, bi lo săn sóc nuôi dưỡng chữa bệnh cho đệ tử. Buổi sáng, đem nước rửa mặt, cháo, thuốc trị bệnh cho đệ tử; khi đệ tử muốn tắm nước ấm, Thầy Tế độ nấu nước ấm đem cho đệ tử tắm, đem y sạch thay, Thầy Tế độ đem y dơ đi giặt,... cho đến khi đệ tử khỏi hẳn bệnh; hoặc nhờ người khác hộ độ đệ tử. Thầy Tế độ có tâm từ, bi như người cha đối với đứa con một của mình.

- Khi đệ tử phát sanh tâm dễ duôi, muốn hoàn tục, Thầy Tế độ tìm cách thuyết pháp khuyên dạy để cho đệ tử phát sanh đức tin, tiếp tục thực hành phạm hạnh cao thượng.

- Khi đệ tử phạm giới nặng, Thầy Tế độ thỉnh chư Tỳ khuru Tăng cho đệ tử thọ parivāsa, mātta, abbhāna để cho giới của đệ tử trở nên trong sạch,....

13- Ācariyavatta: Pháp hành của Sa di, Tỳ khuru đối với thầy dạy.

Sa di, Tỳ khuru (dưới 5 hạ) khi đến nơi học viện khác, đều đọc xin vị Đại Đức rằng:

- *Ācariyo me Bhante hohi, āyasmato nissāya vacchāmi. (3 lần).*

Kính bạch Đại Đức, xin Ngài làm Thầy của con, con xin nương nhờ nơi Ngài.

Ācariya có 4 hạng:

- *Pabbajjācariya: Vị Thầy truyền Tam quy khi thọ Sa di.*

- *Upasampadācariya: Vị Thầy tụng Ñatticatuttha-kammavācā, khi hành Tăng sự trong lễ thọ Tỳ khuru.*

- *Dhammācariya: Vị Thầy dạy giáo pháp của Đức Phật.*

- *Nissayācariya: Vị Thầy cho đệ tử nương nhờ.*

Sa di, Tỳ khuru có phận sự phải hành đối với các vị Thầy dạy cũng như Thầy Tế độ.

14- Antevāsikavatta: Pháp hành của vị thầy dạy đối với học trò.

Khi vị Thầy chấp nhận lời thỉnh cầu của học trò xong, vị Thầy phải có phận sự, trách nhiệm đối với học trò.

Antevāsika có 4 hạng:

- *Pabbajjantevāsika: Học trò thọ Tam quy để trở thành Sa di.*

- *Upasampadantevāsika: Học trò trong lễ thọ Tỳ khuru.*

- *Dhammantevāsika: Học trò theo học giáo pháp của Đức Phật.*

- *Nissayantevāsika: Học trò đến nương nhờ nơi vị Thầy.*

Vị Đại Đức, Thầy đối với học trò, cũng như Thầy Tế độ đối với đệ tử của mình.

Đó là 14 pháp hành mà Đức Phật đã truyền dạy, tất cả Sa di, Tỷ khuru nên luôn luôn thực hành nghiêm chỉnh tùy theo từng lúc, từng thời.

Nếu Sa di, Tỷ khuru không thực hành nghiêm chỉnh và đầy đủ, thì Sa di phải bị phạm pháp hành phật, còn Tỷ khuru phạm giới, giới không trong sạch.

Trên đây chỉ tóm lược 14 pháp hành của Sa di, Tỷ khuru. Vị nào muốn học hỏi nghiên cứu rộng thì xem trong Luật tạng, bộ Cūlavagga, phần Vattakkhandhaka.

Trong phần Vattakkhandhaka, đoạn chót có những bài kệ như sau:

- *“Vattaṃ aparipūrento, na sīlaṃ paripūrati.
Asuddhasīlo duppañño, cittekaggaṃ na vindati.*
- *Vikkhittacittonekaggo, sammā dhammaṃ na passati.
Apassamāno saddhammaṃ, dukkhā na parimuccati.*
- *Yaṃ vattaṃ paripūrento, sīlampi paripūrati.
Visuddhisīlo sappañño, cittekaggampi vindati.*
- *Avikkhittacitto ekaggo, sammā dhammaṃ vipassati.
Sampassamāno saddhammaṃ, dukkhā so parimuccati.*
- *Tasmā hi vattaṃ pūreyya, jinaputto vicakkaṇo.
Ovādaṃ Buddhaseṭṭhassa, tato nibbānamehiṭṭi”¹.*

¹ Vinayapiṭaka, bộ Cūlavagga, phần Vattakkhandhaka.

Lược dịch:

- * *Tỳ khưu hoặc Sa di, trong giáo pháp Đức Phật,
Pháp hành không đầy đủ, là giới không đầy đủ,
Người giới không thanh tịnh, không trí tuệ sáng suốt,
Thì không được định tâm, không chứng đắc thiền định.*
- * *Phóng tâm không an tịnh, không chứng đắc chánh pháp
Không Đạo - Quả - Niết Bàn, không giải thoát khổ được.*
- * *Tỳ khưu hoặc Sa di, trong giáo pháp Đức Phật,
Đầy đủ các pháp hành, giới hạnh cũng đầy đủ,
Là người giới thanh tịnh, có trí tuệ sáng suốt,
Định tâm trụ vững chắc, chứng đắc bậc thiền định.*
- * *Không phóng tâm an tịnh, chứng đắc được chánh pháp,
Đạo - Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ hoàn toàn.*
- * *Vì vậy người Phật tử, bậc trí tuệ sáng suốt.
Nên thực hành nghiêm chỉnh, các pháp hành đầy đủ,
Đúng theo lời giáo huấn, của Đức Phật cao thượng,
Do nghiêm chỉnh thực hành, sẽ chứng ngộ Niết Bàn.*

BỐN THỨ VẬT DỤNG (Catupaccaya)

Đời sống của Sa di, Tỳ khuru hoàn toàn tùy thuộc vào bốn thứ vật dụng: ***y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh***... của thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Thí chủ là những người cận sự nam, cận sự nữ cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư Tỳ khuru Tăng, là phước điền, để họ gieo duyên lành, tạo phước thiện hầu mong được quả báo tốt lành, sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Trong bộ Thanh Tịnh Đạo, phân loại có 4 cách thọ dụng⁽¹⁾ (*paribhoga*), 4 thứ vật dụng, đối với 4 hạng Tỳ khuru, Sa di như sau:

1- *Theyyaparibhoga*: Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp.

2- *Īnaparibhoga*: Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ.

3- *Dāyajjaparibhoga*: Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa hưởng.

4- *Sāniparibhoga*: Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người chủ.

1- Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp như thế nào?

Những người thí chủ đem 4 thứ vật dụng dâng cúng đến chư Tỳ khuru Tăng, là bậc có giới đức trong sạch. Nếu Tỳ khuru, Sa di nào, là người không có giới, giới không trong sạch (*dussīla*) dùng 4 thứ vật dụng

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Catupārisuddhisampādanavīdhi.

ấy; thì Tỳ khuru, Sa di ấy thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp.

2- Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ như thế nào?

Có số Tỳ khuru, Sa di là người có giới, nhưng khi thọ dụng 4 thứ vật dụng không quán tưởng:

- Mỗi khi mặc y, không quán tưởng về y. Như vậy, mặc y ấy như người mang nợ.

- Mỗi khi thọ thực, không quán tưởng về vật thực: - trước khi thọ thực, - đang khi thọ thực, - sau khi thọ thực, qua canh đầu, canh giữa, canh chót không quán tưởng vật thực, đến khi rạng đông, bắt đầu sang ngày khác. Như vậy, sự thọ thực ấy như hạng người mang nợ.

- Mỗi khi sử dụng chỗ ở: chỗ ngồi, chỗ nằm không quán tưởng về chỗ ở. Như vậy, sử dụng chỗ ở như hạng người mang nợ.

- Mỗi khi dùng thuốc trị bệnh không quán tưởng về thuốc. Như vậy, sự dùng thuốc trị bệnh như người mang nợ.

Bởi vậy cho nên, Tỳ khuru, Sa di có giới, khi thọ nhận thứ vật dụng nào, phải nên có trí tuệ quán tưởng thứ vật dụng ấy, nhất là ***khi Tỳ khuru, Sa di đang thọ dụng (sử dụng) thứ vật dụng nào, cần phải nên có trí tuệ quán tưởng thứ vật dụng ấy.***

Tỳ khuru, Sa di nào, khi thọ nhận thứ vật dụng nào, có trí tuệ quán tưởng, nhưng đến khi thọ dụng vật dụng ấy, không quán tưởng rõ ràng, ***Tỳ khuru, Sa di ấy không tránh khỏi là người mang nợ.*** Như vậy, gọi là Tỳ khuru, Sa di thọ dụng 4 thứ vật dụng như người mang nợ.

Trường hợp Tỳ khuru, Sa di nào, khi thọ nhận thứ vật dụng nào, không quán tưởng, nhưng đến khi thọ dụng có trí tuệ quán tưởng rõ ràng vật dụng ấy, Tỳ khuru, Sa di ấy không mang nợ.

3- Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa hưởng như thế nào?

Bậc Thánh Hữu học (Sekkha), đó là ***bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai***, là những người con của Đức Phật, nên có quyền thừa hưởng 4 thứ vật dụng mà thí chủ có đức tin trong sạch nơi Đức Phật cúng dường. Do đó, bậc Thánh Hữu Học dùng 4 thứ vật dụng như người thừa hưởng.

Ngoài bậc Thánh Hữu Học ra, Tỳ khuru, Sa di có giới, đang thực hành theo Giới – Định – Tuệ, khi thọ dụng thứ vật dụng nào, Tỳ khuru, Sa di có trí tuệ quán tưởng thứ vật dụng ấy, cũng có thể kể như hạng người thừa hưởng 4 thứ vật dụng của Đức Phật cho phép. Như vậy, Tỳ khuru, Sa di thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa hưởng.

4- Thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người chủ như thế nào?

Chỉ có ***bậc Thánh A-ra-hán*** đã tận diệt tất cả mọi tham ái cùng mọi phiền não không còn dư sót, không còn là tôi tớ của tham ái nữa, là người chủ nhân thật sự thọ dụng 4 thứ vật dụng. Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán thọ dụng 4 thứ vật dụng như chủ nhân.

Bốn Pháp Quán Tưởng

Mỗi khi thọ dụng thứ vật dụng nào, Tỳ khuru, Sa di phải nên có trí tuệ quán tưởng thứ vật dụng ấy. Nếu quán tưởng bằng tiếng Pāli, thì cần phải hiểu rõ nghĩa từng chữ, từng câu Pāli, hoặc quán tưởng bằng tiếng Việt cũng nên. Điều quan trọng của sự quán tưởng 4 thứ vật dụng là để hiểu rõ sự lợi ích của chúng, cốt để diệt tham ái, phiền não phát sanh do nương nhờ 4 thứ vật dụng ấy.

Pháp quán tưởng⁽¹⁾:

1- Cīvara paccavekkhaṇā.

- *Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi, yāvadeva sītassa paṭighātāya, uñhassa paṭighātāya, daṃsa - makasa - vātātapa - sarīsapa - samphassānam paṭighātāya, yāvadeva hirikopīnappaṭicchādanattham.*

2- Piṇḍapāta paccavekkhaṇā.

- *Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi, neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya, yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyānuggahāya, iti purāṇaṇca vedanaṃ paṭihankhāmi, navaṇca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca.*

3- Senāsana paccavekkhaṇā.

Paṭisaṅkhā yoniso senāsanaṃ paṭisevāmi yāvadeva sītassa paṭighātāya, uñhassa paṭighātāya, daṃsamakasa-vātātapa-sarīsapa-samphassānam

¹ Majjhimanikāya, bộ Mūlapaṇṇāsa, kinh Sabbāsavasutta.

*paṭighātāya, yāvadeva utuparissayavinodana-
paṭisallānārāmattham.*

4- Bhesajja paccavekkhaṇā.

*Paṭisaṅkhā yoniso gilānappaccayabhesajja-
parikkhāraṃ paṭisevāmi, yāvadeva uppannānaṃ
veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya,
abyāpajjhaparamatāya.*

Tỳ khuru, Sa di quán tướng khi đang thọ dụng mỗi thứ vật dụng có ý nghĩa như sau:

1- Quán tướng về y phục:

*Tỳ khuru, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán
tướng đúng theo sự thật rằng: “Tôi đã quán tướng
bằng trí tuệ rồi, mới mặc y phục chỉ để ngăn ngừa sự
lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi,
muỗi, gió, nắng, rắn rít. Và cũng chỉ để che kín phần
đáng hổ thẹn trong thân thể mà thôi”.*

2- Quán tướng về vật thực:

*Tỳ khuru, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán
tướng đúng theo sự thật rằng: “Tôi đã quán tướng
bằng trí tuệ rồi, mới dùng vật thực không phải để vui
chơi như trẻ con, cũng không phải để tăng cường sức
mạnh như người lực sĩ, cũng không phải để làm đẹp
thân thể như đàn bà, cũng không phải để bồi dưỡng
thân thể xinh đẹp như kỹ nữ. Sự thật, tôi dùng vật thực
để nuôi dưỡng duy trì sắc thân, để làm giảm đi sự khổ
thân, chỉ để thực hành phạm hạnh cao thượng mà
thôi. Do nhờ sự thọ thực này, tôi có thể làm giảm
được sự đang đói khổ và sẽ làm cho sự khổ mới không
phát sanh.*

Sự thọ thực như vậy không có lỗi, được điều hòa tứ đại, tứ oai nghi, sự sống an lạc sẽ phát sanh lên đối với tôi”.

3- Quán tưởng về chỗ ở:

Tỳ khuru, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng đúng theo sự thật rằng: “Tôi đã quán tưởng bằng trí tuệ rồi, mới sử dụng chỗ ở chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, để ngăn ngừa sự nóng, để ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít mà thôi. Và cũng chỉ để tránh sự tai hại do thời tiết, được an lạc nơi thanh vắng, để hành phạm hạnh cao thượng”.

4- Quán tưởng về thuốc trị bệnh:

Tỳ khuru nên có trí tuệ quán sáng suốt tưởng đúng theo sự thật rằng: “Tôi đã quán tưởng bằng trí tuệ rồi, mới dùng thuốc trị bệnh, bảo vệ sanh mạng, chỉ để điều trị khổ bệnh đã và đang phát sanh, để không khổ do bệnh hoạn ấy”.

Quán tưởng 4 thứ vật dụng là tứ đại, đáng nhàm (Dhātupaṭikūlapaccavekkhaṇa)

1- Cīvara paccavekkhaṇā.

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ cīvaraṃ, tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.

Sabbāni pana imāni cīvarāni ajigucchanīyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchanīyāni jāyanti.

2- Piṇḍapāta paccavekkhaṇā.

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ piṇḍapāto, tadupabhuñjako ca puggalo dhātumatako nissatto nijjīvo suñño.

Sabbo panāyaṃ piṇḍapāto ajigucchaniyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchaniyo jāyati.

3- Senāsana paccavekkhaṇā.

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ senāsanam, tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.

Sabbāni pana imāni senāsanāni ajigucchaniyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchaniyāni jāyanti.

4- Bhesajjapaccavekkhaṇā.

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetam yadidaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkhāro, tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.

Sabbo panāyaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkhāro ajigucchaniyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchaniyo jāyati.

Khi thọ nhận thứ vật dụng nào, Tỳ khuru, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thứ vật dụng ấy chỉ là tứ đại (dhātu) mà thôi; và ngay cả người thọ nhận 4 thứ vật dụng cũng chỉ là thực tánh pháp: danh pháp sắc pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới v.v... không phải chúng sinh, là pháp vô ngã, không phải ta. Thật ra, 4 thứ vật dụng không phải là vật đáng nhòm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân uế trước này rồi, liền trở thành vật đáng nhòm vô cùng.

Trí tuệ sáng suốt quán tưởng khi thọ nhận 4 thứ vật dụng như sau:

1- Quán tưởng về y phục:

Khi Tỳ khuru, Sa di thọ nhận y phục, nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thấy rõ rằng: “Y phục này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi; và người thọ nhận y phục này cũng chỉ là thực tánh pháp, phi chúng sinh, phi bản mệnh vĩnh cửu, là pháp vô ngã, không phải ta”.

Và những y phục này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân uế trước này rồi, liền trở nên vật đáng nhờm vô cùng.

2- Quán tưởng về vật thực:

Khi Tỳ khuru, Sa di thọ nhận vật thực, nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thấy rõ rằng: “Vật thực này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người thọ nhận vật thực này cũng chỉ là thực tánh pháp, phi chúng sinh, phi bản mệnh vĩnh cửu, là pháp vô ngã, không phải ta”.

Và vật thực này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân uế trước này rồi, liền trở nên vật đáng nhờm vô cùng.

3- Quán tưởng về chỗ ở:

Khi Tỳ khuru, Sa di thọ nhận chỗ ở, nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thấy rõ rằng: “Chỗ ở này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người sử dụng chỗ ở này cũng chỉ là thực tánh pháp, phi chúng sinh, phi bản mệnh vĩnh cửu, là pháp vô ngã, không phải ta”.

Và những chỗ ở này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân uế trước này rồi, liền trở nên vật đáng nhờm vô cùng.

4- Quán tưởng về thuốc trị bệnh:

Khi Tỳ khuru, Sa di thọ nhận thuốc trị bệnh bảo vệ sanh mạng, nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thấy rõ rằng: “Thuốc trị bệnh bảo vệ sanh mạng này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người sử dụng thuốc trị bệnh này cũng chỉ là thực tánh pháp, phi chúng sinh, phi bản mệnh vĩnh cửu, là pháp vô ngã, không phải ta”.

Và thuốc trị bệnh này không phải vật đáng nhòm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân uế trước này rồi, liền trở nên vật đáng nhòm vô cùng.

Tỳ khuru, Sa di đã dùng 4 thứ vật dụng trong ngày mà chưa quán tưởng, nên quán tưởng lại; nếu không quán tưởng cho đến lúc rạng đông (aruna), trước khi mặt trời mọc, vị Sa di, Tỳ khuru ấy **thọ dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ**. Bởi vậy cho nên, hằng ngày trước lúc rạng đông, Sa di, Tỳ khuru nên có trí tuệ quán tưởng trở lại 4 thứ vật dụng đã dùng trong ngày một lần nữa như sau:

Quán tưởng lại 4 thứ vật dụng đã dùng trong ngày:

1- Cīvara paccavekkhaṇā.

Ajja māya apaccavekkhitvā yaṃ cīvaram paribhuttaṃ, taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, daṃsa - makasa - vātātapa - sarīsapa - samphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva hirikopīnappaṭicchādanatthaṃ.

2- Piṇḍapāta paccavekkhaṇā.

Ajja mayā apaccavekkhitvā yo piṇḍapāto paribhutto, so neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya, yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyānuggahāya, iti purāṇañca vedanaṃ paṭihankhāmi, navañca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca.

3- Senāsana paccavekkhaṇā.

Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ senāsanaṃ paribhuttaṃ, taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya, uñhassa paṭighātāya, daṃsa-makasa- vātātapa-sarīsapa-samphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva utuparssayavinodanapaṭisallānārāmatthaṃ.

4- Bhesajja paccavekkhaṇā.

Ajja mayā apaccavekkhitvā yo gilānappaccaya-bhesajjaparikkhāro paribhutto, so yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya, abyāpajjhaparamatāya.

1- Quán tưởng về y phục:

Tỳ khuru, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng đúng theo sự thật rằng: “Hôm nay, tôi không quán tưởng mà đã mặc y phục nào, y phục ấy chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít. Và cũng chỉ để che kín phần đáng hổ thẹn trong thân thể mà thôi”.

2- Quán tưởng về vật thực:

Tỳ khưu, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng đúng theo sự thật rằng: “Hôm nay, tôi không quán tưởng mà đã dùng vật thực nào, vật thực ấy không phải để vui chơi như trẻ con, cũng không phải để tăng cường sức mạnh như người lực sĩ, cũng không phải để làm đẹp thân thể như đàn bà, cũng không phải để bồi dưỡng thân thể xinh đẹp như kỹ nữ. Sự thật, tôi dùng vật thực để nuôi dưỡng duy trì sắc thân, để làm giảm đi sự khổ thân, chỉ để thực hành phạm hạnh cao thượng mà thôi. Do nhờ sự thọ thực này, tôi có thể làm giảm được sự đang đói khổ, và sẽ làm cho sự khổ mới không phát sanh.

Sự thọ thực không có lỗi, được điều hòa tứ đại, tứ oai nghi, sự sống an lạc sẽ phát sanh lên, đối với tôi”.

3- Quán tưởng về chỗ ở:

Tỳ khưu, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng đúng theo sự thật rằng: “Hôm nay, tôi không quán tưởng mà đã sử dụng chỗ ở nào, chỗ ở ấy chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít mà thôi. Và cũng chỉ để tránh sự tai hại do thời tiết, được an lạc nơi thanh vắng, để hành phạm hạnh cao thượng”.

4- Quán tưởng về thuốc trị bệnh:

Tỳ khưu, Sa di nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng đúng theo sự thật rằng: “Hôm nay, tôi không quán tưởng mà đã dùng thuốc trị bệnh nào bảo vệ sanh mạng, thuốc trị bệnh ấy chỉ để điều trị khổ bệnh đã và đang phát sanh, để không khổ do bệnh hoạn ấy”.

Kinh Aggikkhandhopamāsutta⁽¹⁾

(Kinh Ví Đống Lửa)

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang du hành đến vùng Kosala cùng với số đông chư Tỳ khuru Tăng. Từ xa, Đức Thế Tôn nhìn thấy một đống lửa đang cháy dữ dội lan khắp một vùng rộng lớn. Đức Thế Tôn dừng lại, ghé vào một gốc cây, ngự trên chỗ ngồi mà Đại Đức Ânanda đã trải sẵn.

Khi ấy Đức Thế Tôn gọi chư Tỳ khuru dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru, các con có nhìn thấy đống lửa đang cháy dữ dội ở một vùng kia không?

Chư Tỳ khuru bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đều nhìn thấy rõ. Bạch Ngài.

1- Nay chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người vào ngồi ôm, nằm ôm đống lửa lớn đang cháy dữ dội kia, với vị Tỳ khuru vào ngồi ôm, nằm ôm công chúa, hoặc công nương, hoặc tiểu thư con nhà quý phái có đôi bàn tay mềm mại, dịu dàng. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru vào ngồi ôm, nằm ôm công chúa, hoặc công nương, hoặc tiểu thư con nhà quý phái có đôi bàn tay mềm mại, dịu dàng điều ấy cao quý hơn; còn người vào ngồi ôm, nằm ôm đống lửa lớn đang cháy dữ dội kia, nóng phỏng, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

¹ Āṅguttaranikāya, phần Sattakanipāta, kinh Aggikkhandhopamāsutta.

Này chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (*dussīla*), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; không phải là Tỳ khuru, tự nhận là Tỳ khuru; không phải là bậc hành phạm hạnh, tự nhận là bậc hành phạm hạnh, phiền não sinh thối bên trong, có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện vào ngôi ôm, nằm ôm công chúa, hoặc công nương, hoặc tiểu thư con nhà quý phái có đôi bàn tay mềm mại, dịu dàng, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người vào ngôi ôm, nằm ôm đồng lứa lớn đang cháy dữ dội kia cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Này chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết, do vào ngôi ôm, nằm ôm đồng lứa lớn đang cháy ấy, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới¹, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Này chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (*dussīla*), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... tánh tình xấu xa đê tiện, vào ngôi ôm, nằm ôm công chúa, hoặc công nương, hoặc tiểu thư con nhà quý phái có đôi bàn tay mềm mại, dịu dàng, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

2- Này chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, dùng một sợi dây da dẻo dai quấn vòng đôi vào chân người khác, rồi kéo qua

¹ 4 cõi ác giới: địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh.

kéo lại làm cho cắt đứt da; cắt đứt da rồi cắt đứt thịt, rồi cắt đứt gân, rồi cắt đứt ống xương chân; cắt đứt ống xương chân rồi dừng lại ở tủy xương; với vị Tỳ khuru hài lòng, hoan hỉ trong sự lễ bái của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru hài lòng, hoan hỉ trong sự lễ bái của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh dùng một sợi dây da dẻo dai quấn vòng vào chân, rồi kéo qua kéo lại làm cho cắt đứt da;... cắt đứt ống xương chân rồi dừng lại ở tủy xương, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

- Nay chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ trong sự lễ bái của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh, dùng một sợi dây da dẻo dai quấn vòng đôi vào chân, rồi kéo qua kéo lại làm cho cắt đứt da;... cắt đứt ống xương chân rồi dừng lại ở tủy xương, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Nay chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết do bị đứt da, đứt thịt, đứt gân, đứt ống xương chân ấy, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Này chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... tánh tình xấu xa dễ tiện, mà hài lòng, hoan hỉ trong sự lễ bái của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vì Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

3- Này chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, dùng một cây lao bén nhọn, được thoa bằng dầu, rồi phóng vào ngực của một người khác; với vị Tỳ khuru hài lòng, hoan hỉ trong sự chấp hai tay cung kính của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru hài lòng, hoan hỉ trong sự chấp hai tay cung kính của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh dùng một cây lao bén nhọn, được thoa bằng dầu rồi phóng vào ngực, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

- Này chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa dễ tiện, mà hài lòng, hoan hỉ trong sự chấp hai tay cung kính của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý

chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh, dùng một cây lao bén nhọn, được thoa bằng dầu rồi rồi phóng vào ngực, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- *Này chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết do bị đâm vào ngực, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.*

Này chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ trong sự chấp hai tay cung kính của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

4- Này chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, đem một tấm sắt đang cháy hồng ép dính quanh vào thân của một người khác; với vị Tỳ khuru mặc tấm y, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru mặc tấm y, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh đem một tấm sắt đang cháy hồng ép dính quanh vào thân, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.*

- Nay chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ mặc tâm ý, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh, đem một tấm sắt đang cháy hồng ép dính quanh vào thân, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Nay chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết do tấm sắt đang cháy hồng ép dính quanh vào thân ấy, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Nay chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ mặc tâm ý, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

5- Nay chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, lấy một cục sắt đang cháy hồng, rồi lấy lưỡi câu móc miệng của một người khác mở rộng ra, bỏ cục sắt cháy hồng ấy vào miệng, làm cháy phồng miệng, cháy lưỡi, cháy cổ, cháy ngực, cháy dài xuống ruột già, ruột non và cho đến hậu môn;

với vị Tỳ khuru thọ dụng vật thực ngon lành, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru thọ dụng vật thực ngon lành, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh lấy một cục sắt đang cháy hồng, rồi lấy lưỡi câu móc miệng mở rộng ra, bỏ cục sắt cháy hồng ấy vào miệng, làm cháy phồng miệng, cháy cổ... và cho đến hậu môn, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

- Nay chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỷ thọ dụng vật thực ngon lành, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh, lấy một cục sắt đang cháy hồng rồi lấy lưỡi câu móc miệng mở rộng ra, bỏ cục sắt cháy hồng vào miệng, làm cháy phồng miệng, cháy cổ... và cho đến hậu môn, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Nay chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết do cục sắt đang cháy hồng bỏ vào miệng, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Này chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ thọ dụng vật thực ngon lành, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

6- Này chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, nắm đầu hoặc cổ của một người khác, bắt buộc nằm hoặc ngồi trên giường sắt hoặc ghế sắt đang cháy hồng; với vị Tỳ khuru nằm hoặc ngồi trên giường hoặc ghế, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Tỳ khuru nằm hoặc ngồi trên giường hoặc ghế, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh nắm đầu hoặc cổ, bắt buộc nằm hoặc ngồi trên giường sắt hoặc ghế sắt đang cháy hồng, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

- Này chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng,

hoan hỉ nằm hoặc ngồi trên giường hoặc ghế, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh, nắm đầu hoặc cổ, bắt buộc nằm hoặc ngồi trên giường sắt hoặc ghế sắt đang cháy hồng, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Đây chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết, do bị bắt buộc nằm hoặc ngồi trên giường sắt hoặc ghế sắt đang cháy hồng ấy, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Này chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỉ nằm hoặc ngồi trên giường hoặc ghế, được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

7- Đây chư Tỳ khuru, các con nghĩ thế nào về điều này?

Một người đàn ông khỏe mạnh, nắm đôi chân người khác đưa lên cao, đầu chúc xuống dưới rồi ném vào nồi nước đồng sôi, lửa đang cháy đỏ. Người ấy ở trong nồi nước đồng đang sôi ấy khi thì nổi lên, khi thì chìm xuống, khi thì quay lộn ngang; với vị Tỳ khuru ở trong chỗ ở, cốc, tảng đá..., được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của

những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ. Trong hai sự việc ấy, điều nào cao quý hơn?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự ở trong chỗ ở, cốc, tăng xá..., được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, điều này cao quý hơn; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh ném vào nồi nước đồng đang sôi, lửa đang cháy đỏ, điều ấy đau khổ lắm. Bạch Ngài.

- Nay chư Tỳ khuru, Như Lai thuyết giảng, chỉ dạy cho các con nên biết: Đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình; ... có tâm tham dục nhiều, tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỷ chỗ ở, cốc, tăng xá..., được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy không cao quý chút nào; còn người bị người đàn ông khỏe mạnh ném vào nồi nước đồng đang sôi, lửa đang cháy đỏ, người ấy cao quý hơn nhiều.

Điều ấy tại sao gọi là cao quý?

- Nay chư Tỳ khuru, bởi vì người ấy có thể chết hoặc đau khổ dẫn đến sự chết do bị ném vào nồi nước đồng đang sôi, lửa đang cháy đỏ ấy, nhưng người ấy sau khi chết không phải sa vào 4 cõi ác giới, không phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Nay chư Tỳ khuru, đối với Tỳ khuru phạm giới (dussīla), có ác pháp, có hành động thấp hèn đáng khinh bỉ, thường che giấu tội lỗi của mình;... tánh tình xấu xa đê tiện, mà hài lòng, hoan hỷ chỗ ở, cốc, tăng xá..., được dâng cúng bằng đức tin trong sạch, của những người hoàng tộc giàu có, của những Bà la môn

giàu có và của những đại phú hộ, vị Tỳ khuru ấy đang bị thoái hóa trong mọi thiện pháp, phải chịu khổ lâu dài, sau khi chết sẽ bị sa đọa vào 4 cõi ác giới, phải chịu khổ trong cõi địa ngục.

Này chư Tỳ khuru, vì vậy các con phải nên học tập rằng: “Chúng ta dùng 4 thứ vật dụng: y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, của những thí chủ có đức tin trong sạch đem đến dâng cúng, chúng ta phải hành phạm hạnh cao thượng để làm cho những thí chủ ấy có được nhiều phước thiện, được nhiều quả báu cao quý, và đời sống Tỳ khuru của chúng ta không trở nên vô dụng, chúng ta sẽ tiến hóa trong mọi thiện pháp, cũng sẽ có nhiều quả báu cao quý”.

Này chư Tỳ khuru, các con phải nên học tập, thực hành rằng:

- Khi quán xét thấy rõ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài của mình thật sự, khi ấy, các con nên tinh tấn để hoàn thành đầy đủ phạm hạnh bằng pháp không dễ duôi, tiến hành Tứ niệm xứ (*appamādena sampādetum*).

- Khi quán xét thấy rõ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài của người khác thật sự, khi ấy, các con nên tinh tấn để hoàn thành đầy đủ phạm hạnh bằng pháp không dễ duôi, tiến hành Tứ niệm xứ.

- Khi quán xét thấy rõ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài của mình và của người khác thật sự, khi ấy, các con nên tinh tấn để hoàn thành đầy đủ phạm hạnh bằng pháp không dễ duôi, tiến hành Tứ niệm xứ.

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài pháp này, trong nhóm đông Tỳ khuru, có 60 vị Tỳ khuru đã phạm tội bất cộng trụ (*pārājika*) khi đang nghe pháp cảm thấy quá nóng nảy học máu ra miệng.

Có 60 vị Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Sudukkhaṃ Bhagavā! Sudukkhaṃ Bhagavā!

- “Kính bạch Đức Thế Tôn, thực hành phạm hạnh vô cùng khó khăn. Kính bạch Đức Thế Tôn, thực hành phạm hạnh vô cùng khó khăn”.

60 vị Tỳ khuru này xin hoàn tục trở thành cận sự nam.

Có 60 vị Tỳ khuru khi nghe bài pháp này, tâm hoàn toàn giải thoát khỏi mọi phiền não trầm luân, do không chấp thủ bởi tà kiến và tham ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

(Xong bài kinh)

Sự lợi ích của bài kinh Aggikkhandhopamasutta

Đức Phật thuyết pháp với tâm đại bi vô lượng, mong đem lại sự lợi ích cho tất cả chúng sinh, mong cứu vớt chúng sinh giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Trong 9 Ân Đức Phật, Ân Đức *Sugato: Đức Thiện Ngôn*, có 4 ý nghĩa:

- Ngự theo con đường Thánh Đạo.
- Ngự đến nơi Niết Bàn cao thượng.
- Ngự đến đích chân chánh không lùi bước.
- Giáo huấn chân lý đem lại sự lợi ích thiết thực.

Trong 4 ý nghĩa trên, ở đây xin đề cập đến ý nghĩa thứ tư: *“Giáo huấn chân lý đem lại sự lợi ích thiết thực”.*

Đức Thế Tôn thuyết giảng chân lý, chắc chắn đem lại sự lợi ích thiết thực cho chúng sinh; nếu không đem lại sự lợi ích thiết thực, thì Ngài không bao giờ thuyết giảng.

Đức Thế Tôn thuyết giảng hay không thuyết giảng có 6 trường hợp:

1- Đức Phật biết rõ lời nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng lời ấy.

2- Đức Phật biết rõ lời nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dầu người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng lời ấy.

3- Đức Phật biết rõ lời nào chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng lời ấy.

4- Đức Phật biết rõ lời nào chân thật, không đem lại sự lợi ích, dầu người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng lời ấy.

5- Đức Phật biết rõ lời nào chân thật, đem lại sự lợi ích, người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng lời ấy.

6- Đức Phật biết rõ lời nào chân thật, đem lại sự lợi ích, dầu người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng lời ấy.

Đức Phật thuyết bài kinh Aggikkhandhopamasutta đem lại sự lợi ích cho cả 3 nhóm Tỳ khuru:

1- Nhóm Tỳ khuru thứ nhất gồm có 60 vị đã từng phạm giới pārajika (bất cộng trụ) mà che giấu tội lỗi của mình. Bây giờ, nhóm 60 vị Tỳ khuru này được nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh ấy, chỉ dạy cho biết sự tai hại khủng khiếp đối với Tỳ khuru phạm giới, nên phát sanh động tâm (*saṃvega*) ăn năn hối hận tội lỗi của mình, nóng nảy cho đến nổi hộc máu ra miệng, xả bỏ y bát, trở

thành người cận sự nam, để tránh khỏi tai họa sa vào 4 cõi ác giới, tránh cảnh khổ trong cõi địa ngục lâu dài.

Đối với nhóm cận sự nam này, đã thoát khỏi điều tai họa do phạm giới bất cộng trụ của bậc Tỳ khuru. Nhóm cận sự nam này, nếu trọn đời quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới, bát giới trong sạch và hành theo pháp của người cận sự nam, sau khi chết sẽ sanh lên các cõi trời dục giới, hưởng sự an lạc tại cõi trời ấy. Nếu tiến hành thiền định cũng có thể chứng đắc các bậc thiền sắc giới, vô sắc giới. Nếu tiến hành thiền tuệ cũng có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh nhân trong Phật giáo.

Như vậy, bài kinh này đem lại sự lợi ích lớn cho nhóm 60 vị Tỳ khuru thứ nhất.

2- Nhóm Tỳ khuru thứ nhì gồm có 60 vị, đã từng phạm giới nhẹ mà che giấu, để đuôi không chịu sám hối, không thu thúc để cho giới trở nên trong sạch, không biết hổ thẹn, ghê sợ tội lỗi. Bây giờ nhóm 60 vị Tỳ khuru này được nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh ấy, chỉ dạy cho biết sự tai hại khủng khiếp đối với Tỳ khuru phạm giới, nên phát sanh động tâm (*saṃvega*) ăn năn hối hận tội lỗi của mình, và biết mình không có đủ khả năng tiếp tục thực hành phạm hạnh cao thượng của Tỳ khuru cho được trong sạch hoàn toàn, nếu cứ tiếp tục sống kiếp Tỳ khuru thì sẽ có ngày phạm giới nặng. Nên nhóm 60 vị Tỳ khuru này xin Đức Phật cho phép hoàn tục, trở thành cận sự nam để tránh khỏi tai họa sa vào 4 cõi ác giới, tránh cảnh khổ trong cõi địa ngục lâu dài.

Đối với nhóm cận sự nam này, đã thoát khỏi điều tai họa do phạm giới của bậc Tỳ khuru. Nhóm cận sự nam này, nếu trọn đời quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới, bát giới trong sạch và hành theo pháp của người cận sự nam, sau khi chết sẽ sanh lên các cõi trời dục giới, hưởng sự an lạc tại cõi trời ấy. Nếu tiến hành thiền định cũng có thể chứng đắc các bậc thiền sắc giới, vô sắc giới. Nếu tiến hành thiền tuệ cũng có thể chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh nhân trong Phật giáo.

Như vậy, bài kinh này đem lại sự lợi ích lớn cho nhóm 60 vị Tỳ khuru thứ nhì.

3- Nhóm Tỳ khuru thứ ba gồm có 60 vị là bậc có giới hạnh trong sạch. Bây giờ, nhóm Tỳ khuru này được nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh ấy, phát sanh động tâm (*samvega*) tiến hành thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật giáo, ngay trong kiếp hiện tại⁽¹⁾.

Bài kinh này đem lại sự lợi ích cho chư Tỳ khuru trong quá khứ như thế nào, thì chư Tỳ khuru trong hiện tại và chư Tỳ khuru trong vị lai cũng được sự lợi ích như thế ấy.

¹ Tóm lược ý nghĩa Chú giải *Anguttaranikāya*, phần *Ekanipāṭa*, *Accharasamghātavaggavaṇṇanā*.

II- NGHI THỨC LỄ THỌ TỖ KHƯU (*Bhikkhu*)

- **Tỳ khuru** nghĩa là bậc sống nhờ vào sự đi khát thực.

- **Tỳ khuru** nghĩa là bậc thấy kinh sợ sự khổ tử sanh luân hồi, nên xuất gia để thoát khỏi khổ sanh.

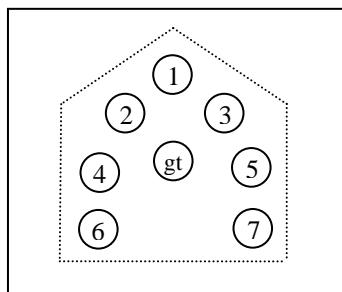
Lễ thọ Tỳ khuru có hai hạng người:

1- Vị Sa di đã trải qua năm tháng đủ 20 tuổi, muốn nâng lên bậc Tỳ khuru.

2- Người cận sự nam đủ 20 tuổi trở lên có ý nguyện muốn thọ Tỳ khuru.

Người cận sự nam trước khi thọ Tỳ khuru, cũng phải qua nghi thức lễ thọ Sa di trước, rồi mới đến lễ nâng lên bậc Tỳ khuru sau.

Thường lễ thọ Tỳ khuru tại **Trung Án Độ** (*Majjhimapadesa*), Tỳ khuru Tăng hội họp hành Tăng sự ít nhất có 10 vị Tỳ khuru thật trở lên; còn lại các nơi khác, (các nước ngoài), lễ thọ Tỳ khuru, Tỳ khuru Tăng hội họp hành Tăng sự ít nhất có từ 5 vị Tỳ khuru thật trở lên, chư Tỳ khuru Tăng cùng giới tử đều hội họp tại sīmā, chư Tỳ khuru mỗi vị ngồi cách nhau khoảng 2 cùi tay với 1 gang (*hatthapāsa*) theo vị trí như sau:



① Vị Đại Đức Thầy Tế độ

② ③ 2 vị Đại Đức luật sư

④ ⑤
⑥ ⑦ Chư Tỳ khuru Tăng chứng minh

gt Giới tử xin thọ Tỳ khuru

Hai vị Đại Đức Luật sư lễ bái Đức Phật.

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần).*

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-ra-hán, Bậc Chánh Đẳng Giác.

Nghi lễ nâng Sa di lên bậc Tỳ khuru theo tuần tự như sau:

A- Giai Đoạn Đầu Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khuru

Hai vị Đại Đức Luật sư ngồi chồm hỏm (*ukkuṭikam nisīditvā*), quay mặt vào nhau tụng:

1- Xin Đại Đức làm Thầy Tế độ

Ls:- *Paṭhamam upajjham gāhāpetabbo.*

Công việc đầu tiên là xin Đại Đức làm Thầy Tế độ.

Sd:- *Upajjhāyo me Bhante hohi. (3 lần)*

Kính bạch Đại Đức, xin Ngài làm Thầy Tế độ của con.

Ttđ:- *Pāsādikena sampādehi.*

Con hãy cố gắng thực hành giới, định, tuệ cho đầy đủ, được thể hiện nơi thân, khẩu đáng để phát sanh đức tin trong sạch.

Sd:- *Āma Bhante.*

Kính bạch Đại Đức. Dạ, xin vâng.

2- Đặt tên Sa di, tên Thầy Tế độ

Ls:- Kính bạch chư Đại Đức Tăng được rõ, con xin phép đặt tên Sa di và giới thiệu tên vị Đại Đức Thầy Tế độ.

- Vị Sa di này đặt tên: *Nāga*.
- Đây Sa di, con nên nhớ “*Nāga*” là tên của con.
- Xin giới thiệu tên vị Đại Đức Thầy Tế độ.

* Trường hợp này, có nơi gọi trực tiếp pháp danh của vị Đại Đức Thầy Tế độ. Ví dụ: “*Buddharakkhita*”.

Có nơi, vì sự kính trọng vị Đại Đức Thầy Tế độ, cho nên vị Đại Đức Luật sư không dám gọi trực tiếp pháp danh của vị Đại Đức Thầy Tế độ; do đó có thể đặt một tên gián tiếp khác. Ví dụ: “*Tissa*”.

Vị Đại Đức Luật sư trình cho chư Tỳ khưu Tăng biết rõ tên Sa di là *Nāga* và tên vị Đại Đức Thầy Tế độ là *Tissa*.

Ls:- *Upajjhāyaṃ āhāpetvā, pattacīvaraṃ ācikkhitabbam.*
Lễ xin Thầy Tế độ xong rồi, nay hỏi Sa di về sự đầy đủ y bát.

3- Xét hỏi y bát của Sa di

Đức Phật không cho phép Sa di không có y bát riêng của mình, xin làm lễ thọ Tỳ khưu. Tỳ khưu nào cho phép thọ Tỳ khưu rồi, Tỳ khưu ấy phạm giới tác ác.

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Ayaṃ te patto?*

Này Nāga, cái bát này của con, có phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Kính bạch Đại Đức, Dạ! Thưa phải vậy.

Ls:- *Ayaṃ saṃghāṭi?*

Này Nāga, tấm y 2 lớp này của con, có phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Kính bạch Đại Đức, Dạ! Thưa phải vậy.

Ls:- *Ayaṃ uttarāsaṅgo?*

Này Nāga, tấm y vai trái này của con, có phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Kính bạch Đại Đức, Dạ! Thưa phải vậy.

Ls:- *Ayaṃ antaravāsakam?*

Này Nāga, tấm y nội này của con, có phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Kính bạch Đại Đức, Dạ! Thưa phải vậy

4- Sa di giới tử đi ra ngoài phạm vi chư Tăng

Ls:- *Gaccha amumhi okāse tiṭṭhāhi.*

Này Nāga, con hãy đứng dậy đi lui ra ngoài phạm vi của chư Tăng hội họp, khoảng cách quá 2 cùi tay 1 gang, đứng chờ Sư ở chỗ ấy.

Sa di giới tử đánh lễ 3 lạy rồi chắp 2 tay ngang ngực, đi bằng 2 đầu gối lui ra khỏi phạm vi của chư Tỳ khưu Tăng, rồi đứng dậy từ từ đi ra quá 2 cùi tay 1 gang, đứng chắp tay quay mặt vào chỗ chư Tỳ khưu Tăng chờ vị Đại Đức Luật sư dạy bảo.

Hai vị Đại Đức Luật sư trình chư Tăng, xin phép dạy bảo giới tử:

Ls:- *Suñātu me Bhante saṃgho, Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ⁽¹⁾ Nāgaṃ anusāseyyaṃ.*

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng nghe rõ lời trình của con. Sa di giới tử Nāga là đệ tử của Đại Đức Tissa muốn thọ Tỳ khưu. Nếu việc hành Tăng sự hợp thời đối với chư Tăng, con xin phép dạy bảo Sa di giới tử Nāga.

Hai vị Đại Đức Luật sư đánh lễ chư Tăng, xin phép ra khỏi phạm vi của chư Tăng hội họp, đến chỗ Sa di giới tử Nāga để dạy bảo.

Cách thức dạy bảo Sa di giới tử

Đức Phật cho phép rằng:

“Anujānāmi bhikkhave paṭhamañ anusāsivā pacchā antarāyike dhamme pucchitum.

Anujānāmi bhikkhave ekamantañ anusāsivā pacchā antarāyike dhamme pucchitum...”

¹ Trường hợp vị Luật sư tự mình không dạy bảo Sa di, có thể giới thiệu một vị Luật sư khác tên Paṇḍita dạy bảo Sa di, nên trình giữa chư Tỳ khưu Tăng rằng:

- *Suñātu me Bhante saṃgho, Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, āyasmā Paṇḍito Nāgaṃ anusāseyya.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng nghe rõ lời trình của con. Sa di giới tử Nāga là đệ tử của Đại Đức Tissa muốn thọ Tỳ khưu. Nếu việc hành Tăng sự hợp thời đối với chư Tăng, xin cho Đại Đức Paṇḍita dạy bảo Sa di giới tử Nāga.

- *Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép đầu tiên dạy bảo Sa di giới tử hiểu rõ, rồi sau đó hỏi Sa di giới tử về 13 pháp tai hại.*

Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép dạy bảo Sa di giới tử về 13 pháp tai hại ở một nơi cách phạm vi của chư Tăng hội họp quá 2 cùi tay 1 gang, rồi sau đó hỏi 13 pháp tai hại ở giữa chư Tăng.

5- Vị Đại Đức Luật sư đảm nhận phận sự dạy bảo Sa di giới tử

Ls:- *Suṇāsi Nāga, ayaṃ te saccakālo, bhūtakālo, yaṃ jātam, taṃ saṃghamajjhe pucchante santam “atthī”ti vattabbaṃ. Asantaṃ “natthī”ti vattabbaṃ. Mā kho vitthāyi, mā kho maṅku ahosi. Evaṃ taṃ pucchanti. Santi te evarūpā ābādhā.*

- *Này Nāga, Sư dạy bảo con, con hãy lắng nghe cho rõ, sắp đến giờ làm lễ thọ Tỳ khuru của con, lúc ấy con phải nói thật, lúc ấy con phải nói đúng theo sự thật ở giữa chư Tăng hội họp, những bệnh hoạn nào có trong thân thể và những sự thật nào có trong cuộc đời của con, khi vị Đại Đức luật sư xét hỏi con về những điều ấy.*

* *Nếu điều gì có thật, thì con phải nên thành thật trả lời “atthi Bhante” hoặc “Āma, Bhante”: Dạ! Phải vậy. Bạch Ngài.*

* *Nếu điều gì không có thật, thì con phải nên thành thật trả lời “natthi Bhante”: Con không có vậy. Bạch Ngài. Con chớ nên sợ sệt, đừng chờ người không nói, con chớ nên xấu hổ mặt mày không vui.*

Như vậy, Sư sẽ hỏi, con có những bệnh, như thế này:

* Bởi vì Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, trong thân của Sa di giới tử mắc phải 1 trong 5 chứng bệnh: bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lở, bệnh ho lao và bệnh điên, không được cho phép thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru ấy phạm giới dukkaṭa (tác ác).*

Vì vậy, Sư hỏi con, trong thân thể của con có mắc phải những bệnh như là:

Ls:- *Kuṭṭham?*

Con có mắc bệnh cùi hay không?

Gt:- *Natthi Bhante.*

Con không có. Bạch Ngài.

Ls:- *Gaṇṇo?*

Con có mắc bệnh ung nhọt hay không?

Gt:- *Natthi Bhante.*

Con không có. Bạch Ngài.

Ls:- *Kilāso?*

Con có mắc bệnh ghẻ lở hay không?

Gt:- *Natthi Bhante.*

Con không có. Bạch Ngài.

Ls:- *Soso?*

Con có mắc bệnh ho lao hay không?

Gt:- *Natthi Bhante.*

Con không có. Bạch Ngài.

Ls:- *Apamāro?*

Con có mắc bệnh điên hay không?

Gt:- *Natthi Bhante.*

Con không có. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép loài súc sanh **rồng biến hóa thành người nam** thọ Tỳ khuru. Nếu cho phép thọ Tỳ khuru rồi, cũng không thành Tỳ khuru (trở lại thành rồng như cũ).*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Manusso 'si?*

Con có phải loài người thật hay không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, con là người thật. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép **người ái nam** (bán nam, bán nữ) thọ Tỳ khuru. Nếu cho phép thọ Tỳ khuru rồi, cũng không thành Tỳ khuru.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Puriso 'si?*

Con có phải người nam thật hay không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, con là người nam thật. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép **người nam còn là tôi tớ của người khác** thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Bhujisso'si?*

Con không phải là người tôi tớ của ai, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép người nam còn mang nợ của người khác thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Anaṇo'si?*

Con không phải là con nợ, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép người công chức nhà nước thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Na'si, rājabhato?*

Con không phải là công chức nhà nước, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được cho phép người con trai, mà cha mẹ chưa cho phép xuất gia thọ Tỳ khuru, Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Anuññāto'si mātāpitūhi?*

Con đã được cha mẹ cho phép xuất gia rồi, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru biết rõ **người nam chưa đầy đủ 20 tuổi**, không được cho phép thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru, nên quyết định theo pháp luật.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Paripunṇavāsivasso'si?*

Con đã đầy đủ 20 tuổi kể từ khi tái sanh trong lòng mẹ, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

* Đức Phật răn cấm rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không nên cho phép **người nam vay mượn y bát** thọ Tỳ khuru. Tỳ khuru nào cho phép thọ Tỳ khuru, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác.*

Vì vậy, Sư hỏi con.

Ls:- *Paripunṇam te patacīvaram?*

Con có đầy đủ tam y và bát rồi, phải không?

Gt:- *Āma, Bhante.*

Dạ, phải vậy. Bạch Ngài.

Ls:- *Kim nāmo'si?*

Tên con gọi là gì?

Gt:- *Ahaṃ Bhante, Nāgo nāma.*

Tên con gọi là “Nāga”. Bạch Ngài

Ls:- *Ko nāmo te upajjhāyo?*

Tên vị Đại Đức Thầy Tế độ của con gọi là gì?

Gt:- *Upajjhāyo me Bhante, āyasmā Tissatthero nāma.*

Tên vị Đại Đức Thầy Tế độ của con gọi là Đại Đức “Tissatthera”. Bạch Ngài.

- Nay Nāga, con nên ghi nhớ rõ 15 điều mà Sư đã dạy bảo. Khi con vào giữa chư Tăng hội họp, vị Đại Đức Luật sư hỏi, con phải trả lời đúng theo sự thật, điều nào không có, con phải trả lời rằng: “**Natthi Bhante**” (Con không có. Bạch Ngài). Điều nào có, con phải trả lời rằng: “**Āma, Bhante**” (Dạ! Phải vậy. Bạch Ngài).

* Đức Phật răn cấm rằng:

- Nay chư Tỳ khuru, vị Đại Đức Luật sư và Sa di giới tử không được phép cùng một lúc vào giữa chư Tăng hội họp. Vị Đại Đức Luật sư đi vào giữa chư Tăng hội họp trước, trình cho chư Tăng được rõ bằng **ñatti** (tuyên ngôn).

Vì vậy, con phải đứng chờ Sư tại nơi đây, cho đến khi nào Sư trình bằng ñatti xong rồi, chư Tăng cho phép gọi con mới được vào.

6- Vị Luật sư trình chư Tăng, gọi giới tử vào

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, anusīṭṭho so mayā, yadi saṃghassa pattakallaṃ, Nāgo āgaccheyya.*

- (Āgacchāhī’ti vattabbo).

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng nghe rõ lời trình của con, Sa di giới tử Nāga là đệ tử của Đại Đức Tissa muốn nâng lên bậc Tỳ khuru. Con đã dạy bảo Sa di xong rồi. Nếu việc hành Tăng sự hợp thời đối với chư Tăng, xin phép cho Sa di giới tử Nāga vào.

- (Cho phép Sa di giới tử Nāga vào đây).

7- Sa di giới tử xin nâng lên bậc Tỳ khuru

Được phép đi vào nơi chư Tăng hội họp, Sa di giới tử chấp hai tay ngang ngực đi đến phạm vi của chư Tăng, quỳ xuống đi bằng đầu gối vào giữa chư Tăng hội họp, mặc y chừa vai bên phải, đánh lễ chư Tăng 3 lạy, ngồi chồm hóm, chấp 2 tay ngang trán đọc câu xin nâng lên bậc Tỳ khuru rằng:

Gt: - *Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāmi, ullumpatu maṃ Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Dutiyampi, Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāmi, ullumpatu maṃ Bhante saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Tatīyampi, Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāmi, ullumpatu maṃ Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, con xin chư Tăng cho con thọ Tỳ khuru.

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng từ bi thương xót tế độ nâng đỡ con lên bậc Tỳ khuru... Lần thứ nhì. ... Lần thứ ba.

Sa di giới tử đánh lễ chư Tăng 3 lần, rồi ngồi chồm hổm, chấp 2 tay lắng nghe vị Đại Đức Luật sư xét hỏi.

8- Luật sư xét hỏi Sa di giới tử giữa chư Tăng

Sau khi Sa di giới tử xin phép chư Tăng nâng lên bậc Tỳ khưu, vị Đại Đức Luật sư xét hỏi 13 pháp tại hại trong thân thể, cuộc đời của Sa di ở giữa chư Tăng rằng:

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, ayaṃ Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ Nāgaṃ antarāyike dhamme puccheyyaṃ.*

- *Suṇāsi Nāga, ayaṃ te saccakālo bhūtakālo, yaṃ jātamaṃ, taṃ pucchāmi.*
- *Santaṃ “atthī” ti vattabbaṃ.*
- *Asantaṃ “natthī” ti vattabbaṃ. Santi te evarūpā ābādhā.*

Ls:- *Kuṭṭhaṃ?*

Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Gaṇṇo?*

Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Kilāso?*

Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Soso?*

Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Apamāro?*

Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Manusso’si?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Puriso 'si?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Bhujisso 'si?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anāṇo 'si?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Na 'si rājabhaṭo?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anuññāto 'si mātāpitūhi?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇavāsivasso 'si ?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇam te pattacīvaram?*

Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Kiṃ nāmo 'si?*

Gt:- *Ahaṃ Bhante, Nāgo nāma.*

Ls:- *Ko nāmo te upajjhāyo?*

Gt:- *Upajjhāyo me Bhante, āyasmā Tissatthero nāma.*

Vị Đại Đức Luật sư xét hỏi Sa di giới tử ở giữa chư Tăng hội họp về những pháp tai hại (*antarāyikadhamma*), và Sa di giới tử đã trả lời rõ ràng đúng theo sự thật:

- Điều nào không có, Sa di thành thật trả lời: **“không có”**.

- Điều nào có, Sa di thành thật trả lời: **“phải”**.

(Xong giai đoạn đầu nghi thức lễ thọ Tỳ khuru).

B- Giai Đoạn Giữa Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khưu

Giai đoạn giữa là giai đoạn chính thức của nghi lễ để trở thành bậc Tỳ khưu. Khi vị Đại Đức Luật sư tụng 1 lần *ñatti* (tuyên ngôn), tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn), gọi là *ñatticatutthakammavācā* xong, đồng thời Sa di giới tử trở thành vị Tỳ khưu (Bhikkhu) ngay khi ấy.

Vị Luật Sư Tụng Ñatticatutthakammavācā

Sự tụng *ñatticatutthakammavācā* có thể 2 hoặc 3 vị Đại Đức Luật sư, ngồi chồm hóm, 2 tay cầm bản, để tránh khỏi sai lầm, đồng nhau tụng như sau:

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-buddhassa* (3 lần).

* Tụng Ñatti (1 lần)

Ls:- *Suñātu me Bhante saṃgho, ayaṃ Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, parisuddho antarāyikehi dhammehi, paripuñña'ssa pattacīvaram, Nāgo saṃghaṃ upasampadam yācati, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yadi saṃghassa pattakallam, saṃgho Nāgaṃ upasampādeyya, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Esā ñatti.*

* Tụng Kammavācā (3 lần)

Ls:- *Suñātu me Bhante saṃgho, ayaṃ Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, parisuddho antarāyikehi dhammehi, paripuñña'ssa pattacīvaram, Nāgo saṃghaṃ upasampadam*

yācati, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho Nāgaṃ upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, Nāgassa upasampadā āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.

- *Dutiyampi, etamatthaṃ vadāmi. Suṇātu me Bhante saṃgho, ayaṃ Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, parisuddho antarāyikehi dhammehi, paripuṇṇa'ssa pattacīvaraṃ, Nāgo saṃghaṃ upasampadaṃ yācati, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho Nāgaṃ upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, Nāgassa upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*
- *Tatiyampi, etamatthaṃ vadāmi. Suṇātu me Bhante saṃgho, ayaṃ Nāgo āyasmato Tissassa upasampadāpekkho, parisuddho antarāyikehi dhammehi, paripuṇṇa'ssa pattacīvaraṃ, Nāgo saṃghaṃ upasampadaṃ yācati, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho Nāgaṃ upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, Nāgassa upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

Upasampanno saṃghena Nāgo āyasmatā Tissena upajjhāyena, khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmi.

Chư Đại Đức Luật sư tụng một lần ñatti (tuyên ngôn) tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā* (thành sự ngôn) đến chữ cuối cùng “*dhārayāmi*”, từng âm, từng chữ, từng câu đúng theo *thāna*, *karaṇa*, *payatana* và đúng theo 10 *byañjanabuddhi*; nhất là những phụ âm, nguyên âm thuộc 4 loại *sithila*, *dhanita*, *niggahita* và *vimutta* đúng theo văn phạm Pāli, và đúng theo nghi lễ hành Tăng sự mà Đức Phật đã ban hành, (*Việc hành Tăng sự, tụng ñatticatutthakammavācā một lần hoặc có thể tụng 2-3 lần càng tốt*), đồng thời ngay khi ấy, vị Sa di Nāga trở thành vị Tỳ khưu¹, gồm có *bhikkhupātimokkhasīla* 227 điều học, nếu kể rộng thì có 91.805.036.000 điều học; ***Tứ thanh tịnh giới; 14 pháp hành...*** Vị Tỳ khưu ấy chính thức được gia nhập vào Tăng đoàn, được sống chung với chư Tỳ khưu Tăng, có quyền tham dự vào mọi nghi lễ hành Tăng sự của chư Tỳ khưu Tăng nói chung, không phân biệt nòi giống, giai cấp, quốc gia, dân tộc. ***Bởi vì, Tỳ khưu cùng là con cháu của dòng dõi Sakya (Sakyaputtiya)*** như nhau cả thảy.

¹ Trở thành Tỳ khưu do hợp đủ 5 chi:

- 1- Vatthu sampatti: người cận sự nam không có lỗi.
- 2- Ñatti sampatti: tụng tuyên ngôn đúng đắn.
- 3- Kammavācā sampatti: tụng thành sự ngôn đúng đắn.
- 4- Sīmā sampatti: sīmā nơi tăng hội hành Tăng sự hợp theo luật.
- 5- Purisa sampatti: số chư Tỳ khưu Tăng hội đầy đủ.

Đầy đủ 5 chi không thiếu chi nào, lễ thọ Tỳ khưu mới thành tựu, Sa di trở thành Tỳ khưu thật.

*** Ý nghĩa lời tuyên ngôn**

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng nghe rõ lời trình tuyên ngôn của con. Sa di Nāga là đệ tử của Đại Đức Tissa muốn thọ Tỳ khuru, Sa di Nāga đã có đầy đủ tam y và bát, đã được trong sạch khỏi mọi pháp tai hại. Sa di Nāga xin chư Tăng tế độ nâng lên bậc Tỳ khuru do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ. Nếu việc hành Tăng sự hợp thời đối với chư Tăng, xin chư Tăng cho phép nâng Sa di Nāga lên bậc Tỳ khuru, do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ.

Đây là lời tuyên ngôn trình cho chư Tăng được rõ.

*** Ý nghĩa lời thành sự ngôn**

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, xin chư Tăng nghe rõ lời trình thành sự ngôn của con. Sa di Nāga là đệ tử của Đại Đức Tissa muốn thọ Tỳ khuru, Sa di Nāga đã có đầy đủ tam y và bát, đã được trong sạch khỏi mọi pháp tai hại. Sa di Nāga xin chư Tăng tế độ nâng lên bậc Tỳ khuru, do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ. Chư Tăng cho phép nâng Sa di Nāga lên bậc Tỳ khuru, do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ.

Đối với vị Tỳ khuru nào hài lòng Sa di Nāga được nâng lên bậc Tỳ khuru, do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ, xin vị Tỳ khuru ấy ngồi làm thỉnh. Và đối với vị Tỳ khuru nào không hài lòng, xin vị Tỳ khuru ấy phát biểu lên giữa chư Tăng.

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng,... phát biểu lên giữa chư Tăng. Lần thứ nhì.

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng,... phát biểu lên giữa chư Tăng. Lần thứ ba.

Chư Tăng đã nâng Sa di Nāga lên bậc Tỳ khuru, do Đại Đức Tissa là Thầy Tế độ. Chư Tăng đã hài lòng, nên ngồi làm thỉnh. Tôi ghi nhận trạng thái hài lòng bằng cách ngồi làm thỉnh ấy.

(Xong giai đoạn giữa của nghi thức lễ thọ Tỳ khuru, Sa di giới tử trở thành vị Tỳ khuru).

C- Giai Đoạn Cuối Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ Khuru

Vị Thầy Tế độ khuyến dạy tân Tỳ khuru

Phận sự vị Đại Đức Thầy Tế độ khuyến dạy (ovāda) đệ tử **tân Tỳ khuru** (Navakabhikkhu):

Tāvadeva chāyā metabbā, utupamāṇaṃ ācikkhitabbam, divasabhāgo ācikkhitabbo, saṅgīti ācikkhitabbā, cattāro nissāyā ācikkhitabbā, cattāri akaraṇīyāni ācikkhitabbāni.

1- Dạy bảo 4 pháp nương nhờ (cattāro nissayā)

Upaj:1- *Piṇḍiyālopabhojanaṃ nissāya pabbajjā, tattha te yāvajīvaṃ ussāho karaṇīyo. Atirekalābho saṃghabhattaṃ, udesabhattaṃ, nimantanaṃ, salākabhattaṃ, pakkhikaṃ, uposathikaṃ, pāṭipadikaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:2- *Pamsukūlacīvaraṃ nissāya pabbajjā, tattha te yāvajīvaṃ ussāho karaṇīyo. Atirekalābho gomaṃ, kappāsikaṃ, koseyyaṃ, kambalaṃ, sāmāṃ, bhaṅgaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:3- *Rukkhamūlasenāsanam nissāya pabbajjā, tattha te yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho, vihāro, aḍḍhayogo, pāsādo, hammiyam, guhā.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:4- *Pūtimuttabhesajjam nissāya pabbajjā, tattha te yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho sappi, navanītam, telam, madhu, phāṇitam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

(Vinayapiṭaka, bộ Māhāvagga).

2- Dạy bảo 4 pháp không nên hành (cattāri akaraṇīyāni)

Upaj:1- *Upasampannena bhikkhunā methuno dhammo nappaṭisevitabbo antamaso tiracchānagatāyapi. Yo bhikkhu methunam dhammam paṭisevati, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma puriso sīsacchinno abhabbo tena sarīrabandhanena jīvitum. Evameva bhikkhu methunam dhammam paṭisevitvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Tam te yāvajīvam akaraṇīyam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:2- *Upasampannena bhikkhunā adinnam theyya-saṅkhātam na ādātabbam antamaso tiṇasalākam upādāya. Yo bhikkhu pādam vā*

pādārahaṃ vā atirekapādaṃ vā adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyati, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma paṇḍupalāso bandhanā pavutto abhabbo haritatthāya. Evameva bhikkhu pādaṃ vā pādārahaṃ vā atirekapādaṃ vā adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyitvā, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ te yāvajjīvaṃ akaraṇīyaṃ.

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:3- *Upasampannena bhikkhunā saṅcicca pāṇo jīvātā na voropetabbo antamaso kunthakipilikaṃ upādāya. Yo bhikkhu saṅcicca manussaviggahaṃ jīvītā voropeti antamaso gabbhapātanaṃ upādāya, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma puthusilā dvedhābhinnā appaṭisandhikā hoti. Evameva bhikkhu saṅcicca manussaviggahaṃ jīvītā voropetvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ te yāvajjīvaṃ akaraṇīyaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:4- *Upasampannena bhikkhunā uttarimanussa-dhammo na ullapitabbo antamaso “suññāgāre abhiramāmī”ti. Yo bhikkhu pāpiccho icchāpakato asantaṃ abhūtaṃ uttarimanussadhammaṃ ullapati jhānaṃ vā vimokkhaṃ vā samādhiṃ vā samāpattiṃ vā maggaṃ vā phalaṃ vā, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma tālo matthakacchinno abhabbo puna virulhiyā. Evameva bhikkhu pāpicchā icchāpakato*

*asantam abhūtam uttarimanussadhammam
ullapitvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Tam
te yāvajīvam akaraṇīyam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

(Ovādakathā upasampadakhandaṃ niṭṭhitam).

Nghĩa giai đoạn cuối nghi thức lễ thọ Tỳ khuru

Này Nāga, bây giờ con đã trở thành vị tân Tỳ khuru; có những điều con cần phải ghi nhớ rõ là:

- Ghi nhận thời gian: giờ, ngày, tháng, năm, thời tiết lúc trở thành Tỳ khuru.

- Con cần phải biết 4 pháp nương nhờ.

- Con cần phải biết 4 pháp không nên hành.

Ví dụ: Sa di giới tử Nāga trở thành Tỳ khuru lúc 10 giờ 5 phút buổi sáng, Chủ nhật, ngày 11 tháng 5 Phật lịch 2511 vào mùa mưa, tại Tổ Đình Bửu Long, khu phố Thái Bình, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vị Đại Đức Thầy Tế độ gọi là Tissatthera.

- Vị Đại Đức Luật sư 1, tụng tuyên ngôn, là Đại Đức...

- Vị Đại Đức Luật sư 2 là Đại Đức...

- Vị Đại Đức Luật sư 3 là Đại Đức...

- Lần thứ nhì.... Lần thứ ba...

- Số chư Tỳ khuru Tăng hội... vị.

1- Dạy bảo 4 pháp nương nhờ

Ttd:1- *Này Nāga, bậc Tỳ khuru hằng ngày đời sống nương nhờ những hạt cơm, do đi khát thực từng nhà. Sống đời Tỳ khuru khát thực này, hằng ngày, con phải nên cố gắng thực hành đến trọn đời. Nhờ quả báu lợi lộc do thiện nghiệp ở kiếp quá khứ, con sẽ được thọ hưởng vật thực cúng dường đến chư Tăng, vật thực do chư Tăng chỉ định, vật thực do thí chủ thỉnh mời, vật thực do bắt được thăm, vật thực do thí chủ bố thí từng thời, vật thực ngày giới và vật thực sau ngày giới.*

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttd:2- *Này Nāga, bậc Tỳ khuru nương nhờ y phục do lượm vải dơ giặt sạch may y nhuộm mặc. Sống đời Tỳ khuru lượm vải dơ may y phục ấy, con phải nên cố gắng thực hành đến trọn đời. Nhờ quả báu lợi lộc do thiện nghiệp ở kiếp quá khứ, con sẽ được mặc y may bằng vải ni, bằng bông vải, bằng lụa, bằng vải lông, bằng vải chỉ gai, bằng vải 5 thứ chỉ trộn lại.*

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttd:3- *Này Nāga, bậc Tỳ khuru nương nhờ chỗ ở dưới gốc cây. Sống đời Tỳ khuru ở dưới gốc cây ấy, con phải nên cố gắng thực hành đến trọn đời. Nhờ quả báu lợi lộc do thiện nghiệp ở kiếp quá khứ, con sẽ được ở chùa có 2 mái, chùa có 1 mái, lâu đài, cốc xây bằng gạch lợp ngói, hang động.*

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttd:4- *Này Nāga, bậc Tỳ khuru nương nhờ thuốc trị bệnh bằng nước tiểu bò, hay nước tiểu bò ngâm với trái*

cây. Sống đời Tỳ khuru trị bệnh bằng nước tiểu bò ấy, con phải nên cố gắng thực hành đến trọn đời. Nhờ quả báu lợi lộc do thiện nghiệp ở kiếp quá khứ, con được dùng thuốc bằng bơ đặc, bơ lỏng, dầu, mật ong và các loại đường.

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

2- Dạy bảo 4 pháp không nên hành

Ttd:1- *Này Nāga, Tỳ khuru không được hành dâm, dâm hành dâm với loài súc sanh. Tỳ khuru nào hành dâm, Tỳ khuru ấy không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa. Ví như một người bị chặt đầu rồi, thì không thể nào gắn cái đầu lại với thân mình, để có mạng sống trở lại. Cũng như vậy, Tỳ khuru sau khi đã hành dâm rồi, thì không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa.*

Vì vậy, con chớ nên hành dâm đến trọn đời.

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttd:2- *Này Nāga, Tỳ khuru không được lấy của cải mà người chủ không cho với tâm trộm cắp, thậm chí ít như cỏ cây, mảnh tre. Tỳ khuru nào lấy của cải với tâm trộm cắp một vật có giá 1 pāda⁽¹⁾, hoặc giá trị bằng 1 pāda, hay nhiều hơn 1 pāda, Tỳ khuru ấy không còn là Tỳ Khuru, không còn là*

¹ 1 kahāpana: tiền Ấn Độ thời xưa gồm có 4 pāda. Vàng 1 pāda, bạc 1 pāda, đồng 2 pāda, trộn lẫn vào nhau đúc thành 1 kahāpana.

1 pāda là 1 phần tư (1/4) của 1 kahāpana ấy.

1 pāda vàng = 4 chỉ vàng.

người con của dòng dõi Sakya nữa. Ví như một chiếc lá đã lìa cành rồi, thì không thể nào làm cho chiếc lá xanh tươi trở lại. Cũng như vậy, Tỳ khuru sau khi đã lấy của cải người khác với tâm trộm cắp, một vật có giá 1 pāda, hoặc giá trị bằng 1 pāda, hay nhiều hơn 1 pāda rồi, thì không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa.

Vì vậy, con chó nên trộm cắp cho đến trọn đời.

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttđ:3- *Này Nāga, Tỳ khuru không được có tác ý sát sanh, thậm chí đến sanh mạng dầu nhỏ như con muỗi, con kiến. Tỳ khuru nào có tác ý giết người, ít nhất làm hư thai nhi trong bụng mẹ, Tỳ khuru ấy không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa. Ví như một tảng đá lớn đã bị bẻ làm hai mảnh, thì không thể nào gắn dính trở lại như trước nữa. Cũng như vậy, Tỳ khuru sau khi đã có tác ý giết người rồi, thì không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa.*

Vì vậy, con chó nên có tác ý giết người đến trọn đời.

Ttk:- *Dạ, xin vâng. Bạch thầy.*

Ttđ:4- *Này Nāga, Tỳ khuru không được khoe khoang pháp của bậc Thánh nhân, mà chính mình không có, ít nhất cũng không nên nói rằng “**tôi rất thỏa thích ở nơi thanh vắng**”. Tỳ khuru nào có tâm tham muốn thấp hèn, thường có tánh tham lam, nói khoe khoang: **tôi đã chứng đắc***

bậc thiên, hoặc 3 pháp giải thoát, hoặc thiên định, hoặc nhập định, hoặc Thánh Đạo, hoặc Thánh Quả, là pháp của bậc Thánh nhân, mà chính mình không từng phát sanh, hiện tại không có. Tỳ khuru ấy không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa. Ví như cây thốt nốt bị chặt ngang ngọn rồi, thì không thể nào mọc ngọn, phát triển như trước nữa. Cũng như vậy, Tỳ khuru có tâm tham muốn thấp hèn, thường có tánh tham lam, sau khi đã nói khoe khoang pháp của bậc Thánh nhân, mà chính mình không từng phát sanh, hiện tại không có, thì không còn là Tỳ khuru, không còn là người con của dòng dõi Sakya nữa.

Vì vậy, con chó nên nói khoe khoang pháp của bậc Thánh nhân đến trọn đời.

Ttk:- Dạ, xin vâng. Bạch thầy.

(Xong giai đoạn cuối nghi lễ thọ Tỳ khuru).

III-NGHI THỨC LỄ THỌ TỖ KHUU 2 - 3 VỊ

Nghi thức lễ thọ Sa di có thể nhiều giới tử cùng một lúc; song nghi thức lễ thọ Tỳ khưu chỉ có thể từ 2 đến 3 giới tử mà thôi.

Trong Luật tạng, bộ Mahāvagga, Đức Phật cho phép rằng:

“Anujānāmi bhikkhave dve tayo ekānussāsane kātum, tañca kho ekena upajjhāyena, na tveva nānupajjhāyena...”⁽¹⁾.

Này chư Tỳ khưu, Như Lai cho phép 2 – 3 giới tử làm lễ thọ Tỳ khưu cùng một lúc tụng ñatticatutthakammavācā; và sự tụng ấy, Như Lai cho phép chỉ có một vị Thầy Tế độ mà thôi, không khác Thầy Tế độ.

Nghi Thức Lễ Thọ Tỳ khưu 2 – 3 Vị Cùng Một Lúc

Nghi thức lễ thọ Tỳ khưu 2-3 giới tử cùng một lúc, theo tuần tự qua 3 giai đoạn: giai đoạn đầu, giai đoạn giữa và giai đoạn cuối hầu hết hoàn toàn giống như một giới tử. Song có điểm đặc biệt trong câu dùng số nhiều, đúng theo văn phạm Pāli, giai đoạn đầu, giai đoạn giữa và giai đoạn cuối suốt nghi thức lễ thọ Tỳ khưu.

¹ Vinayapitaka, bộ Mahāvagga, phần Dve Upasampadā-pekkhādivatthu.

LỄ THỌ 3 TỶ KHU'U (cách 1)

Vị Đại Đức Luật sư bắt đầu hành Tăng sự, lễ bái Đức Phật.

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần).*

Ls:- *Paṭhamam upajjham gāhāpetabbo.*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante hohi.*

Upa:- *Pāsādikena sampādettha.*

3Gt:- *Āma Bhante.*

- Đặt tên 3 giới tử: là Nāga, Mitta, Dattā.

- Giới thiệu pháp danh vị Thầy Tế độ: Đại Đức Tissa.

- *Upajjhāyam gāhāpetvā, pattacīvaram ācikkhitabbam.*

Ls:- *Ime vo pattā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Imā saṃghāṭiyo?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Ime uttarāsaṅgā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Ime antaravāsakā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Gacchatha amumhi okāse tiṭṭhatha.

Vị Đại Đức Luật sư tự mình trình lên chư Tăng đảm nhận phận sự dạy bảo 3 giới tử rằng:

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca”⁽¹⁾, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, yadi saṃghassa pattakallaṃ. Ahaṃ “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca” anusāseyyaṃ.*

Ls:- *Suṇātha “Nāga-Mitta-Dattā”, ayaṃ vo saccakālo bhūtakālo, yaṃ jātaṃ, taṃ saṃghamajjhe pucchante santaṃ “atthī”ti vattabbaṃ, asantaṃ “natthī”ti vattabbaṃ. Mā kho vitthāyittha, mā kho maṅkū ahosittha. Evaṃ vo pucchissanti.*

Santi vo evarūpā ābādhā:

Ls:- *Kuṭṭhaṃ?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Gaṇḍo?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Kilāso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Soso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Apamāro?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Manussā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Purisā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

¹ Nếu chỉ có 2 giới tử thì: “Nāgo ca Mitto ca”.

Ls:- *Bhujissā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anaṇā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Nā'ttha rājabhaṭā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anuññātā'ttha mātāpitūhi?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇavīsativassā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇaṃ vo pattacīvaraṃ?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Kiṃ nāmā'ttha?*

Gt1:- *Ahaṃ Bhante Nāgo nāma.*

Gt2:- *Ahaṃ Bhante Mitto nāma.*

Gt3:- *Ahaṃ Bhante Datto nāma.*

Ls:- *Ko nāmo vo upajjhāyo?*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante āyasmā Tissatthero nāma.*

Vị Đại Đức Luật sư vào trình chư Tăng

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, anusīṭṭhā te mayā, yadi saṃghassa pattakallaṃ, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” āgaccheyyūṃ.*

- (*Āgucchathā'ti vattabbā*).

3 giới tử vào giữa chư Tăng xin thọ Tỳ khuru.

3Gt:- *Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Dutiyampi, Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Tatiyampi, Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, “ayaṃ ca Nāgo ayaṃ ca Mitto ayaṃ ca Datto”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca”, antarāyike dhamme puccheyyaṃ. Suṇātha “Nāga-Mitta-Dattā”, ayaṃ vo saccakālo bhūtakālo, yaṃ jātaṃ, taṃ pucchāmi.*

- *Santaṃ “atthī” ti vattabbaṃ.*

- *Asantaṃ “natthī” ti vattabbaṃ.*

Santi vo evarūpā ābādhā:

Ls:- *Kuṭṭhaṃ?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Gaṇṇo?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Kilāso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Soso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Apamāro?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Manussā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Purisā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Bhujissā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anaṇā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Nā'ttha rājabhaṭā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anuññātā'ttha mātāpitūhi?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇavāsativassā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇaṃ vo pattacīvaram?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Kiṃ nāmā'ttha?*

Gt1:- *Ahaṃ Bhante Nāgo nāma.*

Gt2:- *Ahaṃ Bhante Mitto nāma.*

Gt3:- *Ahaṃ Bhante Datto nāma.*

Ls:- *Ko nāmo vo upajjhāyo?*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante āyasmā Tissatthero nāma.*

Ñatticatutthakammavācā (cách 1)

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3lần).*

*** Tụng Ñatti (1 lần)**

Ls:- *Suñātu me Bhante saṃgho, “ayaṃ ca Nāgo ayaṃ ca Mitto ayaṃ ca Datto”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuññimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca” upasampādeyya, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Esā ñatti.*

*** Tụng Kammavācā (3 lần)**

- *Suñātu me Bhante saṃgho, “ayaṃ ca Nāgo ayaṃ ca Mitto ayaṃ ca Datto”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuññimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, “Nāgassa ca Mittassa ca Dattassa ca” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

- *Dutiyampi, etamattham vadāmi. Sunātu me Bhante saṃgho, “ayaṃ ca Nāgo ayaṃ ca Mitto ayaṃ ca Datto”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripunṇimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” saṃghaṃ upasampadam yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, “Nāgassa ca Mittassa ca Dattassa ca” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

- *Tatiyampi etamattham vadāmi. Sunātu me Bhante saṃgho, “ayaṃ ca Nāgo ayaṃ ca Mitto ayaṃ ca Datto”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripunṇimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāgo ca Mitto ca Datto ca” saṃghaṃ upasampadam yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāgaṃ ca Mittaṃ ca Dattaṃ ca” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati, “Nāgassa ca Mittassa ca Dattassa ca” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

Upasampannā saṃghena “Nāgo ca Mitto ca Datto ca”, āyasmatā Tissena upajjhāyena, khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmi.

(Theo bản chánh của Đại Trưởng Lão Mahāsī Sayadaw).

LỄ THỌ 3 TỶ KHU'U (cách 2)

Vị Đại Đức Luật sư bắt đầu hành Tăng sự, lễ bái Đức Phật.

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsam buddhassa. (3 lần).*

Ls:- *Paṭhamam upajjham gāhāpetabbo.*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante hohi.*

Upa:- *Pāsādikena sampādettha.*

3Gt:- *Āma Bhante.*

- Đặt tên 3 giới tử: là Nāga, Mitta, Dattā.

- Giới thiệu pháp danh vị Thầy Tế độ: Đại Đức Tissa.

- *Upajjhāyam gāhāpetvā, pattacīvaram ācikkhitabbam.*

Ls:- *Ime vo pattā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Imā saṃghāṭiyo?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Ime uttarāsaṅgā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Ime antaravāsakā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Gacchatha amumhi okāse tiṭṭhatha.

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, yadi saṃghassa pattakallam. Aham “Nāga-Mitta-Datte” anusāseyyam.*

Ls:- *Suṇātha “Nāga-Mitta-Dattā”, ayam vo saccakālo bhūtakālo, yaṃ jātaṃ, taṃ saṃghamajjhe pucchante santaṃ “atthī”ti vattabbaṃ, asantaṃ “natthī”ti vattabbaṃ. Mā kho vitthāyittha, mā kho maṅkū ahoṣittha. Evaṃ vo pucchissanti.*

Santi vo evarūpā ābādhā:

Ls:- *Kuṭṭhaṃ?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Gaṇḍo?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Kilāso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Soso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Apamāro?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Manussā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Purisā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Bhujissā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anaṇā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Nā’ttha rājabhaṭṭā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anuññātā'ttha mātāpitūhi?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇavāsativassā'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇaṃ vo pattacīvaraṃ?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Kim nāmā'ttha?*

Gt1:- *Ahaṃ Bhante Nāgo nāma.*

Gt2:- *Ahaṃ Bhante Mitto nāma.*

Gt3:- *Ahaṃ Bhante Datto nāma.*

Ls:- *Ko nāmo vo upajjhāyo?*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante āyasmā Tissatthero nāma.*

Vị Đại Đức luật sư vào trình chư Tăng

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, anusīṭṭhā te mayā, yadi saṃghassa pattakallaṃ, “Nāga-Mitta-Dattā” āgaccheyyūṃ.*

- *(Āgucchathā'ti vattabbā).*

3 giới tử vào giữa chư Tăng xin thọ Tỷ khru.

3Gt:- *Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Dutiyampi, Samghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

- *Tatiyampi, Saṃghaṃ Bhante, upasampadaṃ yācāma, ullumpatu no Bhante, saṃgho anukampaṃ upādāya.*

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, ime “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ “Nāga-Mitta-Datte”, antarāyike dhamme puccheyyaṃ. Suṇātha “Nāga-Mitta-Dattā”, ayaṃ vo saccakālo bhūtakālo, yaṃ jātaṃ, taṃ pucchāmi.*

- *Santaṃ “atthī” ti vattabbaṃ.*
- *Asantaṃ “natthī” ti vattabbaṃ. Santi vo evarūpā ābādhā:*

Ls:- *Kuṭṭhaṃ?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Gaṇḍo?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Kilāso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Soso?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Apamāro?*

3Gt:- *Natthi, Bhante.*

Ls:- *Manussā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Purisā’ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Bhujissā 'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anaṇā 'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Nā 'ttha rājabhaṭṭā?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Anuññātā 'ttha mātāpitūhi?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇavāsativassā 'ttha?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Paripuṇṇaṃ vo pattacīvaraṃ?*

3Gt:- *Āma, Bhante.*

Ls:- *Kiṃ nāmā 'ttha?*

Gt1:- *Ahaṃ Bhante Nāgo nāma.*

Gt2:- *Ahaṃ Bhante Mitto nāma.*

Gt3:- *Ahaṃ Bhante Datto nāma.*

Ls:- *Ko nāmo vo upajjhāyo?*

3Gt:- *Upajjhāyo no Bhante āyasmā Tissatthero nāma.*

Ñatticatutthakammavācā (cách 2)

Ls:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần).*

*** Tụng Ñatti** (1 lần)

Ls:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, ime “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā,*

parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuññimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāga-Mitta-Dattā” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho “Nāga-Mitta-Datte” upasampā-deyya āyasmatā Tissena upajjhāyena. Esā ñatti.

***Tụng Kammavācā (3 lần)**

- *Suṇātu me Bhante saṃgho, ime “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuññimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāga-Mitta-Dattā” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāga-Mitta-Datte” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati “Nāga-Mitta-Dattānaṃ” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

- *Dutiyampi, etamatthaṃ vadāmi. Suṇātu me Bhante saṃgho, ime “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuññimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāga-Mitta-Dattā” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāga-Mitta-Datte” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati “Nāga-Mitta-Dattānaṃ” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

- *Tatīyampi etamatthaṃ vadāmi. Suṇātu me Bhante saṃgho, ime “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmato Tissassa upasampadāpekkhā, parisuddhā antarāyikehi dhammehi, paripuṇṇimesaṃ pattacīvaraṃ, “Nāga-Mitta-Dattā” saṃghaṃ upasampadaṃ yācanti, āyasmatā Tissena upajjhāyena, saṃgho “Nāga-Mitta-Datte” upasampādeti, āyasmatā Tissena upajjhāyena. Yassāyasmato khamati “Nāga-Mitta-Dattānaṃ” upasampadā, āyasmatā Tissena upajjhāyena, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

Upasampannā saṃghena “Nāga-Mitta-Dattā”, āyasmatā Tissena upajjhāyena, khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmi.

(Theo bản chánh của Đại Trưởng Lão Mahāsi Sayadaw).

Nghi thức lễ thọ 2-3 Tỳ khuru cùng một lúc giai đoạn đầu và giai đoạn giữa sử dụng cách một hoặc cách hai, cách nào cũng được, đến giai đoạn cuối hai cách đều giống nhau.

Vị Thầy Tế Độ Khuyên Dạy Các Tân Tỳ Khuru

Phận sự vị Đại Đức Thầy Tế độ khuyên dạy (ovāda) các đệ tử **tân Tỳ khuru** (*Navakabhikkhu*):

Tāvadeva chāyā metabbā, utuppamāmaṃ ācikkhitabbaṃ, divasabhāgo ācikkhitabbo, saṅgīti ācikkhitabbā, cattāro nissāyā ācikkhitabbā, cattāri akaraṇīyāni ācikkhitabbāni.

1- Dạy bảo 4 pháp nương nhờ

Upaj:1- *Piṇḍiyālopabhojanam nissāya pabbajjā, tattha vo yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho saṃghabhaddam, udesabhaddam, nimantanam, salākabhaddam, pakkhikam, uposathikam, pāṭipadikam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:2- *Paṃsukūlacīvaram nissāya pabbajjā, tattha vo yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho khomam, kappāsikam, koseyyam, kambalam, sāmam, bhaṅgam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:3- *Rukkhamūlasenāsanam nissāya pabbajjā, tattha vo yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho, vihāro, aḍḍhayogo, pāsādo, hammiyam, guhā.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:4- *Pūtimuttabhessajjam nissāya pabbajjā, tattha vo yāvajīvam ussāho karaṇīyo. Atirekalābho sappi, navanītam, telam, madhu, phāṇitam.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

(Vinayapiṭaka, bộ Māhāvagga).

2- Dạy bảo 4 pháp không nên hành

Upaj:1- *Upasampannena bhikkhunā methuno dhammo nappatisevitabbo antamaso tiracchānagatāyapi. Yo bhikkhu methunam dhammam patisevati, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma puriso sīsacchinno abhabbo tena sarīraban-*

dhanena jīvitum. Evameva bhikkhu methunam dhammam paṭisevitvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ vo yāvajīvaṃ akaraṇīyaṃ.

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upaj:2- *Upasampannena bhikkhunā adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ na ādātabbāṃ antamaso tiṇasalākaṃ upādāya. Yo bhikkhu pādaṃ vā pādārahaṃ vā atirekapādaṃ vā adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyati, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma paṇṇupalāso bandhanā pavutto abhabbo haritatthāya. Evameva bhikkhu pādaṃ vā pādārahaṃ vā atirekapādaṃ vā adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyitvā, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ vo yāvajīvaṃ akaraṇīyaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upa:3- *Upasampannena bhikkhunā saṅcicca pāṇo jīvatā na voropetabbo antamaso kunthakīpillikaṃ upādāya. Yo bhikkhu saṅcicca manussaviggahaṃ jīvitā voropeti antamaso gabbhapātanaṃ upādāya, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma puthusilā dvedhābhinnā appaṭisandhikā hoti. Evameva bhikkhu saṅcicca manussaviggahaṃ jīvitā voropetvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ vo yāvajīvaṃ akaraṇīyaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Upa:4- *Upasampannena bhikkhunā uttarimanussa-dhammo na ullapitabbo antamaso “suññāgāre abhiraṃmāmi”ti. Yo bhikkhu pāpiccho icchāpakato asantaṃ abhūtaṃ uttarimanussa-dhammaṃ ullapati jhānaṃ vā vimokkhaṃ vā samādhim vā samāpattiṃ vā maggaṃ vā phalaṃ vā, assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Seyyathāpi nāma tālo matthakacchinno abhabbo puna viruḷhiyā. Evameva bhikkhu pāpicchā icchāpakato asantaṃ abhūtaṃ uttarimanussadhammaṃ ullapitvā assamaṇo hoti asakyaputtiyo. Taṃ vo yāvajīvaṃ akaraṇīyaṃ.*

Bhik:- *Āma, Bhante.*

Các nước Phật giáo theo hệ phái *Theravāda* như: Srilankā (Tích Lan), Myanmar (Miến Điện), Thái Lan, Campuchia (Cam Bốt), Lào và cả Việt Nam,... nghi thức lễ Thọ Sa di, Tỳ khuru, cách hành Tăng sự hoàn toàn căn cứ vào Luật tạng Pāli làm nền tảng căn bản. Vì vậy, nghi thức lễ thọ Sa di, Tỳ khuru trong quá khứ như thế nào, thì hiện tại và vị lai cũng như thế ấy; đúng theo **truyền thống Theravāda**.

Dẫu rằng, mỗi dân tộc có khác nhau về ngôn ngữ riêng của mình, song các nghi thức lễ thọ Sa di, thọ Tỳ khuru, khi hành Tăng sự tụng ñatticatutthakammavācā chỉ có sử dụng tiếng Pāli là ngôn ngữ chung mà Đức Phật đã chế định, ban hành được ghi trong Luật tạng Pāli. Cho nên, tất cả chư Tỳ khuru Tăng của các nước Phật giáo Theravāda, khi hành các Tăng sự (*samghakamma*) như: uposathakamma, pavāraṇākamma,

kathinakamma, sīmasammunikamma, parivāsakamma, mānatta-kamma, abbhānakamma... đều sử dụng tiếng Pāli, từng chữ, từng câu đúng theo luật của Đức Phật đã chế định, ban hành trong Luật tạng Pāli làm căn bản; không được bớt hoặc thêm, và không thể sử dụng một thứ tiếng nào khác để thay thế tiếng Pāli, lời giáo huấn của Đức Phật. Cho nên, chư Tỳ khưu Tăng của các nước Phật giáo Theravāda có thể hành Tăng sự chung với nhau, thậm chí còn có thể tụng kinh Pārittipāli chung với nhau được, không có sự khác biệt nào đáng kể.

Ngoài chư Tỳ khưu Tăng của các nước Phật giáo Theravāda ra, còn các hàng cận sự nam, cận sự nữ trong các buổi lễ thọ Tam quy, ngũ giới, bát giới... tụng kinh Pārittipāli cũng đều sử dụng tiếng Pāli làm ngôn ngữ chung cho các hàng Phật tử

Đó là tánh cách đặc thù của các nước Phật giáo theo truyền thống Theravāda.

ĀPATTI VỚI TỖ KHUƯ

Bậc Tỳ khưu với āpatti liên quan với nhau. Āpatti chỉ phát sanh đối với Tỳ khưu, và cũng chỉ có Tỳ khưu thật mới phạm āpatti mà thôi.

Āpatti là gì? Āpatti là sự phạm giới Tỳ khưu.

Tỳ khưu giới, trong *Bhikkhupātimokkha* có 227 điều học, trong Luật tạng kể đầy đủ có 91.805.036.000 điều học⁽¹⁾.

Trong *Bhikkhupātimokkha* có 227 điều học, phân chia làm 7 loại giới:

- 1- Giới *Pārājika* (Bất cộng trụ) gồm có 4 điều học.
- 2- Giới *Samghādisesa* (Tăng tàn) gồm có 13 điều học.
- 3- Giới *Aniyata* (Bất định) gồm có 2 điều học.
- 4- Giới *Nissaggiya* (Ứng xả đối trị) gồm có 30 điều học.
- 5- Giới *Pācittiya* (Ứng đối trị) gồm có 92 điều học.
- 6- Giới *Pāṭidesanīya* gồm có 4 điều học.
- 7- Giới *Sekhiya* gồm có 75 điều học.

Trong 7 loại giới này phân chia có 7 loại Āpatti:

- 1- *Pārājika āpatti*: sự phạm giới *Pārājika*.
- 2- *Samghādisesa āpatti*: sự phạm giới *Samghādisesa*.
- 3- *Thullaccaya āpatti*: sự phạm giới trọng.
- 4- *Pācittiya āpatti*: sự phạm giới *Pācittiya*.
- 5- *Pāṭidesanīya āpatti*: sự phạm giới *Pāṭidesanīya*.
- 6- *Dukkaṭa āpatti*: sự phạm giới *Dukkaṭa* (tác ác).
- 7- *Dubbhāsita āpatti*: sự phạm giới *Dubbhāsita* (ác khẩu).

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Sīlaniddesa*.

Trong 7 loại āpatti này phân chia làm 2 loại:

1- *Garuka āpatti*: Āpatti nặng gồm có *Pārājika āpatti* và *Samghādisesa āpatti*. Gọi là āpatti nặng, vì không thể sám hối được, chỉ có thể trình cho chư Tăng biết mà thôi.

2- *Lahuka āpatti*: Āpatti nhẹ gồm có 5 loại còn lại: *Thullaccaya āpatti*, *Pācittiya āpatti*, *Pāṭidesanīya āpatti*, *Dukkaṭa āpatti*, *Dubbhāsita āpatti*. Gọi là āpatti nhẹ, vì Tỳ khuru có thể sám hối với một vị Tỳ khuru khác, sau khi sám hối āpatti xong, giới trở nên trong sạch trở lại.

Giải Thích:

1- *Pārājika āpatti*: sự phạm giới pārājika (bất cộng trụ)

Giới pārājika (bất cộng trụ) có 4 điều học. Nếu Tỳ khuru nào phạm 1 trong 4 điều học này, Tỳ khuru ấy gọi là **phạm giới pārājika**, không còn là Tỳ khuru nữa.

Tỳ khuru ấy muốn thoát khỏi Pārājika āpatti, bắt buộc phải hoàn tục trở thành người cận sự nam, hoặc xuống bậc thấp Sa di. Trong kiếp hiện tại, người cận sự nam ấy hoặc vị Sa di ấy không thể nào thọ Tỳ khuru được nữa.

2- *Samghādisesa āpatti*: sự phạm giới Samghādisesa

Giới Samghādisesa (Tăng tàn) có 13 điều học. Nếu vị Tỳ khuru nào phạm 1 trong 13 điều học này, vị Tỳ khuru ấy gọi là **phạm giới Samghādisesa**, tuy vẫn còn là Tỳ khuru, nhưng là vị Tỳ khuru có giới không trong sạch.

Tỳ khuru ấy muốn thoát khỏi *Samghādisesa āpatti*, cần phải đến trình chư Tăng về sự phạm giới nào, hoặc phạm nhiều giới, và xin chịu hành phạt theo luật của Đức Phật đã ban hành như sau:

- Xin thọ Parivāsakamma

Vị Tỳ khuru ấy xin chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự cho thọ parivāsakamma bằng ñatti-kammavācā.

Vị Tỳ khuru chịu hành phạt thọ parivāsakamma thời gian ấn định là kể từ khi phạm giới samghādisesa cho đến khi trình bày cho một vị Tỳ khuru khác nhận biết. Nếu Tỳ khuru ấy che giấu sự phạm giới samghādisesa một ngày, thì phải thọ parivāsa một ngày; che giấu một tháng, một năm.... thì phải thọ parivāsa một tháng, một năm....

Trong suốt thời gian bị hành phạt parivāsa, vị Tỳ khuru ấy bị mất một số quyền Tỳ khuru cho đến khi mãn hạn thời gian ấn định hành parivāsakamma xong.

Nếu trường hợp, khi vị Tỳ khuru phạm giới samghādisesa, liền trình báo với một vị Tỳ khuru khác biết, không che giấu, không qua cách đềm, thì vị Tỳ khuru ấy không cần phải thọ parivāsa, chỉ cần xin thọ mānatta mà thôi.

- Xin thọ Mānattakamma

Vị Tỳ khuru ấy, sau khi mãn hạn hành phạt parivāsa xong, đến xin chư Tăng thọ mānattakamma, chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự cho thọ mānattakamma bằng ñatti-kammavācā.

Vị Tỳ khuru chịu hành phạt thọ mānatta ấn định thời gian nhất định 6 đêm.

- Xin thọ Abbhāna

Vị Tỳ khuru, sau khi mãn hạn hành phạt thọ mānatta 6 đêm xong, đến xin chư Tăng thọ abbhānakamma. Chư Tỳ khuru Tăng ít nhất 21 vị trở lên mới hành Tăng sự cho thọ abbhānakamma bằng ñatti-kammavācā.

Sau khi chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự tụng abbhāna ñatti-kammavācā xong rồi, vị Tỳ khuru ấy mới thoát khỏi saṃghādisesa āpatti, giới trở nên trong sạch trở lại, quyền Tỳ khuru hoàn lại như trước.

Trong trường hợp, Tỳ khuru đã phạm saṃghādisesa āpatti rồi, ví dụ che giấu āpatti, không trình báo cho một Tỳ khuru nào khác biết, cho đến khi hoàn tục đúng 6 tháng. Khi trở thành người cận sự nam, thọ trì ngũ giới, bát giới. Như vậy người cận sự nam ấy không còn liên quan đến āpatti của Tỳ khuru nữa. Về sau, người cận sự nam ấy trở lại thọ Sa di, và làm lễ thọ Tỳ khuru. Ngay sau khi trở thành Tỳ khuru, thì đồng thời sự phạm giới saṃghādisesa āpatti trước kia cũng trở lại ngay đối với vị tân Tỳ khuru ấy.

Vị tân Tỳ khuru này, muốn có giới trong sạch, cần phải đến chư Tăng xin chịu hành phạt thọ parivāsa suốt 6 tháng, và thọ mānatta 6 đêm rồi, xin chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự tụng abbhāna xong, tân Tỳ khuru ấy có giới trong sạch.

Pārājika āpatti và saṃghādisesa āpatti đều thuộc về āpatti nặng. Pārājika āpatti vô phương cứu chữa, bắt buộc phải hoàn tục, còn saṃghādisesa āpatti còn có phương cứu chữa bằng cách chịu hành phạt như trên.

3- *Thullaccaya āpatti*: sự phạm giới *Thullaccaya*

Thullaccaya không nằm trong một giới nào nhất định; trong trường hợp chưa đến nỗi trực tiếp phạm giới *pārājika*, cũng chưa đến nỗi trực tiếp phạm giới *saṃghādisesa*, trường hợp ấy gọi là *thullaccaya āpatti*: phạm trọng tội.

Tỳ khuru đã phạm *thullaccaya āpatti*, muốn cho giới trở nên trong sạch, vị Tỳ khuru ấy có thể tìm đến một vị Tỳ khuru khác để sám hối về *thullaccaya āpatti* ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

4- *Pācittiya āpatti*: sự phạm giới *pācittiya*

Sự phạm giới *pācittiya* có 2 loại:

4.1- *Nissaggiya pācittiya*: Ưng xả đối trị, gồm có 30 điều học. Nếu vị Tỳ khuru nào phạm 1 trong 30 điều học này, vị Tỳ khuru ấy phạm giới *pācittiya*.

Tỳ khuru muốn cho giới được trong sạch trở lại; điều trước tiên, vị Tỳ khuru cần ấy phải **xả bỏ vật làm cho phạm giới**, sau đó mới có thể sám hối về *pācittiya āpatti* ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

Nếu vị Tỳ khuru ấy không chịu xả bỏ vật làm cho phạm giới, thì dầu vị Tỳ khuru ấy có sám hối cũng không thể nào thoát khỏi *pācittiya āpatti* ấy.

Ví dụ:

Vị Tỳ khuru A thọ nhận tiền bạc, thì phạm trong giới *nissaggiya pācittiya* về tiền bạc, điều trước tiên, vị Tỳ khuru A phải xả bỏ tiền bạc ấy, sau đó tìm đến một vị Tỳ khuru khác để sám hối về *pācittiya āpatti* ấy.

Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru A có giới trong sạch trở lại.

Nếu vị Tỳ khuru A không chịu xả bỏ tiền bạc là vật làm cho phạm giới, thì dầu cho vị Tỳ khuru A có sám hối, cũng không thể thoát khỏi *pācittiya āpatti* về tiền bạc ấy.

Và Tỳ khuru A tự mình dùng tiền bạc mua sắm một vật gì, vật ấy là vật phạm giới *nissaggiya pācittiya*; Nếu vật ấy đã xả bỏ hoặc bị hư mất rồi, thì vị Tỳ khuru ấy có thể sám hối tội *pācittiya āpatti* ấy được. Nhưng nếu ngược lại, vật ấy chưa xả bỏ hoặc chưa bị hư mất, thì vị Tỳ khuru ấy dầu có sám hối cũng không thể thoát khỏi *pācittiya āpatti* ấy. Và nếu không may vị Tỳ khuru ấy chết, khi giới không trong sạch, đó là điều tai họa khó tránh khỏi sa đọa địa ngục hoặc súc sanh.

4.2- *Suddhi pācittiya*: Ứng đối trị, gồm có 92 điều học. Nếu vị Tỳ khuru nào phạm 1 trong 92 điều học này, vị Tỳ khuru ấy phạm giới *pācittiya*.

Vị Tỳ khuru muốn có giới được trong sạch trở lại, nên tìm đến một vị Tỳ khuru khác xin sám hối về *pācittiya āpatti* ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

5- *Pāṭidesanīya āpatti*: sự phạm giới *pāṭidesanīya*

Giới *pāṭidesanīya* có 4 điều học. Nếu vị Tỳ khuru nào phạm 1 trong 4 điều học này, vị Tỳ khuru ấy phạm *pāṭidesanīya āpatti*.

Tỳ khuru muốn có giới được trong sạch trở lại, nên tìm đến một vị Tỳ khuru khác xin sám hối về

pāṭidesanīya āpatti ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

6- *Dukkaṭa āpatti*: sự phạm giới Dukkaṭa

Tỳ khuru **phạm giới dukkaṭa** (tác ác) trực tiếp có 75 sekhiya (điều học). Ngoài 75 điều học ra, còn có rất nhiều dukkaṭa āpatti rải rác trong Bhikkhu-pātimokkha và trong Luật tạng.

Tỳ khuru muốn có giới được trong sạch, cần phải tìm đến một vị Tỳ khuru khác xin sám hối về dukkaṭa āpatti ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

7- *Dubbhāsita āpatti*: sự phạm giới Dubbhāsita

Tỳ khuru **phạm giới dubbhāsita** (ác khẩu) không có giới riêng biệt rõ ràng, có chung rải rác trong các giới về nói lời vô ích....

Tỳ khuru muốn có giới được trong sạch, cần phải tìm đến một vị Tỳ khuru khác xin sám hối về dubbhāsita āpatti ấy. Sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

Tỳ khuru với āpatti liên quan với nhau, Tỳ khuru thật mới phạm āpatti, Tỳ khuru giả thì không phạm āpatti. Và trong đời này chỉ có 2 Bậc hoàn toàn không phạm āpatti: Đó là **Đức Phật Toàn Giác** và **Đức Phật Độc Giác**.

Ngoài ra, thậm chí các **bậc Thánh Tỳ khuru** cũng có thể phạm giới thuộc về paññatti vajja: lỗi do Đức Phật cấm, thì nói gì đến hàng **phàm nhân Tỳ khuru**. Cho nên việc phạm giới là điều khó tránh được. Trong

tất cả sự phạm giới, đều có cách thoát ra khỏi āpatti như đã trình bày ở trên.

“*Antarāyika*” (nguy hại) có 5 điều. Trong đó có điều *Ānavītikkamantarāyika*: Tỳ khuru có tác ý phạm giới là điều nguy hại, ngăn cản cõi trời, thiên định, Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

Trong Chú giải dạy:

“*Āpannā āpattiyo*’ti, *sañcicca vītikkantā satta āpattikkhandhā, sañcicca vītikkantañhi antamaso dukkaṭadubbhāsitaṃpi saggamaggaphalānaṃ antarāyaṃ karoti...*”⁽¹⁾.

“*Āpannā āpattiyo*’ti”: “Tỳ khuru đã phạm giới”: nghĩa là Tỳ khuru có tác ý phạm phải 7 loại āpatti, Sự thật, điều nguy hại đối với Tỳ khuru có tác ý phạm giới nhẹ như: *dukkata āpatti* (tác ác), *dubbhāsita āpatti* (ác khẩu) cũng có thể làm nguy hại, cản trở sự tái sanh lên cõi trời dục giới, và sự chứng đắc các bậc thiên định, Thánh Đạo, Thánh Quả...”.

Đức Phật dạy:

“*Sāpattikassa bhikkhave nirayaṃ vā vadāmi tiracchānayaṇiṃ vā*’ti. *Sāpattikasseva āpāyagamitā vuttā*”⁽²⁾.

“Này chư Tỳ khuru, Như Lai răn dạy các con: đối với Tỳ khuru phạm āpatti (giới) sẽ tái sanh cảnh địa ngục, hoặc loài súc sanh. Đối với Tỳ khuru phạm āpatti (giới) chỉ có con đường ác giới mà thôi”.

¹ Bộ Maṅgalatthadīpanī, phần Vinayakathā.

² Bộ Sāratthadāparūṭikā, bộ Maṅgalatthadīpanī.

PĀTIMOKKHA

Thỉnh Đức Phật Thuyết Pātimokkha

Trong Luật tạng, bộ Cūḷavagga, tích Pātimokkhuddesayācana (Thỉnh thuyết giảng Pātimokkha), được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Pubbārama thuộc xứ Sāvatthi. Vào ngày uposatha, Đức Thế Tôn cùng ngự giữa hội chúng Tỳ khuru Tăng tại sīmā. Khi ấy, đêm đã sang canh đầu, Đại Đức Ānanda ngồi chấp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đêm đã sang canh đầu, chư Tỳ khuru Tăng ngồi đã lâu, kính xin Đức Thế Tôn thuyết giảng pātimokkha dạy chư Tỳ khuru. Bạch Ngài.

Khi nghe lời thỉnh cầu như vậy, Đức Thế Tôn ngồi im lặng.

Khi đã sang canh giữa, lần thứ nhì, Đại Đức Ānanda ngồi chấp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đêm đã sang canh giữa, chư Tỳ khuru Tăng ngồi đã lâu, kính xin Đức Thế Tôn thuyết giảng pātimokkha dạy chư Tỳ khuru. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng.

Khi đã sang canh chót, trời sắp rạng đông, lần thứ ba, Đại Đức Ānanda ngồi chấp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đêm đã sang canh chót, trời sắp rạng đông, chư Tỳ khuru Tăng ngồi đã lâu, kính xin Đức Thế Tôn thuyết giảng pātimokkha dạy

chư Tỳ khuru. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Ānanda, trong nhóm Tỳ khuru này, có Tỳ khuru giới không trong sạch.

Đại Đức Moggallāna nghĩ: Đức Thế Tôn dạy: “Nay Ānanda, trong nhóm Tỳ khuru này, có Tỳ khuru giới không trong sạch”. Vậy Ngài ám chỉ đến vị Tỳ khuru nào đây?

Đại Đức Moggallāna dùng tha tâm thông quán xét đến tâm mỗi vị Tỳ khuru, để biết vị Tỳ khuru nào phạm giới, giới không trong sạch, hành ác, đáng chê trách, che giấu tội lỗi của mình; không phải là Tỳ khuru tự cho là Tỳ khuru, không phải bậc hành phạm hạnh tự cho là bậc hành phạm hạnh; bên trong tâm thối tha, bị ô nhiễm bởi phiền não, như rác ngập nước, vị Tỳ khuru ấy đang ngồi trong nhóm Tỳ khuru. Ngay khi ấy, Đại Đức Moggallāna đến gặp vị Tỳ khuru phạm giới ấy bảo rằng:

- Nay ông kia, ông hãy đứng dậy đi ra khỏi nơi này, Đức Thế Tôn đã biết rõ ông rồi! Ông không được ngồi chung với chư Tỳ khuru Tăng.

Dầu Đại Đức Moggallāna nói như vậy, song vị Tỳ khuru phạm giới ấy không chịu đi ra.

Đại Đức Moggallāna bảo vị Tỳ khuru ấy, như trên lần thứ nhì..., lần thứ ba, vị Tỳ khuru phạm giới ấy vẫn không chịu đi ra.

Đại Đức Moggallāna nắm tay vị Tỳ khuru phạm giới ấy dắt ra khỏi cửa rồi cài chốt lại, đi vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã bắt vị Tỳ khuru phạm giới ấy đưa ra khỏi nhóm Tỳ khuru Tăng, chư Tỳ khuru Tăng còn lại có giới hoàn toàn trong sạch, kính xin Đức Thế Tôn thuyết giảng pātimokkha dạy chư Tỳ khuru. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Moggallāna, thật kỳ lạ! Thật chưa từng có!
Đến nỗi con phải nắm tay “người rỗng tuếch”
(moghapurisa) kia đưa ra ngoài.

Tám điều kỳ lạ trong đại dương

Đức Phật dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru, có tám điều kỳ lạ chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy những điều ấy, nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

Tám điều kỳ lạ ấy như thế nào?

1- Nay chư Tỳ khuru, đại dương bắt đầu từ cạn đến sâu thẳm, không phải bắt đầu từ sâu thẳm.

Nay chư Tỳ khuru, sự tuần tự từ cạn đến sâu thẳm, không phải bắt đầu từ sâu thẳm, là điều kỳ lạ thứ nhất chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

2- Nay chư Tỳ khuru, đại dương giữ mực nước bình thường không tràn bờ.

Nay chư Tỳ khuru, sự giữ mực nước bình thường không tràn bờ, là điều kỳ lạ thứ nhì chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

3- *Này chư Tỳ khuru, đại dương không chứa chấp tử thi, nếu có tử thi, thì đại dương mau chóng đưa vào bờ rồi tấp lên bãi.*

Này chư Tỳ khuru, trong đại dương không chứa chấp tử thi, nếu có tử thi thì mau chóng đưa vào bờ rồi tấp lên bãi, là điều kỳ lạ thứ ba chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

4- *Này chư Tỳ khuru, tất cả các con sông lớn như sông Gaṅga, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī... khi chảy ra đến đại dương đều từ bỏ tên riêng, dòng sông cũ của mình, được gọi tên chung là “đại dương”.*

Này chư Tỳ khuru, sự từ bỏ tên riêng của các con sông lớn như sông Gaṅga, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī... khi chảy ra đến đại dương, được gọi tên chung là “đại dương”, là điều kỳ lạ thứ tư chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

5- *Này chư Tỳ khuru, trên địa cầu này, tất cả dòng sông, rạch lớn, nhỏ chảy ra đại dương, và tất cả các trận mưa lớn rơi xuống đại dương, thế mà trong đại dương sự đầy, sự vui lại không hiện rõ.*

Này chư Tỳ khuru, sự đầy, sự vui lại không hiện rõ khi tất cả dòng sông, rạch lớn, nhỏ chảy ra, và tất cả các trận mưa lớn rơi xuống của đại dương, là điều kỳ lạ thứ năm chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

6- *Này chư Tỳ khuru, nước trong đại dương chỉ có một vị mặn mà thôi.*

Này chư Tỳ khuru, chỉ có một vị mẫn trong nước đại dương, là điều kỳ lạ thứ sáu chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

7- Này chư Tỳ khuru, trong đại dương có vô số báu vật như ngọc Muttā, ngọc Maṇī, ngọc Veluriya, ốc Saṅkha, đá quý, Pavāḷa, bạc, vàng, Lohita, Masārapalla....

Này chư Tỳ khuru, trong đại dương có vô số báu vật như ngọc Muttā, ngọc Maṇī, ngọc Veluriya, ốc Saṅkha, đá quý, Pavāḷa, bạc, vàng, Lohita, Masārapalla..., là điều kỳ lạ thứ bảy chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

8- Này chư Tỳ khuru, đại dương là nơi nương nhờ của những loại chúng sinh lớn như cá Timi, cá Timaṅgala, cá Timitimaṅgala, Asurā, Nāgā, Gandhabbā... và các loại chúng sinh có thân hình to lớn 100 do tuần, 200 – 300 – 500 do tuần....

Này chư Tỳ khuru, những loại chúng sinh lớn như cá Timi, cá Timaṅgala, cá Timitimaṅgala, Asurā, Nāgā, Gandhabbā... và các loại chúng sinh có thân hình to lớn 100 do tuần, 200 – 300 – 500 do tuần... đều nương nhờ trong đại dương, là điều kỳ lạ thứ tám chỉ có trong đại dương, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

Này chư Tỳ khuru, tám điều kỳ lạ chưa từng có này, mà nhóm Asura đã nhìn thấy nên vô cùng hoan hỉ với đại dương.

Tám điều kỳ lạ trong Phật giáo

- *Này chư Tỳ khuru, cũng như vậy, có tám điều kỳ lạ chỉ có trong Phật giáo này, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ những điều ấy nên vô cùng hoan hỉ trong Phật giáo.*

Tám điều kỳ lạ trong Phật giáo là:

1- *Này chư Tỳ khuru, ví như đại dương tuần tự từ cạn đến sâu thẳm, không phải bắt đầu từ sâu thẳm. Cũng như vậy, trong Phật giáo, thiện pháp theo tuần tự, pháp hành theo tuần tự, phương pháp thực hành theo tuần tự, không phải bắt đầu từ chứng đắc A-ra-hán Thánh Quả tột bậc.*

Này chư Tỳ khuru, thiện pháp theo tuần tự, pháp hành theo tuần tự, phương pháp thực hành theo tuần tự, không phải bắt đầu từ chứng đắc A-ra-hán Thánh Quả tột bậc, là điều kỳ lạ thứ nhất chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

2- *Này chư Tỳ khuru, ví như đại dương giữ mực nước bình thường không tràn bờ. Cũng như vậy, trong Phật giáo, Như Lai đã chế định điều học nào rồi, thì đối với hàng Thanh văn đệ tử giữ gìn không dám phạm giới, dầu vì nguyên nhân sanh mạng.*

Này chư Tỳ khuru, trong Phật giáo, những điều học nào mà Như Lai đã chế định rồi, đối với hàng Thanh văn đệ tử dầu phải hy sinh thân mạng, quyết không phạm giới, là điều kỳ lạ thứ nhì chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

3- *Này chư Tỳ khuru, ví như đại dương không chứa chấp tử thi, nếu có tử thi thì đại dương mau chóng đưa*

vào bờ rồi tấp lên bãi. Cũng như vậy, trong Phật giáo, Tỳ khuru phạm giới, giới không trong sạch, hành ác, đáng chê trách, che giấu tội lỗi của mình; không phải là Tỳ khuru, tự cho là Tỳ khuru, không phải là bậc hành phạm hạnh, tự cho là bậc hành phạm hạnh; bên trong tâm thối tha, bị ô nhiễm bởi phiền não thâm uớt, là người không có giới (*dussīla*); chư Tỳ khuru không tiếp nhận Tỳ khuru ấy, khi hội họp hành Tăng sự phải loại bỏ vị Tỳ khuru ấy ra ngoài. Sự thật, dầu vị Tỳ khuru ấy ngồi gần trong nhóm Tỳ khuru Tăng, nhưng vẫn xa cách chư Tăng và chư Tăng cũng xa cách vị Tỳ khuru ấy.

Này chư Tỳ khuru, trong Phật giáo, Tỳ khuru phạm giới, giới không trong sạch, hành ác, đáng chê trách, che giấu tội lỗi của mình; không phải là Tỳ khuru, tự cho là Tỳ khuru, không phải là bậc hành phạm hạnh, tự cho là bậc hành phạm hạnh; bên trong tâm thối tha, bị ô nhiễm bởi phiền não thâm uớt, là người không có giới (*dussīla*); chư Tỳ khuru không tiếp nhận Tỳ khuru ấy, khi hội họp hành Tăng sự phải loại bỏ vị Tỳ khuru ấy ra ngoài. Sự thật, dầu vị Tỳ khuru ấy ngồi gần trong nhóm Tỳ khuru Tăng, nhưng vẫn xa cách chư Tăng và chư Tăng cũng xa cách vị Tỳ khuru ấy, là điều kỳ lạ thứ ba, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỷ.

4- Này chư Tỳ khuru, ví như đại dương, tất cả các con sông lớn như sông Gaṅga, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī... khi chảy ra đến đại dương đều từ bỏ tên riêng, dòng sông cũ của mình, được gọi tên chung là “đại dương”. Cũng như vậy, bốn giai cấp là Bà la môn, vua chúa, thương gia

và hạ tiện, khi bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru trong Phật giáo, đều từ bỏ gia cấp cũ của mình, được gọi tên chung là “Samaṇa Sakyaputta”: Tỳ khuru dòng dõi Sakya mà thôi.

Này chư Tỳ khuru, bốn giai cấp là Bàlamôn, vua chúa, thương gia và hạ tiện, khi bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru trong Phật giáo, đều từ bỏ giai cấp cũ của riêng mình, được gọi tên chung là “Samaṇa Sakyaputta”: Tỳ khuru dòng dõi Sakya, là điều kỳ lạ thứ tư, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

5- Này chư Tỳ khuru, ví như trên địa cầu này, tất cả dòng sông, rạch lớn, nhỏ chảy ra đại dương, và tất cả các trận mưa lớn rơi xuống đại dương, thế mà trong đại dương sự đầy, sự vui lại không hiện rõ. Cũng như vậy, có vô số chư bậc Thánh A-ra-hán, đã tịch diệt Niết Bàn, thế mà đối với Niết Bàn sự đầy, sự vui không hiện rõ.

Này chư Tỳ khuru, đã có vô số chư bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết Bàn, thế mà trong Niết Bàn sự đầy, sự vui không hiện rõ, là điều kỳ lạ thứ năm, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

6- Này chư Tỳ khuru, ví như nước đại dương chỉ có một vị mặn. Cũng như vậy, trong giáo pháp của Như Lai chỉ có một vị giải thoát khổ.

Này chư Tỳ khuru, chỉ có một vị giải thoát khổ trong giáo pháp của Như Lai, là điều kỳ lạ thứ sáu, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

7- Đây chư Tỳ khuru, ví như trong đại dương, có vô số báu vật như ngọc Muttā, ngọc Maṇī, ngọc Veḷuriya, ốc Saṅkha, đá quý, Pavāḷa, bạc, vàng, Lohita, Masārapalla.... Cũng như vậy, trong Phật giáo này, có vô số pháp bảo như: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo....

Này chư Tỳ khuru, có vô số pháp bảo như: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo... trong Phật giáo, là điều kỳ lạ thứ bảy, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

8- Đây chư Tỳ khuru, ví như trong đại dương là nơi nương nhờ của những loài chúng sinh lớn như cá Timi, cá Timaṅgala, cá Timitimaṅgala, Asurā, Nāgā, Gandhabbā... và các loại chúng có thân hình to lớn 100 do tuần, 200 – 300 – 500 do tuần.... Cũng như vậy, trong Phật giáo này, là nơi phát sanh các bậc Thánh nhân, như: bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh A-ra-hán.

Này chư Tỳ khuru, các bậc Thánh nhân, như: bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh A-ra-hán, chỉ phát sanh trong Phật giáo này, là điều kỳ lạ thứ tám, chỉ có trong Phật giáo, mà chư Tỳ khuru đã nhận thấy rõ, nên vô cùng hoan hỉ.

Sau khi Đức Thế Tôn thuyết giảng tám điều kỳ lạ trong Phật giáo xong, Ngài tự thuyết bài kệ rằng:

“*Channamativassati
ivataṃ nātivassati.*

*Tasmā channaṃ vivaretha
evaṃ taṃ nātivassati”.*

Phiền nào thấm ướt Tỳ khuru che giấu āpatti.

Phiền nào không thấm ướt Tỳ khuru sám hối āpatti.

Cho nên, đã che giấu āpatti thì phải nên sám hối.

*Như vậy, phiền nào không thấm ướt Tỳ khuru đã
sám hối āpatti.*

Sau đó, Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ khuru rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, từ nay về sau, Như Lai không
hành Tăng sự uposatha, không thuyết giảng
pātimokkha nữa.*

*Này chư Tỳ khuru, chỉ có các con hành Tăng sự
uposatha, tụng đọc pātimokkha mà thôi.*

*Này chư Tỳ khuru, không có một lý do nào mà Như
Lai hành Tăng sự uposatha, thuyết giảng pātimokkha
trong nhóm Tỳ khuru có Tỳ khuru giới không hoàn toàn
trong sạch.*

*Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru phạm giới không được
nghe pātimokkha, Tỳ khuru nào nghe, Tỳ khuru ấy
phạm āpatti dukkaṭa.*

*Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép chư Tỳ khuru
cấm Tỳ khuru nào phạm āpatti ngồi nghe pātimokkha.*

*(Vinaya, Cūlavagga, phần
Pātimokkhuḍḍesayācana).*

Tỳ khru không nên vắng mặt trong ngày uposatha

Tích Đại Đức Mahākappina.

Một thuở nọ, Đại Đức Mahākappina ở một mình nơi thanh vắng trong rừng Maddakucchi, gần thành Rājagaha. Hôm ấy, nhằm ngày uposatha, Đại Đức Mahākappina ở nơi thanh vắng suy nghĩ trong tâm rằng:

“Gaccheyyam vāham uposatham na vā gaccheyyam.

Gaccheyyam vāham saṃghakammam na vā gaccheyyam.

Atha khvāham visuddho paramāya visuddhiyā”.

“Ta có nên đi hành lễ uposatha hay không nên đi?

Ta có nên đi hành Tăng sự hay không nên đi?

Sự thật, ta là bậc trong sạch, hoàn toàn trong sạch”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết rõ điều suy nghĩ của Đại Đức Mahākappina, nên Ngài từ núi Gijjhakūṭa dùng thần thông biến đi, rồi hiện ra ngay trước mặt Đại Đức Mahākappina tại khu rừng Maddakucchi, mau lẹ như người khỏe mạnh đuổi cánh tay ra hoặc co vào. Đức Thế Tôn ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đại Đức Mahākappina đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một nơi hợp lễ, Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Nay Kappina, có phải con phát sanh suy nghĩ ở trong tâm như thế này chăng?

“Ta có nên đi hành lễ uposatha hay không nên đi?

Ta có nên đi hành Tăng sự hay không nên đi?

Sự thật, ta là bậc trong sạch, hoàn toàn trong sạch”.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ, sự thật đúng như vậy. Bạch Ngài. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Các con là những bậc Tỳ khuru phạm hạnh, nếu các con không cung kính, không tôn trọng, không thành tâm, không cúng dường uposatha, thì ai sẽ là người cung kính, tôn trọng, thành tâm, cúng dường uposatha đây!

Này Tỳ khuru phạm hạnh, con phải nên đi hành uposatha! Con không đi không được!

Con phải nên đi hành Tăng sự! Con không đi không được!

Đại Đức Mahākappina vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết pháp khuyên dạy Đại Đức Mahākappina xong, Ngài biến đi khỏi nơi ấy, rồi hiện trở lại núi Gijjhakūṭa.

(Vi. Mahāvagga, tích Mahākappinavatthu).

Đối với Tỳ khuru, việc hành tăng sự Uposatha-kamma là một phận sự rất quan trọng, để tỏ lòng tôn kính, nghiêm chỉnh thực hành đúng theo giới luật của Đức Phật đã ban hành đến cho tất cả chư Tỳ khuru; dầu bậc thánh Arahán là bậc có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch thanh tịnh vẫn phải hết lòng thành kính tôn trọng việc hành tăng sự uposatha-kamma, còn các bậc Tỳ khuru phạm nhân và bậc thánh hữu học lại cần phải hết lòng thành kính tôn trọng việc hành tăng sự uposathakamma hơn thế nữa, để cho tất cả chư Tỳ khuru hòa hợp với nhau trong tình đoàn kết giữa những người con trong dòng dõi Sakya, không

phân biệt giai cấp, quốc gia dân tộc nào; bởi vì tất cả chư Tỳ khưu đều được gọi tên chung là Sakyaputta. Nhờ tinh thần đoàn kết hòa hợp với nhau giữa những người con Sakyaputta nên mới có thể gìn giữ duy trì giáo pháp của Đức Phật được trường tồn trên thế gian ngõ hầu đến lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh, chư thiên và nhân loại.

Phần 4

PHẬN SỰ CỦA TỖ KHUU

Tỳ khưu có hai phận sự chính:

- *Ganthadhura*: phận sự theo học pháp học: Tipiṭaka, Aṭṭhakathā, Tīkā....
- *Vipasanādhura*: phận sự theo hành pháp hành thiền tuệ.

Theo Luật tạng Tỳ khưu có những phận sự như sau:

- Sám hối āpatti.
- Hành uposathakamma.
- An cư ba tháng hạ.
- Hành pavāraṇākamma, v.v....

I- LỄ SÁM HỐI ĀPATTI

Āpatti có 7, chia làm 2 loại:

- *Garuka āpatti*: Āpatti nặng gồm có: *Pārājika āpatti* và *Samghādisesa āpatti*. Hai loại āpatti này không thể sám hối được.

* Tỳ khưu nào phạm *Pārājika āpatti* rồi, Tỳ khưu ấy không còn là Tỳ khưu nữa, nên không có sự sám hối āpatti.

* Tỳ khuru nào phạm *Samghādisesa āpatti*, Tỳ khuru ấy vẫn còn là Tỳ khuru, nhưng không thể sám hối *Samghādisesa āpatti*, mà cần phải trình *āpatti* này (*āvikaromi*, hoặc *ārocemi* hoặc *ārocayāmi*) đến chư Tỳ khuru Tăng biết rõ đã phạm về *Samghādisesa āpatti* nào, như vậy gọi là không che giấu *āpatti* nặng.

- *Lahuka āpatti*: *Āpatti* nhẹ gồm có: *thullaccaya āpatti*, *pācittiya āpatti*, *pāṭidesanīya āpatti*, *dukkata āpatti* và *dubbhāsita āpatti*.

* Tỳ khuru nào phạm một hay nhiều *āpatti* này, Tỳ khuru ấy có thể sám hối *āpatti* ấy với một vị Tỳ khuru khác không cùng *sabhāgāpatti* (giống nhau về đối tượng phạm giới), sau khi đã sám hối xong thì giới trở nên trong sạch trở lại.

Nghi thức sám hối āpatti

Mỗi ngày Tỳ khuru nên sám hối *āpatti* để cho giới được trong sạch, bởi vì trong *bhikkhupātimokkha*, Tỳ khuru giới tóm tắt có 227 điều học, còn trong Luật tạng Tỳ khuru giới đầy đủ thì có 91.805.036.000 điều học. Cho nên, mỗi ngày Tỳ khuru giữ gìn giới cho được trong sạch đầy đủ là điều không phải dễ. Vì vậy, hằng ngày Tỳ khuru phải nên sám hối *āpatti*, để cho giới của mình trở lại trong sạch.

Theo Luật tạng, 2 vị Tỳ khuru sám hối *āpatti*, đều ngồi chồm hỏm (*ukkuṭikaṃ nisīditvā*), đều chắp 2 tay (*añjaliṃ paggahevā*) làm lễ sám hối *āpatti* lẫn nhau.

1- Trường hợp vị Tỳ khuru nhỏ hạ đến sám hồi vị Tỳ khuru lớn hạ, qua cuộc đối thoại giữa vị Tỳ khuru sám hồi và vị Tỳ khuru nhận sám hồi như sau:

Nhạ:- *Ahaṃ Bhante, sabbā āpattiyo āvikaromi (hoặc ārocemi, hoặc ārocayāmi).*

Lạ⁽¹⁾:- *Sādhū! Sādhū!*

Nhạ⁽²⁾:- *Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvattthukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ, tā tumhamūle paṭidesemi.*

Lạ:- *Passasi Āvuso, tā āpattiyo.*

Nhạ:- *Āma Bhante, passāmi.*

Lạ:- *Ayatīṃ Āvuso, saṃvareyyāsi.*

Nhạ:- *Sādhū! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi.*

Lạ:- *Sādhū! Sādhū!*

2- Trường hợp vị Tỳ khuru lớn hạ sám hồi với vị Tỳ khuru nhỏ hạ như sau:

Lạ:- *Ahaṃ Āvuso, sabbā āpattiyo āvikaromi (hoặc ārocemi, hoặc ārocayāmi).*

Nhạ:- *Sādhū! Bhante, sādhū.*

Lạ:- *Ahaṃ Āvuso, sambahulā nānāvattthukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ, tā tuyhamūle paṭidesemi.*

Nhạ:- *Passatha Bhante, tā āpattiyo.*

Lạ:- *Āma Āvuso, passāmi.*

Nhạ:- *Ayatīṃ Bhante, saṃvareyyatha.*

Lạ:- *Sādhū! Suṭṭhu Āvuso, saṃvarissāmi.*

Nhạ:- *Sādhū! Bhante, sādhū!*

¹ Lạ: viết tắt: Tỳ khuru lớn hạ.

² Nhạ: viết tắt: Tỳ khuru nhỏ hạ.

3- Trường hợp đặc biệt. Nếu trường hợp cả 2 vị Tỳ khuru đều phạm sabhāgāpatti, mà đã sám hối với nhau rồi, thì vị Tỳ khuru nhỏ hạ nên xin sám hối với vị Tỳ khuru lớn hạ một lần nữa, để cho được trong sạch như sau:

Nhạ:- *Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvattukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ, tā tumhamūle paṭidesemi.*

Lạ:- *Passasi Āvuso, tā āpattiyo.*

Nhạ:- *Āma Bhante, passāmi.*

Lạ:- *Ayatīṃ Āvuso, saṃvareyyāsi.*

Nhạ:- *Sādhu! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi.*

Lạ:- *Sādhu! Sādhu!*

Nghi thức sám hối āpatti này được phổ thông trong chư Tỳ khuru nước Miến Điện. Còn đối với chư Tỳ khuru nước Thái Lan thì nội dung phần giữa giống nhau, phần đầu có thêm một câu:

“Sabbā garulahukā āpattiyo ārocemi”. (3 lần).

Tôi xin trình tất cả āpatti nặng, āpatti nhẹ.

Và phần cuối có thêm 3 câu:

“Na punevaṃ karissāmi”.

Tôi sẽ không làm vậy nữa.

“Na punevaṃ bhāvissāmi”.

Tôi sẽ không nói vậy nữa.

“Na punevaṃ cintayissāmi”.

Tôi sẽ không nghĩ vậy nữa.

Dịch nghĩa lễ sám hối āpatti

1- Vị Tỳ khuru nhỏ hạ đến xin sám hối với vị Tỳ khuru lớn hạ.

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, con xin trình (āvikaromi)⁽¹⁾ cho Ngài rõ tất cả āpatti (saṃghādisesa āpatti).*

Lạ:- *Lành thay! Lành thay!*

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, con đã phạm tất cả āpatti “sabbā āpattiyo”⁽²⁾ có nhiều đối tượng khác nhau. Con xin sám hối nơi Ngài tất cả āpatti ấy.*

Lạ:- *Này pháp đệ, pháp đệ thấy rõ, biết rõ những āpatti ấy không?*

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, dạ vâng, con thấy rõ, biết rõ những āpatti ấy.*

Lạ:- *Này pháp đệ, từ nay về sau, pháp đệ nên thu thúc cho được trong sạch, đừng để tái phạm.*

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, lành thay! Tốt thay! Con sẽ cố gắng thu thúc cho được trong sạch.*

Lạ:- *Lành thay! Lành thay!*

2- Vị Tỳ khuru lớn hạ xin sám hối với vị Tỳ khuru nhỏ hạ.

Lạ:- *Này pháp đệ, tôi xin trình cho pháp đệ rõ tất cả āpatti.*

Nhạ:- *Lành thay! Bạch Đại Đức, lành thay!*

¹ Āvikaromi, ārocemi, ārocayāmi đều có nghĩa là trình bày, bày tỏ không che giấu āpatti nặng, saṃghādisesa.

“Sabbā āpattiyo” ở đây, ám chỉ tất cả saṃghādisesa āpatti, không phải āpatti nào khác.

² “Sabbā āpattiyo” là tất cả những āpatti, ở đây là thullaccaya, pācittiya, pāṭidesanīya, dukkaṭa và dubbhāsita, là những āpatti nhẹ có thể sám hối ngay được.

Lhạ:- *Này pháp đệ, tôi đã phạm tất cả āpatti có nhiều đối tượng khác nhau. Tôi xin sám hối nơi pháp đệ tất cả āpatti ấy.*

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, Ngài thấy rõ biết rõ những āpatti ấy không?*

Lhạ:- *Này pháp đệ, vâng, tôi thấy rõ biết rõ những āpatti ấy.*

Nhạ:- *Kính bạch Đại Đức, từ nay về sau, xin Ngài nên thu thúc cho được trong sạch, đừng để tái phạm.*

Lhạ:- *Này pháp đệ, lành thay! Tốt thay! Tôi sẽ cố gắng thu thúc cho được trong sạch.*

Nhạ:- *Lành thay! Bạch Đại Đức, lành thay!*

3- Vị Tỳ khuru nhỏ hạ xin sám hối lần thứ nhì.

Trường hợp hai vị Tỳ khuru đều phạm sabhāgāpatti: phạm āpatti có vatthu (đối tượng) giống nhau, hoặc có đối tượng tương tự với nhau. Ví dụ, hai vị Tỳ khuru cùng giết con muỗi, hoặc một vị giết con muỗi, một vị khác giết con kiến. Như vậy, cả 2 vị Tỳ khuru này đều phạm pācittiya āpatti thuộc sabhāgāpatti.

Hai vị Tỳ khuru phạm sabhāgāpatti này cấm không được sám hối āpatti với nhau. Nếu hai vị Tỳ khuru này sám hối āpatti lẫn nhau, thì mỗi vị bị phạm thêm dukkaṭa āpatti.

- Một bên, vị Tỳ khuru nhỏ hạ sám hối āpatti trước, tất cả āpatti cũ được thoát khỏi, nhưng lại phạm thêm một dukkaṭa āpatti mới còn lại.

- Một bên, vị Tỳ khuru lớn hạ nhận sám hối āpatti, cũng bị phạm thêm một dukkaṭa āpatti mới, chưa kể

đến tất cả ậatti cũ; đến khi vị Tỳ khuu lớn hạ sám hồi ậatti, thì gồm tất cả ậatti cũ cộng thêm dukkaṭa ậatti mới. Như vậy, vị Tỳ khuu lớn hạ có giới được hoàn toàn trong sạch trở lại.

Vị Tỳ khuu nhỏ hạ còn lại dukkaṭa ậatti mới, vì vậy, vị Tỳ khuu nhỏ hạ cần phải sám hồi thêm lần thứ nhì mới có giới hoàn toàn trong sạch trở lại.

* **Chú ý:** Phạm nhiều loại ậatti, khi sám hồi không nên dùng số ít; và phạm một ậatti, khi sám hồi dùng số nhiều (*sabbā ậattiyo*) cũng nên.

II-HÀNH UPOSATHAKAMMA

Mỗi tháng có 2 ngày lễ hành Tăng sự uposathakamma, Tỳ khuu phải nên hành lễ hằng tháng. Cách tính ngày có sự sai khác nhau tùy theo mỗi nước.

Phong tục Ấn Độ thời xưa mỗi tháng chia làm 2 pakkha:

- *Sukhapakkha*: nửa tháng đầu trăng lên, bắt đầu từ ngày mùng 1 (01) cho đến ngày rằm (15).

- *Kāḷapakkha*: nửa tháng sau trăng xuống, bắt đầu từ ngày mùng 1 (16) cho đến ngày 14 cuối tháng thiếu (29), hoặc ngày 15 (30) cuối tháng đủ.

Các nước Phật giáo như Thái Lan, Myanmar, Lào, Campuchia theo phong tục trên.

Theo phong tục Việt Nam, Trung Hoa..., trong một tháng không phân chia theo nửa tháng đầu và nửa tháng sau, mà chỉ kể theo tuần tự từ ngày 01 cho đến

ngày 29 tháng thiếu hoặc 30 tháng đủ.

Như vậy, hằng tháng tất cả Tỳ khuru đều phải hành Tăng sự uposathakamma 2 ngày, vào ngày rằm (15) (nửa tháng đầu) và ngày 29 cuối tháng thiếu (nhằm ngày 14 cuối tháng thiếu); hoặc ngày 30 cuối tháng đủ (nhằm ngày 15 cuối tháng đủ), là ngày hành uposathakamma của tất cả chư Tỳ khuru. Nếu Tỳ khuru nào không hành Tăng sự uposathakamma, Tỳ khuru ấy phạm āpatti dukkaṭa.

Uposathakamma có 3 loại:

- 1- *Samgha uposatha*: Tỳ khuru Tăng hành lễ uposatha.
- 2- *Gaṇa uposatha*: Nhóm Tỳ khuru hành lễ uposatha.
- 3- *Puggala uposatha*: Một Tỳ khuru hành lễ uposatha.

Hành uposatha có 3 cách:

- 1- *Suttuddesa uposatha*: Tụng bhikkhupātimokkha, có 5 uddesa.
- 2- *Pārisuddhi uposatha*: Đọc lời pārisuddhi....
- 3- *Adhiṭṭhāna uposatha*: Tự phát nguyện ngày uposatha.

Uposatha có 3 ngày:

- 1- *Pannarasī uposatha*: Ngày 15 uposatha (ngày rằm nửa tháng hoặc cuối tháng đủ).
- 2- *Cātuddasī uposatha*: Ngày 14 uposatha cuối tháng thiếu.
- 3- *Sāmaggī uposatha*: ngày uposatha đồng tâm nhất trí với nhau.

I. SAṂGHA UPOSATHA

Tỳ khuru Tăng hành Uposatha

Tỳ khuru có 4 vị trở lên gọi là Tỳ khuru Tăng.

Tỳ khuru Tăng có 4 vị trở lên phải hành saṁgha uposatha.

Tỳ khuru Tăng hành saṁgha uposatha cần phải tụng đọc *suttuddesa uposatha*: tụng đọc *bhikkhupātimokkha*. Việc tụng đọc *bhikkhupātimokkha* là phận sự của vị Đại Trưởng Lão cao hạ nhất. Trừ khi vị Trưởng Lão ấy không tụng đọc, thì Ngài chỉ định đến vị Đại Đức nhỏ hạ kế tiếp làm phận sự tụng đọc *bhikkhupātimokkha*, vào ngày 15 nửa tháng hoặc cuối tháng đủ, hoặc ngày 14 cuối tháng thiếu; hoặc chọn một ngày do toàn thể chư Tỳ khuru đồng tâm nhất trí với nhau.

Nghi thức trước khi tụng đọc bhikkhupātimokkha

Chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại sīmā, ngồi cách nhau trong một hatthapāsa (2 cùi tay + 1 gang), trình chư Tăng biết pháp danh 2 vị Đại Đức luật sư: vị Đại Đức luật sư vắn, pháp danh “Tissa”, và vị Đại Đức luật sư đáp, pháp danh “Datta”.

Ajjhesakañatti:

Ls2:- *Suñātu me Bhante saṁgho, yadi saṁghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmantaṃ Tissaṃ bhikkhuṃ pātimokkhuddesaṃ ajjheseyyaṃ.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của con, nếu việc thỉnh mời tụng đọc bhikkhupātimokkha hợp thời đối với chư Tăng, con xin kính thỉnh Đại Đức Tissa tụng đọc

bhikkhupātimokkha).

Lời thỉnh mời

Vị Tỳ khuru luật sư ngồi chồm hỏm, chắp 2 tay đọc câu thỉnh mời 3 lần.

Ls2:- “*Samgho Bhante, āyasmantaṃ Tissaṃ pātimokkhuddesaṃ ajjhesati, uddisatu Bhante āyasmā Tisso pātimokkhaṃ.*

- *Dutiyampi Bhante, samgho āyasmantaṃ Tissaṃ pātimokkhuddesaṃ ajjhesati, uddisatu Bhante āyasmā Tisso pātimokkhaṃ.*

- *Tatiyampi Bhante, samgho āyasmantaṃ Tissaṃ pātimokkhuddesaṃ ajjhesati, uddisatu Bhante āyasmā Tisso pātimokkhaṃ*”.

Kính bạch Đại Đức, chư Tăng kính thỉnh Ngài tụng đọc *bhikkhupātimokkha*. Kính xin Đại Đức Tissa tụng đọc *bhikkhupātimokkha*. ...lần thứ nhì. ...lần thứ ba.

Ls1:- *Āma, uddissāmi.*

Vâng, tôi sẽ tụng đọc bhikkhupātimokkha.

Vinayapucchakañatti:

(Tuyên ngôn vị Đại Đức Tissa vấn Vinaya)

Ls1:- *Sunātu me Bhante samgho, yadi samghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmantaṃ Dattaṃ bhikkhuṃ vinayaṃ puccheyyaṃ.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của tôi, nếu việc hỏi vinaya hợp thời đối với chư Tăng, tôi xin hỏi Đại Đức Datta về vinaya.

Vissajjakañatti

(Tuyên ngôn vị Đại Đức Datta đáp Vinaya).

Ls2:- *Sunātu me Bhante saṃgho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmatā Tissena therena vinayaṃ puṭṭho vissajjeyyaṃ.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của con, nếu việc trả lời vinaya hợp thời đối với chư Tăng, con xin trả lời Đại Đức Tissa hỏi về vinaya.

Bốn công việc phải làm trước khi chư Tỳ khưu Tăng hội họp tại sīmā

Ls1:- *Sammajjanī padīpo ca, dakaṃ āsanena ca. Uposathassa etāni, pubbakaraṇaṃ'ti vuccati.*

Chú giải dạy, có 4 công việc cần phải làm trước khi chư Tỳ khưu Tăng hội họp tại sīmā để hành Tăng sự uposatha:

V.1:- *Công việc quét dọn, lau chùi bên ngoài, bên trong sīmā xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

V.2:- *Công việc đốt đèn xong hay chưa?*

Đ:- *Ban ngày, công việc đốt đèn không cần thiết. Bạch Ngài.*

V.3:- *Công việc lo nước dùng, nước uống xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

V.4:- *Công việc sắp đặt, trải chỗ ngồi cho chư Tỳ khưu xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

Chanda, pārisuddhi

Trong trường hợp mahāsīmā (hoặc gāmasīmā), Tỳ khuru nào không thể đến tham dự lễ hành Tăng sự uposathakamma vì bị bệnh, vị Tỳ khuru ấy cần phải gọi chanda, pārisuddhi cho một vị Tỳ khuru khác.

*** Cách gọi chanda, pārisuddhi**

Tỳ khuru gọi chanda, pārisuddhi, trước tiên xin sám hối āpatti với vị Tỳ khuru nhận xong, đọc câu như sau:

- Tỳ khuru gọi chanda:

Chandaṃ dammi, chandaṃ me hara, chandaṃ me ārocehi. (3 lần).

Tôi xin gọi sự hài lòng, xin Ngài nhận sự hài lòng của tôi, xin Ngài trình sự hài lòng của tôi đến chư Tăng.

- Tỳ khuru nhận chanda:

Āma, Bhante (Āvuso). Dạ vâng. Bạch Ngài.

- Tỳ khuru gọi pārisuddhi.

Pārisuddhiṃ dammi, pārisuddhiṃ me hara, pārisuddhiṃ me ārocehi. (3 lần).

Tôi xin gọi sự trong sạch, xin Ngài nhận sự trong sạch của tôi, xin Ngài trình sự trong sạch của tôi đến chư Tăng.

- Tỳ khuru nhận pārisuddhi.

Āma, Bhante (Āvuso). Dạ vâng. Bạch Ngài.

*** Cách trình chanda, pārisuddhi**

Khi chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại sīmā đông đủ rồi, vị Tỳ khuru nhận chanda, pārisuddhi xin phép chư Tăng trình chanda, pārisuddhi như sau:

Tissanāmena Bhante, bhikkhunā chando dinno. (3 lần).

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, Tỳ khuru Tissa đã gởi chanda.

Tissanāmena Bhante, bhikkhunā pārisuddhi dinnā. (3 lần).

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, Tỳ khuru Tissa đã gởi pārisuddhi.

Tất cả chư Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Sādhū!*

Năm phận sự trước khi tụng đọc bhikkhupātimokkha

*Chandapārisuddhi utukkhānaṃ,
bhikkhugaṇanā ca ovādo.*

*Uposathassa etāni,
pubbakiccan'ti vuccati.*

Chú giải dạy, có 5 phận sự cần phải trình chư tăng trước khi tụng đọc bhikkhupātimokkha là:

V.1:- *Tỳ khuru bị bệnh gởi chanda, pārisuddhi, Tỳ khuru nhận chanda, pārisuddhi, phận sự trình chanda, pārisuddhi đến chư Tăng xong chưa?*

Đ:- *Không phải mahāsīmā, gāmasīmā, đây là khaṇḍa-sīmā, cho nên phận sự trình chanda, pārisuddhi không có. Bạch Ngài.*

V.2:- *Trong một năm có 3 mùa (utu): mùa lạnh (hemanta), mùa nóng (gimhāna), mùa mưa (vassanta). Trong 3 mùa ấy, hiện nay thuộc về mùa nào?*

Đ:- *Hiện nay đang thuộc về mùa mưa. Bạch Ngài.*

V.3:- *Trong mùa mưa gồm có 8 pakkha⁽¹⁾. Trong 8 pakkha ấy, đã qua bao nhiêu pakkha? Hiện tại đến pakkha thứ mấy? Còn lại bao nhiêu pakkha?*

Đ:- *Đã qua hai pakkha, hiện tại đến pakkha thứ ba và còn lại 5 pakkha nữa. Bạch Ngài.*

V.4:- *Trong sīmā này, có bao nhiêu Tỳ khuru đến hội họp?*

Đ:- *Có 21 Tỳ khuru đến hội họp. Bạch Ngài.*

V.5:- *Phận sự dạy dỗ Tỳ khuru ni đã trình xong chưa?*

Đ:- *Hiện nay Tỳ khuru ni không còn nữa, nên phận sự dạy dỗ không có. Bạch Ngài.*

Bốn chi pháp hợp lệ để hành lễ Tăng sự uposatha

Trước khi tụng đọc bhikkhupātimokkha điều quan trọng là cần phải hợp đủ 4 chi pháp.

*Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā.
Sabhāgāpattiyo na vijjanti.
Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti.
Pattakallan'ti vuccati.*

Chú giải dạy, lễ tụng đọc bhikkhupātimokkha cần phải có đầy đủ 4 chi pháp hợp lệ là:

V1:- *Uposatha có 3 ngày: catuddasī uposatha, pannarasī uposatha và sāmaggī uposatha. Trong 3 ngày ấy, hôm nay thuộc về ngày uposatha nào?*

Đ:- *Pannarasī uposatha. Bạch Ngài.*

¹ Nếu nhằm tháng nhuận thì gồm 10 pakkha.

V:- Tỳ khuru hành uposatha có 3 loại: samgha uposatha, gāṇa uposatha và puggala uposatha. Trong 3 loại ấy, hôm nay hành loại nào?

Đ:- Samgha uposatha. Bạch Ngài.

V:- Hành uposatha có 3 cách: suttuddesa uposatha, pārisuddhi uposatha và adhiṭṭhāna uposatha. Trong 3 cách ấy, hôm nay hành cách nào?

Đ:- Suttuddesa uposatha. Bạch Ngài.

V2:- Chư Tỳ khuru có 4 vị trở lên phải hành samgha uposatha, hành theo cách suttuddesa uposatha là điều hợp với luật. Vậy tất cả chư Tỳ khuru đang ngồi trong hatthapāsa (2 cùi tay + 1 gang) hội họp tại sīmā, có phải không?

Đ:- Chư Tỳ khuru đều ngồi trong hatthapāsa. Bạch Ngài.

V3:- Chư Tỳ khuru ngồi trong hatthapāsa đều có giới hoàn toàn trong sạch phải không? Không có vị Tỳ khuru nào phạm sabhāgāpatti⁽¹⁾, có phải không?

Đ:- Tất cả chư Tỳ khuru đều có giới hoàn toàn trong sạch, không có vị Tỳ khuru nào phạm sabhāgāpatti. Bạch Ngài.

V4:- Chư Tỳ khuru ngồi trong hatthapāsa hoàn toàn

¹ Sabhāgāpatti: Trường hợp 2-3 Tỳ khuru phạm āpatti, đối tượng phạm giới có phần giống nhau. Ví dụ: Tỳ khuru A tác ý giết con muỗi, Tỳ khuru B tác ý giết con kiến và Tỳ khuru C tác ý đập vỡ trứng thần lẩn. Như vậy, cả 3 Tỳ khuru đều phạm āpatti pācittiya, gọi là sabhāgāpatti, không thể sám hối lẫn nhau được.

không có 21 hạng người nên loại bỏ (vajjanīya puggala)¹, có phải không?

Đ:- Hoàn toàn không có 21 hạng người ấy. Bạch Ngài.

¹ Vajjanīya puggala: Những hạng người nên loại bỏ khỏi sīmā, nơi chư Tăng hội họp hành Tăng sự uposathakamma. Có 21 hạng người là:

- 1- Người tại gia cư sĩ.
- 2- Tỷ khuru ni.
- 3- Sikkhamānā.
- 4- Sa di.
- 5- Sa di ni.
- 6- Tỷ khuru đã xả giới.
- 7- Tỷ khuru phạm āpatti pārājika.
- 8- Người ái nam (bán nam, bán nữ).
- 9- Người trộm tăng tướng.
- 10- Người thiên về ngoại đạo.
- 11- Hạng súc sanh (Long vương hóa thành người).
- 12- Người giết cha.
- 13- Người giết mẹ.
- 14- Người giết bậc Thánh A-ra-hán.
- 15- Người làm cho Đức Phật bị vết bầm.
- 16- Tỷ khuru chia rẽ Tăng.
- 17- Người hãm hại phạm hạnh Tỷ khuru ni.
- 18- Người lường tính (có 2 bộ phận sinh dục).
- 19- Tỷ khuru bị trục xuất, vì phạm giới mà không chịu nhận tội.
- 20- Tỷ khuru bị trục xuất, vì phạm giới mà không chịu sửa chữa lại.
- 21- Tỷ khuru bị trục xuất, vì không chịu từ bỏ tà kiến cố định.

Trong 21 hạng người này, có 20 hạng người thật, còn một hạng người gốc là súc sanh, Long vương.

Tất cả 21 hạng này, không được tham dự hội họp chung tại Sīmā cùng với Tỷ khuru thật, không được hành uposathakamma, không được hành Tăng sự tụng đọc, nghe bhikkhupātimokkha.

Nếu có 3 hạng người Tỷ khuru bị trục xuất, mà tham dự hội họp chung với chư Tỷ khuru Tăng, thì tất cả chư Tỷ khuru đều phạm Āpatti pācittiya, còn lại 18 hạng người khác tham dự, hội họp chung với chư Tỷ khuru Tăng, thì tất cả chư Tỷ khuru đều phạm Āpatti dukkaṭa. Bởi vậy cho nên, trước khi hành lễ tụng đọc bhikkhupātimokkha, vị Đại Đức luật sư cần phải xét hỏi kỹ, khi đầy đủ 4 chi pháp hợp lệ, mới có thể hành lễ tụng bhikkhupātimokkha.

Đó là 4 chỉ pháp hợp lệ gồm: ngày hành Tăng sự uposatha, chư Tỳ khru đang ngồi trong hatthapāsa tại sīmā, không có Tỳ khru phạm sabhāgāpatti và không có 21 hạng người nên loại bỏ. Khi đã đầy đủ 4 chỉ pháp hợp lệ này mới có thể tiến hành lễ tụng đọc bhikkhupātimokkha.

Tụng Đọc Bhikkhupātimokkha

Pubbakaraṇapubbakiccāni samādapetvā desitā-pattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisitum ārādhanaṃ karoma.

Tất cả chư Tỳ khru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā sambuddhassa (3 lần).

Saṃgha uposatha ñatti:

Suñātu me Bhante saṃgho, ajjuposatho panna-raso (catuddaso) yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.

Bhikkhupātimokkhuḍḍesa:

Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha pātimokkhaṃ uddissāmi... (pe)....

Tattha sabbeheva samaggehi sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư Tỳ khru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

Suttuddesa Uposatha

Trong bhikkhupātimokkha, có 5 mục suttuddesa.

- 1- Nidānuddesa.
- 2- Pārājikuddesa.
- 3- Saṃghādisesuddesa.
- 4- Aniyatuddesa.
- 5- Vitthāruddesa.

Chư Tỳ khuru Tăng hành Tăng sự saṃgha uposatha cần phải tụng đọc đầy đủ 5 uddesa (mục), nếu tụng thiếu phạm āpatti dukkaṭa.

Như Đức Phật đã cấm chế:

“Na bhikkhave saṃkhettena pātimokkhaṃ uddisitabbaṃ, yo uddiseyya, āpatti dukkaṭassa”⁽¹⁾.

Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru không được tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, Tỳ khuru nào tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, Tỳ khuru ấy phạm āpatti dukkaṭa.

Tụng đọc uddesa tóm tắt

Có 2 trường hợp tụng đọc bhikkhupātimokkha tóm tắt.

1- Trường hợp có tai họa

Trong khi chư Tỳ khuru Tăng đang hành Tăng sự saṃgha uposatha, nếu có 1 trong 10 tai họa xảy ra, Đức Phật cho phép tụng đọc suttuddesa tóm tắt.

“Anujānāmi bhikkhave sati antarāye saṃkhittena pātimokkhaṃ uddisitum”.

¹ Vi. Mahāvagga, phần Uposathakhandhaka.

Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép được tụng đọc bhikkhupātimokkha tóm tắt khi có tai họa.

Mười tai họa (antarāya)

1- *Rājantarāya*: Tai họa do Đức vua ngự đến.

2- *Corantarāya*: Tai họa do bọn cướp kéo đến.

3- *Aggantantarāya*: Tai họa do cảnh hỏa hoạn, cháy chùa, cháy rừng....

4- *Udakantarāya*: Tai họa do cảnh nước lũ tràn đến.

5- *Manussantarāya*: Tai họa do nhiều người kéo đến.

6- *Amanussantarāya*: Tai họa do hàng phi nhân nhập vào Tỳ khuru.

7- *Vāḷantarāya*: Tai họa do thú dữ xâm nhập vào.

8- *Sarīsapantarāya*: Tai họa do rắn cắn Tỳ khuru.

9- *Jīvitantarāya*: Tai họa do Tỳ khuru lâm bệnh nặng, phát điên....

10- *Brahmacariyantarāya*: Tai họa đến phạm hạnh xuất gia.

Chư Tỳ khuru Tăng đang hội họp hành Tăng sự tụng đọc bhikkhupātimokkha, nếu gặp phải một trong 10 điều tai họa này, thì Đức Phật cho phép được tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, khi không có tai họa, phải tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ.

“*Anujānāmi bhikkhave evarūpesu antarāyesu saṃkhittena pātimokkham uddisitum, asati antarāye vitthārena*”⁽¹⁾.

¹ Vi. Mahāvagga, phần Uposathakhandhaka.

Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép được tụng đọc bhikkhupātimokkha tóm tắt khi gặp phải tai họa, khi không có tai họa phải tụng đọc bhikkhupātimokkha đầy đủ.

Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt

Trường hợp Tỳ khuru đã tụng xong mục nidānuddesa, pārājikuddesa, nhưng chưa tụng đến saṃghādisesuddesa. Như vậy, cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt như sau:

- *Udiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Udiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Sutā kho panāyasmantehi terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Sutā dve aniyatā dhammā.*
- *Sutā tiṃsanissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā sattādhikaraṇasamathā dhammā.*

Ettakaṃ tassa Bhagavato suttāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaṇṇhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi sammodamānehi avivadamānehi sikkitaḥ.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư Tỳ khuru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! (Bhante) sādhū!*

2- Trường hợp đặc biệt theo khả năng

Ngoài ra, còn có một trường hợp đặc biệt còn có thể tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt như sau:

Chuyện từng có trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, có một số Tỳ khưu trên 4 vị ở trong một ngôi chùa, đến ngày hành uposatha, từ vị Tỳ khưu lớn hạ cho đến vị Tỳ khưu nhỏ hạ, không một vị nào có khả năng tụng đọc bhikkhupātimokkha để hành Tăng sự saṃgha uposatha.

Trong trường hợp này, Đức Phật cho phép:

“.....*Tehi bhikkhave bhikkhūhi eko bhikkhu sāmanta āvasā sajjukam pāhetabbo: “gacchāvuso saṃkhittena vā vitthārena vā pātimokkham pariyaṇṇitvāna āgacchāhi”*⁽¹⁾”.

Này chư Tỳ khưu, chư Tỳ khưu ấy nên gọi gấp một Tỳ khưu đến ngôi chùa láng giềng và dạy rằng: “Này pháp đệ, pháp đệ hãy đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ rồi trở về kịp trong ngày hôm nay để hành uposathakamma”.

Trong trường hợp như vậy, vị Tỳ khưu có khả năng học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ, ít hoặc nhiều ở một ngôi chùa khác, rồi còn thời gian phải trở về ngôi chùa của mình ở ngay trong ngày hôm ấy, để kịp hành Tăng sự saṃgha uposatha, tụng đọc bhikkhupātimokkha. Khi trở về chùa, mọi nghi thức hành uposathakamma hoàn toàn giống như trước đã trình bày.

¹ Vi. Mahāvagga, phần Uposathakhandhaka.

- Bốn công việc phải làm xong trước khi chư Tỳ khuru Tăng đến hội họp tại sīmā.

- Năm phận sự phải trình lên chư Tỳ khuru Tăng hội họp.

- Bốn chi pháp hợp lệ, đầy đủ để hành lễ tụng đọc bhikkhupātimokkha.

Vị Tỳ khuru ấy tụng đọc bhikkhupātimokkha theo khả năng mà mình đã học được, nếu vị Tỳ khuru ấy chỉ học thuộc lòng được nidānuddesa, thì tụng đọc tóm tắt như sau:

- *Udiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*

- *Sutā kho paṇāyasmantehi cattāro pārājikā dhammā.*

- *Sutā terasa saṃghādisesā dhammā.*

- *Sutā dve aniyatā dhammā.*

- *Sutā tiṃsanissaggiyā pācittiya dhammā.*

- *Sutā dvenavuti pācittiya dhammā.*

- *Sutā cattāro pāṭidesanīya dhammā.*

- *Sutā sekhiyā dhammā.*

- *Sutā sattādhikaraṇasamathā dhammā.*

Ettakaṃ tassa Bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaḍḍhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư Tỳ khuru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! (Bhante) Sādhū!*

Nghi lễ hành Saṃgha uposatha đơn giản

Tất cả mọi điều kiện đầy đủ để có thể hành Tăng sự saṃgha uposatha như sau:

- Bốn công việc phải làm xong, trước khi chư Tỳ khuru Tăng đến hội họp tại sīmā.

- Năm phận sự phải trình lên chư Tỳ khuru Tăng hội họp.

- Bốn chi pháp hợp lệ, đầy đủ để hành lễ tụng đọc bhikkhupātimokkha.

Trong chư Tỳ khuru Tăng, cử một vị Tỳ khuru thỉnh Đại Trưởng Lão cao hạ nhất tụng đọc bhikkhupātimokkha như sau:

Saṃgho Bhante, theram ajjesati, uddisatu Bhante theropātimokkham. (3 lần).

Kính bạch Đại Đức, chư Tăng kính thỉnh Ngài tụng đọc bhikkhupātimokkha.

(Trường hợp nếu vị Đại Trưởng Lão cao hạ không tụng đọc bhikkhupātimokkha, thì chư Tăng sẽ thỉnh vị Đại Đức thấp hạ kế tiếp).

Vị Đại Trưởng Lão cử hành Tăng sự saṃgha uposatha.

1- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-buddhassa. (3 lần).*

2- *Sammajjanī padīpo ca, udakam āsanenena ca.*

Uposathassa etāni, pubbakaraṇaṇ'ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni.

3- *Chandapārisuddhi utukkhānam, bhikkhugaṇanā ca ovādo.*

Uposathassa etāni, pubbakiccan'ti vuccati.

Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañcapubbakiccāni katāni.

- 4- *Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā. Sabhāgāpattiyo na vijjanti.*

Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti. Pattakallan'ti vuccati.

Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅgāni samānītāni.

- 5- *Pubbakaraṇapubbakiccāni samādapetvā desitāpat-tikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisitum ārādhanaṃ karoma.*

- 6- Tất cả chư Tỳ khuru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhu! Bhante sādhu!*

- 7- *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-buddhassa. (3 lần).*

8- Saṃgha uposatha ñatti:

Suṇātu me Bhante saṃgho, ajjuposatho pannaraso (catuddaso) yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.

9- Bhikkhupātimokkhuḍesa:

Kim saṃghassa pubbakiccaṃ pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha pātimokkhaṃ uddissāmi.... (pe)...

Ettakaṃ tassa Bhagavato suttāgataṃ suttapariyā-pannaṃ anvaḍḍhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabban'ti.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

10- Tất cả chư Tỳ khưu Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

2. GAṆA UPOSATHA

Nhóm Tỳ khưu hành uposatha

Nhóm Tỳ khưu ở đây chỉ cho 3 hoặc 2 vị Tỳ khưu mà thôi, không thể hành saṃgha uposatha nên Đức Phật cho phép hành gaṇa uposatha.

Cách hành gaṇa uposatha, không tụng đọc bhikkhu-pātimokkha mà Đức Phật cho phép hành pārisuddhi uposatha, mỗi vị Tỳ khưu đọc câu “*parisuddho...*”.

Trước khi hành pārisuddhi uposatha, mọi nghi thức ở phần đầu cũng giống như saṃgha uposatha là:

- Bốn công việc phải làm xong, trước khi chư Tỳ khưu đến hội họp tại sīmā.
- Năm phận sự phải trình lên chư Tỳ khưu hội họp.
- Riêng phận sự đếm số chư Tỳ khưu tham dự hội họp thì chỉ có 3 hoặc 2 vị mà thôi.

Nhóm Tỳ khưu (3-2 vị) phải sám hối āpatti xong trước khi hành pārisuddhi uposatha.

Hành Pārisuddhi Uposatha

Hành pārisuddhi uposatha có 2 trường hợp.

1- Trường hợp có 3 vị Tỳ khưu:

Trong 3 vị Tỳ khưu, vị Tỳ khưu cao hạ nhất ngồi chồm hổm, chấp 2 tay tụng tuyên ngôn xong mới đọc câu parisuddho:

Gaṇaṇatti:

Suṇantu me āyasmantā, ajjuposatho pannaraso (catuddaso) yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ, mayaṃ aññaṃaññaṃ pārisuddhi uposathaṃ kareyyāma⁽¹⁾.

Kính xin quý vị nghe rõ lời tuyên ngôn của tôi. Hôm nay là ngày rằm (15 hoặc 14), ngày uposatha, nếu việc hành pārisuddhi uposatha hợp thời đối với quý vị, thì chúng ta cùng hành pārisuddhi uposatha với nhau.

Tiếp theo vị Tỳ khuru cao hạ nhất đọc câu parisuddho: *Parisuddho ahaṃ Āvuso, parisuddho 'ti maṃ dhāretha. (3 lần).*

Thưa các pháp đệ, tôi là Tỳ khuru trong sạch, xin quý vị nhận biết tôi là Tỳ khuru trong sạch.

Hai vị Tỳ khuru nhỏ hạ đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante, sādhū!*

Vị Tỳ khuru nhỏ hạ kế tiếp ngồi chồm hồm, chấp tay đọc: *Parisuddho ahaṃ Bhante, parisuddho 'ti maṃ dhāretha. (3 lần).*

Hai vị Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Sādhū!*

Vị Tỳ khuru thứ 3 cũng đọc: *Parisuddho ahaṃ Bhante, parisuddho 'ti maṃ dhāretha. (3 lần).*

Hai vị Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Sādhū!*

¹ Vi. Mahāvagga, phần Uposathakhandhaka.

2- Trường hợp có 2 vị Tỳ khru:

Hai vị Tỳ khru thì không cần tụng tuyên ngôn, mà chỉ đọc câu “*parisuddho...*”.

Vị Tỳ khru cao hạ ngồi chồm hỏm, chỏp 2 tay đọc: *Parisuddho ahaṃ āvuso, parisuddho’ti maṃ dhārehi. (3 lần).*

Vị Tỳ khru nhỏ hạ nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante, sādhu!*

Vị Tỳ khru nhỏ hạ ngồi chồm hỏm, chỏp 2 tay đọc: *Parisuddho ahaṃ Bhante, parisuddho’ti maṃ dhāretha. (3 lần).*

Vị Tỳ khru cao hạ nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Āvuso, sādhu!*

3. PUGGALA UPOSATHA

Một Tỳ khru hành uposatha

Tỳ khru ở một mình nơi thanh vắng, không có một Tỳ khru nào khác, vào ngày uposatha, chỉ có một mình vị ấy hành uposathakamma gọi là puggala uposatha.

Cách hành puggala uposatha, chỉ có một Tỳ khru nên không đọc câu “*parisuddho...*” mà Đức Phật cho phép hành adhiṭṭhāna uposatha.

Trước khi hành adhiṭṭhāna uposatha, vị Tỳ khru ấy cần phải làm 4 công việc (pubbakaraṇa) xong, rồi ngồi đợi Tỳ khru từ nơi khác đến để cùng nhau hành uposathakamma. Cuối cùng không nhìn thấy một vị Tỳ khru nào khác, chỉ có mình là Tỳ khru duy nhất nên hành adhiṭṭhāna uposatha.

Cách hành Adhiṭṭhāna uposatha

Hành adhiṭṭhāna uposatha bằng cách đọc lời phát nguyện như sau: Vị Tỷ khuru ngồi chồm hỏm, chấp tay lên trán đọc câu:

- Theo Luật tạng, bộ Mahāvagga:

Ajja me uposatho.

Hôm nay ngày uposatha của tôi.

- Theo Chú giải:

“Ajja me uposatho pannaraso (catuddaso) adhiṭṭhāmi”. (3 lần).

Hôm nay ngày rằm (15 hoặc 14), tôi xin nguyện ngày uposatha của tôi.

Hoặc:

“Ajja me uposatho pannaraso (catuddaso)”.

AN CƯ BA THÁNG HẠ

Hằng năm theo truyền thống của hệ phái Theravāda, vào ngày 16 tháng 6 âm lịch, là ngày bắt đầu bốn tháng mùa mưa (*vassāna*) tất cả chư Tỳ khuru, Sa di đều phải an cư suốt ba tháng hạ (*mùa mưa*)⁽¹⁾ ở một nơi nhất định gọi là **“Lễ nhập hạ”**, cho đến ngày 16 tháng 9 âm lịch là ngày mãn hạ, gọi là **“an cư ba tháng hạ trước”** (*purimikā*).

Nếu Tỳ khuru nào không có cơ hội an cư ba tháng hạ trước (*từ ngày 16 tháng 9 âm lịch*), vị Tỳ khuru ấy chờ một tháng nữa an cư ba tháng hạ sau, kể từ ngày 16 tháng 7 đến ngày 16 tháng 10 là ngày mãn hạ, gọi là **an cư ba tháng hạ sau** (*pacchimikā*).

Như Đức Phật đã cho phép:

“Anujānāmi Bhikkhave vassāne vassam upagantum”.

Này chư Tỳ khuru, Như lai cho phép các con an cư ba tháng (hạ) trong mùa mưa.

Tỳ khuru nào đã phát nguyện an cư ba tháng hạ tại một ngôi chùa nào, hoặc một nơi thuận lợi nào rồi, thì không được phép đi ở một nơi nào khác cách đêm, nếu Tỳ khuru nào đi mà không có nguyên nhân chính đáng, Tỳ khuru ấy bị phạm āpatti dukkaṭa và bị đứt hạ, không hưởng được quả báu.

Nguyên nhân chính đáng mà Đức Phật cho phép Tỳ khuru đi ra khỏi chùa ở chỗ khác trong vòng 7 ngày, sau đó phải trở về chùa, gồm những trường hợp như sau:

¹ Chữ “hạ” dịch từ chữ “vassa” trong Pāli, có nghĩa là tháng.

- Trường hợp có người thỉnh mời rằng:

“*Āgacchantu Bhadantā, icchāmi dānañca dātum dhammañca sotum bhikkhū ca passitum*”.

Kính bạch chư Đại Đức, kính thỉnh quý Ngài đến để con làm phước bố thí, để nghe pháp, để chiêm ngưỡng chư Tỳ khuru.

Như vậy, Tỳ khuru có lý do chính đáng được phép nguyện đi ra khỏi chùa trong vòng 7 ngày sẽ trở về lại.

- Trường hợp 1 trong 7 hạng người bị bệnh... đầu có thỉnh mời hoặc không thỉnh mời, Tỳ khuru cũng có lý do chính đáng, được phép nguyện đi ra khỏi chùa để thăm viếng người ấy trong vòng 7 ngày sẽ trở về lại.

Bảy hạng người đó là: Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, sikkhāmānā, Sa di, Sa di ni, cha và mẹ. Ngoài 7 hạng người này ra, nếu không có người thỉnh mời, thì không được phép đi ra khỏi chùa ở nơi khác cách đêm.

Trường hợp Tỳ khuru đi thăm thầy Tế độ, thầy dạy, trở về trong ngày, nếu Thầy bảo ở lại, thì vị Tỳ khuru ấy cũng được phép ở lại nhưng không quá 7 ngày.

Lời Xin Sám Hối

Theo truyền thống, các vị Tỳ khuru nhỏ hạ thường sám hối tội lỗi của mình với các bậc Đại Trưởng Lão, nhất là trước khi làm lễ an cư 3 tháng hạ. Những Tỳ khuru nhỏ hạ xin sám hối mọi tội lỗi do thân, khẩu, ý dẫu cố ý hoặc vô ý phạm đến bậc Đại Trưởng Lão, để tránh điều tai họa làm ngăn cản mọi thiện pháp, nhất là các bậc thiên, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Vị Tỳ khưu nhỏ hạ đến hầu đánh lễ bậc Đại Trưởng Lão 3 lạy xong, ngồi chồm hỏm đọc câu:

- *Mahāthere pamādena dvārattayena katam sabbam aparādham khamatha me Bhante.*

- *Kính bạch Ngài Đại Trưởng Lão, vì để đuôi nên thân, khẩu, ý của con bắt tịnh, lỡ lầm phạm đến Ngài. Kính xin Ngài từ bi tha thứ mọi tội lỗi ấy cho con.*

Vị Đại Trưởng Lão từ bi tha thứ và xin vị Tỳ khưu bỏ qua lỗi của mình, đọc câu:

- *Aham khamāmi, tāyapi me khamitabbam.*

Sư sẵn lòng tha thứ, còn con cũng nên bỏ qua lỗi cho sư.

Vị Tỳ khưu nhỏ hạ cung kính bạch:

- *Khamāmi, Bhante. Kính bạch Ngài, con xin....*

Hành Lễ An Cư Ba Tháng Hạ

Một ngôi chùa có một hoặc nhiều Tỳ khưu, Sa di, trong ngày 16 tháng 6 âm lịch, là ngày làm lễ an cư ba tháng hạ. Cho nên tất cả Tỳ khưu, Sa di trú ngụ trong chùa phải có chỗ ở ổn định, an toàn trong mùa mưa, phải quét dọn sạch sẽ xung quanh chùa, lau chùi sạch sẽ nơi chánh điện, sắp đặt nước dùng nước uống đầy đủ. Tất cả Tỳ khưu, Sa di hội họp tại chánh điện tụng kinh lễ bái Tam bảo, tụng kinh Paritta, kinh Ratanasutta, kinh Mettasutta, Khandhasutta... rải tâm từ đến tất cả chúng sinh trong 10 phương hướng xong, tất cả chư Tỳ khưu, Sa di đồng phát nguyện:

“Imasmim āvāse imam temāsam vassam upemi”
(3 lần).

Con xin nguyện an cư suốt ba tháng hạ (mùa mưa) trong ngôi chùa này.

Trường hợp có lý do chính đáng, Tỳ khuru được phép đi ra khỏi chùa, ở nơi khác trong vòng 7 ngày, phải trở về ngôi chùa đang nhập hạ. Trước khi đi ra khỏi chùa, Tỳ khuru ấy phải phát nguyện rằng:

“Anto sattāhe paṭinivattissāmi”. (3 lần).

Tôi sẽ trở về trong vòng 7 ngày.

Tỳ khuru nào an cư suốt ba tháng hạ trước (purimikā) kể từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 9 âm lịch đầy đủ, không bị đứt hạ, Đức Phật cho phép Tỳ khuru ấy được thọ y kathina và được hưởng 5 đặc ân quả báu của lễ thọ y kathina rằng:

- *Anujāmi bhikkhave vassam vuṭṭhānaṃ bhikkhūnaṃ kathinaṃ attharituṃ, atthatakathinānaṃ vo bhikkhave pañca kappissanti anāmantacāro, asamādānacāro, gaṇabhojanaṃ, yāvadatthacīvaram, yo ca tattha cīvaruppādo so nesam bhavissatī’ti atthatakathinānaṃ vo bhikkhave imāni pañca kappissanti*⁽¹⁾.

- *Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép chư Tỳ khuru đã an cư suốt 3 tháng hạ trước xong, được phép thọ y kathina. Khi các con đã thọ y kathina rồi, sẽ được hưởng 5 quả báu như sau:*

- * *Tỳ khuru đi nơi nào cũng không cần thưa báo.*
- * *Tỳ khuru không cần giữ gìn đủ tam y.*
- * *Tỳ khuru được phép độ vật thực theo nhóm, dầu thí chủ gọi tên của vật thực ấy.*

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka.

* *Tỳ khưu được phép thọ nhận y như ý.*

* *Y phát sanh nơi nào, Tỳ khưu được phép thọ nhận ở nơi ấy.*

Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu nào sau khi đã làm lễ thọ y kathina xong, Tỳ khưu ấy sẽ được hưởng đặc ân 5 quả báu này.

Tỳ khưu hoan hỷ lễ thọ y kathina xong rồi, không thay đổi chỗ ở nơi khác, thì sẽ được hưởng đặc ân 5 quả báu như trên suốt 5 tháng kể từ khi mãn hạ.

Lễ Dâng Y Kathina

Lễ dâng y Kathinadāna là một nghi lễ theo truyền thống, được Đức Phật cho phép, dâng đến chư Tỳ khưu sau khi đã an cư suốt ba tháng hạ trước, kể từ ngày 16 tháng 6 âm lịch cho đến 16 tháng 9 âm lịch đầy đủ, không bị đứt hạ.

Lễ dâng y kathina này thuộc Kāladāna, bổ thí theo thời gian có hạn định trong một tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 cho đến ngày 15 tháng 10 âm lịch là hết. Cho nên, những Tỳ khưu an cư ba tháng hạ sau kể từ ngày 16 tháng 7 cho đến ngày 16 tháng 10 âm lịch mãn hạ, không thể nhận y kathina được. Y kathina được phát sanh hoàn toàn trong sạch do thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, tuyệt đối không do sự kêu gọi trực tiếp hay gián tiếp của một Tỳ khưu nào.

Lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khưu Tăng đã an cư suốt ba tháng hạ trước tại một ngôi chùa nào, thì chỉ có chư Tỳ khưu Tăng trong ngôi chùa ấy được phép thọ nhận y kathina và được hưởng 5 quả báu đặc ân của lễ thọ kathina, còn tất cả chư Tỳ khưu các ngôi chùa khác, không liên quan đến lễ dâng y kathina ấy.

Nghi Thức Dâng Y Kathina

Một vị thí chủ thay mặt cho những thí chủ cùng trong cuộc lễ dâng y kathina, hướng dẫn đọc lời dâng y kathina, cúng dường đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư suốt ba tháng hạ trước, tại ngôi chùa mình đến làm lễ dâng y kathina như sau:

Mayaṃ Bhante, saṃsāraṇaṭṭadukkhato mocanattāya, nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ ... ⁽¹⁾ *(Bửu Long) ārāme bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema, kathinaṃ attharituṃ.*

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ paṭiggaṇhātu paṭiggaṇhitvā iminā kathinacīvarena kathinaṃ attharatu, amhākaṃ dīgharattaṃ attāya hitāya sukkhāya.

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng được rồi! Tất cả chúng con có ý nguyện mong chứng ngộ Niết Bàn, mong giải thoát khổ trong vòng tử sanh luân hồi, cho nên chúng con thành kính làm lễ dâng y kathina cùng các thứ vật dụng này, đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư suốt 3 tháng hạ tại ngôi chùa ... (Bửu Long), để làm lễ thọ y kathina.

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin quý Ngài từ bi thọ lãnh y kathina cùng các thứ vật dụng này, khi đã thọ nhận xong, xin quý Ngài làm lễ thọ y kathina với tất y này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài.

¹ Tên ngôi chùa đang làm lễ, ở đây ví dụ “Bửu Long”.

Một vị thí chủ đại diện các thí chủ tự tay đem bộ y kathina dâng đến chư Tỷ khuru Tăng; vị Đại Trưởng Lão đại diện chư Tăng nhận bộ y kathina để làm lễ thọ y kathina đúng theo luật của Đức Phật đã ban hành.

- Tất cả chư thí chủ, mỗi người nên phát nguyện rằng:

Idaṃ me kathinadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Nguyện xin phước thiện dâng y Kathina này làm duyên lành dẫn dắt con chứng đắc đến A-ra-hán Thánh Đạo diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân.

- Hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc rằng:

Idaṃ no ñātināṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước thiện thanh cao này, cầu mong được thành tựu đến thân bằng quyến thuộc của chúng con, cầu mong họ được thoát khỏi khổ, được an lạc lâu dài.

- Chia phần phước đến tất cả chúng sinh rằng:

Imaṃ puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ dema sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu.

Chúng con xin chia phần phước thiện thanh cao này đến cho tất cả chúng sinh, cầu mong tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ, được an lạc lâu dài.

Nghi Thức Thọ Y Kathina

Lễ thọ y kathina là công việc hành Tăng sự, vì vậy, Tỷ khuru cần phải có từ 5 vị Tỷ khuru trở lên để đủ số lượng hành Tăng sự hợp với luật.

Công việc đầu tiên là tường trình đến Chư Tỷ khuru Tăng rõ rằng:

Apalokanakamma: Việc tường trình

Hai vị Tỳ khuru luật sư làm công việc tường trình giữa chư Tỳ khuru Tăng như sau:

Ls1:- *Kính bạch chư Tỳ khuru Tăng được rõ: Y kathina cùng tất cả vật dụng này của những thí chủ người đại diện là...⁽¹⁾ cùng bà con bạn bè, là những người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, mong muốn tạo phước thiện ba la mật, gieo duyên lành để chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới. Cho nên, những thí chủ ấy đã tổ chức làm lễ dâng y kathina cùng tất cả vật dụng này đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư suốt ba tháng hạ trước, tại ngôi chùa ... (Bửu Long) này.*

Y kathina này đã phát sanh một cách hoàn toàn trong sạch, ví như từ hư không rơi xuống giữa chư Tỳ khuru Tăng, không phải dành riêng cho một vị nào.

Đức Phật đã cho phép chư Tỳ khuru Tăng chọn một vị Tỳ khuru xứng đáng để làm lễ thọ y kathina này, sự lựa chọn đặc biệt ưu tiên cho vị Tỳ khuru nào có y cũ rách, hoặc bậc Đại Trưởng Lão cao hạ nhất, là bậc có giới đức trong sạch, hiểu biết rõ 8 chi pháp để thọ y kathina này.

Vậy bây giờ, tất cả chư Tỳ khuru Tăng đồng nhận xét, thấy vị Tỳ khuru nào xứng đáng, kính xin quý Ngài cho phép dâng y kathina đến vị Tỳ khuru ấy.

¹ Tên người chủ lễ dâng y kathina.

Giới Thiệu Vị Tỳ Khuru Thọ Y Kathina:

Ls1:- *Kính bạch chư Tỳ khuru Tăng được rõ: Con xét thấy vị Đại Đức...⁽¹⁾ là bậc xứng đáng làm lễ thọ y kathina của chư Tăng.*

Nếu vị Tỳ khuru nào không chấp thuận, xin phát biểu lên giữa chư Tăng. (Ngừng một lát).

Nếu chư Tỳ khuru Tăng đều chấp thuận, kính xin quý Ngài nói lên lời hoan hỷ: Sādhū! Sādhū! Sādhū!

(Sau khi chư Tỳ khuru Tăng đã chấp thuận bằng lời “sādhū” vị Tỳ khuru luật sư thứ nhất nói tiếp).

Ls1:- *Kính bạch chư Tỳ khuru Tăng được rõ: Chư Tỳ khuru Tăng đã chấp thuận dâng y kathina đến Đại Đức “Tissa”, để làm lễ thọ y kathina, không phải bằng lời apalokanakamma, mà phải bằng cách hành Tăng sự ñattidutiyakammavācā đúng theo luật của Đức Phật đã ban hành, chúng con xin phép hành Tăng sự bây giờ.*

(Ví dụ: vị Tỳ khuru được chọn thọ y kathina tên là Đại Đức Tissa, thì pháp hành Tăng sự sẽ diễn ra như sau).

*** Ñatti:**

- *Suṇātu me Bhante saṃgho, idaṃ saṃghassa kathinacīvaram⁽²⁾ uppannam. Yadi saṃghassa pattakallam, saṃgho imaṃ kathinacīvaram Tissassa bhikkhuno dadeyya kathinam attharituṃ. Esā ñatti.*

¹ Tên vị Đại Đức được giới thiệu để thọ y kathina, ví dụ: Đại Đức Tissa.

² Kathinacīvaram: Y đã may sẵn để làm lễ thọ kathina. Kathinadussa: Vải để may y làm lễ thọ kathina.

*** Kammavācā:**

- *Suṇātu me Bhante saṃgho, idaṃ saṃghassa kathinacīvaraṃ uppannaṃ, saṃgho imaṃ kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno deti kathinaṃ attharituṃ.*

Yassāyasmato khamati, imassa kathinacīvarassa Tissassa bhikkhuno dānaṃ kathinaṃ attharituṃ. So tuṇhassa, yassa nakkhamati so bhāseyya.

Dinnaṃ idaṃ saṃghena kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno kathinaṃ attharituṃ. Khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī. Evametam dhārayami.

(Kathinatthāra kammavācā niṭṭhitā).

Nghĩa:

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của con. Y kathina của chư Tăng đã được phát sanh, nếu việc hành Tăng sự hợp thời đối với chư Tăng, xin chư Tăng dâng y kathina này đến Tỳ khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathina. Đó là lời tuyên ngôn, kính bạch quý Ngài rõ.

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe lời thành sự ngôn của con. Y kathina của chư Tăng đã phát sanh, chư Tăng dâng y kathina này đến Tỳ khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathina.

Sự dâng y kathina của chư Tăng đến Tỳ khuru Tissa để làm lễ thọ y kathina, vị Tỳ khuru nào hài lòng với việc này, xin hãy ngồi làm thỉnh, vị nào không hài lòng, xin phát biểu lên giữa chư Tăng.

Chư Tăng đã dâng y kathina này đến Tỳ khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathina, chư Tăng hài lòng chấp nhận, vì vậy nên ngồi làm thỉnh, con xin ghi nhận

trạng thái hài lòng bằng cách làm thỉnh ấy.

(Hành Tăng sự thọ y kathina xong).

Sau khi tụng xong ñattidutiyakammavācā, vị Tỳ khuru luật sư đại diện chư Tăng dâng tẩm y kathina đến vị Đại Đức Tissa.

Đại Đức Tissa nhận y kathina xong, công việc tuần tự phải làm như sau:

1- Làm dấu y mới: chọn một trong tam y, làm dấu y vòng tròn “O” (kappabindum karomi) như mắt con Công bằng màu đen, hoặc màu xanh đậm, hoặc màu xám tro trên góc chéo y mới để làm lễ thọ y kathina.

2- Cách làm lễ thọ y kathina:

2.1- Nếu đã chọn tẩm y saṃghāṭi (y 2 lớp) để làm lễ thọ y kathina thì trước tiên phải xả y saṃghāṭi cũ, nguyện y saṃghāṭi mới theo tuần tự như sau.

a- Cách xả y saṃghāṭi cũ:

Imaṃ saṃghāṭiṃ paccuddharāmi.

Tôi xin xả y saṃghāṭi cũ này.

b- Cách nguyện y saṃghāṭi mới.

Imaṃ saṃghāṭiṃ adhiṭṭhāmi.

Tôi xin nguyện y saṃghāṭi mới này.

c- Cách dùng tẩm y saṃghāṭi mới để làm lễ thọ y kathina:

Imāya saṃghāṭiyā kathinaṃ attharāmi.

Tôi xin thọ y kathina bằng tẩm y saṃghāṭi này.

(Xong cách dùng y saṃghāṭi để thọ y kathina).

2.2- Nếu đã chọn tám y uttarāsaṅga (y vai trái) để làm lễ thọ y kathina, theo tuần tự như sau:

a- Cách xả y uttarāsaṅga cũ:

Imaṃ uttarāsaṅgaṃ paccuddharāmi.

Tôi xin xả y uttarāsaṅga cũ này.

b- Cách nguyện y uttarāsaṅga mới.

Imaṃ uttarāsaṅgaṃ adhiṭṭhāmi.

Tôi xin nguyện y uttarāsaṅga này.

c- Cách dùng tám y uttarāsaṅga mới để làm lễ thọ y kathina.

Iminā uttarāsaṅgena kathinaṃ attharāmi.

Tôi xin thọ y kathina bằng tám y uttarāsaṅga này.

(Xong cách dùng y uttarāsaṅga để thọ y kathina).

2.3- Nếu đã chọn tám y antaravāsaka (y nội may thành 5 điều) để làm lễ thọ y kathina, theo tuần tự như sau.

a- Cách xả y antaravāsaka cũ:

Imaṃ antaravāsakaṃ paccuddharāmi.

Tôi xin xả y antaravāsaka cũ này.

b- Cách nguyện y antaravāsaka mới.

Imaṃ antaravāsakaṃ adhiṭṭhāmi.

Tôi xin nguyện y antaravāsaka mới này.

c- Cách dùng tám y antaravāsaka mới để làm lễ thọ y kathina.

Iminā antaravāsakena kathinaṃ attharāmi.

Tôi xin thọ y kathina bằng tám y antaravāsaka này.

(Xong cách dùng y antaravāsaka để thọ y kathina).

3- Cách anumodanā: hoan hỉ.

3.1- Vị Đại Đức Tissa sau khi đã thọ y kathina của chư Tăng, mặc y chừa bên vai phải, ngồi chồm hổm ở giữa chư Tỷ khuru Tăng, chấp tay đọc câu động viên, khuyến khích chư Tỷ khuru Tăng hoan hỉ lễ thọ y kathina của chư Tăng rằng:

Atthataṃ Āvuso (Bhante) saṃghassa kathinaṃ dhammiko kathinatthāro anumodatha.

Thưa quý pháp đệ, lễ thọ y kathina của chư Tăng đã xong, thọ y hợp pháp rồi, xin quý vị đồng hoan hỉ.

3.2- Thành phần chư Tỷ khuru đồng hoan hỉ

Theo Chú giải Luật tạng, bộ Mahāvagga dạy rằng:

Những Tỷ khuru có quyền anumodanā: hoan hỉ lễ thọ y kathina của chư Tăng và được hưởng đặc ân 5 quả báu của kathina như sau.

- Tỷ khuru an cư suốt ba tháng hạ trước và làm lễ pavāraṇā.

- Sa di an cư suốt ba tháng hạ trước đủ 20 tuổi, được làm lễ thọ Tỷ khuru trong khi nhập hạ, vị tân Tỷ khuru được làm lễ pavāraṇā cùng với chư Tăng, được kể một hạ thứ nhất, có quyền anumodanā và được hưởng đặc ân 5 quả báu của kathina. Chư Tỷ khuru tăng hoan hỉ như sau:

Atthataṃ Bhante (Āvuso) saṃghassa kathinaṃ, dhammiko kathinatthāro anumodāma.

Kính bạch Đại Đức, lễ thọ y kathina của chư Tăng đã xong, thọ y hợp pháp rồi, chúng con đồng hoan hỉ.

3.3- Thành phần Tỳ khuru không được anumodanā

- Tỳ khuru an cư ba tháng hạ trước, nhưng bị đứt hạ.
- Tỳ khuru an cư ba tháng hạ sau.
- Tỳ khuru an cư suốt ba tháng hạ trước, ở chùa khác đến.
- Tỳ khuru không nhập hạ.

Tất cả những Tỳ khuru trên không có quyền anumodanā: hoan hỷ lễ thọ y kathina của chư Tăng, và cũng không được hưởng 5 quả báu của kathina.

Tất cả Sa di an cư suốt ba tháng hạ với chư Tỳ khuru, không có quyền hành Tăng sự pavāraṇā và anumodanā kathina; nhưng được hưởng phần quả báu kathina của chư Tăng.

Trường hợp Tỳ khuru an cư ba tháng hạ nơi một ngôi chùa nào nhưng chỉ có từ 1 vị đến 4 vị mà thọ nhận y kathina, thì cần phải thỉnh mời thêm Tỳ khuru chùa khác đến tham dự cho đủ 5 vị Tỳ khuru trở lên, để hành Tăng sự tụng ñattidutiyakammavācā, làm lễ thọ y kathina và anumodanā, những vị Tỳ khuru khách không có quyền anumodanā và cũng không được hưởng 5 đặc ân quả báu y kathina.

Và trường hợp chư Tỳ khuru an cư ba tháng hạ nơi nào không có sīmā, thọ nhận y kathina xong, nên đem tám y kathina ấy đến nương nhờ sīmā của ngôi chùa khác, để hành Tăng sự tụng ñattidutiyākammavācā xong, đem tám y kathina ấy trở về chỗ an cư của mình để làm lễ thọ y kathina và annumodanā.

HÀNH PAVĀRAṆĀKAMMA

Mỗi năm vào ngày rằm (15) tháng 9 âm lịch, ngày áp cuối trong 3 tháng an cư nhập hạ của Tỳ khưu, (sáng ngày hôm sau (16) là ngày mãn hạ), Đức Phật cho phép chư Tỳ khưu thỉnh mời (pavāraṇā) để nhắc nhở, khuyên bảo lẫn nhau với tâm từ do bởi thấy, nghe, nghi ngờ. Khi Tỳ khưu nhận thức được sai lầm rồi, sẽ sửa chữa cho trở nên hoàn thiện.

Trong Phật giáo, đối với Tỳ khưu biết rõ đã phạm āpatti nào, lỗi lầm nào, Đức Phật cho phép Tỳ khưu làm lễ sám hối āpatti ấy, lỗi lầm ấy với một vị Tỳ khưu khác hay chư Tăng, nguyện cố gắng thu thúc giữ gìn cho được trong sạch trở lại. Đối với Tỳ khưu không thấy, không biết āpatti, Đức Phật cho phép Tỳ khưu hành lễ pavāraṇā thỉnh mời chư Tăng, hay cá nhân nhắc nhở chỉ dạy những āpatti, những lỗi lầm lẫn nhau. Khi Tỳ khưu nhận thức rõ āpatti, lỗi lầm, sẽ sửa chữa lại cho được hoàn thiện.

Hành Tăng sự pavāraṇā cũng là một trong những cách hành Tăng sự chỉ dành riêng cho Tỳ khưu mà thôi. Những Tỳ khưu được phép tham dự hội họp tại sīmā, để hành Tăng sự pavāraṇākamma, phải hội đủ những điều kiện còn khó hơn cả hành Tăng sự uposathakamma.

- Tỳ khưu có giới hoàn toàn trong sạch.
- Tỳ khưu phải an cư 3 tháng hạ trước, kể từ ngày 16/6 đến ngày 16/9 âm lịch.
- Tỳ khưu suốt 3 tháng an cư nhập hạ không bị dứt hạ...

Những Tỳ khưu này có quyền tham dự hội họp tại sīmā, để làm lễ hành Tăng sự pavāraṇā giữa chư Tỳ

khuru Tăng. Nếu chỗ Tỳ khuru an cư không có sīmā, thì chư Tỳ khuru có thể đến chùa khác có sīmā để làm lễ hành Tăng sự pavāraṇā.

Nếu Tỳ khuru phạm āpatti; Tỳ khuru an cư 3 tháng hạ sau, kể từ ngày 16/7 đến ngày 16/10 âm lịch; Tỳ khuru an cư 3 tháng hạ trước nhưng bị đứt hạ; Tỳ khuru không nhập hạ; những hạng Tỳ khuru này không được phép tham dự lễ hành Tăng sự pavāraṇā.

Pavāraṇā: Lời thỉnh mời, có 3 loại:

1- *Samghapavāraṇā*: Lời thỉnh mời giữa chư Tỳ khuru Tăng.

2- *Gaṇapavāraṇā*: Lời thỉnh mời giữa nhóm Tỳ khuru.

3- *Puggalapavāraṇā*: Một Tỳ khuru nguyện pavāraṇā.

Hành pavāraṇā, có 3 cách:

1- *Tevācikā pavāraṇā*: Pavāraṇā đọc 3 lần.

2- *Dvivācikā pavāraṇā*: Pavāraṇā đọc 2 lần.

3- *Ekavācikā pavāraṇā*: Pavāraṇā đọc 1 lần

Ngày hành pavāraṇā, có 3 ngày:

1- *Pannarasī pavāraṇā*: Pavāraṇā vào ngày rằm tháng 9 (hoặc rằm tháng 10) âm lịch.

2- *Catuddasī pavāraṇā*: Pavāraṇā ngày 14 cuối tháng 9 (tức là ngày 29/9 âm lịch).

3- *Samaggi pavāraṇā*: Pavāraṇā từ ngày 01 nửa tháng 9 sau (tức là ngày 16/9) cho đến ngày rằm tháng 10 âm lịch, chư Tỳ khuru Tăng đồng tâm nhất trí chọn một ngày làm lễ pavāraṇā, gọi là samaggi pavāraṇā.

Giải Thích:**I- SAṂGHAPAVĀRAṆĀ***Lời thỉnh mời giữa chư Tỳ khưu Tăng*

Chư Tỳ khưu Tăng có từ 5 vị Tỳ khưu trở lên phải nên hành Saṁghapāvaraṇā. Những nghi lễ hành Tăng sự pavāraṇā hầu hết hoàn toàn giống như hành Tăng sự uposatha.

Công việc tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā là phận sự của vị Đại Trưởng Lão cao hạ nhất. Trừ khi vị Đại Trưởng Lão ấy không tụng đọc, thì Ngài chỉ định đến vị Đại Đức nhỏ hạ kế tiếp làm phận sự tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā.

Nghi Thức Trước Khi Hành Saṁghapavāraṇā

Tất cả chư Tỳ khưu Tăng hội họp tại sīmā, ngồi cách nhau trong một hatthapāsa (2 cùi tay+1 gang), trình chư Tăng biết pháp danh 2 vị Đại Đức luật sư: vị Đại Đức luật sư vấn, pháp danh “Tissa”, và vị Đại Đức luật sư đáp, pháp danh “Datta”.

Ajjhesakañatti:

Ls1:- *Suṇātu me Bhante saṁgho, yadi saṁghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmantaṃ Tissaṃ bhikkhuṃ pavāraṇāñattitthapanam ajjheseyyam.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của con, nếu việc thỉnh mời tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā hợp thời đối với chư Tăng, con xin kính thỉnh Ngài Đại Đức Tissa tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā.

Lời thỉnh mời:

Tỳ khuru luật sư ngồi chồm hóm, chắp 2 tay đọc câu thỉnh mời 3 lần:

Ls2:- *“Saṃgho Bhante, āyasmantaṃ Tissaṃ pavāraṇāñattitthapanaṃ ajjhesati, thapetu Bhante āyasmā Tisso pavāraṇāñattim.*

- *Dutiyampi Bhante, saṃgho āyasmantaṃ Tissaṃ pavāraṇāñattitthapanaṃ ajjhesati, thapetu Bhante āyasmā Tisso pavāraṇāñattim.*

- *Tatiyampi Bhante, saṃgho āyasmantaṃ Tissaṃ pavāraṇāñattitthapanaṃ ajjhesati, thapetu Bhante āyasmā Tisso pavāraṇāñattim.”.*

Kính bạch Ngài Đại Đức, chư Tăng kính thỉnh Ngài tụng đọc tuyên ngôn saṃghapavāraṇā. Kính xin Đại Đức Tissa tụng đọc tuyên ngôn saṃghapavāraṇā ... lần thứ nhì ... lần thứ ba.

Ls1:- *Āma, thapessāmi.*

Vâng, tôi sẽ tụng đọc tuyên ngôn saṃghapavāraṇā)

Vinayapucchakañatti:

(Tuyên ngôn vị Đại Đức Tissa vấn Vinaya).

Ls1:- *Suṇātu me Bhante saṃgho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmantaṃ Dattaṃ bhikkhuṃ vinayaṃ puccheyyaṃ.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của tôi, nếu việc hỏi vinaya hợp thời đối với chư Tăng, tôi xin hỏi Đại Đức Datta về vinaya.

Vissajjakañatti:

Tuyên ngôn vị Đại Đức Datta đáp Vinaya.

Ls2:- *Suñātu me Bhante saṃgho, yadi saṃghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmatā Tissena bhikkhunā vinayaṃ puṭṭho vissajjeyyaṃ.*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn của con, nếu việc trả lời vinaya hợp thời đối với chư Tăng, con xin trả lời Đại Đức Tissa hỏi về vinaya.

Ls1:- *Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca. Pavāraṇāya etāni, pubbakaraṇaṃ'ti vuccati.*

Chú giải dạy, có 4 công việc cần phải làm trước khi chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại Sīmā để hành Tăng sự pavāraṇā:

V.1:- *Công việc quét dọn, lau chùi bên ngoài, bên trong sīmā xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

V.2:- *Công việc đốt đèn xong hay chưa?*

Đ:- *Ban ngày, công việc đốt đèn không cần thiết. Bạch Ngài.*

V.3:- *Công việc lo nước dùng, nước uống xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

V.4:- *Công việc sắp đặt, trải chỗ ngồi cho chư Tỳ khuru xong hay chưa?*

Đ:- *Xong rồi. Bạch Ngài.*

Chanda, Pavāraṇā

Trong trường hợp Mahāsīmā (hoặc gāmasīmā), Tỳ khuru nào không thể đến tham dự lễ hành Tăng sự pavāraṇākamma vì bị bệnh, vị Tỳ khuru ấy cần phải gởi chanda, pavāraṇā cho một vị Tỳ khuru khác.

*** Cách gởi chanda, pavāraṇā**

- Tỳ khuru gởi chanda: *Chandaṃ dammi, chandaṃ me hara, chandaṃ me ārocehi. (3 lần).*

- Tỳ khuru nhận chanda: *Āma, Bhante (Āvuso).*

- Tỳ khuru gởi pavāraṇā: *Pavāraṇaṃ dammi, pavāraṇaṃ me hara, pavāraṇaṃ me ārocehi mamatthāya pavārehi⁽¹⁾. (3 lần)*

Tôi gởi pavāraṇā, xin Ngài nhận pavāraṇā của tôi, xin Ngài trình pavāraṇā của tôi đến chư Tăng, xin nhờ Ngài pavāraṇā để đem lại sự lợi ích cho tôi.

- Tỳ khuru nhận pavāraṇā: *Āma, Bhante (Āvuso).*

*** Cách trình chanda, pavāraṇā**

Khi chư Tỳ khuru Tăng đã hội họp đông đủ tại sīmā, vị Tỳ khuru nhận chanda, pavāraṇā xin phép chư Tăng trình chanda, pavāraṇā của Tỳ khuru bệnh tên là “Mitta” rằng:

Mittanāmena Bhante, bhikkhunā chando dinno. (3 lần).

Mitto Bhante, bhikkhu saṃghaṃ pavāreti dīṭṭhena vā, sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu taṃ saṃgho anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissati. (3 lần).

Năm phận sự trình lên chư Tỳ khuru Tăng

V:- *Chandapavāraṇā utukkhānaṃ,*

bhikkhugaṇaṇā ca ovādo.

Pavāraṇāya etāni, pubbakiccan'ti vuccati.

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Pavāraṇakkhandhaka.

Chú giải dạy, có 5 phận sự phải trình lên chư Tăng trước khi hành Tăng sự pavāraṇā là:

V.1:- *Tỳ khuru bệnh gởi chanda, pavāraṇā, Tỳ khuru nhận chanda, pārisuddhi, phận sự trình chanda, pavāraṇā đến chư Tăng xong chưa?*

Đ:- *Không phải mahāsīmā, gāmasīmā, đây là khaṇḍasīmā, cho nên phận sự trình chanda, pavāraṇā không có. Bạch Ngài.*

V.2:- *Trong một năm có 3 mùa: mùa lạnh, mùa nóng, mùa mưa. Trong 3 mùa ấy, hiện nay thuộc về mùa nào?*

Đ:- *Hiện nay đang thuộc về mùa mưa. Bạch Ngài.*

V.3:- *Trong mùa mưa gồm có 8 pakkha⁽¹⁾. Trong 8 pakkha ấy, đã qua bao nhiêu pakkha? Hiện tại đến pakkha thứ mấy? Còn lại bao nhiêu pakkha?*

Đ:- *Đã qua 5 pakkha, hiện tại đến pakkha thứ 6 và còn lại 2 pakkha. Bạch Ngài.*

V.4:- *Trong sīmā này, có bao nhiêu Tỳ khuru đến hội họp?*

Đ:- *Có ... vị Tỳ khuru đến hội họp. Bạch Ngài.*

V.5:- *Phận sự dạy dỗ Tỳ khuru ni đã trình xong chưa?*

Đ:- *Hiện nay Tỳ khuru ni không còn nữa, nên phận sự dạy dỗ không có. Bạch Ngài.*

Bốn chi pháp hợp lệ để hành Tăng sự pavāraṇā

Trước khi tụng tuyên ngôn pavāraṇā, mỗi vị Tỳ khuru đọc lời thỉnh mời pavāraṇā, điều quan trọng cần phải hợp đủ 4 chi pháp.

¹ Nếu nhằm tháng nhuận thì gồm 10 pakkha.

Pavāraṇā yāvatikā ca bhikkhū kammappattā.

Sabhāgāpattiyo na vijjanti.

Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti.

Pattakallan'ti vuccati.

Chú giải dạy, lễ tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā cần phải có đầy đủ 4 chi pháp hợp lệ là:

V1:- *Pavāraṇā có 3 ngày: catuddasī pavāraṇā, pannarasī pavāraṇā và sāmaggī pavāraṇā. Trong 3 ngày ấy, hôm nay thuộc về ngày pavāraṇā nào?*

Đ:- *Pannarasī pavāraṇā Bạch Ngài.*

V:- *Tỳ khuru hành pavāraṇā có 3 loại: saṃgha pavāraṇā, gaṇa pavāraṇā và puggala pavāraṇā. Trong 3 loại ấy, hôm nay hành loại nào?*

Đ:- *Saṃgha pavāraṇā. Bạch Ngài.*

V:- *Hành pavāraṇā có 3 cách: tevācikā pavāraṇā, dvevācikā pavāraṇā và adhiṭṭhāna pavāraṇā. Trong 3 cách ấy, hôm nay hành cách nào?*

Đ:- *Tevācikā pavāraṇā. Bạch Ngài.*

V2:- *Chư Tỳ khuru có 5 vị trở lên phải hành saṃgha pavāraṇā, hành theo cách tevācikā pavāraṇā là điều hợp với luật. Vậy tất cả chư Tỳ khuru đang ngồi trong hatthapāsa hội họp tại sīmā, có phải không?*

Đ:- *Chư Tỳ khuru đều ngồi trong hatthapāsa. Bạch Ngài.*

V3:- *Chư Tỳ khuru ngồi trong hatthapāsa đều có giới hoàn toàn trong sạch phải không? Không có vị Tỳ khuru nào phạm sabhāgāpatti, có phải không?*

Đ:- *Tất cả chư Tỳ khuru đều có giới hoàn toàn trong sạch, không có vị Tỳ khuru nào phạm sabhāgāpatti. Bạch Ngài.*

V4:- *Chư Tỳ khưu ngồi trong hatthapāsa hoàn toàn không có 21 hạng người nên loại bỏ, có phải không?*

Đ:- *Hoàn toàn không có 21 hạng người ấy. Bạch Ngài.*

Đó là 4 chi pháp hợp lệ gồm: ngày hành Tăng sự pavāraṇā, chư Tỳ khưu đang ngồi trong hatthapāsa tại sīmā, không có Tỳ khưu phạm sabhāgāpatti và không có 21 hạng người nên loại bỏ. Khi đã đầy đủ 4 chi pháp hợp lệ này, mới có thể tiến hành lễ tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā và mỗi vị Tỳ khưu đọc lời pavāraṇā giữa chư Tỳ khưu Tăng.

Pubbakaraṇapubbakiccāni samādapetvā desitā-pattikassa samaggassa bhikkhusamghassa anumatiyā pavāraṇāñattiṃ thapetuṃ ārādhanaṃ karoma.

Tất cả chư Tỳ khưu Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

Pavāraṇā ñatti: *Tuyên ngôn samghapavāraṇā*

Ls:- *Suñātu me Āvuso (Bhante) samgho, ajja pavāraṇā pannarasī, yadi samghassa pattakallaṃ, samgho tevāsikaṃ pavāreyya⁽¹⁾.*

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Samghapavāraṇā.

- Samgho tevāsikaṃ pavāreyya: Như vậy, mỗi vị Tỳ khưu đọc lời pavāraṇā 3 lần.

- Samgho dtevāsikaṃ pavāreyya: Như vậy, mỗi vị Tỳ khưu đọc lời pavāraṇā 2 lần (hoặc 3 lần cũng nên).

- Samgho ekavāsikaṃ pavāreyya: Như vậy, mỗi vị Tỳ khưu đọc lời pavāraṇā 1 lần (hoặc 2 3 lần cũng nên).

- Samgho samāṃavassikaṃ pavāreyya: Như vậy, những vị Tỳ khưu đồng tuổi hạ cùng đọc lời pavāraṇā 3 lần.

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin chư Tăng nghe rõ lời tuyên ngôn pavāraṇā của tôi. Hôm nay ngày rằm (15) pavāraṇā, nếu việc hành Tăng sự pavāraṇā hợp thời đối với chư Tăng, xin chư Tăng thỉnh mời bằng lời pavāraṇā 3 lần.

Tất cả chư Tỳ khuru đều phải ngồi chồm hóm, chấp 2 tay lên trán, đầu tiên, vị Đại Trưởng Lão cao hạ nhất trong chư Tăng đọc trước rằng:

- *Samghaṃ Āvuso, pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Āvuso, samghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Āvuso, samghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Này chư pháp đệ, tôi kính thỉnh chư Tăng nhắc nhở tôi với tâm từ bi kính mến, do thấy, hoặc do nghe, hoặc nghi ngờ về tôi. Khi tôi nhận thức thấy rõ sai lầm, tôi sẽ sửa chữa lại cho hoàn thiện. ... lần thứ nhì. ... lần thứ ba.*

- Tất cả chư Tỳ khuru nhỏ hạ đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

(Vị Đại Trưởng Lão có thể ngồi xuống).

Tuần tự, đến vị Đại Đức thấp hạ kế tiếp đọc lời pavāraṇā:

- *Samghaṃ Bhante, pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Bhante, samghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Bhante, samghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Tất cả chư Tỳ khưu đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

Và cứ như vậy, tiếp tục theo tuần tự cho đến vị Tỳ khưu nhỏ hạ cuối cùng.

II- GAṆAPAVĀRAṆĀ

Lời thỉnh mời giữa nhóm Tỳ khưu

Nhóm Tỳ khưu ở đây chỉ có 4 vị, hoặc 3 vị, hoặc 2 vị không thể hành samghapavāraṇā, nên Đức Phật cho phép hành gaṇapavāraṇā.

Trước khi hành gaṇapavāraṇā, mọi nghi thức cũng giống như samghapavāraṇā.

- Bốn công việc phải làm xong, trước khi chư Tỳ khưu đến hội họp tại sīmā.

- Năm phận sự phải trình lên chư Tỳ khưu hội họp.

- Bốn chi pháp hợp lệ, đầy đủ để hành lễ pavāraṇā.

Hành gaṇapavāraṇā có 3 trường hợp:

1- Trường hợp 4 vị Tỳ khuru

Vị Tỳ khuru cao hạ nhất ngồi chồm hỏm, chấp 2 tay lên trán tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā.

Gaṇapavāraṇā ñatti: có 4 vị Tỳ khuru

Suṇantu me āyasmanto, ajja pavāraṇā panna-rasī, yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ, mayam aññaṃaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma⁽¹⁾.

Thưa quý pháp đệ, xin quý pháp đệ nghe rõ lời tuyên ngôn pavāraṇā của tôi. Hôm nay ngày rằm (15) pavāraṇā, nếu việc pavāraṇā hợp thời đối với quý pháp đệ, chúng ta thỉnh mời bằng lời pavāraṇā 3 lần.

Tiếp theo Ngài đọc lời pavāraṇā rằng:

- *Ahaṃ Āvuso, āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Āvuso, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Āvuso, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Ba vị Tỳ khuru nhỏ hạ đồng thanh nói lên lời hoan hỉ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

¹ Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Saṃghapavāraṇā.

Tuần tự đến vị Tỳ khuru thấp hạ kế tiếp đọc lời :

- *Ahaṃ Bhante, āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Bhante, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Bhante, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Ba vị Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Sādhū!*

Và cứ như vậy, tiếp tục cho đến vị Tỳ khuru nhỏ hạ cuối cùng.

2- Trường hợp chỉ có 3 vị Tỳ khuru

Vị Tỳ khuru cao hạ nhất ngồi chồm hỏm, chấp 2 tay lên trán tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā.

Gaṇapavāraṇā ñatti: có 3 vị Tỳ khuru.

Suṇantu me āyasmantā, ajja pavāraṇā pannarasī, yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ, mayaṃ aññamaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma.

Tiếp theo Ngài đọc lời pavāraṇā rằng:

- *Ahaṃ Āvuso, āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Āvuso, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatīyampi Āvuso, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Hai vị Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỷ:
Sādhū! Bhante sādhū!

Tuần tự đến vị Tỳ khuru thấp hạ kế tiếp đọc lời:

- *Ahaṃ Bhante, āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Bhante, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatīyampi Bhante, ahaṃ āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Hai vị Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỷ:
Sādhū! Sādhū!

Và cứ như vậy, tiếp tục cho đến vị Tỳ khuru nhỏ hạ cuối cùng.

3- Trường hợp chỉ có 2 vị Tỳ khuru

Hai vị Tỳ khuru thì không cần tụng đọc tuyên ngôn pavāraṇā, mà chỉ đọc lời pavāraṇā 3 lần.

Vị Tỳ khuru cao hạ đọc lời pavāraṇā rằng:

- *Ahaṃ Āvuso, āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Āvuso, ahaṃ āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Āvuso, ahaṃ āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Vị Tỳ khuru nhỏ hạ nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Bhante sādhū!*

Vị Tỳ khuru nhỏ hạ đọc lời pavāraṇā:

- *Ahaṃ Bhante, āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Dutiyampi Bhante, ahaṃ āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- *Tatiyampi Bhante, ahaṃ āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā, sutena vā, parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

- Vị Tỳ khuru cao hạ nói lên lời hoan hỷ: *Sādhū! Sādhū!*

III- PUGGALAPAVĀRAṆĀ

Một Tỳ khuru nguyện pavāraṇā

Tỳ khuru nhập hạ một mình ở nơi thanh vắng, khi đến ngày hành lễ pavāraṇā, cần phải làm 4 công việc(pubbakaraṇa), rồi chờ đợi một vị Tỳ khuru khác từ phương xa đến để hành lễ pavāraṇā với nhau. Cuối cùng, không thấy vị Tỳ khuru nào đến, chỉ có một mình, Đức Phật cho phép hành lễ adhiṭṭhāna pavāraṇā như sau:

- Theo Luật tạng, bộ Mahāvagga, phần Saṃgha-pavāraṇā Đức Phật dạy:

Ajja me pavāraṇā.

Hôm nay ngày pavāraṇā của tôi.

- Theo Chú giải:

Ajja me pavāraṇā pannarasī adhiṭṭhāmi.

Dutiyampi, ajja me pavāraṇā pannarasī adhiṭṭhāmi.

Tatiyampi, ajja me pavāraṇā pannarasī adhiṭṭhāmi.

Hôm nay, tôi nguyện ngày rằm (15) pavāraṇā của tôi. ... lần thứ nhì. ... lần thứ ba.

Lợi ích lời Pavāraṇā

Người ta thường thấy lỗi người khác thì dễ, thấy lỗi của mình thì khó. Riêng bậc Thiện trí thường có trí nhớ, trí tuệ biết mình, mới tự thấy được lỗi của mình mà sửa chữa, để trở nên thánh thiện, không quan tâm đến lỗi người khác; nhưng một khi có người nào thỉnh mời, nhờ nhắc nhở, chỉ dạy những āpatti, những lỗi lầm, khi ấy, bậc Thiện trí có tấm lòng từ, bi, mong

muốn sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài của người ấy, Ngài mới quan tâm giúp đỡ chỉ ra những āpatti, những lỗi lầm và dạy cách sửa chữa bỏ điều sai làm điều đúng, bỏ điều ác làm điều thiện, để cho người ấy trở nên người thiện...

Trong đoàn thể chư Tỳ khưu Tăng, muốn cho được hoàn thiện, để đem lại đức tin đối với những người chưa có đức tin và làm tăng trưởng đức tin đối với những người đã có đức tin, nên Đức Phật chế định cách hành Tăng sự pavāraṇā của chư Tỳ khưu, từ vị Đại Trưởng Lão cho đến vị tân Tỳ khưu, mỗi vị đều thành tâm nghiêm chỉnh, tha thiết nói lên lời thỉnh mời chỉ rõ lỗi của mình, trong trường hợp do thấy, do nghe, hoặc do nghi ngờ. Khi nhận thấy đúng, vị ấy phải xin thành tâm sám hối và sửa chữa để trở nên thánh thiện, tốt đẹp. Tốt đẹp không chỉ riêng cho mình, mà còn chung cho đoàn thể chư Tỳ khưu Tăng. Đó là sự lợi ích của việc hành Tăng sự pavāraṇā (*lời thỉnh mời*).

PHẨM VỊ TRONG PHẬT GIÁO

Tỳ khuru trong Phật giáo, khi đã trải qua một mùa hạ (vassa), thì được tính một tuổi hạ. Nếu trải qua bao nhiêu mùa hạ, thì được tính bấy nhiêu tuổi hạ. Cho nên, có sự phân chia phẩm vị theo tuổi hạ thấp - cao, để có sự kính trọng, lễ bái, đánh lễ cúng dường. Nếu Tỳ khuru có tuổi hạ bằng nhau, thì tính theo tháng, ngày, giờ làm lễ thọ Tỳ khuru trước - sau. Vị Tỳ khuru nào làm lễ thọ Tỳ khuru trước, so về thời gian, thì vị ấy được xem là **vị Tỳ khuru lớn**, còn vị kia được xem là **vị Tỳ khuru nhỏ**. Trường hợp 2 hoặc 3 vị Sa di làm lễ thọ Tỳ khuru cùng một lúc, thì tính theo tuổi đời lớn - nhỏ, sắp đặt theo thứ tự: vị lớn tuổi trước, vị nhỏ tuổi sau; khi tụng đọc trong Ñatticatutthakammavācā; tên vị nào tụng đọc trước, vị Tỳ khuru ấy được xem là **vị Tỳ khuru lớn**; còn tên vị nào tụng đọc sau, vị Tỳ khuru ấy được xem là **vị Tỳ khuru nhỏ**.

Theo luật của Đức Phật ban hành, đối với vị Tỳ khuru nhỏ, phải nên kính trọng, lễ bái, đánh lễ, cúng dường, tôn kính vị Tỳ khuru lớn, khi xưng hô, thì gọi vị Tỳ khuru lớn, bằng tiếng “*Bhante: Bạch Đại Trưởng Lão, Bạch Đại Đức, hoặc Bạch Pháp Huỳnh*”. Và vị Tỳ khuru lớn, gọi vị Tỳ khuru nhỏ hạ, thọ Tỳ khuru sau bằng tiếng “*Āvuso: này con, hoặc: Này Pháp đệ*”.

Tỳ khuru có 3 bậc⁽¹⁾:

1- *Nava: Tân Tỳ khuru*, bậc Tỳ khuru kể từ khi trở thành Tỳ khuru cho đến dưới 5 tuổi hạ, là bậc Tỳ khuru còn phải nương nhờ ở thầy để học luật, hành theo luật,

¹ Vinayapīṭaka, Pārājikakanda...

học pháp học và pháp hành, cho hiểu rõ luật và pháp, để có thể tự nương nhờ nơi sở học, hành của mình.

2- *Majjhima*: **Trung Đức**, bậc Tỷ khuru kể từ 5 tuổi hạ cho đến dưới 10 tuổi hạ.

3- *Thera*: **Đại Đức**, bậc Tỷ khuru kể từ 10 tuổi hạ trở lên.

Thera, có 2 bậc⁽¹⁾:

1- *Anuthera*: Đại Đức, bậc Tỷ khuru kể từ 10 tuổi hạ cho đến 19 tuổi hạ.

2- *Mahāthera*: Đại Trưởng Lão, bậc Tỷ khuru kể từ 20 tuổi hạ trở lên.

Thera, có 3 loại⁽²⁾:

1- *Jātitthera*: Bô lão trong đời do sống lâu hay dòng dõi cao quý.

2- *Dhammathera*: Đại Đức do hợp đủ chi pháp. Đức Phật dạy, có 4 chi pháp để trở thành Đại Đức:

- Bậc có giới hạnh trong sạch đầy đủ.
- Bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng.
- Bậc chứng đắc tứ thiền.
- Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt đoạn tuyệt mọi phiền não.

Bậc có đầy đủ 4 chi pháp trên, hoặc chỉ có một chi pháp nào trong đó, thì cũng được gọi là Dhammathera.

3- *Sammutithera*: Đại Đức do chế định gọi tên “Đại Đức, Đại Đức”. Như khi gặp Tỷ khuru hoặc Sa di, người ta gọi “Đại Đức”, do lòng kính trọng.

¹ Bộ Mañimañcū.

² Majjhimanikāya, Pāthikavagga, kinh Saṅgītisutta.

Ý Nghĩa Thera

Trong bộ Chú giải Apadāna định nghĩa:

- *Thiravarasīla-samādhī-paññā-vimutti-vimuttiñāṇa-dassanagūṇehi yuttā'ti therō.*

Thera: Đại Đức là bậc thường trú trong 5 đức tính cao quý: Giới – Định – Tuệ – Giải thoát (Thánh Quả) – Giải thoát tri kiến (tuệ quán xét).

KINH THERASUTTA

Trong Chi bộ kinh, Đức Phật thuyết giảng bài kinh Therasutta như sau⁽¹⁾:

- *Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru là bậc Thera hợp với 10 pháp, ở nơi nào cũng được an lạc.*

10 pháp ấy là:

1- Tỳ khuru là bậc Thera sống lâu, có tuổi hạ cao.

2- Tỳ khuru là bậc có giới, thực hành nghiêm chỉnh tất cả điều học.

3- Tỳ khuru là bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, thông thuộc rành rẽ Tam tạng, thông suốt chánh kiến, hiểu rõ chánh pháp, truyền bá phạm hạnh cao thượng hoàn hảo đoạn đầu, hoàn hảo đoạn giữa, hoàn hảo đoạn chót, bằng lời lẽ văn chương hoàn toàn trong sáng, đầy đủ ý nghĩa.

4- Tỳ khuru là bậc thông thuộc Bhikkhupātimokkha và Bhikkhunīpātimokkha, hiểu biết rõ điều học và nhận thức đúng đắn theo luật.

¹ Aṅguttaranikāya, Dasakanipāta.

5- Tỳ khuru là bậc có trí tuệ sáng suốt có thể làm vắng lặng được sự biến (*adhikaraṇa*) xảy ra giữa chư Tỳ khuru.

6- Tỳ khuru là bậc kính trọng chánh pháp, lắng nghe chánh pháp, thường thuyết giảng chánh pháp, thỏa thích trong Vi diệu pháp (*abhidhamma*), Vi diệu luật (*abhivinnaya*).

7- Tỳ khuru là bậc biết tri túc trong y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh phát sanh do phước duyên.

8- Tỳ khuru là bậc khi bước tới, bước lui, hoặc ngồi trong nhà đều thu thúc lục căn thanh tịnh, xứng đáng để phát sanh đức tin trong sạch nơi Ngài.

9- Tỳ khuru là bậc đã chứng đắc tứ thiền, muốn nhập bậc thiền nào cũng không khó, là pháp hưởng an lạc ở hiện tại.

10- Tỳ khuru là bậc Thánh A-ra-hán đã giải thoát bằng thiền định (*ceto vimutti*), hoặc thiền tuệ (*paññā vimutti*), đã diệt đoạn tuyệt mọi phiền não ngấm ngấm không còn dư sót bằng 4 Thánh Đạo Tuệ trong kiếp hiện tại này.

Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru là bậc Thera hợp với 10 pháp này, thì ở nơi nào cũng được an lạc.

Bậc Thera thật như thế nào?

Bậc Thera thật không những là bậc có tuổi hạ cao, mà còn kể đến những bậc Sāmaṇera - Sa di đã chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong Chú giải Pháp cú, tích Ngài Lakundaka-bhaddiyatthera là bậc Thánh A-ra-hán, được tóm lược như sau:

“Một hôm, nhóm 30 Tỳ khuru đến hầu Đức Thế Tôn, nhìn thấy Đại Đức *Lakunḍakabhaddiya* vừa đi ra, thì họ vào đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một nơi hợp lẽ.

Đức Thế Tôn xét thấy nhóm 30 Tỳ khuru này có duyên lành chứng đắc *A-ra-hán*, nên Ngài hỏi rằng:

- Các con có nhìn thấy một bậc *Thera* vừa mới đi ra khỏi nơi đây không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con không thấy. Bạch Ngài. – Nhóm 30 Tỳ khuru trả lời.

- Vậy các con đã thấy ai vừa đi ra khỏi nơi đây vậy?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con vừa thấy một *Sāmaṇera*: *Sa di*, đi ra. Bạch Ngài.

- Nay chư Tỳ khuru, *Lakunḍaka* ấy không phải là *Sāmaṇera* bình thường, mà là một bậc *Thera* thật đó!

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vị *Sa di* còn quá nhỏ. Bạch Ngài.

- Nay chư Tỳ khuru, *Như Lai* không những chỉ gọi người có tuổi cao, hạ lớn ngồi chỗ Đại Đức là *Thera*; mà *Như Lai* còn gọi bậc nào đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, lúc nào cũng không làm khổ mọi người, bậc ấy cũng được gọi là *Thera* thật, vậy.

Dạy xong, Đức Thế Tôn thuyết bài kệ rằng:

“*Na tena thero so hoti,
Yenassa palitaṃ siro.
Paripakko vayo tassa,
Moghajjīṇo ’ti vuccati.*”

*Yamhi saccañca dhammo ca,
ahiṃsā saṃyamo damo.
Sa ve vantamalo thīro,
“Thero” iti pavuccati”⁽¹⁾.*

Nghĩa:

*Đầu bạc tuổi tác cao,
Thời lão niên của họ,
Gọi là già vô dụng.
Không phải là Thera.*

*Người nào giới trong sạch,
Có lục căn thanh tịnh.
Có đầy lòng bi mẫn,
Không làm hại chúng sinh,
Chúng ngộ Tứ thánh đế,
Cùng pháp Siêu tam giới.
Diệt đoạn tuyệt phiền não,
Bằng 4 Thánh Đạo Tuệ.
Bậc trí ấy gọi là: “Thera! Thera!” thật.*

*Nhóm 30 Tỳ khuru khi nghe Đức Phật thuyết xong
hai bài kệ, tất cả đều chứng đắc thành bậc Thánh A-
ra-hán .*

¹ Dhammapadagāthā, kệ số 260-261.

TỨ THANH TỊNH GIỚI

(*Catupeārisuddhisīla*)

Tứ thanh tịnh giới là giới đầy đủ của Tỳ khuru. Vị Tỳ khuru phải giữ gìn bốn giới này được thanh tịnh, để làm nền tảng cho tất cả mọi thiện pháp, nhất là pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ, đem lại sự an lạc kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

Tứ thanh tịnh giới là :

1- *Pātimokkhasaṃvarasīla*: *Giới thu thúc giải thoát khổ.*

2- *Indriyaṣaṃvarasīla*: *Giới thu thúc lục căn.*

3- *Ājīvapārisuddhisīla*: *Giới nuôi mạng chân chánh.*

4- *Paccayasannissitasīla*: *Giới nương nhờ tứ vật dụng.*

Giải Thích:

1- *Giới thu thúc giải thoát khổ như thế nào?*

- Giới thu thúc giải thoát khổ đó là 227 điều học trong Bhikkhupātimokkha... Tỳ khuru giữ gìn giới được trong sạch đầy đủ, có thể giải thoát khổ ở kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

- Tỳ khuru giữ gìn giới được trong sạch và đầy đủ là do nhờ có đức tin đầy đủ (saddhasādhana). Tỳ khuru có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, thì việc giữ gìn giới dám coi trọng hơn việc giữ gìn sanh mạng. Do đó, giới được giữ gìn trong sạch và đầy đủ.

Nếu khi Tỳ khuru phạm giới nhẹ, giới không trong sạch, để giúp làm cho giới trở nên trong sạch lại, bằng cách *sám hối āpatti (desanāsuddhi)*. Khi Tỳ khuru sám hối āpatti xong, thì giới trong sạch trở lại.

2- Giới thu thúc lục căn như thế nào?

Lục căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn là nơi tiếp xúc của lục trần: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần.

Giới thu thúc lục căn là Tỳ khuru có **chánh niệm:**

- Khi **sắc trần** tiếp xúc với nhãn căn, phát sanh **nhãn thức tâm** làm phận sự nhìn thấy sắc trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **nhãn thức tâm** thấy sắc trần thuộc **danh pháp**, còn **sắc trần** thuộc **sắc pháp**, không phải ta, người, chúng sinh, vật này, vật kia...

- Khi **thanh trần** tiếp xúc với nhĩ căn, phát sanh **nhĩ thức tâm** làm phận sự nghe thanh trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **nhĩ thức tâm** nghe thanh trần thuộc **danh pháp**, còn **thanh trần** thuộc **sắc pháp**, không phải ta, người...

- Khi **hương trần** tiếp xúc với tỷ căn, phát sanh **tỷ thức tâm** làm phận sự ngửi hương trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **tỷ thức tâm** ngửi hương trần thuộc **danh pháp**, còn **hương trần** thuộc **sắc pháp**, không phải ta, người...

- Khi **vị trần** tiếp xúc với thiệt căn, phát sanh **thiệt thức tâm** làm phận sự nếm vị trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **thiệt thức tâm** nếm vị trần thuộc **danh pháp**, còn **vị trần** thuộc **sắc pháp**, không phải ta, người...

- Khi **xúc trần** tiếp xúc với thân căn, phát sanh **thân thức tâm** làm phận sự tiếp xúc với xúc trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **thân thức tâm** tiếp xúc với xúc trần thuộc **danh pháp**, còn **xúc trần** thuộc **sắc pháp**, không phải ta, người...

- Khi **pháp trần** tiếp xúc với ý căn, phát sanh **ý thức tâm** làm phận sự biết pháp trần ấy; Tỳ khuru có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ **ý thức tâm** biết pháp trần thuộc **danh pháp**, còn **sắc pháp trần** thuộc **sắc pháp**, hoặc **danh pháp trần** thuộc **danh pháp**, không phải ta, người, chúng sinh, vật này, vật kia...

Đó gọi là giới thu thúc lục căn thanh tịnh.

Tỳ khuru giữ gìn giới thu thúc lục căn thanh tịnh là do nhờ chánh niệm đầy đủ (satisādhana).

Giới thu thúc lục căn được thanh tịnh bằng cách **thu thúc thanh tịnh** (*saṃvarasuddhi*).

3- Giới nuôi mạng chân chánh thanh tịnh như thế nào?

Tỳ khuru từ bỏ mọi cách sống tà mạng, như làm ra vẽ đạo đức, lời nói ngon ngọt để lừa gạt,... chỉ vì lòng tham muốn thấp hèn để nuôi mạng.

Tỳ khuru từ bỏ mọi cách sống tà mạng, sống bằng cách chánh mạng trong sạch, do nhờ sự tinh tấn đầy đủ (*vīriyasādhana*). Tỳ khuru có sự tinh tấn đầy đủ, có sự tri túc trong bốn thứ vật dụng, không sanh tâm tham muốn thấp hèn, không hợp với giới luật của Đức Phật đã ban hành.

Tỳ khuru có sự tinh tấn đi tìm kiếm bốn thứ vật dụng:

- **Y phục**: lượm vải dơ may mặc.

- **Vật thực:** đi khát thực từng nhà một để nuôi mạng.
- **Chỗ ở:** cội cây, hang động để hành đạo.
- **Thuốc trị bệnh:** dùng nước tiểu bò con, rễ cây làm thuốc, một cách hợp với giới luật của Đức Phật đã ban hành.

Như vậy, Tỳ khuru có giới nuôi mạng chân chánh thanh tịnh là do nhờ sự **tinh tấn đầy đủ**. Tỳ khuru có sự tinh tấn đầy đủ, phải từ bỏ mọi cách sống tà mạng, sống bằng cách chánh mạng trong sạch.

Giới nuôi mạng chân chánh thanh tịnh bằng cách tinh tấn **tìm kiếm thanh tịnh** (*pariyetthisuddhi*).

4- Giới nương nhờ tứ vật dụng như thế nào?

Tứ vật dụng đó là: **y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc trị bệnh**, là bốn thứ vật dụng thiết yếu cho đời sống Tỳ khuru. Cho nên, mỗi khi Tỳ khuru đang dùng thứ vật dụng nào, nên có trí tuệ sáng suốt quán tưởng thứ vật dụng ấy.

- Khi Tỳ khuru mặc y, nên có trí tuệ quán tưởng rằng:

“Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi, yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sirīsapa-samphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva hirikopīnappaticchādanattham”.

- Khi Tỳ khuru thọ thực, nên có trí tuệ quán tưởng rằng:

“Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi, neva davāya, na madāya, na maṇḍanāya, na vibhūsanāya, yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyānuggahāya, iti purāmañca vedanaṃ paṭihankhāmi, navañca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca”.

- Khi Tỳ khuru ở chỗ ở, nên có trí tuệ quán tưởng rằng:

“Paṭisaṅkhā yoniso senāsanam paṭisevāmi, yāvadeva sītassa paṭighātāya, uṇhassa paṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sirīsapa-samphassānam paṭighātāya, yāvadeva utuparissayavinodana-paṭisallānārāmattham”.

- Khi Tỳ khuru dùng thuốc trị bệnh, nên có trí tuệ quán tưởng rằng:

“Paṭisaṅkhā yoniso gilānappaccayabhesajja-parikkhāram paṭisevāmi, yāvadeva uppannānam veyyābādhikānam vedanānam paṭigātāya abyābajjhaparamatāya”.

Khi Tỳ khuru nào đang dùng thứ vật dụng nào, mà không quán tưởng, vị Tỳ khuru ấy dùng vật dụng ấy, như người mang nợ (*iṇaparibhoga*).

Như vậy, Tỳ khuru có giới nuôi mạng chân chính, là do nhờ sự tinh tấn đầy đủ. Còn giới nương nhờ tứ vật dụng thanh tịnh là do nhờ trí tuệ đầy đủ (***paññāsādhana***). Tỳ khuru có trí tuệ đầy đủ, mỗi khi dùng thứ vật dụng nào, đều có trí tuệ quán tưởng thứ vật dụng ấy.

Giới nương nhờ tứ vật dụng được thanh tịnh, bằng cách ***quán tưởng thanh tịnh*** (*paccavekkhaṇasuddhi*), mỗi khi dùng thứ vật dụng nào, nên có trí tuệ quán tưởng biết rõ sự lợi ích của thứ vật dụng ấy, đồng thời có thể ngăn ngừa được phiền não nương nhờ ở thứ vật dụng ấy mà phát sanh.

Khi Tỳ khuru thọ nhận thứ vật dụng nào, dầu có trí tuệ quán tưởng thấy rõ thực tánh pháp của thứ vật dụng ấy, song khi Tỳ khuru đang thọ dụng thứ vật dụng ấy, không quán tưởng, Tỳ khuru ấy không thể tránh khỏi lỗi. Còn trường hợp, Tỳ khuru khi thọ nhận thứ vật dụng nào, dầu không có quán tưởng thứ vật dụng ấy, song khi Tỳ khuru đang thọ dụng thứ vật dụng ấy, có trí tuệ quán tưởng, thì Tỳ khuru ấy không có lỗi, không mang nợ.

10 PHÁP QUÁN XÉT CỦA BẬC XUẤT GIA

Trong *Āṅguttaranikāya* (*Chi bộ kinh*), kinh *Pabbajita Abhiñhasutta*⁽¹⁾, Đức Phật dạy bậc xuất gia thường quán xét mình 10 điều như sau:

“Dasayime bhikkhave dhammā pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā. Katame dasa?”

- 1- “*Vevaṇṇiyamhi ajjhupagato*”ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
- 2- “*Parapaṭibaddhā me jīvikā*”ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
- 3- “*Añño me ākappo karaṇīyo*”ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.
- 4- “*Kacci nu kho me attā sīlato na upavadatī*”ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbam.

¹ *Āṅguttaranikāya* (*Chi bộ kinh*), phần *Dasakanipāta*, kinh *Pabbajita Abhiñhasutta*.

- 5- “Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū sabrahmacārī sīlato na upavadatī”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.
- 6- “Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.
- 7- “Kammassako’ mhi kammadāyako kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmī”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.
- 8- “Kathaṃ bhūtaṃ me rattindivā vītivattantī”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.
- 9- “Kacci nu kho ahaṃ suññāgāre abhiramāmī”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.
- 10- “Atthi nu kho me uttarimanussadhammo, alamariyañāṇadassanaviseso adhigato, yenāhaṃ pacchime kāle sabrahmacārīhi puṭṭho, na maṅku bhavissāmī”ti pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbaṃ.

Ime kho bhikkhave dasadhammā pabbajitena abhiṇhaṃ paccavekkhitabbā.

Nghĩa: Kinh bậc xuất gia thường quán xét

- Nay chư Tỳ khru, bậc xuất gia nên quán xét 10 pháp này:

Mười pháp như thế nào?

- 1- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ta là bậc xuất gia khác với người tại gia về hình thức bên ngoài: cách sống, y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh...”**.
- 2- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Sự nuôi mạng của ta tùy thuộc vào 4 thứ vật dụng của người khác cúng dường, ta nên sống theo chánh mạng”**.
- 3- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ta nên có cử chỉ hành động đi, đứng, nằm, ngồi trang nghiêm, thu thúc lục căn thanh tịnh; khác với hành động của người tại gia”**.
- 4- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ta không tự chê trách mình về giới không trong sạch đầy đủ có phải không?”**.
- 5- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Bậc đồng phạm hạnh có trí tuệ, không chê trách ta về giới không trong sạch đầy đủ có phải không?”**.
- 6- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Tất cả những người thương yêu, những bậc kính mến của ta, sống cách xa nhau, chết biệt ly nhau”**.
- 7- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ta có nghiệp là của riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sanh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào: là thiện nghiệp hay ác nghiệp, ta sẽ là người thừa hưởng quả của thiện nghiệp, hoặc ác nghiệp ấy”**.
- 8- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ngày đêm trôi qua, ta đang học, hành như thế nào?”**.
- 9- Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Ta có hài lòng hoan hỉ ở một mình nơi thanh vắng hay không?”**.

10-Bậc xuất gia nên thường quán xét rằng: **“Tri kiến đặc biệt, đó là Thánh Đạo, Thánh Quả, là pháp bậc Thánh nhân, ta đã chứng đắc rồi hay chưa? Đến lúc lâm chung, những người bạn đồng phạm hạnh hỏi đến ta, ta sẽ không hổ thẹn hay không?”**.

Này chư Tỳ khuru, Bậc xuất gia nên thường quán xét 10 pháp này.

Phần đông hạng phạm nhân chúng ta thường hay có tánh dễ duôi quên mình, dẫn đến quên phận sự của mình, quên lý tưởng xuất gia ban đầu: **“Mong chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài”**, đó là cứu cánh bậc xuất gia.

Để tự nhắc nhở mình, bậc xuất gia thường ngày nên tụng niệm bài kinh **“Pabbajita abhinhasutta”**, để tự quán xét, tự kiểm điểm lại mình đã và đang làm tròn phận sự xuất gia của mình hay chưa? Điều nào đã thực hành xong rồi, phát sanh tâm hoan hỷ, tự tín. Điều nào đang thực hành thì phải nên cố gắng tinh tấn mau hoàn thành. Còn điều nào chưa thực hành, thì phải nên thực hành ngay, vì thời gian ngày đêm đã trôi qua mau, không bao giờ trở lại. Thời gian luống qua đem lại cho ta sự già, sự bệnh và tiến dần đến sự chết, đó là điều chắc chắn không thể tránh khỏi.

Vậy, muốn không ân hận lúc lâm chung, làm cho tâm ô nhiễm; thì ngay bây giờ phải cố gắng tinh tấn không ngừng làm tròn phận sự của người xuất gia “tự giác - giác tha”, tự mình giác ngộ chân lý Tứ thánh đế rồi dạy cho người khác cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế như mình.

Điều nên nhớ rằng: **mình đang sa lầy, thì không thể cứu vớt người sa lầy như mình.**

XÃ GIỚI TỖ KHUU (Hoàn tục)

Xã giới Tỳ khuru (hoàn tục), nghĩa là từ bỏ đời sống phạm hạnh Tỳ khuru, để trở lại thành con người khác.

Một người cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Tam bảo, có ý nguyện xuất gia trở thành Tỳ khuru, đến xin chư Tỳ khuru Tăng làm lễ nâng đỡ lên bậc Tỳ khuru hành phạm hạnh cao thượng. Để thành tựu Tỳ khuru cần phải hội đủ 5 chi pháp: vatthusampatti, ñattisampatti, anussāvanasampatti, sīmāsampatti và purisasampatti (*ý nghĩa xem từ trang 115 đến 131*).

Nếu đầy đủ 5 chi pháp trên, không thiếu một chi nào, hoặc không thiếu một chi tiết nào, thì buổi lễ thọ Tỳ khuru thành tựu, giới tử trở thành vị Tỳ khuru thật.

Nếu thiếu một chi nào, hoặc thiếu một chi tiết nào quan trọng, thì buổi lễ thọ Tỳ khuru không thành tựu, giới tử không trở thành vị Tỳ khuru.

Vị Tỳ khuru hành phạm hạnh cao thượng như: *sāsanabrahmacariya*: học thuộc lòng toàn bộ lời giáo huấn của Đức Phật; *maggabrahmacariya*: hành giới – định – tuệ, hành theo pháp hành bát chánh đạo dẫn đến giải thoát khỏi tử sanh luân hồi...

Khi vị Tỳ khuru xét thấy mình không có đủ khả năng hành phạm hạnh cao thượng ấy, không muốn sống giả dối rằng: “*không hành phạm hạnh tự cho mình hành phạm hạnh*”, muốn sống chân thật với mình, nên chỉ còn một con đường là từ bỏ đời sống phạm hạnh Tỳ khuru (hoàn tục), để trở lại thành một con người khác.

Trước kia, trở thành Tỳ khuru cần phải có đủ 5 chi pháp. Trong 5 chi pháp ấy, về phần giới tử làm lễ thọ Tỳ khuru chỉ có một chi pháp duy nhất là: người cận sự nam không có phạm những lỗi, được phép thọ Tỳ khuru (*vatthusampatti*); còn lại 4 chi pháp khác tùy thuộc vào chư Tỳ khuru Tăng và *sīmā*. Bây giờ, vị Tỳ khuru ấy muốn xả giới Tỳ khuru (hoàn tục), từ bỏ đời sống phạm hạnh Tỳ khuru, để trở lại thành một con người khác; vị Tỳ khuru ấy cần phải hợp đủ 6 chi pháp.

Như bộ *Sāratthadīpanīṭikā* dạy rằng:

“Tasmā citta-khetta-kāla-payoga-puggala-vijānana-niyamavasena sikkhāya paccakkhānaṃ ñatvā tadabhāvena appaccakkhānaṃ veditabbaṃ”⁽¹⁾.

Vị Tỳ khuru có thật tâm muốn xả giới, từ bỏ phạm hạnh Tỳ khuru cần phải hợp đủ 6 chi pháp như sau:

1- *Citta: tâm*, Tỳ khuru có thật tâm muốn xả giới, từ bỏ phạm hạnh Tỳ khuru. Nếu Tỳ khuru không thực tâm, nói đùa, thì không thành tựu.

2- *Khetta: lời nói*, Tỳ khuru cần phải nói những câu theo Luật tạng⁽²⁾.

Trong Luật tạng có quy định 14 câu từ bỏ phạm hạnh Tỳ khuru, và 8 câu để trở thành người khác như sau:

14 câu từ bỏ phạm hạnh Tỳ khuru:

- *Buddhaṃ paccakkhāmi: Tôi từ bỏ Đức Phật.*
- *Dhammaṃ paccakkhāmi: Tôi từ bỏ Đức Pháp.*

¹ Vinaya, bộ *Sāratthadīpanīṭikā*.

² Vinayapiṭaka, phần *Pārājikakanda*.

- *Samghaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ Đức Tăng.
- *Sikkhaṃ paccakkhāmi*: Tôi xả giới Tỳ khuru.
- *Vinayaṃ paccakkhāmi*: Tôi xả luật Tỳ khuru.
- *Pātimokkhaṃ paccakkhāmi*: Tôi xả giới bốn Tỳ khuru.
- *Uddesaṃ paccakkhāmi*: Tôi xả đầu đề giới Tỳ khuru.
- *Upajjhāyaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ Thầy Tế độ.
- *Ācariyaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ Thầy hướng dẫn.
- *Siddhivihārikaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ phận sự đệ tử của Thầy Tế độ.
- *Antevāsikaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ phận sự đệ tử của Thầy hướng dẫn.
- *Samānupajjhāyakaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ bạn cùng Thầy Tế độ.
- *Samānācariyakaṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ bạn cùng Thầy hướng dẫn.
- *Sabrahmacāriṃ paccakkhāmi*: Tôi từ bỏ bạn đồng phạm hạnh.

8 câu để trở thành người khác:

- *Gihī'ti maṃ dhārehi*: Xin nhận biết tôi là người tại gia.
- *Upāsako'ti maṃ dhārehi*: Xin nhận biết tôi là người cận sự nam.
- *Ārāmiko'ti maṃ dhārehi*: Xin nhận biết tôi là người công quả ở chùa.
- *Sāmaṇero'ti maṃ dhārehi*: Xin nhận biết tôi là vị Sa di.
- *Titthiyo'ti maṃ dhārehi*: Xin nhận biết tôi là người ngoại đạo.

- *Titthiyasāvako 'ti maṃ dhārehi: Xin nhận biết tôi là người đệ tử ngoại đạo.*
- *Assamaṇo 'ti maṃ dhārehi: Xin nhận biết tôi không phải là Sa môn.*
- *Asakyaṃputtiyo 'ti maṃ dhārehi: Xin nhận biết tôi không phải con cháu dòng dõi sakya.*

Hiện nay, khi Tỳ khuru từ bỏ đời sống phạm hạnh, trở thành người tại gia thường sử dụng câu:

“Sikkhaṃ paccakkhāmi, gihī'ti maṃ dhārehi”.

Nghĩa:

“Tôi xả giới Tỳ khuru, xin Ngài (ông...) nhận biết tôi là người tại gia”.

3- *Kāla: thời gian*, vị Tỳ khuru chỉ dùng động từ ở thời hiện tại mà thôi. Nếu Tỳ khuru dùng động từ ở thời quá khứ “paccakkhīm”, hoặc thời vị lai “paccakkhissāmi”, hoặc thời nào khác... thì không thành tựu.

4- *Payoga: cố gắng*, vị Tỳ khuru xả giới chỉ dùng vācīpayoga: cố gắng biểu hiện bằng lời nói (khẩu) mà thôi. Nếu Tỳ khuru biểu hiện bằng thân như: viết chữ, hoặc lắc đầu, ra dấu... thì không thành tựu.

5- *Puggala: người*, người nghe phải là người⁽¹⁾ đang trong trạng thái bình tĩnh, có trí tuệ hiểu biết rõ ràng. Nếu người ấy mất trí, điên cuồng, phóng tâm, đang cơn đau đớn, không có trí tuệ hiểu biết thì không thành tựu.

¹ Người (manussa): là bậc xuất gia, hoặc tại gia, hoặc đàn ông, hoặc đàn bà đang trong trạng thái bình tĩnh, có trí tuệ hiểu biết rõ ràng.

6- *Vijānana*: **hiếu biết**, người nghe hiểu biết rõ được câu nói của vị Tỳ khuru rằng: “*Sikkham paccakkhāmi, gihī’ti mam dhārehi*”. Nghĩa là: “Tôi xả giới Tỳ khuru, xin Ngài (ông...) nhận biết tôi là người tại gia”.

Người nghe câu nói hiểu biết rõ rằng: vị Tỳ khuru ấy đã xả giới Tỳ khuru (không còn là Tỳ khuru nữa), biết y nay là người tại gia (không còn là bậc xuất gia nữa). Cho nên, vị Tỳ khuru dùng ngôn ngữ gì để diễn đạt cho người nghe hiểu rõ được ý nghĩa câu nói của mình, thì việc xả giới Tỳ khuru thành tựu. Nếu người nghe không hiểu rõ ý nghĩa câu nói xả giới của vị Tỳ khuru, thì việc xả giới Tỳ khuru không thành tựu.

Vị Tỳ khuru thật tâm xả giới Tỳ khuru, để trở lại thành con người khác, cần phải hội đầy đủ 6 chi pháp trên (không thiếu 1 chi nào), thì việc xả giới Tỳ khuru thành tựu; nếu thiếu một chi nào, trong 6 chi pháp ấy, thì việc xả giới Tỳ khuru không thành tựu; nghĩa là vị ấy **vẫn còn là Tỳ khuru**, mà tưởng lầm rằng: **mình đã xả giới rồi** (không còn Tỳ khuru nữa). Vị Tỳ khuru ấy xả bỏ tam y cà sa, mặc y phục người tại gia, sinh hoạt như người tại gia. Nếu phạm giới Tỳ khuru, thì vị ấy không tránh khỏi āpatti: sự phạm giới Tỳ khuru. Đến khi làm lễ thành hôn, chung sống với vợ, thì vị ấy phạm giới bất cộng trụ, dầu biết hay không biết.

Trong 6 chi pháp ấy, có 4 chi pháp thuộc về vị Tỳ khuru xả giới, còn 2 chi pháp khác (puggala và vijānana) thuộc về người khác làm nhân chứng. Vì vậy, vị Tỳ khuru có thật tâm xả giới Tỳ khuru cần phải nên thận trọng, hiểu rõ đầy đủ 6 chi pháp ấy, để tránh khỏi tai hại cho mình.

Trong Phật giáo, người cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, có ý nguyện bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru hành phạm hạnh cao thượng, Đức Phật cho phép người cận sự nam ấy, được thọ Tỳ khuru theo nguyện vọng tha thiết của mình. Nhưng một khi có số Tỳ khuru xét thấy mình không còn đủ khả năng tiếp tục giữ gìn duy trì phạm hạnh cao thượng của Tỳ khuru cho được trong sạch và đầy đủ; thì Đức Phật cũng cho phép vị Tỳ khuru ấy được xả giới Tỳ khuru, hoàn tục trở lại thành một người cận sự nam thọ trì ngũ giới, bát giới; hoặc trở thành vị Sa di thọ trì 10 giới Sa di và những pháp của Sa di; không bắt buộc phải là Tỳ khuru trọn đời. Nếu vẫn còn là Tỳ khuru, thì phải thực hành nghiêm chỉnh giới của Tỳ khuru cho được trong sạch đầy đủ, và phạm sự pháp hành của Tỳ khuru cho được hoàn hảo, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cho mình và mọi người, mọi chúng sinh.

Quả nghiệp Tỳ khuru

Phàm tất cả mọi chúng sinh trong tam giới này đều bị chi phối do quả của nghiệp. Như vậy, việc thọ Tỳ khuru và xả giới Tỳ khuru cũng không nằm ngoài định luật nghiệp và quả của nghiệp ấy.

Người nào đã có thiện nhân Tỳ khuru, đã gieo từ những kiếp quá khứ, nay kiếp hiện tại này có duyên lành gặp Phật giáo, nên phát sanh đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có ý nguyện bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru, đó là quả; quả luôn luôn tùy thuộc vào nhân, nhân như thế nào, thì quả như thế ấy.

- Nếu tiền kiếp đã từng phát nguyện xuất gia trở thành Tỳ khuru cho đến trọn đời, thì kiếp hiện tại được quả như thế ấy.

- Nếu tiền kiếp đã từng phát nguyện xuất gia trở thành Tỳ khuru trong một thời gian nào đó, thì nay kiếp hiện tại cũng được quả như thế ấy.

Để giữ gìn duy trì phạm hạnh Tỳ khuru được trọn đời hay không, hoàn toàn tùy thuộc vào thiện nghiệp hay phước quá khứ hỗ trợ cho kiếp hiện tại. Sở dĩ Tỳ khuru không thể giữ gìn duy trì phạm hạnh Tỳ khuru cho đến trọn đời, là vì không có đủ phước quá khứ hỗ trợ; cũng như sở dĩ chư thiên phải từ giả cõi trời, là vì hết tuổi thọ (phước) cõi ấy. Chư thiên sắp từ giả cõi trời có 5 triệu chứng⁽¹⁾ xảy ra báo trước là:

1- *Mālā milāyanti*: Những vòng hoa héo xài.

2- *Vatthāni kilissanti*: Những y phục bạc màu.

3- *Sarīre dubbaṇṇiyaṃ okkamati*: Sắc thân không còn xinh đẹp.

4- *Ubhoḥi kacchehi sedā muccanti*: Mồ hôi toát ra hai bên nách.

5- *Devo devāsane nābhīramanti*: Chư thiên không còn hài lòng với cõi trời đang sống nữa.

Cũng như vậy, có số Tỳ khuru xấp xỉ giới Tỳ khuru, hoàn tục để trở lại thành con người khác, cũng có 5 triệu chứng xảy ra báo trước là:

1- *Saddhā pupphāni milāyanti*: Đức tin giảm dần, ví như những đoá hoa héo xài.

¹ Bộ Jātakatṭhakathā, tích tiền thân Kusajātakavaṇṇā.

2- *Sīlavatthāni kilissanti*: Giới bị phạm, ví như y phục bạc màu.

3- *Sarīre maṅkutāya ceva ayasavasena ca dubbaṇṇiyaṃ okkamati*: Tâm không hài lòng hành phạm hạnh và tiếng xấu lan truyền, ví như sắc thân không còn xinh đẹp.

4- *Kilesasedo muccanti*: Phiền não phát sanh, ví như mồ hôi toát ra.

5- *Arañña rukkhamūla suññāgāresu nābhiramanti*: Tỳ khuru không hài lòng hoan hỷ sống nơi rừng núi, cội cây, chỗ ở thanh vắng.

Như vậy, việc thọ Tỳ khuru và xả giới Tỳ khuru (hoàn tục), đều do quả của nghiệp chi phối tùy theo nhân duyên, mà hạng phạm nhân không thể biết được; chỉ có Đức Phật mới biết rõ được nghiệp và quả của nghiệp nào đang chi phối, đối với tất cả chúng sinh mà thôi.

XUẤT GIA TU NỮ

Tu nữ là người cận sự nữ có ý nguyện bỏ nhà đi tu, ở chùa, tu viện, nơi thanh vắng... để có cơ duyên thuận lợi tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là theo học pháp học và theo hành pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ như những bậc xuất gia Sa di, Tỳ khuru trong Phật giáo.

Thời kỳ Đức Phật còn tại thế, người cận sự nữ có ý nguyện muốn xuất gia:

- Nếu dưới 18 tuổi, Đức Phật cho phép thọ **Sa di ni** (*sāmaṇerī*), thọ trì 10 giới.

- Nếu trên 18 tuổi, dưới 20 tuổi Đức Phật cho phép thọ *Sikkhamānā* (*người đang thực tập*), thọ trì 6 giới hoàn toàn trong sạch suốt 2 năm, mới được phép nâng lên bậc Tỳ khuru ni.

- Nếu đúng 20 tuổi trở lên, Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru ni (*bhikkhunī*), có 311 giới.

Người cận sự nữ thọ *Sāmaṇerī*, *Sikkhamānā*, *Bhikkhunī*, mọi nghi thức đều căn cứ vào Luật tạng Pāli làm căn bản, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, thực hành theo Luật tạng Pāli ấy, không được bớt đi, cũng không được thêm vào, vẫn giữ gìn y nguyên theo *truyền thống Theravāda*, chỉ sử dụng chung tiếng Pāli trong các buổi lễ, cho nên, không có sự khác biệt theo mỗi dân tộc, mỗi ngôn ngữ nào.

Vào thời kỳ khoảng 500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, chúng Tỳ khuru ni Tăng không còn tồn tại nữa, vì không có người cận sự nữ thọ Tỳ khuru ni kế thừa theo truyền thống. Cho nên, Tỳ khuru ni

Tăng không còn nữa, thì đương nhiên *Sikkhamānā*, *Sāmaṇerī* cũng cùng chung một số phận.

Các nước Phật giáo theo hệ phái Theravāda như Srilankā (Tích Lan), Myanmar (Miến Điện), Thái Lan, Campuchia (Cam Bốt), Lào... những người cận sự nữ có ý nguyện muốn xuất gia, cho nên, chư Đại Đức của các nước kể trên, có tâm từ bi, mở ra một con đường tiếp độ những người cận sự nữ ấy, gọi là **“thọ giới Tu nữ”**, nghĩa là: *người cận sự nữ bỏ nhà đi tu*, đời sống nương nhờ ở chùa, tu viện, nơi thanh vắng... để có cơ duyên thuận lợi tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là theo học pháp học và theo hành pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ như những Bạc xuất gia Sa di, Tỳ khuru trong Phật giáo.

Nghi thức thọ giới Tu nữ không có trong Luật tạng Pāli, vì vậy, các nước Phật giáo thuộc hệ phái Theravāda, quý Ngài Đại Đức chế định ra mỗi nghi thức riêng, phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, song phần chính yếu hầu hết giống hệt nhau.

Nghi Thức Lễ Thọ Giới Tu Nữ

Người cận sự nữ có ý nguyện muốn thọ giới Tu nữ phải có đủ 3 chi.

- 1- Cạo tóc.
- 2- Mặc y phục Tu nữ.
- 3- Thọ Tam quy cùng bát giới hoặc thập giới.

1- Nghi Lễ Cạo Tóc

- Người cận sự nữ có ý nguyện bỏ nhà xuất gia trở thành Tu nữ phải được cha mẹ, gia đình cho phép.

- Cha mẹ, thân quyến người cận sự nữ ấy dẫn đến trình vị trụ trì xin cho người thân được thọ giới trở thành Tu nữ.

- Vị Sư trụ trì thông báo cho chư Tăng và Tu nữ trong chùa được biết, sau đó, cho phép người cận sự nữ cạo tóc, vị trụ trì hoặc cô Tu nữ trưởng dạy pháp hành **“niệm tưởng về sắc thân ô trược”**.

A- Theo chiều thuận:

1- Kesā: Tóc: tóc là vật ô trược, đáng nhàm.

2- Lomā: Lông: lông là vật ô trược, đáng nhàm.

3- Nakhā: Móng: móng tay, móng chân là vật ô trược, đáng nhàm.

4- Dantā: Răng: răng là vật ô trược, đáng nhàm.

5- Taco: Da: da là vật ô trược, đáng nhàm.

B- Theo chiều nghịch:

1- Taco: Da: da là vật ô trược, đáng nhàm.

2- Dantā: Răng: răng là vật ô trược, đáng nhàm.

3- Nakhā: Móng: móng tay, móng chân là vật ô trược, đáng nhàm.

4- Lomā: Lông: lông là vật ô trược, đáng nhàm.

5- Kesā: Tóc: tóc là vật ô trược, đáng nhàm.

Dạy cho giới tử vừa đang cạo tóc, vừa niệm tưởng sắc thân ô trược cho đến khi cạo tóc xong.

2- Mặc Y Phục Tu Nữ

Hầu hết các nước Phật giáo thuộc hệ phái Theravāda không đồng nhất với nhau về y phục và màu sắc. Cho nên, mỗi nước có những bộ y phục của Tu nữ màu sắc phù hợp với phong tục tập quán của xứ sở mình.

Giới tử Tu nữ sau khi cạo tóc xong, được phép bỏ y phục của người tại gia thay bằng y phục của Tu nữ.

3- Xin Thọ Tam Quy Cùng Bát Giới, Hoặc Thập Giới

Giới tử Tu nữ đã cạo tóc, mặc y phục Tu nữ xong, các Tu nữ hướng dẫn giới tử Tu nữ tìm đến vị Đại Đức để xin làm lễ thọ giới Tu nữ.

3.1- Lễ sám hối Tam bảo

Trước khi hành lễ thọ giới Tu nữ, giới tử phải nên làm lễ sám hối những lỗi lầm đối với Tam bảo, và các bậc Thầy Tổ, để tránh những tai hại đến mọi thiện pháp, làm cho thân, khẩu, ý được trong sạch, trước khi thành kính thọ Tam quy cùng bát giới.

Giới tử thành kính đánh lễ Tam bảo, rồi ngồi xếp 2 chân sang một bên, cúi đầu chấp tay lên ngực, thành tâm đọc lời sám hối như sau:

“Kính bạch Đại Đức, xin phép Ngài, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do sự cố ý hay vô ý phạm đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng Tam bảo cùng các bậc Thầy Tổ từ trước cho đến hiện tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng thu thúc không để tái phạm. Kính xin Ngài chứng minh cho

con, và nhận biết những lỗi lầm mà con đã sám hối. Bạch Ngài.

Do tác ý thiện tâm này, khiến cho tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, ý nguyện xuất gia giải thoát khổ tử sanh luân hồi của con sớm được thành tựu”. (Đánh lễ 3 lần).

3.2- Lễ xin thọ giới Tu Nữ

Giới tử Tu nữ đánh lễ vị Đại Đức 3 lần, rồi ngồi xếp 2 chân sang một bên, cúi đầu chấp 2 tay lên ngực đọc câu:

- *Ahaṃ Bhante, saṃsāraṇaṭṭadukkhato mocanāṭṭhāya sīlavatibhāvaṃ rucitvā manetvā garuṃ katvā yācāmi.*

- *Dutiyampi, ahaṃ Bhante, saṃsāraṇaṭṭadukkhato mocanāṭṭhāya sīlavatibhāvaṃ rucitvā manetvā garuṃ katvā yācāmi.*

- *Tatiyampi, ahaṃ Bhante, saṃsāraṇaṭṭadukkhato mocanāṭṭhāya sīlavatibhāvaṃ rucitvā manetvā garuṃ katvā yācāmi* ⁽¹⁾.

- *Kính bạch Đại Đức, con có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, hài lòng, ưa thích, tha thiết muốn xin thọ giới trở thành Tu nữ, để hầu mong giải thoát khỏi cảnh khổ tử sanh luân hồi.*

- *Kính bạch Đại Đức, ... lần thứ nhì. ... lần thứ ba.*

¹ Sách nội quy của Tu nữ Myanmar.

3.3- Lễ Xin Thọ Tam Quy Và Bát Giới

Gt:- *Ahaṃ⁽¹⁾ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposadhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me Bhante.*

- *Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposadhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me Bhante.*

- *Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposadhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me Bhante.*

- *Kính bạch Đại Đức, con xin thọ trì Tam quy cùng bát giới. Kính xin Ngài từ bi tế độ truyền Tam quy cùng bát giới cho con.*

- *Kính bạch Đại Đức ... lần thứ nhì... lần thứ ba.*

ĐĐ:- *Yamaṃ vadāmi, taṃ vadehi.*

Sư đọc như thế nào, con đọc đúng theo như thế ấy.

Gt:- *Āma Bhante.*

Dạ, kính xin vâng. Bạch Ngài.

¹ Nếu có nhiều giới tử thì thay:

- Chữ “ahaṃ” (con) bằng chữ “mayam” (chúng con).
- Chữ “yācāmi” (con xin) bằng chữ “yācāma” (chúng con xin).
- Chữ “detha me Bhante” bằng chữ “detha no Bhante”.
- Chữ “taṃ vadehi” bằng chữ “taṃ vadetha”.

3.3.1- Phép thọ Tam quy

ĐĐ:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần).*

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatiyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

ĐĐ:- *Tisaraṇagamaṇaṃ paripunṇaṃ*

Gt:- *Āma Bhante.*

3.3.2- Truyền bát giới

- 1- *Pānātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 2- *Adinadānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 3- *Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 5- *Surā-meraya-majja-pamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 6- *Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 7- *Nacca-gīta-vādita-visūka-dassana-māla-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana - vibhūsanatṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

8- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

ĐĐ:- *Tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposadhasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādenasampadehi⁽¹⁾.*

Tn:- *Āma Bhante.*

ĐĐ:- *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā. Sīlena nibbhutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.*

Tn:- *Sādhu! Sādhu.*

Nghĩa nghi lễ thọ Tam quy và bát giới

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-ra-hán, bậc Chánh Đẳng Giác.

- *Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.*
- *Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.*
- *Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.*
- ... *Lần thứ nhì.*
- ... *Lần thứ ba.*

ĐĐ:- *Phép quy y Tam bảo đầy đủ chỉ có bấy nhiêu.*

Gt:- *Dạ, xin vâng, Bạch Ngài.*

- 1- *Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự sát sanh.*
- 2- *Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.*
- 3- *Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự hành dâm.*
- 4- *Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự nói dối.*

¹ Nếu có nhiều giới từ thì thay chữ “sampadehi” bằng “sampadetha”

5- Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân phát sanh sự dễ duôi.

6- Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá 12 giờ trưa).

7- Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa sự múa, hát, thổi kèn, xem ca hát, thoa vật thơm, bôi phấn, đeo tràng hoa.

8- Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

ĐĐ:- Con đã thọ trì Tam quy cùng bát giới, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp, bằng pháp không dễ duôi.

Tn:- Dạ xin vâng. Bạch Ngài.

ĐĐ:- Chúng sinh tái sanh cõi trời nhờ giữ giới.
Chúng sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới.
Chúng sinh giải thoát, Niết Bàn nhờ giữ giới.
Vậy, con nên giữ gìn giới cho trong sạch!

Tn:- Lành thay! Lành thay!

3.4- Lễ xin thọ Tam quy và thập giới

Gt:-*Ahaṃ⁽¹⁾ Bhante, tisaraṇena saha dasapabbajja-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

¹ Nếu có nhiều giới tử thì thay chữ “ahaṃ” = “mayam”, và các chữ khác cũng giống như ở phần thọ Tam quy và Bát giới.

- *Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasapabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*
- *Tatīyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasapabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

ĐĐ:- *Yamaḥ vadāmi, taṃ vadehi.*

Gt:- *Āma Bhante.*

3.4.1- Phép thọ Tam quy

ĐĐ:- *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsaṃbuddhassa (3 lần).*

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Dutiyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatīyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
- *Tatīyampi Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

ĐĐ:- *Tisaraṇagamaṇaṃ paripuṇṇaṃ.*

Gt:- *Āma Bhante.*

3.4.2- Truyền thập giới

- 1- *Pānātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 2- *Adinadānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

- 3- *Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 5- *Surā-meraya-majja-pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 6- *Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 7- *Nacca-gīta-vāḍita-visūka-dassanā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 8- *Mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhū-sanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 9- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
- 10- *Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

ĐĐ:- *Tisaraṇena saha dasa pabbajjasīlaṃ dhammaṃ sādhuکاṃ katvā, appamādena sampadehi.*

Tn:- *Āma Bhante.*

Giới tử Tu nữ, sau khi đã thọ **Tam quy** và **bát giới** hoặc **thập giới** là *thường giới* xong, trở thành Tu nữ trong Phật giáo, sống ở chùa, tu viện, nơi thanh vắng... để có cơ duyên phát triển mọi thiện pháp; học theo pháp học, hành theo pháp hành: hành giới, hành định, hành tuệ, được tiến hóa tốt.

Về thập giới, thêm giới: “*Con xin thọ trì điều học, có tác ý tránh thọ nhận vàng bạc (tiền)*”. Sự thật, người xuất gia thật sự, không nhận tiền bạc là một điều rất tốt, rất thuận lợi cho việc hành đạo giải thoát. Bởi vì không còn bận tâm đến tiền bạc, mua sắm...

Nếu người xuất gia còn thọ nhận tiền bạc, thì còn có tiền để mua sắm đồ đạc, vật dụng v.v... Đó là điều bận tâm, dễ phát sanh mọi phiền não.

Cách Xưng Hô Tu Nữ

Tu nữ mỗi nước có cách xưng hô riêng của xứ ấy.

- Nước Tích Lan (Srilankā): gọi Tu nữ là Sīlamātā: người mẹ có giới. Người mẹ ở đây có nghĩa là nữ giới, người cận sự nữ bất cứ hạng tuổi nào, khi thọ giới Tu nữ cũng đều được gọi là "Sīlamātā": người nữ có bát giới là thường giới.

- Nước Miến Điện (Myanmar): gọi Tu nữ bằng tiếng Pāli là Sīlavatī: người nữ có giới, người Tu nữ có bát giới, thập giới là thường giới. Tiếng Miến Điện gọi là Sīlachin hoặc Sīlavatī cũng có ý nghĩa như trên.

- Nước Thái Lan: gọi Tu nữ bằng tiếng Thái là Mé-chi.

- Nước Lào: cũng gọi Tu nữ là Méchi.

- Nước Cam Bốt (Campuchia): gọi Tu nữ là: Yaichi...

- Nước Việt Nam: gọi Tu nữ là: Bà Tu nữ, cô Tu nữ...

Như vậy, đối với Tu nữ, về hình thức, tên gọi... mỗi nước có phần khác nhau; song về nghi thức thọ giới Tu Nữ, nội dung pháp học, pháp hành hầu như giống nhau.

QUẢ BÁU CỦA BẠC XUẤT GIA

Trong bộ Chú giải Milindapañhā, Đức vua Milinda hỏi Đại Đức Nāgasena rằng:

- *Kính bạch Đại Đức Nāgasena, những người xuất gia có sự lợi ích gì?*

- *Sự lợi ích cao thượng nhất của bậc xuất gia là gì?*

Đại Đức Nāgasena dạy rằng:

- *Thưa Đại vương, chúng tôi xuất gia để diệt **khổ tâm** trong kiếp hiện tại.*

- *Sự lợi ích cao thượng của bậc xuất gia là **tịch diệt Niết Bàn**, diệt khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.*

Khổ tâm hiện tại bởi do 10 loại phiền não

Bậc xuất gia khi **tiến hành thiền định** có thể dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc giới, bậc thiền vô sắc giới. Do năng lực thiền định ấy có khả năng diệt bằng cách **chế ngự được phiền não**, làm cho phiền não không thể phát sanh trong tâm, nên không có khổ tâm kiếp hiện tại, do nhờ sự an lạc của bậc thiền. Bậc xuất gia ấy, nếu bậc thiền không bị hư mất, sau khi chết, kiếp vị lai do năng lực bậc thiền sở đắc của mình, chắc chắn sẽ cho quả tái sanh làm phạm thiên cõi sắc giới hoặc cõi vô sắc giới, thọ hưởng sự an lạc của thiền định trong cõi sắc giới hoặc cõi vô sắc giới cho đến hết tuổi thọ nơi cõi ấy.

Bạc xuất gia khi ***tiến hành thiền tuệ*** có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, và Niết Bàn, có khả năng ***diệt đoạn tuyệt được phiền não***, vĩnh viễn không còn làm ***khổ tâm*** kiếp hiện tại, lẫn kiếp vị lai tùy theo mỗi bậc Thánh nhân như sau:

- ***Bạc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến phiền não*** và ***hoài nghi phiền não***. Bậc Thánh Nhập Lưu vĩnh viễn không bao giờ ***khổ tâm*** do ***tà kiến*** và ***hoài nghi*** kiếp hiện tại; sau khi chết, kiếp vị lai, chắc chắn giải thoát khỏi khổ trong 4 cõi ác giới (*địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh*), chỉ tái sanh cõi người, hoặc cõi trời dục giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp thứ 7 ấy chắc chắn sẽ chứng đắc A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

- ***Bạc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***sân phiền não loại thô***. Bậc Thánh Nhất Lai vĩnh viễn không bao giờ ***khổ tâm*** do ***sân phiền não loại thô*** kiếp hiện tại; sau khi chết, kiếp vị lai, chắc chắn chỉ tái sanh cõi người, hoặc cõi trời dục giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy chắc chắn sẽ chứng đắc A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

- ***Bạc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***sân phiền não loại vi tế***. Bậc Thánh Bất Lai vĩnh viễn không bao giờ ***khổ tâm*** do ***sân phiền***

não kiếp hiện tại; sau khi chết, kiếp vị lai, chắc chắn không còn tái sinh trở lại cõi dục giới, chỉ tái sinh cõi trời sắc giới, tại cõi trời sắc giới ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

- **Bậc A-ra-hán Thánh Đạo Tuệ** có khả năng diệt đoạn tuyệt được tất cả các loại phiền não không còn dư sót là: **tham, si, ngã mạn, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, buồn ngủ và phóng tâm**. Bậc Thánh A-ra- hán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não, tham ái, ác pháp không còn dư sót, cho nên, bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không còn **khổ tâm** nữa, song chỉ còn có **khổ thân** cho đến hết tuổi thọ. Bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn không còn tái sinh kiếp sau, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới, mới hoàn toàn giải thoát khổ.

Đó là quả báu của bậc xuất gia trong kiếp hiện tại, và kiếp vị lai.

ĐỊA VỊ CHA MẸ CÓ CON XUẤT GIA

Phật giáo được tồn tại lâu dài là nhờ vào tứ chúng: Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ biết phụng sự duy trì chánh pháp. Trong tứ chúng ấy, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni thuộc hàng xuất gia; cận sự nam, cận sự nữ thuộc hàng tại gia cư sĩ. Bậc xuất gia có phận sự, đóng vai trò chính trong công việc phụng sự duy trì chánh pháp được trường tồn lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an vui lâu dài cho tất cả chúng sinh.

Hàng tại gia cư sĩ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, phụng sự Tam bảo, biết công hiến những người con yêu quý, cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru, Tỳ khuru ni gia nhập trong đoàn thể chư Tăng để kế thừa truyền thống, giữ gìn duy trì Phật giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian; Đại Đức Moggaliputtatissatthera đề cao địa vị người cha, người mẹ ấy trở thành người ***“Thân quyền kế thừa của Phật giáo”*** (*Dāyādo sāsana*).

Đức vua Asoka là thân quyền kế thừa của Phật giáo

Đức vua Asoka chính thức lên ngôi vua vào Phật lịch 218, là một Đấng minh quân trị vì cõi Nam thiên bộ châu, có nhiều oai lực đặc biệt như thần thông. Đức vua có đức tin trong sạch nơi Tam bảo.

Một hôm đức vua Asoka nhìn thấy Đại Đức Sa di Nirodha mới lên 7 tuổi, là bậc Thánh A-ra-hán đang đi khát thực, Đức vua phát sanh đức tin đặc biệt nơi vị Đại Đức Sa di Nirodha (*vì vị Đại Đức Sa di Nirodha*

kiếp trước đã từng là anh của Đức vua). Đức vua truyền lệnh các quan tỉnh mời vị Đại Đức Sa-di Nirodha vào cung điện, thỉnh ngồi trên ngai vàng cao quý, tự tay Đức vua để bát bằng những vật thực của Đức vua dùng hằng ngày. Khi vị Đại Đức Sa-di thọ thực xong, Đức vua bèn thỉnh thuyết pháp.

Đại Đức Sa-di Nirodha dạy 2 câu kệ trong Pháp cú, mà Đức Phật thuyết dạy rằng:

*“Appamādo amatapadam,
Pamādo maccuno padam...”⁽¹⁾.*

*“Chánh niệm là con đường bất tử, Niết Bàn.
Để duôi là con đường tử...”.*

Đức vua Asoka nghe pháp xong càng tăng thêm đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng gấp bội. Hằng ngày Đức vua dâng cúng vật thực đến chư Tỳ khuru Tăng gồm 600.000 vị tại cung điện của Đức vua, bởi do đức tin trong sạch nơi vị Đại Đức Sa-di Nirodha.

Đức vua Asoka xây cất chùa tháp

Đức vua Asoka ngày càng tăng trưởng đức tin trong sạch nơi Tam bảo. Một hôm Đức vua dự lễ bố thí tứ vật dụng đến chư Tỳ khuru Tăng 600.000 vị, Đức vua bèn bạch chư Tỳ khuru Tăng rằng:

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, chánh pháp mà Đức Phật thuyết giảng có bao nhiêu pháp môn? Bạch quý Ngài.

Chư Đại Đức thưa:

¹ Dhammapadagāthā, kệ số 21.

- Thừa Đại vương! Chánh pháp mà Đức Phật thuyết giảng, nếu kể theo **chi**, thì có **9 chi** (*navaṅga*), nếu kể theo **pháp môn** (*khandha*) thì có **84.000 pháp môn**.

Đức vua Asoka phát sanh đức tin trong sạch nơi 84.000 pháp môn, nên Đức vua truyền lệnh cho các quan ở khắp mọi nơi trong nước rằng:

- Trẫm muốn cúng dường mỗi pháp môn bằng một ngôi chùa và một bảo tháp. Vậy Trẫm muốn xây cất 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp, trên toàn cõi Nam thiện bộ châu; các khanh hãy đến mỗi tỉnh xây một ngôi chùa để cúng dường đến chư Tỳ khưu Tăng và ngôi bảo tháp để tôn thờ Xá lợi Đức Thế Tôn.

Đức vua Asoka xuất ra số tiền gồm 960 triệu kahāpana để lo xây cất 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp. Ngôi chùa đặt tên *Asokārama*....

Chư Đại Đức Tăng thấy sự lợi ích: chùa là nơi trú ngụ của chư Tỳ khưu Tăng và tháp là nơi tôn thờ Xá lợi của Đức Thế Tôn, nên đề cử **Đại Đức Indaguttatthera** là bậc Thánh A-ra-hán có thần thông, có nhiều oai lực, có thể giúp cho công việc xây cất chùa, bảo tháp được mau chóng thành tựu. Nhờ oai lực thần thông của Ngài, do đó, công việc xây cất 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp trong thời gian 3 năm là hoàn thành.

Lễ khánh thành 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp

Các quan ở mỗi tỉnh đến châu đức vua Asoka cùng một ngày, tâu lên Đức vua rõ rằng:

- Tâu Hoàng Thượng, 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp đã xây cất hoàn thành.

Đức vua Asoka truyền chiếu chỉ đến khắp thần dân thiên hạ biết rằng:

- *Còn 7 ngày nữa sẽ làm đại lễ khánh thành chùa và bảo tháp. Tất cả mọi thần dân trong nước đều thọ trì bát giới, sửa soạn làm đại lễ khánh thành tất cả các ngôi chùa, bảo tháp từ kinh đô đến các tỉnh thành.*

Ngày đại lễ khánh thành chùa và bảo tháp trong kinh thành, cũng như các tỉnh thành trang hoàng đẹp đẽ như cõi trời. Đức vua cùng các quan, quân cũng như dân chúng ăn mặc trang điểm đẹp đẽ, trang nghiêm đi dự đại lễ khánh thành chùa và bảo tháp.

Đức vua ngự đến **ngôi chùa** *Asokārama* trung tâm chính tại kinh đô; kính thỉnh chư Tỳ khưu Tăng toàn cõi Nam thiện bộ châu đến dự đại lễ khánh thành và thọ lãnh 84.000 ngôi chùa cùng bảo tháp, có khoảng 800 triệu vị, trong số đó có 100.000 bậc Thánh A-ra-hán, chư Tỳ khưu ni Tăng đến tham dự khoảng 9.600.000 vị.

Chư bậc Thánh A-ra-hán suy tư rằng: *“Nếu đức vua Asoka được nhìn thấy rõ việc đại bố thí 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp, mà Đức vua đã truyền lệnh xây cất, nay làm đại lễ khánh thành dâng cúng đến chư Tỳ khưu Tăng, sẽ làm cho Đức vua vô cùng hoan hỉ, càng tăng thêm đức tin trong sạch nơi Tam bảo”*.

Trong đó, một vị thánh A-ra-hán liền hóa phép thần thông **“mở thế gian”** (*lokavivarana*), Đức vua nhìn thấy rõ khắp mọi nơi, không có gì cản ngăn, che án cả. Dầu Đức vua đang đứng tại ngôi chùa *Asokārama* trung tâm chính, mà có thể nhìn thấy rõ 4 hướng, toàn cõi Nam thiện bộ châu có biển làm biên giới, có thể thấy rõ 84.000 ngôi chùa và 84.000 ngôi bảo tháp tôn thờ Xá lợi

của Đức Thế Tôn, mà chính Đức vua đã truyền lệnh xây cất. Hôm nay, cùng một lúc làm đại lễ khánh thành dâng cúng đến chư Tỳ khuru Tăng và chư Tỳ khuru ni Tăng.

Thật vậy, đức vua Asoka thật vô cùng hoan hỉ hơn bao giờ hết. Do đó Đức vua suy tư rằng: *“Sự việc đại bố thí như thế này, không biết đã từng có ai làm phước đại bố thí như thế này chưa?”*. Vì vậy, đức vua Asoka bèn bạch hỏi chư Đại Đức Tăng rằng:

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng! Trong giáo pháp Đức Thế Tôn của chúng ta, có thí chủ nào làm phước đại thí như thế này không?

Chư Đại Đức Tăng kính thỉnh Đại Đức Moggaliputtatissatthera trả lời câu hỏi của đức vua Asoka.

Đại Đức Moggaliputtatissatthera đáp rằng:

- Thưa Đại vương, Trong Phật giáo, việc đại bố thí như thế này của Đại vương, đầu khi Đức Thế Tôn còn hiện tiền cho đến nay, chưa có một ai làm được như vậy. Chỉ có Đại vương là người đại thí chủ làm lễ đại bố thí lớn lao nhất từ trước đến nay mà thôi.

Đức vua Asoka lắng nghe câu trả lời của Đại Đức Moggaliputtatissatthera rồi, phát sanh hỷ lạc chưa từng có, suy tư rằng: *“Từ trước cho đến nay, chưa có người thí chủ nào làm phước đại bố thí như ta, ta là người đại thí chủ làm đại bố thí 4 thứ vật dụng lớn lao như thế này, chắc có lẽ ta là “Thân quyến kế thừa của Phật giáo” (Dāyādo sāsanaṃ) có phải không?”*. Đức vua Asoka bèn bạch hỏi Đại Đức Moggaliputtatissatthera rằng:

- Kính bạch Đại Đức, con đã làm đại bố thí 4 thứ vật dụng lớn lao như thế này, vậy con có phải là

“*Thân quyền kế thừa của Phật giáo*” hay không?

Đại Đức Moggaliputtatissatthera nghe đức vua Asoka bạch hỏi như vậy, Ngài suy xét về ba la mật của *thái tử Mahinda* và *Công chúa Samghamittā* con của đức vua Asoka như thế nào. Ngài thấy rõ, biết rõ nếu Thái tử Mahinda thọ Tỳ khuru sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, đặc biệt sẽ giúp cho Phật giáo phát triển tốt đẹp sau này. Cho nên Đại Đức Moggaliputtatissatthera đáp rằng:

- Thừa Đại vương, người trở thành ***thân quyền kế thừa (dāyāda)*** của Phật giáo, không phải do nhân đại bố thí. Dầu người đại thí chủ bố thí 4 thứ vật dụng nhiều đến bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ gọi là: *paccayadāyaka*: đại thí chủ bố thí 4 thứ vật dụng, hoặc gọi là: *upatthāka*: người hộ độ.

Thừa Đại vương, sự thật, người nào dầu bố thí 4 thứ vật dụng đến chur Tỳ khuru Tăng chất chồng từ mặt đất cao đến cõi trời, người ấy không thể gọi là thân ***quyền kế thừa của Phật giáo***.

Thân quyền kế thừa của Phật giáo

Sau đó Đức vua bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đại Đức, người được gọi là ***“Thân quyền kế thừa của Phật giáo”***, là người như thế nào? Bạch Ngài.

- Thừa Đại vương, ***người nào dầu nghèo hay giàu, cho phép con của mình bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khuru trong Phật giáo.***

Thừa Đại vương, chính người cha mẹ ấy được gọi là: ***“Thân quyền kế thừa của Phật giáo” (Dāyādo sāsana)***.

Đức vua Asoka lắng nghe lời dạy của Đại Đức

Moggaliputtatissatthera như vậy, nên Đức vua suy tư rằng: *“Ta đã làm phước bố thí lớn lao, từ trước cho đến nay chưa từng có một ai như ta, thế mà ta vẫn chưa được gọi là Thân quyến kế thừa của Phật giáo”*.

Đức vua mong muốn trở thành *“Thân quyến kế thừa của Phật giáo”*, đưa mắt nhìn Mahinda là Thái tử của Đức vua đứng không xa, Đức vua có ý định phong Thái tử làm phó vương, sự thật bậc Tỳ khuru ở địa vị cao thượng hơn phó vương, cho nên Đức vua truyền dạy thái tử Mahinda rằng:

- Nay hoàng nhi yêu quý, con có muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru hay không?

- Tâu phụ hoàng, Con muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru, kính xin phụ hoàng cho phép con được thọ Tỳ khuru trong Phật giáo. Về phần phụ hoàng, phụ hoàng cũng sẽ trở thành ***Thân quyến kế thừa của Phật giáo***.

Khi ấy Samghamittā là Công chúa của đức vua Asoka, đang đứng gần nơi ấy, Đức vua truyền dạy rằng:

- Nay Samghamittā con yêu quý, con có muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni hay không?

Công chúa Samghamittā đã từng tạo ba la mật nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, đến kiếp này là kiếp chót, nên khi Công chúa nghe Đức vua hỏi xong, nàng vô cùng hoan hỉ tâu rằng:

- Tâu phụ hoàng, con muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni, kính xin phụ hoàng cho phép con được thọ Tỳ khuru ni trong Phật giáo.

Đức vua Asoka vô cùng hoan hỉ khi được nghe thái tử Mahinda và Công chúa Samghamittā đều ưng thuận muốn xuất gia. Như vậy, Đức vua sẽ trở thành *“Thân quyến kế thừa của Phật giáo”* như ý.

Đức vua Asoka bạch với chư Đại Đức Tăng rằng:

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, kính xin quý Đại Đức từ bi cho phép 2 hoàng nhi của con được xuất gia trở thành Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, để cho con được trở thành ***Thân quyến kế thừa của Phật giáo***.

Do sự yêu cầu của Đức vua, nên 2 người con đã được thọ Tỳ khuru, Tỳ khuru ni trong Phật giáo.

Thái tử Mahinda tròn đúng 20 tuổi, chư Tỳ khuru Tăng cho thọ Tỳ khuru, do Đại Đức Moggaliputtatissatthera làm Thầy Tế độ, Đại Đức Mahādeva và Đại Đức Majjhantika làm Thầy dạy bảo. Trong lúc làm lễ thọ Tỳ khuru cho giới tử Mahinda, vị Đại Đức Luật sư đang tụng một lần ñatti (tuyên ngôn) và tụng 3 lần kammavācā (thành sự ngôn), giới tử Mahinda đang tiến hành thiền tuệ, cho đến khi vừa tụng xong, trở thành vị tân Tỳ khuru, đồng thời chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật giáo.

Công chúa Saṃghamittā khi ấy đúng 18 tuổi, xuất gia sikkhamāna, do Đại Đức Tỳ khuru ni Dhammapālī làm Thầy Tế độ và Đại Đức Tỳ khuru ni Āyupālī làm Thầy dạy bảo.

Đại Đức Mahinda sau khi xuất gia, theo học Tam tạng và Chú giải với vị Thầy Tế độ suốt 3 năm là hoàn tất. Về sau Đại Đức Mahinda trở thành vị Thầy dạy chư Tỳ khuru.

Đức vua Asoka hộ độ Tam Bảo

Đức vua Asoka thật sự trở thành ***Thân quyến kế thừa của Phật giáo***, nên vô cùng hoan hỷ. Mỗi ngày Đức vua xuất ra số tiền 500.000 kahāpana để cúng

dường đến Tam bảo, hộ độ 4 thứ vật dụng đến chư Tỳ khuru Tăng đầy đủ sung túc. Ngược lại, các nhóm tu sĩ ngoại đạo thiếu thốn, nên họ xâm nhập vào sống chung với chư Tỳ khuru, để có cuộc sống sung túc đầy đủ, nhưng vẫn cứ giữ nguyên tà kiến của mình.

Vì vậy, trong chùa Asokārama có số **chư Tỳ khuru thật** và số **chư Tỳ khuru giả** sống chung lẫn lộn với nhau, không thể hành tăng sự chung được. Tình trạng này kéo dài suốt 7 năm, sự kiện này được chư Tỳ khuru trình cho Đức vua biết.

Đức vua Asoka thanh lọc tỳ khuru

Đức vua Asoka có đức tin trong sạch nơi Đại Đức Moggali-puttatisatthera, Đức vua học chánh pháp với Đại Đức, hiểu rõ chánh kiến trong Phật giáo. Đức vua thỉnh mời tất cả chư Tỳ khuru thật lẫn giả đến vấn đạo, Đức vua làm giám khảo hỏi từng vị Tỳ khuru. Đức vua biết được Tỳ khuru có chánh kiến trong Phật giáo và Tỳ khuru tà kiến ngoại đạo.

Qua cuộc thanh lọc, Đức vua loại bỏ được 60.000 vị Tỳ khuru giả, bổ thí mỗi người 1 bộ đồ trắng cho hoàn tục trở thành người cư sĩ. Đức vua Asoka kính bạch chư Đại Đức Tăng rằng:

- Kính bạch chư Đại Đức Tăng, bây giờ chỉ còn Tỳ khuru thật, kính xin quý Ngài hành tăng sự.

Chư Tỳ khuru Tăng hội họp hành tăng sự “uposatha” gồm có 6 triệu Tỳ khuru thật, Đại Đức Moggaliputtatisatthera chọn 1.000 vị là bậc Thánh A-ra-hán, chứng đắc Tứ tuệ phân tích, Tam minh, Lục thông... thông thuộc Tam tạng và Chú giải để kết tập Tam tạng lần thứ ba.

Kết tập Tam tạng lần thứ ba

- *Thời gian kết tập Tam tạng và Chú giải lần thứ ba*: Phật lịch 235 năm sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

- *Địa điểm kết tập*: tại chùa Asokārama thuộc xứ Pāṭaliputta.

- *Chủ trì cuộc kết tập*: do Đại Đức Moggaliputtatissatthera làm chủ trì.

- *Chư Tăng hội kết tập*: gồm 1.000 chư bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc Tứ tuệ phân tích, Tam minh, Lục thông... thông thuộc Tam tạng và Chú giải.

- *Thời gian hoàn thành*: cuộc kết tập Tam tạng lần thứ ba kéo dài suốt 9 tháng.

- *Người hộ độ*: đức vua Asoka.

Trong kỳ ***kết tập Tam tạng lần thứ ba*** này, ***Đại Đức Moggaliputtatissatthera*** dùng 1.000 bài kinh để khai triển rộng bộ *Kathāvatthu*, mà trước kia Đức Phật đã thuyết trên cung Tam thập tam thiên một cách tóm tắt. Khi Đức Phật khai triển, Ngài biết rõ vị lai có vị đệ tử tên *Moggaliputtatissa* có khả năng đặc biệt tiếp tục khai triển rộng bộ *Kathāvatthu* này. Cho nên, Đại Đức Moggaliputtatissatthera đảm nhận công việc mà Đức Phật đã giao phó.

Kết quả kỳ kết tập Tam tạng lần thứ ba hoàn toàn y theo bản cũ của kỳ kết tập Tam tạng lần thứ hai tại Vesāli, Phật lịch 100 năm sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, và kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhất tại Rājagaha, Phật lịch năm thứ nhất (3 tháng 4 ngày sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn). Trong 3 kỳ kết tập Tam tạng này đều do khẩu truyền, chưa ghi bằng chữ viết.

Đức vua Asoka hộ độ truyền bá Phật giáo

Đức vua Asoka không những hộ độ chư Tỳ khuru Tăng phát triển Phật giáo trong nước, mà còn truyền bá Phật giáo sang các nước lân cận.

Phật lịch 236 năm sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, đức vua Asoka hộ độ phái đoàn gồm 5 Đại Đức: *Đại Đức Mahindatthera* là trưởng đoàn cùng với 4 Đại Đức: *Đại Đức Itṭiyatthera*, *Đại Đức Uttiyatthera*, *Đại Đức Sambalatthera*, *Đại Đức Bhaddasālātthera*... đi sang đảo quốc Srilankā, để truyền bá Phật giáo.

Vào thời ấy, Đức vua Devānampiyatissa trị vì xứ Srilankā, là bạn thân của đức vua Asoka. Đức vua Devānampiyatissa và các quan trong triều đình cùng toàn thể dân chúng đón rước cung thỉnh phái đoàn chư Đại Đức Tăng rất trọng thể, phát sanh đức tin trong sạch nơi Tam bảo. Các quan, các cận sự nam phát sanh đức tin nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, xin thọ Tỳ khuru rất đông, Phật giáo bắt đầu phát triển trên đảo quốc Srilankā.

Phật giáo phát triển trên đảo quốc Srilankā, không những chỉ có những người cận sự nam có ý nguyện muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru, mà còn có những người cận sự nữ cũng có ý nguyện muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni. Như Bà Anulādevī là Hoàng hậu của Đức vua Devānampiyatissa cùng với 500 cận sự nữ trong hoàng tộc đều có ý nguyện muốn thọ Tỳ khuru ni.

Đại Đức Mahinda cho người về tâu với đức vua Asoka, thỉnh mời phái đoàn Tỳ khuru ni do Đại Đức Tỳ khuru ni Saṃghamittattherī làm trưởng đoàn sang đảo quốc Srilankā, để làm lễ thọ Tỳ khuru ni cho Hoàng hậu

Anulādevī cùng 500 cận sự nữ trong hoàng tộc.

Đại Đức Tỳ khuru ni Saṃghamittā được tin sư huynh Mahinda, nên Ngài dẫn phái đoàn Tỳ khuru ni Tăng, cùng thỉnh **một cây Bồ Đề** sang đảo quốc Srilankā để trồng.

Đức vua Asoka tổ chức cuộc lễ tiễn **đưa cây Bồ Đề** rất long trọng. Và bên kia, Đức vua Devānampiyatissa làm lễ đón rước cây Bồ Đề cũng long trọng không kém. Cây Bồ Đề được phát triển và đồng thời Phật giáo cũng thịnh hành trên đảo quốc Srilankā.

Hoàng hậu Anulādevī cùng 500 cận sự nữ trong hoàng tộc và 1.000 nô tỳ làm lễ thọ Tỳ khuru ni. Trước tiên làm lễ thọ Tỳ khuru ni giữa chư Tỳ khuru ni Tăng do Đại Đức Tỳ khuru Ni Saṃghamittattherī làm Thầy Tế độ, và sau đó làm lễ giữa Tỳ khuru Tăng. Tất cả sau khi trở thành Tỳ khuru ni, tiến hành thiền định, thiền tuệ, không lâu đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến A-ra-hán Thánh Đạo, A-ra-hán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trên đảo quốc Srilankā, chư Tỳ khuru Tăng và chư Tỳ khuru Ni Tăng càng ngày càng đông, Phật giáo ngày càng thịnh hành và phát triển mạnh mẽ.

Phái đoàn chư Đại Đức Tăng đi sang vùng Suvaṇṇabhūmī

Đức vua Asoka hộ độ một phái đoàn chư Đại Đức Tăng do **Đại Đức Soṇatthera** và **Đại Đức**

Uttaratthera dẫn đầu sang vùng *Suvaṇṇabhūmi*⁽¹⁾, vùng đất vàng, để truyền bá Phật giáo.

Đức vua Asoka là người có công lớn hộ trì ngôi Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cả về mặt vật chất, 4 thứ vật dụng, và cả về mặt tinh thần, lo phụng sự làm phát triển Phật giáo. Cho phép 2 người con yêu quý là thái tử Mahinda và công chúa Saṃghamittā thọ Tỳ khưu, Tỳ khưu ni trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Đức vua Asoka không chỉ là một ***đại thí chủ*** chưa từng có từ trước đến nay, mà còn là một ***Thân quyền kế thừa của Phật giáo*** (*Dāyādo sāsanaṃ*) nữa.

¹ *Suvaṇṇabhūmi*, vùng đất vàng, nay là các nước Indonesia, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt, ...

ĐOẠN KẾT

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ NHẤT

Hệ phái *Theravāda* là hệ phái tuân theo tôn chỉ của chư Đại Trưởng Lão trong kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhất gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán, là những bậc đã chứng đắc Tứ tuệ phân tích, Lục thông..., thông thuộc Tam tạng và Chú giải, do Đại Trưởng Lão Mahākassapa chủ trì.

Kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhất được tổ chức vào thời kỳ sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn được 3 tháng 4 ngày, tại động Sattapanni gần thành Rājagaha xứ Māgadha.

Lễ kết tập Tam tạng lần này, Đại Trưởng Lão Mahākassapa đọc tuyên ngôn (*ñatti*) và thành sự ngôn (*kammavācā*) có đoạn quan trọng như sau:

Ngài Đại Trưởng Lão Mahākassapa đọc **tuyên ngôn** đoạn chót rằng:

“... *Yadi saṃghassa pattakallam, saṃgho appaṇṇattam nappaṇṇapeyya, paṇṇattam na samucchindeyya, yathā paṇṇattesu sikkhāpadesu sammādāya vatteyya. Esā ñatti*”...

“Nếu lời tuyên ngôn hợp thời đối với chư Tăng, xin chư Tăng không nên chế định điều nào mà Đức Phật không chế định; không nên xóa bỏ điều nào mà Đức Phật đã chế định. Chúng ta phải nên giữ gìn, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo những điều học mà Đức Phật đã chế định. Đó là lời tuyên ngôn cần phải biết”.

Tất cả chư Tăng 500 bậc Thánh A-ra-hán đều đồng tâm nhất trí tuân theo lời tuyên ngôn của Đại Đức Mahākassapa, cho nên đoạn cuối lời thành sự ngôn Ngài khẳng định lại một lần nữa rằng:

“... Saṃgho appaṇṇattam nappaṇṇapeti, paṇṇattam na samucchindati, yathā paṇṇattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī evametam dharayāmi”⁽¹⁾.

“... Chư Tăng không được chế định điều nào mà Đức Phật không chế định; không được xóa bỏ điều nào mà Đức Phật đã chế định. Chúng ta cần phải giữ gìn, duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo những điều học mà Đức Phật đã chế định. Sự hài lòng đối với chư Tăng. Cho nên tất cả chư Tăng đều làm thinh. Tôi ghi nhận sự hài lòng này bằng trạng thái làm thinh như vậy”.

Đại Trưởng Lão Mahākassapa tụng tuyên ngôn và thành sự ngôn xong, tất cả chư Tăng 500 bậc Thánh A-ra-hán đồng hoan hỉ theo lời dạy của Ngài; cuộc kết tập bắt đầu là Luật tạng, vì Luật tạng là nền tảng căn bản, là tuổi thọ của Phật giáo.

Chư Thánh A-ra-hán chứng minh rằng:

*“Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu.
Vinaye ṭhite, sāsanaṃ ṭhitam hoti”⁽²⁾.*

***“Luật tạng là tuổi thọ Phật giáo.
Khi Luật tạng được trường tồn,
Thì Phật giáo được trường tồn”.***

¹ Vinayapiṭaka, Cūlavaggapāli, phần Sangitiniḍāna.

² Vinayapiṭaka, Pārājikakaṇḍa Aṭṭhakathā, Nidānakathā.

Luật tạng được kết tập xong, kết tập đến Kinh tạng và Vi diệu pháp tạng. Cuộc kết tập Tam tạng ***lần thứ nhất trong suốt thời gian 7 tháng mới hoàn thành*** đầy đủ Tam tạng và bộ Chú giải, bằng cách khẩu truyền (*Mukhapāṭha*), chưa ghi chép bằng chữ viết.

Cuộc kết tập Tam tạng lần này do nhờ đức vua Ajātasattu trị vì xứ Māgadha hộ độ.

Giáo pháp của Đức Phật thuyết giảng từ khi chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác cho đến khi tịch diệt Niết Bàn suốt 45 năm được kết thành ***tạng*** (*piṭaka*), gồm 3 tạng:

- 1- ***Luật tạng*** (*Vinayapiṭaka*).
- 2- ***Kinh tạng*** (*Suttantapiṭaka*).
- 3- ***Vi diệu pháp tạng*** (*Abhidhammapiṭaka*).

* Kết tập thành ***bộ*** (*nikāya*) gồm 5 bộ:

- 1- ***Trường bộ kinh*** (*Dīghanikāya*).
- 2- ***Trung bộ kinh*** (*Majjhimanikāya*).
- 3- ***Đồng hợp bộ kinh*** (*Samyuttanikāya*).
- 4- ***Chi bộ kinh*** (*Aṅguttaranikāya*).
- 5- ***Tiểu bộ kinh*** (*Khuddakanikāya*).

* Kết tập thành ***chi*** (*aṅga*) gồm 9 chi:

1- ***Sutta***: gồm những bài kinh lần kệ và Luật tạng được ghép vào chi này.

2- ***Gaya***: gồm những bài kinh bằng những bài kệ.

3- ***Veyyākaraṇa***: gồm những bài kinh bằng văn xuôi và Vi Diệu pháp tạng được ghép vào chi này.

4- ***Gathā***: gồm những bài kệ (không có tên bài kinh).

5- ***Udāna***: gồm những bài kệ do cảm ứng tự thuyết.

6- *Itivuttaka*: gồm những bài kinh bắt đầu bằng: “*Vuttaṃ hetamaṃ Bhagavatā...*”.

7- *Jātaka*: Tiền thân của Đức Phật gồm có 547 tích truyện, bắt đầu tích *Apannakajātaka* đến tích cuối cùng *Vessantarajātaka*.

8- *Abbūtaḍḍhamma*: gồm những bài kinh có những pháp phi thường chưa từng có từ trước.

9- *Vedalla*: gồm những bài kinh vấn đáp bằng trí tuệ hợp với hỷ.

* Kết tập thành **pháp môn** (*Dhammakkhanda*) gồm 84.000 pháp môn.

- **Luật tạng** gồm có 21.000 pháp môn.

- **Kinh tạng** gồm có 21.000 pháp môn.

- **Vi diệu pháp** tạng gồm có 42.000 pháp môn.

Trong kinh *Mahāparinibbānasutta*⁽¹⁾ (kinh Đại Niết Bàn) Đức Phật gọi Đại Đức Ānanda khuyên dạy rằng:

- *Này Ānanda, đôi khi trong nhóm các con có ý nghĩ rằng: “Sau khi Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn rồi, Đức Tôn Sư của chúng ta không còn nữa (natthi no satthā)”. Các con chó nghĩ như vậy!*

Đức Phật dạy:

- *Yo vo Ānanda mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā...*

“*Này Ānanda “Dhammo”: Pháp nào Như Lai đã thuyết giảng, và “Vinayo”: Luật nào Như Lai đã chế định, ban hành đối với các con, chính Pháp và Luật ấy là Đức Tôn Sư của các con sau khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn...*”.

¹ *Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta.*

Trong Chú giải đoạn kinh này Đức Phật giải thích:

- “Vinayo”, Luật: đó là Luật tạng.
- “Dhammo”, Pháp: đó là Kinh tạng và Vi diệu pháp tạng.

Tam tạng gồm 84.000 pháp môn. Đức Thế Tôn giải thích rằng:

- *“Iti imāni caturāsiti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbayāmi.*

Ahañca kho pana dāni ekakova ovaḍāmi anusāsāmi, mayi parinibbute imāni caturāsiti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovaḍissanti anusāsissanti”.

“Như vậy, 84.000 pháp môn tồn tại, chỉ có một mình Như Lai tịch diệt Niết Bàn.

Và ngay bây giờ, chỉ có một mình Như Lai dạy dỗ, nhắc nhở chỉ bảo các con, khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, thì 84.000 pháp môn dạy dỗ, nhắc nhở chỉ bảo các con”.

Qua đoạn Chú giải trên, chứng tỏ, Chú giải là lời thuyết giảng, giải thích của chính Đức Phật gọi là Pakiṇṇakadesanā, hoặc lời giải thích của chư bậc Thánh A-ra-hán trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế và trong các thời kỳ kết tập Tam tạng và Chú giải.

Cho nên Đức Phật dạy:

- *So vo mamaccayena Satthā.*

“Luật và Pháp, hay 84.000 pháp môn ấy, là Tôn Sư của các con, sau khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn”.

Cuộc kết tập Tam tạng và Chú giải xong, chư Đại Đức phân chia phận sự giao phó cho các hàng đệ tử của mình học thuộc lòng mỗi tạng, hoặc có khả năng

học thuộc trọn bộ Tam tạng. Như Đại Đức Upāli có bốn phận dạy cho các đệ hàng tử học thuộc lòng tạng Luật... để duy trì giáo pháp của Đức Phật.

Giáo pháp của Đức Phật được giữ gìn duy trì đầy đủ Tam tạng và Chú giải, tất cả chư Tỳ khuru Tăng nghiêm chỉnh thực hành theo tôn chỉ của chư Đại Trưởng Lão suốt 100 năm, hoàn toàn trong sạch.

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ NHÌ

Giáo pháp của Đức Phật được giữ gìn duy trì đúng theo chánh pháp trải qua được 100 năm, thì có nhóm Tỳ khuru Vajjīputta xứ Vesālī đặt ra 10 điều không hợp với pháp luật của Đức Phật là:

1- *Kappati sīṅgilonakappo*: Tỳ khuru cất giữ muối trong ống bằng sừng với tác ý rằng để làm đồ gia vị thức ăn ngày hôm sau, cũng được.

2- *Kappati dvaṅgulakappo*: Tỳ khuru thọ thực quá ngọ mặt trời ngã qua hai lóng tay, cũng được.

3- *Kappati gāmantarakappo*: Tỳ khuru đã ngăn cản vật thực rồi tự nghĩ rằng: bây giờ ta đi vào xóm để dùng vật thực nữa mà không cần làm đúng theo Luật, cũng được.

4- *Kappati āvasakappa*: Trong cùng Mahāsīmā, có nhiều nhóm riêng rẽ hành uposathakamma, cũng được.

5- *Kappati anumatikappa*: Chư Tăng trong nhóm hành Tăng sự nghĩ rằng: sẽ cho phép Tỳ khuru đến sau, cũng được.

6- *Kappati ācinnakappa*: Tỳ khuru hành theo pháp mà Thầy Tổ của mình thường thực hành, cũng được.

7- *Kappati amathitakappa*: Tỳ khuru đã ngăn cản vật thực rồi, dùng sữa tươi đã biến chất, chưa biến thành sữa chua, cũng được.

8- *Kappati jaḷogim pātum*: Tỳ khuru uống rượu nhẹ chưa thành chất say, cũng được.

9- *Kappati adasakam nisīdanam*: Tỳ khuru dùng tọa cụ không có đường lai, cũng được.

10- *Kappati jātārūparajataṃ*: Tỳ khuru thọ nhận vàng bạc, cũng được.

Đó là 10 điều do nhóm Tỳ khuru Vajjīputta đề xướng không đúng theo chánh pháp của Đức Phật.

Ngài Đại Trưởng Lão Yassa Kākaṇḍakaputta (*Mahāyassa*), nghe tin nhóm Tỳ khuru Vajji xứ Vesālī đặt ra 10 điều như vậy, Ngài liền đến tận nơi hội họp chư Tỳ khuru Tăng giải thích để cho họ hiểu rõ đó là 10 điều sai lầm, không hợp với luật pháp của Đức Phật.

Đây cũng là nguyên nhân khiến Đại Trưởng Lão Yassa Kākaṇḍakaputta triệu tập kỳ kết tập tam tạng **lần thứ nhì** tại ngôi chùa Vālikārama, gần thành Vesālī khoảng 100 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhì này gồm có 700 bậc Thánh A-ra-hán có đầy đủ Tứ tuệ phân tích, Lục thông, thông thuộc Tam tạng, Chú giải... do Ngài Yassa Kākaṇḍakaputta làm chủ trì, Đại Trưởng Lão Sabbakāmi giải đáp... Công cuộc kết tập thực hiện trong suốt thời gian 8 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam tạng và Chú

giải, hoàn toàn y theo bốn chánh của kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhất.

Kỳ kết tập Tam tạng lần này cũng bằng khẩu truyền (*mukhapāṭha*, chưa ghi chép bằng chữ viết), được đức vua Kālāsoka xứ Vesālī hộ độ.

Giáo pháp của Đức Phật một lần nữa được giữ gìn duy trì đúng theo chánh pháp, tất cả chư Tỳ khuru thực hành nghiêm chỉnh giới luật làm cho những người chưa có đức tin nơi Tam bảo, lại phát sanh đức tin; những người nào đã có đức tin trong sạch nơi Tam bảo rồi, lại càng tăng thêm.

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ BA

Sau kỳ kết tập Tam tạng lần thứ nhì, Phật giáo càng ngày càng phát triển, chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni càng đông, cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo càng nhiều, làm phước hộ độ cúng dường tứ vật dụng đến chư Tỳ khuru rất đầy đủ. Nhất là vào thời kỳ đức vua Dhammāsoka là bậc minh quân, trị vì toàn cõi Nam thiện bộ châu, có đức tin trong sạch trong Phật giáo, hộ độ cúng dường tứ vật dụng đến chư Tỳ khuru rất đầy đủ, sung túc; ngược lại các nhóm tu sĩ ngoại đạo thì đời sống thiếu thốn khổ cực. Do đó, một số tu sĩ ngoại đạo xâm nhập vào sống chung với chư Tỳ khuru, về mặt hình thức thì giống Tỳ khuru, nhưng về mặt nội tâm vẫn giữ nguyên tà kiến cố hữu của mình không hề thay đổi.

Vì vậy Tỳ khuru thật chánh kiến và Tỳ khuru giả tà kiến sống chung không thể hành Tăng sự được, tình

trạng này kéo dài suốt 7 năm. Chư Tỳ khuru trình sự việc này lên đức vua Dhammāsoka (Asoka) và nhờ uy quyền của Đức vua để thanh lọc Tỳ khuru giả ngoại đạo tà kiến.

Đức vua Asoka là đấng minh quân và cũng là một cận sự nam có đức tin trong sạch hộ độ Tam bảo, Đức vua học giáo pháp của Đức Phật với Đại Trưởng Lão Moggaliputtatissa, nên hiểu rõ chánh kiến trong Phật giáo và các tà kiến của ngoại đạo. Đức vua thỉnh tất cả Tỳ khuru thật và Tỳ khuru giả xét hỏi từng vị một; qua cuộc xét hỏi này đã loại bỏ được 60.000 Tỳ khuru giả có tà kiến ngoại đạo, Đức vua bố thí mỗi người một bộ đồ trắng, bắt buộc hoàn tục, trở thành người cư sĩ; còn lại tất cả Tỳ khuru thật có chánh kiến trong Phật giáo đoàn kết cùng nhau hành tăng sự trở lại.

Nhân dịp này, Đại Trưởng Lão Moggaliputtatissa đứng ra triệu tập kỳ kết tập tam tạng lần thứ ba.

Kỳ kết tập Tam tạng lần thứ ba này tổ chức tại chùa Asokārāma xứ Pāṭaliputta, khoảng thời gian 235 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Kỳ tập Tam tạng lần thứ ba này gồm có 1.000 bậc Thánh A-ra-hán đắc Tứ tuệ phân tích, Lục thông, thông thuộc Tam tạng, Chú giải... do Ngài Moggaliputtatissa làm chủ trì, công cuộc kết tập thực hiện trong suốt thời gian 9 tháng mới hoàn thành trọn bộ Tam tạng và Chú giải hoàn toàn giống như bốn chánh của hai kỳ kết tập trước.

Kỳ kết tập Tam tạng lần này cũng bằng khẩu truyền (*Mukhapāṭha, chưa ghi chép bằng chữ viết*) được đức vua Asoka xứ Pāṭaliputta hộ độ.

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ TƯ

Đức vua Asoka không những hộ độ giúp Phật giáo được phát triển trong nước, mà còn gởi các phái đoàn chư Tăng sang các nước láng giềng khác để truyền bá Phật giáo, như phái đoàn chư Tăng do Đại Đức Mahinda dẫn đầu sang truyền bá Phật giáo ở đảo quốc Srilankā.

Trên đất nước Srilankā Phật giáo được thịnh hành và phát triển tốt, từ Đức vua cho đến quan quân và dân chúng đều có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, đã xuất gia trở thành Tỷ khuru và Tỷ khuru ni rất đông.

Một thời đất nước Srilankā gặp phải cuộc phiến loạn, dân chúng gặp cảnh thiếu thốn, nên đời sống của chư Tỷ khuru cũng chịu ảnh hưởng, có số Tỷ khuru sức khỏe yếu kém, nên phân sự ôn lại Tam tạng và Chú giải thuộc lòng rất vất vả. Khi cuộc phiến loạn đã dẹp xong, chư Đại Đức suy xét về sau này, trí nhớ và trí tuệ con người càng ngày càng kém dần. Cho nên, chư Tỷ khuru học thuộc lòng Tam tạng, Chú giải để giữ gìn duy trì cho được đầy đủ không phải là việc dễ dàng.

Một hôm, Đức vua Vattagāmanī ngự đến chùa Mahāvihāra, nhân lúc ấy, chư Đại Trưởng Lão thưa Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, từ xưa đến nay, chư Đại Đức Tăng có phân sự học thuộc lòng Tam tạng, Chú giải để giữ gìn duy trì giáo pháp của Đức Phật. Trong tương lai, đàn hậu tấn là những Đại Đức khó mà học thuộc lòng Tam tạng, Chú giải một cách đầy đủ đầy đủ được. Như vậy, giáo pháp của Đức Thế Tôn sẽ bị tiêu hoại mau chóng theo thời gian.

Thưa Đại vương, muốn giữ gìn duy trì Tam tạng, Chú giải được đầy đủ, vậy nên tổ chức kỳ kết tập Tam tạng, Chú giải ghi chép bằng chữ viết trên lá buông, để lưu lại đời sau.

Đức vua Vaṭṭagāmanī hoan hỉ với lời của chư Đại Trưởng Lão, nên thỉnh quý Ngài kết tập Tam tạng.

Kỳ kết tập Tam tạng lần thứ tư được tổ chức tại động Ālokalena vùng Matulajanapada xứ Srilankā, khoảng thời gian 450 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn. Chư Đại Đức Tăng tham dự kết tập gồm 1.000 bậc Thánh A-ra-hán đắc Tứ tuệ phân tích, do Đại Trưởng Lão Mahādhammarakkhita làm chủ trì, công cuộc kết tập kéo dài suốt một năm, mới hoàn tất việc ghi chép trọn bộ Tam tạng, Chú giải bằng chữ viết trên lá buông. Sau đó, chư bậc Thánh A-ra-hán kết tập tam tạng bằng cách khẩu truyền một lần nữa, hoàn toàn y theo bốn chánh của ba kỳ kết tập Tam tạng lần trước. Đây là lần kết tập Tam tạng đầu tiên ghi chép bằng chữ viết trên lá buông đầy đủ bộ Tam tạng, Chú giải, gọi là: “*Potthakaropanasāṅgīti*”, do Đức vua Vaṭṭagāmanī Abhaya hộ độ.

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ NĂM

Dưới thời vua Asoka có gởi phái đoàn chư Tăng do Đại Đức Soṇa và Đại Đức Uttara sang vùng Suvaṇṇabhūmi gồm các nước: Indonesia, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào... để truyền bá Phật giáo. Phật giáo ở các nước trong vùng này trải qua bao cuộc thăng trầm tùy theo vận mệnh của mỗi nước.

Đất nước Myanmar vào thời đại Vua Mindon đóng đô tại kinh thành Mandalay, Đức vua là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, nhiệt tâm hộ trì Tam bảo, nghĩ rằng: *“Phật giáo thường liên quan đến sự tồn vong của quốc gia, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, kẻ thù thường đốt kinh sách Phật giáo”*.

Đức vua muốn bảo tồn giáo pháp của Đức Phật, nên thỉnh chư Đại Trưởng Lão tổ chức cuộc kết tập Tam tạng, khắc chữ trên những tấm bia đá, để giữ gìn duy trì Tam tạng pháp bảo được lâu dài. Chư Đại Trưởng Lão vô cùng hoan hỷ chấp thuận theo lời thỉnh cầu của Đức vua, tổ chức kỳ kết tập Tam tạng lần thứ năm tại kinh thành Mandalay xứ Myanmar Phật lịch 2404.

Kỳ kết tập Tam tạng lần này gồm 2.400 vị Đại Đức là những bậc uyên bác Tam tạng và Chú giải, do Đại Trưởng Lão Bhaddanta Jāgara làm chủ trì; ngoài ra còn có những Đại Đức xuất sắc như Bhaddanta Narindabhidhaja,... bắt đầu khởi công khắc Tam tạng trên bia đá Phật lịch năm 2404 cho đến

Phật lịch 2415, trải qua suốt 11 năm ròng rã, mới hoàn thành xong bộ Tam tạng trên 729 tấm bia đá:

- **Luật tạng** gồm có 111 tấm.
- **Kinh tạng** gồm có 410 tấm.
- **Vi diệu pháp** tạng gồm có 208 tấm.

Sau khi khắc bộ Tam tạng bằng chữ trên những tấm bia đá xong, Chư Đại Trưởng Lão tổ chức cuộc kết tập Tam tạng bằng khẩu truyền suốt 6 tháng mới hoàn thành xong bộ Tam tạng y theo bốn chánh của bốn kỳ kết tập Tam tạng trước. Gọi là: *“Selakkharāropanasaṅgīti”*.

Kỳ kết tập Tam tạng này do Đức vua Mindon xứ Myanmar hộ độ. Lần đầu tiên toàn bộ Tam tạng được ghi khắc trên bia đá, những tấm bia đá này hiện nay vẫn còn nguyên vẹn ở kinh thành Mandalay xứ Myanmar. Các nhà in kinh sách Phật giáo đều y cứ vào những tấm bia đá này làm nền tảng căn bản.

Về sau có đạo sĩ “Khanti” đứng ra tổ chức khắc toàn bộ Chú giải trên những tấm bia đá, hiện nay vẫn còn nguyên vẹn tại Mandalay.

KẾT TẬP TAM TẠNG LẦN THỨ SÁU

Phật giáo đã trải qua thời gian khá lâu, Tam tạng, Chú giải, Tīkā... đã in ra thành sách, việc sao đi chép lại, in đi in lại nhiều lần, khó mà tránh khỏi sự sai sót. Do đó, các bộ Tam tạng, Chú giải... của mỗi nước có chỗ sai chữ dẫn đến sai nghĩa, làm cho pháp học Phật giáo không hoàn toàn giống y nguyên bốn chánh.

Chính phủ Myanmar thành lập hội Phật giáo có tên “*Buddhasāsanasamiti*” vào Phật lịch 2497 để lo tổ chức kỳ kết tập Tam tạng lần thứ sáu, tại động nhân tạo Lokasāma (Kaba Aye) thủ đô Yangon, Myanmar, thỉnh tất cả mọi bộ Tam tạng, Chú giải hiện có trên các nước Phật giáo để làm tài liệu đối chiếu từng chữ, từng câu của mỗi bản.

Kỳ kết tập Tam tạng lần thứ sáu này gồm 2.500 vị Đại Đức thông hiểu Tam tạng, Chú giải... rành rẽ về ngữ pháp Pāli, chia thành nhiều ban đối chiếu sửa chữa lại cho đúng. Công việc bắt đầu từ ngày rằm tháng tư Phật lịch năm 2498 cho đến ngày rằm tháng tư Phật lịch năm 2500, ròng rã suốt 2 năm mới hoàn

thành xong bộ Tam tạng, Chú giải, Tīkā... Sau đó, chính phủ Myanmar thỉnh chư Đại Đức kết tập Tam tạng bằng khẩu, do Ngài Đại Trưởng Lão Revata chủ trì, Đại Trưởng Lão Shobhana vấn, Đại Trưởng Lão Vicittasārābhivamsa thông thuộc Tam tạng trả lời theo Tam tạng, Chú giải.

Trong buổi lễ này, Chính phủ Myanmar, đứng đầu là Thủ tướng U Nu, tổ chức khánh thành kết tập Tam tạng rất long trọng, có mời Nguyên thủ quốc gia của các nước Phật giáo cùng phái đoàn chư Tăng, cāin sự nam, cān sự nữ gồm có 25 nước trên thế giới đến tham dự, để đánh dấu lịch sử Phật giáo đã trải qua một nửa tuổi thọ, 2.500 năm, dưới sự bảo trợ hộ độ của Chính phủ Myanmar và Phật tử trong nước và ngoài nước.

Bộ Tam tạng, Chú giải được kết tập lần thứ sáu này được xem là mẫu mực cho các nước Phật giáo hệ phái Theravāda.

Phật giáo là gì?

Phật giáo dịch từ chữ Buddhasāsana: nghĩa là: lời giáo huấn của Đức Phật, bằng ngôn ngữ Pāli, có ba loại:

- *Pariyatti sāsana*: pháp học Phật giáo.
- *Paṭipatti sāsana*: pháp hành Phật giáo.
- *Paṭivedha sāsana*: pháp thành Phật giáo.

* Pháp học Phật giáo: đó là học thuộc lòng, thông hiểu Tipiṭaka, Aṭṭhakathā, Tīkā... bằng ngôn ngữ Pāli, là ngôn ngữ mà Đức Phật dùng để giáo huấn. Vì vậy, ngôn ngữ riêng của mỗi nước Phật giáo chỉ giúp để hiểu ý nghĩa đúng theo ngôn ngữ Pāli ấy, để thực hành cho đúng.

* **Pháp hành Phật giáo** có rất nhiều pháp, tóm lại có ba pháp hành chính là:

- **Hành giới:** đó là tác ý (*cetanā*) giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi điều bất thiện, cố gắng hành thiện. Do nhờ hành giới, có thể **diệt từng thời những phiền não loại thô** (*vitikkamakilesa*) không thể phát hiện ra thân và khẩu, làm nền tảng cho định phát sanh.

- **Hành định:** đó là tiến hành thiền định để cho tâm an trú trong một đề mục nhất định, có thể đưa đến sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới, thiền vô sắc giới, thọ hưởng sự an lạc của bậc thiền ấy. Do nhờ hành định nên có thể **chế ngự được các phiền não loại trung** (*pariyutthānakilesa*) không để cho phát sanh trong tâm, làm nền tảng cho tuệ phát sanh.

- **Hành tuệ:** đó là tiến hành thiền tuệ để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp; sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, nên hiện rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, đưa đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn. Do nhờ pháp hành tuệ có thể **diệt đoạn tuyệt được phiền não loại vi tế** (*anussayakilesa*).

* **Pháp thành Phật giáo:** là kết quả của pháp hành. Đó là 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, gọi là 9 Siêu tam giới pháp.

Trong ba loại Phật giáo này, pháp học Phật giáo là gốc, là nhân chính làm nền tảng căn bản để cho pháp hành và pháp thành Phật giáo có khả năng phát triển. Nếu không có pháp học Phật giáo, nghĩa là pháp học mà không hiểu đúng theo ý nghĩa lời giáo huấn của Đức Phật, thì

pháp hành và pháp thành cũng không thể có được.

Phật giáo đến nay đã trải qua 2.546 năm kể từ khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, các nước Phật giáo hệ phái Theravāda vẫn trung thành theo tôn chỉ lời giáo huấn của Đại Trưởng Lão Mahākassapa trong kỳ kết tập tam tạng lần thứ nhất, cố gắng giữ gìn duy trì Tam tạng, Chú giải y nguyên theo bốn chánh, do nhờ chư Tỳ khuru, Sa di theo học các lớp Tipiṭaka, Aṭṭhakathā, Tīkā... bằng ngôn ngữ Pāli, để giữ gìn chánh pháp. Chư Đại Trưởng Lão vẫn giữ gìn được truyền thống và mọi cách hành tăng sự bằng ngôn ngữ Pāli, y theo Luật tạng làm nền tảng căn bản. Do đó, Tỳ khuru của mỗi nước tuy khác nhau về ngôn ngữ riêng của mình, nhưng khi hành tăng sự thì giống nhau, và những nghi lễ tụng kinh Parittapāli cũng hầu hết giống nhau, có thể hòa đồng tụng chung với nhau được.

Những người tại gia, cận sự nam, cận sự nữ của mỗi nước vẫn còn giữ được truyền thống nghi lễ thọ Tam quy, ngũ giới, bát giới... tụng kinh bằng ngôn ngữ Pāli. Cho nên ngôn ngữ Pāli trở thành ngôn ngữ chung cho các hàng xuất gia và tại gia trong các nước Phật giáo thuộc hệ phái Theravāda.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamratṭhasmiṃ.

Cầu mong Chánh pháp được trường tồn trên thế gian.

Cầu mong Chánh pháp được trường tồn trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Tổ Đình Bửu Long, Phật lịch 2546

Tỳ khuru Hộ Pháp

PHẦN PHỤ LỤC

Chú Thích Những Từ Có Nghĩa Rộng Trong Tích Công Chúa Sumedhā

I- ĐỨC VUA MANDHĀTURĀJĀ⁽¹⁾

Tóm lược tích tiền thân của Đức Phật là Đức vua Mandhāturājā.

Đức vua Mandhātu là một vị Chuyển luân thánh vương ở thời kỳ tuổi thọ con người 1 a tăng kỳ⁽²⁾ năm, lên ngôi trị vì 4 châu lớn thiên hạ, gồm có 2.000 châu nhỏ, có nhiều thần thông. Khi cần thất bảo, lấy bàn tay phải vỗ bàn tay trái, thất bảo từ hư không rơi xuống như mưa. Dầu vậy, cũng không thể làm hài lòng tâm tham muốn trong ngũ trần của Đức vua.

Một hôm, Đức vua cảm thấy ngũ trần cõi người chưa đủ, muốn biết còn có cảnh giới nào có ngũ trần sung túc hơn. Một vị quan tâu rằng:

- Tâu Hoàng Thượng, cõi Tứ đại thiên vương có ngũ trần sung túc hơn cõi người.

Đức vua Mandhātu dùng xe báu dẫn đầu chở các quan, quân tùy tùng lên cõi Tứ đại thiên vương. Tứ đại thiên vương cung kính đón rước rồi dâng ngai vàng đến Đức vua Mandhātu. Đức vua Mandhātu lên ngôi một thời gian lâu cũng cảm thấy ngũ trần chưa đủ, muốn biết còn có cảnh giới nào có ngũ trần sung túc hơn. Tứ đại thiên vương tâu rằng:

- Tâu Hoàng Thượng, cõi Tam thập tam thiên có

¹ Bộ Jātaka, câu chuyện Mandhāturājajātaka.

² A tăng kỳ: tính theo số lượng, gồm số 1 đứng trước và theo sau là 140 số không (0); viết tắt: 10¹⁴⁰.

ngũ trần sung túc hơn cõi Tứ đại thiên vương này.

Thế là, Đức vua Mandhātu lại ngự lên cõi Tam thập tam thiên. Đức vua trời Sakka cõi trời này cung kính đón rước, rồi dâng đến Đức vua Mandhātu một nửa giang sơn cõi Tam thập tam thiên. Đức vua Mandhātu làm vua cõi Tam thập tam thiên thời gian trải qua 36 đời vua trời Sakka băng hà, (mỗi Đức vua trời Sakka có tuổi thọ cõi trời là 1.000 năm, so với cõi người có 36 triệu năm. Như vậy, 36×36 triệu năm = 1.296 triệu năm), mà Đức vua Mandhātu vẫn còn sống. Đức vua Mandhātu phát sanh tâm tham, muốn truất phế Đức vua trời Sakka, để một mình làm vua cai trị toàn thể cõi Tam thập tam thiên. Đức vua Mandhātu không thể truất phế đức vua trời Sakka được. Tâm tham muốn đã thiêu đốt làm cho tuổi thọ suy thoái, đức vua Mandhātu có sắc thân là con người, vì vậy không thể băng hà trên cõi trời, nên rơi xuống cõi người tại vườn Thượng uyển.

Người giữ vườn đi trình cho các quan trong triều đình và hoàng tộc được rõ. Các quan đến châu, đem long sàng cho Đức vua Mandhātu yên nghỉ, Đức vua phán rằng:

- Các người loan báo cho tất cả dân chúng rằng: Đức vua Mandhātu Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu lớn thiên hạ, gồm 2.000 châu nhỏ; còn làm vua trị vì cõi trời Tứ đại thiên vương suốt thời gian lâu dài, và làm vua trị vì một nửa cõi Tam thập tam thiên thời gian trải qua 36 đời vua trời Sakka. Thế mà, lòng tham muốn trong ngũ trần chưa đủ đã phải băng hà.

Đức vua Mandhātu phán như vậy xong thì băng hà. Đức vua Mandhātu là tiền thân của Đức Phật Gotama.

II- CÂU CHUYỆN NƯỚC MẮT

Trong kinh *Assusutta*⁽¹⁾, Đức Phật có dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, vòng tử sanh luân hồi này từ vô thủy đến vô chung, không thể biết được. Đối với chúng sinh có vô minh che ám, có tham ái trói buộc, dắt dẫn trong vòng tử sanh luân hồi không thể thấy rõ được sự bắt đầu.*

Các con nghĩ gì về điều này, trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, nước mắt của các con đã chảy vì gặp phải chuyện không hài lòng, vì xa lìa người hay vật hài lòng, trong suốt thời gian lâu dài như thế ấy, so với nước bốn biển đại dương, phần nước nào nhiều hơn?

Chư Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con được nghe, được hiểu biết theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn thuyết giảng rằng: “Trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, phần nước mắt của chúng con đã chảy vì gặp phải chuyện không hài lòng, vì xa lìa người hay vật hài lòng, trong suốt thời gian lâu dài như thế, nhiều hơn phần nước bốn biển đại dương. Phần nước bốn biển đại dương không nhiều hơn nước mắt của chúng con”. Bạch Ngài.*

Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, đúng vậy, các con đã hiểu biết rõ lời giáo huấn của Như Lai...*

Này chư Tỳ khuru, sự thật như vậy! Cũng đủ để cho các con nhàm chán ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này; cũng đủ để cho các con diệt tâm tham ái; cũng đủ để cho các con mong muốn giải thoát khổ tử sanh luân hồi...

¹ Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga, kinh Assasutta.

III- CÂU CHUYỆN SỮA

Trong kinh *Khirasutta*⁽¹⁾, Đức Phật có dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, vòng tử sanh luân hồi này từ vô thủy, vô chung không thể biết được. Đối với chúng sinh có vô minh che án, có tham ái trói buộc, dắt dẫn trong vòng tử sanh luân hồi không thể thấy rõ được sự bắt đầu.*

Các con nghĩ gì về điều này, trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, dòng sữa mẹ đã nuôi dưỡng con trong suốt thời gian lâu dài như thế ấy, so với nước bốn biển đại dương, phần nước nào nhiều hơn?

Chư Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con được nghe, được hiểu biết theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn thuyết giảng rằng: “Trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, phần sữa mẹ đã nuôi dưỡng chúng con trong suốt thời gian lâu dài như thế, nhiều hơn phần nước bốn biển đại dương. Phần nước bốn biển đại dương không nhiều hơn phần sữa mẹ đã nuôi dưỡng chúng con”. Bạch Ngài.*

Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, đúng vậy, các con đã hiểu biết rõ lời giáo huấn của Như Lai...*

Này chư Tỳ khuru, sự thật như vậy! Cũng đủ để cho các con nhàm chán ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này; cũng đủ để cho các con diệt tâm tham ái; cũng đủ để cho các con mong muốn giải thoát khổ tử sanh luân hồi...

¹ Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga, kinh Khirasutta.

IV- BỘ XƯƠNG

Trong kinh *Puggalasutta*⁽¹⁾, Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, vòng tử sanh luân hồi này từ vô thủy đến vô chung, không thể biết được. Đối với chúng sinh có vô minh che án, có tham ái trói buộc, dắt dẫn trong vòng tử sanh luân hồi không thể thấy rõ được sự bắt đầu.*

Các con nghĩ gì về điều này, trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, khi mỗi chúng sinh sanh rồi tử, tử rồi lại sanh chỉ suốt trong một đại kiếp. Nếu có thể gom những bộ xương ấy lại chồng chất lên thì cao bằng ngọn núi cao Vepulla này...

V- MẸ VÀ MẸ CỦA MẸ (Bà Ngoại)

Trong kinh *Tinakaṭṭhasutta*⁽²⁾, Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, vòng tử sanh luân hồi này từ vô thủy đến vô chung, không thể biết được. Đối với chúng sinh có vô minh che án, có tham ái trói buộc, dắt dẫn trong vòng tử sanh luân hồi không thể thấy rõ được sự bắt đầu.*

Các con nghĩ gì về điều này, này chư Tỳ khuru, ví như, một người đàn ông chặt cỏ, cây, cành trong toàn cõi Nam thiên bộ châu này, gom lại thành một đống. Chặt, chẻ ra thành mỗi que dài 4 lóng tay. Lấy 1 que đặt xuống chế định rằng, đây là mẹ tôi; lấy que thứ 2 chế định đây là mẹ của mẹ tôi (bà ngoại tôi); theo tuần tự “mẹ của mẹ” như vậy. Tính ngược chiều thời gian về

¹ Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga, kinh Puggalasutta,

² Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga, kinh Tinakaṭṭhasutta.

quá khứ “mẹ của mẹ” chưa đến chỗ cùng, mà cỏ, cây, cành trong toàn cõi Nam thiện bộ châu này đã hết sạch. Điều ấy tại sao vậy? Bởi vì, trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, khi mỗi chúng sinh sanh rồi tử, tử rồi lại sanh không thể biết được...

Này chư Tỳ khuru, sự thật như vậy! Cũng đủ để cho các con nhàm chán ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này; cũng đủ để cho các con diệt tâm tham ái; cũng đủ để cho các con mong muốn giải thoát khổ tử sanh luân hồi...

VI- CHA VÀ CHA CỦA CHA (Ông Nội)

Trong kinh *Paṭhavisutta*⁽¹⁾, Đức Phật dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru, vòng tử sanh luân hồi này từ vô thủy đến vô chung, không thể biết được. Đối với chúng sinh có vô minh che ám, có tham ái trói buộc, dắt dẫn trong vòng tử sanh luân hồi không thể thấy rõ được sự bắt đầu.

Các con nghĩ gì về điều này,

Này chư Tỳ khuru, ví như, một người lấy đất trên địa cầu này, viên thành viên nhỏ đặt xuống chế định rằng: đây là cha tôi, viên thứ 2 chế định, đây là cha của cha tôi (ông nội tôi); theo tuần tự “cha của cha” như vậy. Tính ngược chiều thời gian về quá khứ “cha của cha” chưa đến chỗ cùng, mà đất của địa cầu đã hết. Điều ấy tại sao vậy? Bởi vì trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, khi mỗi chúng sinh sanh rồi tử, tử rồi lại sanh không sao biết được...

Này chư Tỳ khuru, sự thật như vậy! Cũng đủ để cho các con nhàm chán ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này; cũng đủ để cho các con diệt tâm tham ái; cũng đủ để cho các con mong muốn giải thoát khổ tử sanh luân hồi...

¹ Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga.

VII- CON RÙA MÙ

Trong kinh *Chiggalasutta*⁽¹⁾, Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, ví như mặt đất này bị nước tràn ngập sâu như biển. Một người ném một tấm ván xuống mặt nước biển, tấm ván có một lỗ nhỏ vừa đầu con rùa chui vào; hễ gió hướng đông, tấm ván trôi về hướng tây; gió hướng tây, tấm ván trôi về hướng đông; gió hướng nam, tấm ván trôi về hướng bắc; gió hướng bắc, tấm ván trôi về hướng nam... Có con rùa mù ở dưới đáy biển sâu ấy, cứ trải qua 100 năm, ngoi đầu lên một lần.*

Các con nghĩ thế nào, con rùa mù kia, cứ trải qua 100 năm, nổi lên một lần chui đầu ngay vào cái lỗ của tấm ván ấy có được dễ dàng không?

Chư Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con rùa mù kia, phải trải qua 100 năm nổi lên một lần, chui đầu ngay vào cái lỗ nhỏ của tấm ván, thật là một điều quá khó!*

Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, được tái sanh làm người là điều khó hơn thế nữa. Đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là điều quá khó hơn nữa.*

Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng được phát triển trên thế gian này là điều vô cùng khó hơn thế nữa.

Nay các con đã được sanh làm người rồi !

¹ Samyuttanikāya, bộ Nidānavagga, kinh Chiggalasutta.

Đức Chánh Đăng Giác cũng xuất hiện trên thế gian này rồi !

Chánh pháp của Như Lai đã thuyết giảng đang phát triển trên thế gian này rồi !

Này chư Tỳ khưu, vì vậy, các con hãy nên tinh tấn không ngừng tiến hành thiền tuệ, hầu mong chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế: Khổ thánh đế, Nhân sanh Khổ thánh đế, Diệt khổ thánh đế và Pháp hành Bát chánh đạo đưa đến sự chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt Khổ thánh đế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vinayapiṭaka và Aṭṭhakathā, Ṭīkā.
- Suttantapiṭaka và Aṭṭhakathā, Ṭīkā.
- Padarūpasiddhi của Ngài Bhaddanta
Buddhappiṇṇācariyatthera.
- Upasampadakkammavācā của Ngài Mahāsi
sayadaw.
- Mahābuddhavaṃsa của Ngài Vicittasārābhi-
vaṃsa sayadaw.
- v.v...

GUƠNG BẠC XUẤT GIA

Tỳ khuru Hộ Pháp

Chịu trách nhiệm xuất bản:

THIỆU QUANG THẮNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập:

ĐỖ THỊ QUỲNH

Sửa bản in:

Tỳ khuru HỘ PHÁP

Trình bày và vi tính:

RAKKHITASĪLA Antevāsika

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An – Hà Nội

Số điện thoại: 08048106, FAX (84).08048240

In 2.000 bản, khổ 13,5x20,5cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 8555812. Email: xn-inngminhhoang@hcm.vnn.vn. Số xuất bản: 24-759/XB-QLXB ngày 10/7/2002. In xong và nộp lưu chuyển Quý III năm 2002.

*“Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu
Vinaye ṭhite, sāsanaṃ ṭhitaṃ hoti”.*

*‘Luật tạng là tuổi thọ Phật giáo.
Khi Luật tạng được trường tồn,
Thì Phật giáo được trường tồn’*